

TỜ TRÌNH

**Về việc thông qua Nghị quyết điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Gia Lai
thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 10/12/2025;

Căn cứ Nghị định số 70/2026/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Quyết định số 894/QĐ-UBND ngày 12 tháng 3 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai Phê duyệt Đề cương lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Gia Lai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Trên cơ sở đề xuất của Sở Tài chính, UBND tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Gia Lai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (*sau đây viết tắt quy hoạch tỉnh*), với các nội dung chính như sau:

1. Căn cứ pháp lý

Căn cứ điểm h khoản 3 Điều 9 Luật Quy hoạch quy định: “*h) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, thông qua quy hoạch trước khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt; ...*”

Do đó, việc ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua điều chỉnh Quy hoạch tỉnh là cần thiết và đúng quy định.

2. Quá trình triển khai điều chỉnh Quy hoạch tỉnh

Nội dung điều chỉnh Quy hoạch tỉnh đã được Ban Thường vụ Tỉnh ủy cơ bản thống nhất thông qua tại Kết luận số 182-KL/TU ngày 27/5/2026; UBND tỉnh đã tổ chức rà soát, hoàn thiện nội dung, triển khai lấy ý kiến các Bộ, ngành Trung ương, UBND các tỉnh Đắk Lắk và tỉnh Quảng Ngãi, Đoàn Đại biểu Quốc hội, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các Sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị, tổ chức liên quan; đăng tải lấy ý kiến của cộng đồng dân cư trên Cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh.

Ngày 19/6/2026, Ủy ban nhân dân tỉnh đã tổ chức Hội nghị thẩm định điều chỉnh Quy hoạch tỉnh; theo đó, 100% thành viên Hội đồng thẩm định thống nhất thông qua với điều kiện có chỉnh sửa, bổ sung đối với Hồ sơ Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh và Báo cáo thẩm định Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh.

Trên cơ sở ý kiến của thành viên Hội đồng thẩm định, Sở Tài chính và đơn vị tư vấn phối hợp với các Sở, ban, ngành, đơn vị liên quan gấp rút hoàn thiện dự thảo Hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh và dự thảo Báo cáo thẩm định điều chỉnh Quy hoạch tỉnh. Hội đồng thẩm định đánh giá hồ sơ Quy hoạch tỉnh đã cơ bản đảm bảo quy định của Luật Quy hoạch.

3. Về nội dung chính của Nghị quyết

Nghị quyết gồm 03 Điều, cụ thể:

Điều 1. Thông qua Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Gia Lai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, ban hành Nghị quyết thông qua Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh để làm cơ sở phê duyệt và tổ chức thực hiện theo quy định./

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban KT-NS, HĐND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- CVP, PVPXD;
- Lưu VT, C5, X5.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tự Công Hoàng

Số: /NQ-HĐND

Gia Lai, ngày tháng 7 năm 2026

NGHỊ QUYẾT
**Thông qua điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Gia Lai thời kỳ 2021-2030,
tầm nhìn đến năm 2050**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI
KHÓA XIII, KỲ HỌP THỨ....**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 252/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 1664/NQ-UBTVQH ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Gia Lai năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 70/2026/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Quyết định số 614/QĐ-TTg ngày 04 tháng 4 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch vùng duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1750/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tỉnh Gia Lai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1619/QĐ-TTg ngày 14 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tỉnh Bình Định thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Báo cáo thẩm định số 115/BC-HĐTD ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng thẩm định điều chỉnh Quy hoạch tỉnh tỉnh Gia Lai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Xét Tờ trình số 942/TTr-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Gia Lai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Báo cáo thẩm tra số

.../BC-KTNS ngày tháng 7 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Gia Lai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

(Đính kèm nội dung của điều chỉnh Quy hoạch tỉnh)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh hoàn thiện hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Gia Lai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 trước khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo thẩm quyền.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, Hội đồng nhân dân các cấp và các cơ quan có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao giám sát việc thực hiện nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai Khóa XIII, Kỳ họp thứ (chuyên đề) thông qua ngày tháng 7 năm 2026 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các xã, phường;
- Báo Gia Lai Phát thanh, truyền hình Gia Lai;
- Lưu: VT, VP.

CHỦ TỊCH

Rah Lan Chung

PHỤ LỤC

NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH TỈNH GIA LAI THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

*(Kèm theo Nghị quyết số .../NQ-HĐND ngày ... tháng ... năm 2026 của
Hội đồng nhân dân tỉnh)*

I. PHẠM VI, RANH GIỚI QUY HOẠCH

Phạm vi quy hoạch gồm toàn bộ địa giới hành chính tỉnh Gia Lai có tổng diện tích tự nhiên là 21.576,53 km² và phần diện tích biển có ranh giới ngoài cách đường mép nước biển thấp nhất trung bình nhiều năm một khoảng cách 06 hải lý do Bộ Nông nghiệp và Môi trường xác định và công bố; tỉnh Gia Lai có 135 đơn vị hành chính cấp xã; phía Đông giáp Biển Đông, phía Tây giáp Vương quốc Campuchia, phía Nam giáp tỉnh Đắk Lắk, phía Bắc giáp tỉnh Quảng Ngãi.

II. QUAN ĐIỂM, TẦM NHÌN, MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VÀ CÁC ĐỘT PHÁ

1. Quan điểm phát triển

a. Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Gia Lai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 phải phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và Quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, phát huy mạnh mẽ, hiệu quả tiềm năng, thế mạnh của tỉnh để phát triển nhanh và bền vững, trực tiếp phục vụ mục tiêu tăng trưởng hai con số giai đoạn 2026 – 2030 và những năm tiếp theo.

b. Xây dựng mô hình tăng trưởng kinh tế mới hiện đại, bền vững, lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh làm động lực chủ yếu. Lấy việc nâng cao chất lượng cuộc sống nhân dân làm mục tiêu cao nhất và là động lực phát triển; đảm bảo hài hòa giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa – xã hội; mọi người dân đều được tiếp cận, thụ hưởng thành quả phát triển, không ai bị bỏ lại phía sau.

c. Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, ưu tiên phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng chiến lược đồng bộ, hiện đại, đặc biệt là hạ tầng số và hạ tầng giao thông liên vùng, cảng biển, sân bay, hạ tầng năng lượng và đô thị thông minh. Sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên, nhất là tài nguyên đất, tài nguyên nước, tài nguyên rừng, tài nguyên biển và các loại khoáng sản; phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn; bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và nâng cao chất lượng đa dạng sinh học; chủ động phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm phát thải khí nhà kính.

d. Tổ chức hợp lý không gian phát triển nhằm phát huy lợi thế so sánh của từng khu vực, ưu tiên cao cho các vùng động lực (các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu đô thị), hỗ trợ và khuyến khích phát triển mạnh mẽ kinh tế khu vực biên giới, khu vực nông nghiệp có giá trị hàng hóa lớn, lâm nghiệp và kinh tế biển. Tăng cường liên kết với các tỉnh vùng Duyên hải Nam Trung bộ và Tây Nguyên để mở

rộng không gian phát triển theo hướng kết nối liên vùng: đô thị - công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp; cao nguyên – đồng bằng – biển, đảo.

đ. Kết hợp chặt chẽ, hài hòa giữa phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường với đảm bảo quốc phòng, an ninh, góp phần bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền biên giới, biển, đảo quốc gia; đảm bảo an ninh, an toàn cuộc sống và sản xuất của người dân, doanh nghiệp cả trên đất liền và trên biển, đảo; thúc đẩy hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, linh hoạt, hiệu quả với trọng tâm là hội nhập kinh tế quốc tế, tận dụng nguồn lực quốc tế phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

2. Mục tiêu phát triển đến năm 2030

a. Mục tiêu tổng quát

Đến năm 2030, tỉnh Gia Lai phát triển nhanh, bền vững, giàu bản sắc, trở thành trung tâm công nghiệp chế biến, chế tạo, năng lượng tái tạo, nông nghiệp công nghệ cao, dịch vụ, du lịch biển – cao nguyên độc đáo và hấp dẫn, chip bán dẫn, trí tuệ nhân tạo (AI) của vùng và cả nước; phấn đấu đưa Gia Lai trở thành tỉnh phát triển khá và cùng với cả nước vững vàng bước vào kỷ nguyên phát triển mới với hệ thống kết cấu hạ tầng được cải thiện rõ rệt theo hướng đồng bộ, hiện đại; đời sống kinh tế - văn hóa, xã hội của nhân dân được nâng lên; quốc phòng, an ninh được đảm bảo vững chắc.

b. Mục tiêu cụ thể

- Các chỉ tiêu kinh tế

+ Tốc độ tăng trưởng GRDP giai đoạn 2026–2030 đạt khoảng 10,5%/năm, trong đó khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng khoảng 5%/năm; khu vực công nghiệp - xây dựng tăng khoảng 13%/năm; khu vực dịch vụ tăng khoảng 10,5%/năm.

+ Đến năm 2030, GRDP bình quân đầu người (giá hiện hành) đạt khoảng 5.900 – 6.000 USD.

+ Đến năm 2030, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm khoảng 19,2%, khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm khoảng 38,6%, khu vực dịch vụ chiếm khoảng 39% và thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm khoảng 3,2%.

+ Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đến năm 2030 đạt trên 41.000 tỷ đồng.

+ Tổng kim ngạch xuất khẩu giai đoạn 2026-2030 đạt trên 17 tỷ USD.

+ Vốn đầu tư phát triển toàn xã hội giai đoạn 2026-2030 khoảng 41% GRDP/năm, chỉ số ICOR trung bình khoảng 5,5.

+ Đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng đạt từ 55% trở lên.

+ Kinh tế số đạt khoảng 30% GRDP, kinh tế biển đạt 20%.

+ Đến năm 2030, phấn đấu đón 18,5 triệu lượt khách du lịch; trong đó có 1,1 triệu lượt khách quốc tế. Đến năm 2030, có 20 doanh nghiệp/ngày dân.

- Các chỉ tiêu xã hội

+ Tỷ lệ đô thị hóa đạt trên 45%. Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2025 - 2030 của tỉnh tối thiểu bằng mức bình quân chung của cả nước theo mục tiêu thực hiện Chương trình giai đoạn 2025 - 2030 của Trung ương.

+ Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 75,2%. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt khoảng 30%. Tỷ lệ trường được công nhận đạt chuẩn quốc gia đạt ít nhất 80,5%.

+ Duy trì 100% trạm y tế có bác sĩ; 100% số xã, phường đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã. Mỗi người dân được khám kiểm tra sức khỏe định kỳ miễn phí ít nhất 1 lần/năm.

+ Giảm tỷ lệ hộ nghèo thấp hơn mức bình quân chung cả nước.

+ Tỷ lệ người lao động tham gia bảo hiểm xã hội so với lực lượng lao động đạt trên 35,6%. Tỷ lệ người tham gia bảo hiểm y tế so với dân số đạt trên 98%.

+ Tốc độ tăng trưởng dân số duy trì mức bình quân chung cả nước. Giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi còn dưới 16,9%; đến năm 2030, phân đầu đạt 10,5 bác sĩ/vạn dân và 36,4 giường bệnh/vạn dân.

+ Phân đầu chỉ số phát triển con người (HDI) của tỉnh đạt 0,8.

+ Số lượng căn hộ nhà ở xã hội hoàn thành trên 11.800 căn.

- Các chỉ tiêu về môi trường

+ Tỷ lệ che phủ rừng duy trì trên 46,5%. Tỷ lệ hộ dân nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt khoảng 99,8%, trong đó tỷ lệ sử dụng nước sạch từ công trình cấp nước tập trung đạt tối thiểu 67,5%. Tỷ lệ dân số đô thị được sử dụng nước sạch đạt trên 91,3%.

+ Tỷ lệ chất thải rắn đô thị được thu gom, xử lý đạt 95%; chất thải rắn sinh hoạt nông thôn đạt 80%. Duy trì 100% chất thải công nghiệp, chất thải y tế và khoảng 98% chất thải nguy hại được thu gom, xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường.

3. Tầm nhìn đến năm 2050

Đến năm 2050, Gia Lai là một tỉnh giàu có và đáng sống của vùng Duyên hải Nam Trung bộ và Tây Nguyên, có các đô thị hiện đại, thông minh, giàu bản sắc; nông thôn sinh thái với vùng nguyên liệu lớn; là một trong những trung tâm kinh tế biển lớn của cả nước và “Cao nguyên Sinh thái, Thể thao và Sức khỏe”, hiệu quả và năng suất cao; trở thành trung tâm khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, nơi ứng dụng trí tuệ nhân tạo quan trọng của Việt Nam; trung tâm du lịch lớn của cả nước, trung tâm kết nối vùng Duyên hải Nam Trung bộ và Tây Nguyên với các nước Tiểu vùng sông Mekong trên hành lang kinh tế Đông - Tây. Tỉnh có hệ thống kết cấu hạ tầng và logistics đồng bộ, hiện đại, thông minh. Các giá trị văn hóa truyền thống được bảo tồn, gìn giữ, phát huy hiệu quả, đóng góp đáng kể vào phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; đời sống mọi mặt của nhân dân được nâng cao, người dân được tiếp cận đầy đủ các dịch vụ, tiện ích xã hội. Quốc phòng, an ninh, bao gồm cả trên biển và vùng biên giới đất liền được đảm bảo vững chắc.

4. Các nhiệm vụ trọng tâm, đột phá phát triển

a. Các nhiệm vụ trọng tâm

- Tháo gỡ các điểm nghẽn, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, thu hút 2-3 nhà đầu tư chiến lược lớn.
- Phát triển mạnh hệ thống hạ tầng kinh tế, nhất là hạ tầng giao thông kết nối nội tỉnh, kết nối vùng, khu vực và quốc tế, đặc biệt là kết nối khu vực ven biển với khu vực cao nguyên; hạ tầng kinh tế số, thủy lợi, sản xuất và truyền tải điện.
- Tập trung ưu tiên xây dựng khu công nghiệp, khu công nghệ cao; nâng cấp khu kinh tế hiện đại, sinh thái, gắn với dịch vụ và đô thị để thực sự trở thành những động lực tăng trưởng kinh tế mạnh của tỉnh.
- Định hình vùng nguyên liệu nông nghiệp lớn hiệu quả cao, bền vững dựa trên thế mạnh đặc thù của khu vực cao nguyên Tây Gia Lai.
- Nâng cấp toàn diện ngành du lịch để thực sự trở thành ngành kinh tế mũi nhọn dựa trên lợi thế biển, sinh thái núi rừng, di sản văn hóa Tây Nguyên, võ cổ truyền Bình Định, các di tích lịch sử, cách mạng...
- Nghiên cứu xây dựng các mô hình kinh tế mới của tỉnh: kinh tế đầm phá, kinh tế bạc, kinh tế đêm, kinh tế biên giới...
- Nâng cao chất lượng nhân lực và phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo trở thành động lực tăng trưởng; thúc đẩy khởi nghiệp, theo đó ưu tiên các ngành, lĩnh vực thích ứng yêu cầu của cuộc cách mạng lần thứ tư.
- Phát triển mạnh công nghiệp văn hóa.
- Xây dựng mô hình kết hợp kinh tế - quốc phòng phù hợp với đặc thù của tỉnh.

b. Các khâu đột phá

- Đột phá trong xây dựng và hoàn thiện thể chế, cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh, đổi mới mạnh mẽ tư duy phát triển; đổi mới mô hình quản trị từ quản lý sang chính quyền kiến tạo và phục vụ người dân, doanh nghiệp.
- Tạo sự đột phá trong đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi gắn với vùng nguyên liệu lớn, hạ tầng cảng - logistic, hạ tầng công nghiệp - thương mại - dịch vụ, hạ tầng số, các công trình phòng chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu.
- Đẩy mạnh phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; coi đây là động lực mới quan trọng thúc đẩy sự phát triển của tỉnh. Thu hút các nhà đầu tư có tiềm lực tài chính mạnh, khoa học công nghệ tiên tiến đầu tư vào các lĩnh vực có lợi thế của tỉnh.
- Đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ cho chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao và chuyển đổi số, chuyển đổi xanh.

III. PHƯƠNG HƯỚNG TỔ CHỨC KHÔNG GIAN PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

1. Phương hướng tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội

Cấu trúc không gian lãnh thổ của Tỉnh được định hình dựa trên mô hình phát triển đột phá: **"Ba trục hành lang động lực - Hai khu kinh tế - Ba khu vực động lực - Bốn vùng kinh tế"**.

a) Ba trục hành lang động lực:

- Trục hành lang động lực Đông – Tây: là tuyến liên kết giữa hai đầu mối hội nhập quan trọng của tỉnh là Khu kinh tế Nhơn Hội ở phía Đông và Khu kinh tế biên mậu Lệ Thanh ở phía Tây. Hành lang này tạo điều kiện chuyển hóa lợi thế tài nguyên, nông sản, lâm sản, năng lượng, du lịch sinh thái và văn hóa cao nguyên thành các sản phẩm có giá trị gia tăng cao thông qua chế biến, logistics, thương mại, cảng biển và xuất khẩu. Trên trục này, Quy Nhơn mở rộng và Khu kinh tế Nhơn Hội giữ vai trò cửa ngõ biển, trung tâm dịch vụ, cảng biển, logistics, du lịch và công nghiệp công nghệ cao. An Khê là đô thị trung gian, cửa ngõ chuyển tiếp giữa duyên hải và cao nguyên, đồng thời là điểm liên kết di sản, sinh thái và sản xuất. Pleiku mở rộng giữ vai trò trung tâm đô thị cao nguyên, thương mại dịch vụ, giáo dục, y tế, logistics nội tỉnh và công nghiệp chế biến. Khu kinh tế biên mậu Lệ Thanh là đầu mối giao thương quốc tế phía Tây, kết nối với Campuchia, Nam Lào, Đông Bắc Thái Lan và không gian ASEAN lục địa.

- Trục hành lang kinh tế biển phía Đông: được tổ chức dọc theo cao tốc Bắc – Nam, đường sắt tốc độ cao Bắc – Nam, Quốc lộ 1, tuyến đường sắt hiện hữu, đường ven biển ĐT.639 và các trục kết nối ngang ra biển, sân bay, cảng biển và khu kinh tế. Đây là trục động lực quan trọng để khai thác toàn diện không gian kinh tế biển của tỉnh, kết nối Đô thị Hoài Nhơn, Đô thị Phù Mỹ, sân bay Phù Cát, Khu kinh tế Nhơn Hội và Đô thị Quy Nhơn mở rộng.

- Trục hành lang phía Tây: được tổ chức trên cơ sở Quốc lộ 14, Quốc lộ 25, vùng sông Ba, sân bay Pleiku và trong tương lai là cao tốc phía Tây, tuyến đường sắt phía Tây. Trục này kết nối Đô thị Pleiku mở rộng với Phú Thiện, Ia Pa, Ayun Pa, Phú Túc và các tỉnh phía Nam như Đắk Lắk, Lâm Đồng; đồng thời liên kết với Đắk Lắk và Khánh Hòa thông qua Quốc lộ 25 và các tuyến kết nối Đông – Nam. Vai trò chiến lược của trục phía Tây là bảo đảm chiều sâu kinh tế nội địa của Gia Lai, khai thác hiệu quả các vùng tài nguyên nông nghiệp, sinh thái, văn hóa và dân cư cao nguyên; đồng thời tạo sự cân bằng giữa phát triển đô thị, công nghiệp chế biến, nông nghiệp công nghệ cao, dịch vụ, du lịch và bảo tồn bản sắc.

b) Hai khu kinh tế

- Khu kinh tế Nhơn Hội: là khu kinh tế ven biển giữ vai trò hạt nhân động lực của không gian phía Đông tỉnh Gia Lai. Khu kinh tế này gắn với Đô thị Quy Nhơn mở rộng, bán đảo Phương Mai, đầm Thị Nại, khu bến Nhơn Hội, cảng Quy Nhơn, sân bay Phù Cát, các khu công nghiệp, khu đô thị, khu du lịch và hệ thống dịch vụ ven biển. Định hướng phát triển Khu kinh tế Nhơn Hội là trở thành trung tâm tổng hợp về kinh tế biển, công nghiệp công nghệ cao, logistics, đô thị biển, du lịch nghỉ dưỡng, dịch vụ cao cấp và đổi mới sáng tạo. Trong cấu trúc tổng thể, Khu kinh tế Nhơn Hội là “đầu kéo phía Đông”, kết nối trực tiếp với trục ven biển và trục Đông – Tây, tạo đầu ra cho hàng hóa của toàn tỉnh và vùng Tây Nguyên, đồng thời là cửa ngõ hội nhập quốc tế qua cảng biển, sân bay và chuỗi dịch vụ đô thị – logistics.

Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh: là hạt nhân phát triển của không gian phía Tây, gắn với khu vực Đức Cơ – Ia Dom – Ia Dok – Ia Krêl và hành lang Quy Nhơn – Pleiku – Lệ Thanh. Đây là cửa ngõ giao thương quan trọng giữa Gia Lai với Campuchia, Nam Lào và không gian ASEAN lục địa. Định hướng phát triển Khu kinh tế biên mậu Lệ Thanh là hình thành trung tâm thương mại cửa khẩu, logistics biên giới, kho bãi, khu phi thuế quan, dịch vụ xuất nhập khẩu, trung chuyển nông sản – hàng hóa và giao thương quốc tế. Khu kinh tế này là điểm đầu phía Tây của hành lang Đông – Tây, kết nối về Pleiku, Chư Sê, An Khê, Quy Nhơn và cảng biển phía Đông, góp phần mở rộng không gian giao thương xuyên biên giới của tỉnh.

c) Ba khu vực động lực

- Khu vực động lực phía Đông: Quy Nhơn mở rộng – Khu kinh tế Nhơn Hội – sân bay Phù Cát – TOD Diêu Trì: là khu vực động lực tổng hợp quan trọng nhất của tỉnh, hội tụ các hạ tầng cấp vùng và quốc gia gồm cảng Quy Nhơn, khu bến Nhơn Hội, Khu kinh tế Nhơn Hội, sân bay Phù Cát, Quốc lộ 1, Quốc lộ 19, Quốc lộ 19B, cao tốc Bắc – Nam, cao tốc Quy Nhơn – Pleiku, đường ven biển ĐT.639, đường sắt hiện hữu và định hướng ga đường sắt tốc độ cao TOD Diêu Trì tại Tuy Phước Tây. Sự kết hợp giữa cảng biển, sân bay, khu kinh tế, TOD và đô thị biển tạo điều kiện để khu vực này phát triển thành trung tâm tích hợp cảng – sân bay – logistics – công nghiệp – đô thị – du lịch – dịch vụ cấp vùng. Đây là không gian có khả năng thu hút các ngành có giá trị gia tăng cao như công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp phụ trợ, logistics, dịch vụ cảng biển, dịch vụ hàng không, MICE, thương mại, tài chính, du lịch nghỉ dưỡng, kinh tế đêm và các hoạt động đổi mới sáng tạo.

- Khu vực động lực phía Bắc ven biển: Khu vực Hoài Nhơn – Phù Mỹ – Đề Gi – TOD Bồng Sơn là cực tăng trưởng mới của không gian phía Bắc tỉnh. Khu vực này gắn với cao tốc Bắc – Nam, Quốc lộ 1, đường sắt hiện hữu, đường sắt tốc độ cao Bắc – Nam, tuyến đường ven biển ĐT.639, định hướng TOD Bồng Sơn tại Hoài Nhơn Nam, cảng Phù Mỹ, cảng Hoài Nhơn, các khu vực ven biển Tam Quan, Mỹ Thành, Đề Gi, Trà Ổ và chuỗi đô thị Hoài Nhơn – Phù Mỹ. Đây là khu vực có điều kiện hình thành một trung tâm công nghiệp ven biển, khu kinh tế tự do, khu thương mại tự do, logistics cảng biển, đô thị biển, năng lượng tái tạo và du lịch đầm phá – nghỉ dưỡng. Cảng Phù Mỹ tại khu vực Hoài Nhơn và Phù Mỹ có vai trò mở thêm cửa ra biển cho công nghiệp, hàng hóa và nông sản của tỉnh, hỗ trợ giảm tải cho cụm cảng Quy Nhơn, đồng thời tạo điều kiện phát triển các khu công nghiệp, khu dịch vụ hậu cần, kho bãi, chế biến và xuất nhập khẩu.

- Khu vực động lực phía Tây: Khu vực Pleiku mở rộng – Khu kinh tế biên mậu Lệ Thanh – Chư Sê – Đak Đoa là cực động lực phía Tây của tỉnh, gắn với Quốc lộ 14, Quốc lộ 19, sân bay Pleiku, cao tốc Quy Nhơn – Pleiku – Lệ Thanh trong tương lai, các tuyến kết nối cửa khẩu và vùng nguyên liệu lớn trên cao nguyên. Đây là khu vực hội tụ các chức năng đô thị cao nguyên, trung tâm hành chính – thương mại – dịch vụ, logistics nội tỉnh, kinh tế cửa khẩu, công nghiệp chế biến nông – lâm sản, du lịch sinh thái – văn hóa và dịch vụ hỗ trợ sản xuất.

d) Bốn vùng kinh tế

- Vùng 1: Phát triển kinh tế tổng hợp ven biển - Đô thị hạt nhân - Công nghiệp công nghệ cao - Logistics sân bay - Dịch vụ giáo dục và y tế: là không gian động

lực phía Đông của tỉnh, hình thành trên cơ sở kết hợp dải ven biển, chuỗi đô thị biển, khu kinh tế, cảng biển, sân bay, các khu công nghiệp và hệ thống dịch vụ chất lượng cao. Vùng có lợi thế tổng hợp về cảng Quy Nhơn, Khu kinh tế Nhơn Hội, sân bay Phù Cát, Quốc lộ 1A, Quốc lộ 19B, đường ven biển ĐT.639, cao tốc Bắc - Nam và đường sắt; đồng thời bao gồm các khu vực Vân Canh - Canh Vinh kết nối trực tiếp với hành lang Quy Nhơn - Pleiku. Đây là vùng có mật độ đô thị, công nghiệp, dịch vụ, du lịch và hạ tầng đối ngoại tập trung cao nhất của tỉnh.

- Vùng 2: Đô thị - Du lịch sinh thái - Văn hóa - Thương mại dịch vụ - Kinh tế cửa khẩu: là không gian đô thị cao nguyên và cửa khẩu phía Tây, gần với Pleiku, Biển Hồ - Chư Păh, Chư Prông - Đúc Cơ - Ia Grai, Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh và các trục Quốc lộ 19, Quốc lộ 14, cao tốc Quy Nhơn - Pleiku - Lệ Thanh trong tương lai. Vùng có vai trò trung tâm dịch vụ cao nguyên, đầu mối giao thương biên giới, logistics cửa khẩu, du lịch sinh thái - văn hóa và là nơi kết nối các vùng sản xuất phía Tây với cảng biển phía Đông.

- Vùng 3: Nông nghiệp - Sinh thái - Di sản - Du lịch về nguồn - Dự trữ carbon: là không gian nông nghiệp - sinh thái - di sản và du lịch về nguồn, trải dài theo khu vực Đông Bắc cao nguyên và vùng trung du tiếp giáp Đông Trường Sơn, bao gồm các khu vực Mang Yang, Kbang, Đak Pơ, An Khê, Vĩnh Thạnh, An Lão, Hoài Ân và các vùng phụ cận. Vùng có giá trị lớn về rừng đầu nguồn, đa dạng sinh học, cảnh quan núi rừng, di sản văn hóa - lịch sử và các tuyến du lịch về nguồn, giữ vai trò vùng đệm sinh thái, bảo vệ nguồn nước, phòng chống thiên tai và dự trữ carbon của tỉnh.

- Vùng 4: Nông nghiệp công nghệ cao - Chăn nuôi gia súc - Du lịch nông nghiệp - Di sản văn hóa dân tộc: là không gian nông nghiệp công nghệ cao, chăn nuôi gia súc, du lịch nông nghiệp và di sản văn hóa dân tộc, tập trung ở khu vực phía Nam, Đông Nam và một phần không gian biên giới - cao nguyên có lợi thế về đất đai, đồng cỏ, vùng nguyên liệu, cây công nghiệp, cây ăn quả, dược liệu và văn hóa cộng đồng. Vùng có vai trò sản xuất nông nghiệp hàng hóa, chăn nuôi gia súc, chế biến nông sản, phát triển năng lượng tái tạo quy mô phù hợp và tổ chức các sản phẩm du lịch nông nghiệp - văn hóa đặc trưng.

đ) Các khu vực lãnh thổ cần bảo tồn, khu vực hạn chế phát triển

Khu vực lãnh thổ cần bảo tồn: Là các khu vực có giá trị đặc biệt về đa dạng sinh học, rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, nguồn nước, di sản thiên nhiên, di tích lịch sử - văn hóa, cảnh quan sinh thái hoặc khu vực bảo vệ nghiêm ngặt theo phân vùng môi trường. Các khu vực này cần ưu tiên bảo vệ, phục hồi, kiểm soát sức chứa và hạn chế các hoạt động xây dựng, sản xuất, khai thác có nguy cơ làm suy giảm tài nguyên.

Khu vực hạn chế phát triển: Là các khu vực nhạy cảm về môi trường hoặc có vai trò vùng đệm, hành lang bảo vệ, vùng hạn chế phát thải, vùng đất ngập nước, vùng ven biển - đảo - đầm phá nhạy cảm, khu vực dễ bị tổn thương bởi thiên tai, xói lở, sạt lở, ô nhiễm hoặc chịu áp lực đô thị hóa. Các khu vực này không cấm phát triển tuyệt đối nhưng phải kiểm soát chặt loại hình, quy mô, mật độ, công nghệ, hạ tầng môi trường và tác động tích lũy.

2. Phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh

a) Phương hướng phát triển công nghiệp - xây dựng:

Phát triển công nghiệp – xây dựng theo hướng nhanh, bền vững, nâng cao giá trị gia tăng và sử dụng hiệu quả các nguồn lực địa phương, tạo đà cho phát triển công nghiệp công nghệ cao đến năm 2050. Phát triển gắn với mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển bền vững, cơ cấu công nghiệp – xây dựng chuyển dịch theo hướng tích cực, giảm dần khai khoáng, đẩy mạnh công nghiệp chế biến, chế tạo và năng lượng, đồng thời phát triển xây dựng để hoàn thiện hạ tầng.

Tập trung phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo, trở thành trụ cột của nền kinh tế; phát triển dựa trên lợi thế về lao động, nông nghiệp và khai thác khu kinh tế, khu công nghiệp ven biển và trên Quốc lộ 19 - Quy Nhơn - An Khê - Pleiku; tạo đột phá về phát triển công nghiệp năng lượng tái tạo và công nghiệp xanh, hình thành Trung tâm năng lượng tái tạo của vùng; hỗ trợ chuyển đổi xanh; phát triển công nghiệp bán dẫn, trí tuệ nhân tạo (AI) gắn với hình thành Trung tâm đổi mới sáng tạo cấp vùng.

Đến năm 2030, Gia Lai phấn đấu trở thành trung tâm công nghiệp chế biến nông – lâm sản và năng lượng sạch của vùng, từng bước hình thành chuỗi liên kết công nghiệp – dịch vụ – đô thị vùng. Ngành công nghiệp chuyển dịch theo hướng hiện đại, trong đó công nghiệp chế biến, chế tạo và năng lượng tái tạo giữ vai trò chủ đạo, chiếm trên 70% tổng giá trị sản xuất công nghiệp. Các ngành công nghiệp vật liệu, dược phẩm, cơ khí – điện tử được khuyến khích phát triển nhằm hỗ trợ cho công nghiệp chế biến, chế tạo, luyện kim. Từng bước giảm tỷ trọng các ngành khai khoáng và vật liệu truyền thống, hướng tới mô hình phát triển xanh và kinh tế tuần hoàn.

Tập trung phát triển xây dựng theo hướng đồng bộ, hiện đại, ưu tiên đầu tư hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng đô thị thông minh và các khu, cụm công nghiệp bền vững, tạo động lực lan tỏa cho phát triển kinh tế - xã hội toàn tỉnh.

b) Phương hướng phát triển thương mại - dịch vụ

Phát triển ngành thương mại theo hướng hiện đại, đồng bộ, số hóa, đổi mới sáng tạo và bền vững, giữ vai trò kết nối giữa sản xuất với tiêu dùng, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh. Phát triển hệ thống phân phối đa tầng, kết hợp hài hòa giữa thương mại truyền thống và hiện đại; mở rộng thị trường khu vực nông thôn, miền núi và vùng khó khăn gắn với thúc đẩy tiêu dùng bền vững, nâng cao chất lượng đời sống nhân dân.

Đẩy mạnh phát triển thương mại điện tử, logistics và thanh toán không dùng tiền mặt; ưu tiên hoàn thiện hạ tầng số, tăng cường ứng dụng công nghệ, phát triển thương mại điện tử xanh và thương mại điện tử xuyên biên giới. Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã xây dựng thương hiệu, phát triển sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP và đặc sản địa phương, tham gia sâu vào chuỗi cung ứng và mở rộng thị trường tiêu thụ.

Phát triển xuất nhập khẩu theo hướng hiện đại, hiệu quả và hội nhập quốc tế; nâng cao giá trị gia tăng, thương hiệu và sức cạnh tranh hàng hóa xuất khẩu. Đẩy

mạnh chế biến sâu, đa dạng hóa thị trường, tận dụng hiệu quả các hiệp định thương mại tự do (FTA), ứng dụng công nghệ số trong hoạt động xuất nhập khẩu; nhập khẩu có chọn lọc phục vụ sản xuất, đổi mới công nghệ và chuyển đổi xanh.

c) Phương hướng phát triển du lịch:

Phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh; xây dựng Gia Lai thành cực tăng trưởng du lịch mới của khu vực duyên hải miền Trung, đi đến đẳng cấp, hiện đại, xanh, an toàn, thân thiện và giàu bản sắc, gắn với không gian “biển – rừng – cao nguyên”.

Phát triển hệ sinh thái sản phẩm du lịch đồng bộ, đa dạng, có giá trị gia tăng và khả năng cạnh tranh cao; ưu tiên các sản phẩm đặc thù như du lịch nghỉ dưỡng biển cao cấp, du lịch khoa học/MICE, du lịch văn hóa Tây Nguyên – Chăm – Tây Sơn và du lịch đô thị. Đồng thời phát triển các sản phẩm du lịch sinh thái, thể thao, cộng đồng, nông nghiệp, ẩm thực và du lịch cửa khẩu, gắn với bảo tồn tài nguyên, phát huy giá trị văn hóa và phát triển bền vững.

Tăng cường liên kết nội tỉnh, liên kết vùng và hợp tác quốc tế nhằm hình thành các tuyến, không gian và chuỗi sản phẩm du lịch liên hoàn; đẩy mạnh hợp tác với doanh nghiệp, hãng lữ hành, hãng hàng không và nền tảng số trong phát triển hạ tầng, dịch vụ và thị trường du lịch. Đổi mới hoạt động xúc tiến, quảng bá theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số; xây dựng và nâng cao thương hiệu du lịch Gia Lai trên thị trường trong nước và quốc tế.

d) Phương hướng phát triển kinh tế biển:

Phát triển kinh tế biển toàn diện theo hướng xanh, bền vững; tập trung vào các ngành cảng biển, logistics, vận tải biển, du lịch biển đảo, nuôi biển công nghệ cao, công nghiệp biển, năng lượng tái tạo ngoài khơi và dịch vụ hàng hải.

Phát triển các trung tâm logistics và cảng biển tại Quy Nhơn, Hoài Nhơn, Phù Mỹ; hình thành không gian cảng biển quốc tế, trung chuyển hàng hóa, logistics thông minh và dịch vụ hàng hải hiện đại.

Phát triển các vùng nuôi biển công nghiệp tập trung tại Phù Mỹ Đông, An Lương; Nhơn Châu; Quy Nhơn Đông; Hoài Nhơn Đông, Hoài Nhơn Bắc, Tam Quan; ưu tiên công nghệ nuôi biển hiện đại, logistics lạnh, chế biến sâu và truy xuất nguồn gốc thủy sản. Đồng thời phát triển các vùng điện gió ngoài khơi, công nghiệp năng lượng sạch và các ngành kinh tế biển mới.

Tăng cường thực hiện chuyển đổi số, ứng dụng khoa học công nghệ trong nuôi trồng, chế biến thủy sản. Gia Lai phấn đấu trở thành trung tâm nghề cá khu vực; phát triển nghề nuôi biển và khai thác hải sản theo hướng xanh, thân thiện môi trường, ứng dụng công nghệ cao, đẩy mạnh chuyển đổi số trong sản xuất, kinh doanh và chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu.

đ) Phương hướng phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản

Phát triển toàn diện ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản theo hướng xanh, tuần hoàn, ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số và công nghệ cao; chuyển từ sản xuất nông nghiệp truyền thống sang kinh tế nông nghiệp hiện đại, ứng dụng công nghệ cao quy mô lớn, giá trị gia tăng cao và có sức cạnh tranh trên

thị trường trong nước và quốc tế. Hình thành Khu nông nghiệp công nghệ cao và các vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tập trung. Bảo đảm vững chắc an ninh lương thực, an sinh xã hội, tăng trưởng bền vững, bảo vệ môi trường sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu và nâng cao đời sống Nhân dân.

Xây dựng trung tâm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao của khu vực Duyên hải miền Trung và Tây Nguyên; hình thành các vùng nguyên liệu tập trung, các cứ điểm nông nghiệp – công nghiệp, gắn sản xuất với chế biến sâu, bảo quản, logistics và xuất khẩu theo chuỗi giá trị khép kín. Phát triển hệ sinh thái nông nghiệp thông minh, xanh, bền vững và hội nhập sâu vào chuỗi giá trị nông sản toàn cầu.

Phát triển lâm nghiệp theo hướng kinh tế rừng đa giá trị, bền vững và tăng trưởng xanh; tăng cường bảo vệ, phục hồi rừng, bảo tồn đa dạng sinh học, phát triển dược liệu dưới tán rừng, lâm sản ngoài gỗ và kinh tế sinh thái rừng gắn với du lịch xanh; từng bước hình thành thị trường tín chỉ carbon, góp phần thực hiện mục tiêu trung hòa carbon, bảo đảm an ninh môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu. Có lộ trình chuyển đổi rừng kém hiệu quả sang canh tác nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, phát triển bền vững.

Phát triển thủy sản hiện đại, hiệu quả và có trách nhiệm; đẩy mạnh nuôi trồng, nuôi biển công nghệ cao, khai thác hợp lý gắn với bảo vệ và phục hồi nguồn lợi thủy sản; phát triển chế biến sâu, bảo quản sau thu hoạch và dịch vụ hậu cần nghề cá hiện đại, nâng cao giá trị gia tăng, năng lực cạnh tranh, đồng thời góp phần bảo vệ chủ quyền và an ninh quốc gia trên biển.

3. Phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực khác

a) Giáo dục và đào tạo:

Nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục các cấp học, tạo chuyên biến căn bản, toàn diện về chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo; triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo. Rà soát, sắp xếp, quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục và đào tạo phù hợp với mô hình chính quyền địa phương hai cấp, bảo đảm tinh gọn, hiện đại, đạt chuẩn, đa dạng về loại hình, có cơ cấu ngành nghề và trình độ đào tạo hợp lý, gắn đào tạo với nhu cầu sử dụng lao động và thị trường lao động. Chuyển đổi số toàn diện, phổ cập và ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo trong giáo dục và đào tạo. Hội nhập quốc tế đi vào chiều sâu, góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục theo định hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa, dân chủ hóa; tiếp tục nâng cao vị thế giáo dục của tỉnh; phát huy vai trò giáo dục trong thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và tiến bộ xã hội trước yêu cầu hội nhập và phát triển.

b) Y tế và chăm sóc sức khỏe:

Phát triển hệ thống y tế tỉnh Gia Lai theo hướng hiện đại, công bằng, chất lượng, hiệu quả và bền vững; lấy người dân làm trung tâm; chuyển mạnh từ khám bệnh, chữa bệnh sang chủ động bảo vệ, chăm sóc, quản lý và nâng cao sức khỏe Nhân dân; phát triển đồng bộ y tế dự phòng, y tế cơ sở, khám chữa bệnh, phục hồi chức năng, chăm sóc dài hạn, y tế số và y tế thông minh; bảo đảm mọi người dân được quản lý sức khỏe toàn diện, liên tục và suốt vòng đời.

c) Phương hướng phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và kinh tế số:

Phát triển mạnh khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và kinh tế số trở thành động lực tăng trưởng mới của tỉnh; hình thành các trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm dữ liệu, trung tâm R&D, khu công nghệ số và các không gian thử nghiệm chính sách mới tại khu vực Quy Nhơn, Pleiku, An Khê, Kbang và khu cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh.

Ưu tiên phát triển các ngành trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, công nghệ số, bán dẫn, đô thị thông minh, logistics thông minh, thương mại điện tử và các mô hình kinh tế mới gắn với chuyển đổi số và công nghiệp 4.0.

d) Văn hóa, Thể thao và Thông tin – Truyền thông :

Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Gia Lai toàn diện, phù hợp với xu thế thời đại và yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Lấy con người làm trung tâm, truyền thống lịch sử - văn hóa làm nền tảng; phát huy vai trò của gia đình, cộng đồng và xã hội trong xây dựng con người và môi trường văn hóa Gia Lai văn minh, hiện đại.

Xây dựng và phát triển thể thao tỉnh Gia Lai mang tính ổn định, vững chắc. Trong đó củng cố, hiện đại hóa các Trung tâm huấn luyện thể thao tỉnh Gia Lai; đầu tư trọng điểm, phấn đấu tăng số môn thể thao đào tạo tập trung tại tỉnh; tăng cường trang bị và ứng dụng khoa học công nghệ, y học thể thao tiên tiến để nâng cao thành tích trong các môn thể thao, nội dung thi đấu các môn thể thao có tiềm năng, thế mạnh các môn mũi nhọn của tỉnh, các môn thể thao cơ bản trong Thế vận hội Olympic, Đại hội Thể thao Châu Á, Đại hội Thể thao Đông Nam Á, Đại hội Thể thao toàn quốc, các giải trẻ quốc tế, khu vực và trong nước phù hợp với đặc điểm thể chất con người Gia Lai và tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Tiếp tục tổ chức, sắp xếp hợp lý mạng lưới các cơ quan báo chí, phát thanh truyền hình, thông tin điện tử, xuất bản, thông tin đối ngoại, thông tin cơ sở; chú trọng hiệu quả hoạt động, đổi mới mô hình quản lý, cách thức tổ chức, vận hành, đa dạng hoá phương thức cung cấp nội dung và hoạt động kinh doanh sản xuất.

đ) An sinh xã hội:

Hình thành mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội có đủ năng lực đáp ứng nhu cầu tiếp cận và thụ hưởng các dịch vụ về giáo dục dạy nghề, trợ giúp xã hội và phục vụ tốt cho đời sống của Nhân dân. Thực hiện tốt các chế độ, chính sách đối với người có công, chăm sóc trẻ em, người cao tuổi, bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ; có chính sách hỗ trợ người nghèo, các đối tượng yếu thế được tiếp cận đầy đủ các dịch vụ xã hội cơ bản, tạo việc làm bền vững. Củng cố, phát triển mạng lưới các cơ sở trợ giúp xã hội công lập và ngoài công lập; khuyến khích xã hội hóa phát triển các cơ sở trợ giúp xã hội.

e) Quốc phòng, an ninh, đối ngoại:

Xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh toàn diện, phát huy sức mạnh tổng hợp của các lực lượng trong đấu tranh phòng chống âm mưu “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch; chống xâm lược, bảo vệ chủ quyền và an

toàn chung của khu vực, quốc gia và vùng lãnh thổ; chủ động, linh hoạt nắm bắt và xử lý tình huống, không để bị động, bất ngờ.

Xây dựng khu vực phòng thủ, căn cứ chiến đấu, căn cứ hậu phương, căn cứ hậu cần - kỹ thuật, hệ thống công trình phòng thủ vững chắc. Xây dựng lực lượng công an, quân đội trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Thực hiện tốt phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo đảm các nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ NÔNG THÔN

1. Phương hướng quy hoạch hệ thống đô thị

Phương hướng phát triển hệ thống đô thị Gia Lai được tổ chức theo mô hình mạng lưới đa trung tâm, đa tầng bậc, gắn với các cực tăng trưởng, đô thị tiêu vùng, hành lang kinh tế - đô thị, chuỗi đô thị và cụm đô thị.

Đến năm 2030, hệ thống đô thị trên địa bàn tỉnh định hướng phát triển gồm các đô thị loại II, đô thị loại III và các khu vực đô thị hóa mới, cụ thể như sau:

- 04 đô thị loại II gồm: Quy Nhơn (mở rộng gồm An Nhơn), Pleiku; Hoài Nhơn, An Khê.

- 24 đô thị loại III gồm: Ayun Pa, Cát Tiến, Đê Gi, Phù Mỹ, Bình Dương, Hoài Ân, Vân Canh, Vĩnh Thạnh, An Lão, Ia Ly, Chư Păh, Chư Prông, Chư Puh, Đak Pơ, Kbang, Kông Chro, Phú Thiện, Phú Túc, Mang Yang, Ia Grai, Đức Cơ, An Lương, An Hòa, Ia Pa.

Định hướng sau năm 2030, Gia Lai hình thành thêm 07 đô thị loại III gồm: Tây Giang, Ngô Mây, Hòa Hội, Phù Mỹ Bắc, Phù Mỹ Đông, Bàu Cạn, Ia Sao.

2. Phương hướng tổ chức lãnh thổ khu vực nông thôn

Phát triển khu vực nông thôn tỉnh Gia Lai theo hướng sinh thái, hiện đại, giàu bản sắc, gắn kết chặt chẽ với quá trình đô thị hóa, phát triển công nghiệp, dịch vụ, du lịch và kinh tế biển; xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu, phát triển đồng bộ hạ tầng kỹ thuật - xã hội, nâng cao chất lượng sống của người dân, bảo đảm tiếp cận bình đẳng các dịch vụ thiết yếu giữa đô thị và nông thôn. Không gian nông thôn của tỉnh cần được định hình như một hệ thống sản xuất - sinh thái - văn hóa - dịch vụ đa chức năng, trong đó các vùng cao nguyên, ven biển, trung du, biên giới và vùng đồng bào dân tộc thiểu số có vai trò bổ trợ cho nhau.

Đối với vùng cao nguyên và vùng đồng bào dân tộc thiểu số, phát triển nhà ở phù hợp tập quán, cấu trúc làng truyền thống, văn hóa cộng đồng, vật liệu địa phương và cảnh quan tự nhiên.

Đối với nông thôn ven biển, nhà ở cần gắn với cao trình an toàn, thoát nước, phòng chống bão, không gian sinh kế nghề cá, dịch vụ du lịch cộng đồng và bảo vệ hành lang ven biển, đầm phá.

Đối với khu vực nông thôn giáp ranh đô thị, kiểm soát phát triển nhà ở theo quy hoạch, hạn chế chia lô tự phát; khuyến khích mô hình nhà vườn, nhà ở thấp tầng, phổ dịch vụ quy mô phù hợp và đồng bộ hạ tầng.

V. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC KHU CHỨC NĂNG; PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỤM CÔNG NGHIỆP, CÁC VÙNG SẢN XUẤT TẬP TRUNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

1. Phương hướng phát triển các khu kinh tế:

Phát triển hệ thống khu kinh tế của tỉnh Gia Lai trên cơ sở phát huy đồng thời lợi thế kinh tế biển phía Đông và lợi thế kinh tế cửa khẩu phía Tây, hình thành hai cực động lực hỗ trợ trong cấu trúc phát triển chung của tỉnh. Khu kinh tế Nhơn Hội giữ vai trò cực tăng trưởng phía Đông, gắn với du lịch, dịch vụ, đô thị, công nghiệp công nghệ cao, logistics, cảng biển và năng lượng tái tạo. Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh giữ vai trò đầu mối giao thương phía Tây của tỉnh và vùng Tây Nguyên với Campuchia, Myanmar, Thái Lan, đồng thời là không gian phát triển thương mại biên giới, logistics cửa khẩu, công nghiệp chế biến và dịch vụ xuất nhập khẩu.

Hai khu kinh tế này là cơ sở hình thành trục liên kết Đông - Tây từ cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh, Pleiku, An Khê, Tây Sơn, Vân Canh đến Khu kinh tế Nhơn Hội, cảng Quy Nhơn và các không gian kinh tế biển.

2. Phương hướng phát triển khu công nghiệp

Phát triển hệ thống khu công nghiệp tỉnh Gia Lai theo hướng đồng bộ, hiện đại, xanh, thông minh, có khả năng cạnh tranh cao và gắn kết với các cực tăng trưởng của tỉnh. Các khu công nghiệp không chỉ là không gian sản xuất tập trung mà còn là hạt nhân tổ chức hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, nhà ở công nhân, dịch vụ logistics, đào tạo nghề và đổi mới công nghệ.

3. Phương hướng phát triển các khu du lịch

Phát triển du lịch tỉnh Gia Lai theo hướng hình thành hệ thống không gian du lịch đa cực, đa dạng loại hình, có bản sắc riêng và liên kết chặt chẽ giữa các khu vực; phát huy hiệu quả các trung tâm du lịch trọng điểm như Quy Nhơn, Hoài Nhơn, Đền Gi, Pleiku, Chư Păh, Mang Yang, Kbang...

Đến năm 2030 ưu tiên tập trung nguồn lực phát triển các không gian du lịch trọng điểm có khả năng tạo động lực lan tỏa, hình thành các sản phẩm du lịch chất lượng cao, du lịch di sản, du lịch biển đảo, du lịch văn hóa - tâm linh, kinh tế ban đêm, du lịch MICE và công nghiệp văn hóa.

4. Phương hướng phát triển các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; khu công nghệ số tập trung

- Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao:

+ Khu nông nghiệp công nghệ cao tại khu vực Đak Đoa gồm các xã Đak Đoa, KDang, Ia Băng; Quy mô khoảng 457 ha.

+ Vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao: Tập trung phát triển các vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, phát triển bền vững: (1) Vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại các xã: Ia Mơ, Kon Chiêng, Ia Le, Hra, Ia Rsai, xã Phú Túc, Nafoods – Pleiku, De Heus – Hùng Nhơn, Đak Pơ, Krông Pa, Đak Pơ, An Khê, Mang Yang và Chư Prông, Bình Khê, An Nhơn Tây; Bờ Ngoong; Gào; (2)

Vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với du lịch sinh thái hồ Plei Tho Ga tại xã Chư Puh; (3) Vùng nuôi tôm công nghệ cao Cát Tiên, An Lương, Phù Mỹ Đông; (4) Khu chế biến gia súc, gia cầm ứng dụng công nghệ cao Mang Yang, Đức Cơ; Tây Gia Lai.

- Khu công nghệ số tập trung

Tập trung phát triển các khu công nghệ số tập trung theo hướng đồng bộ, hiện đại và có tính liên kết cao, nhằm khai thác tối đa lợi thế sau sáp nhập và đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số. Trọng tâm là tiếp tục hoàn thiện quy hoạch và đầu tư xây dựng các khu công nghệ số đã được xác định như Công viên Sáng tạo TMA, FPT Software Quy Nhơn và khu công nghệ số Long Vân, đảm bảo hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng số đồng bộ, đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, phát triển, sản xuất và cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin. Đến năm 2030, hoàn thiện và đầu tư các khu hạt nhân gồm: Công viên Sáng tạo TMA tại phường Quy Nhơn Nam (R&D, phần mềm); FPT Software Quy Nhơn tại phường Quy Nhơn Nam (Sản xuất sản phẩm CNTT, AI, vườn ươm); Khu công nghệ số Long Vân tại Quy Nhơn Bắc và Quy Nhơn Tây (Dịch vụ công nghệ số). Nghiên cứu hình thành thêm 01 Khu công nghệ số tập trung tại phường Quy Nhơn Bắc và Quy Nhơn Nam.

5. Phương hướng phát triển cụm công nghiệp

Phát triển cụm công nghiệp của tỉnh Gia Lai theo hướng rà soát, sắp xếp, phát triển có chọn lọc và phải gắn với hạ tầng giao thông, điện, nước, viễn thông, xử lý môi trường và hạ tầng số; ưu tiên các cụm có khả năng liên kết với khu công nghiệp, khu kinh tế, cảng biển, cửa khẩu và vùng nguyên liệu, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng đất, phát triển công nghiệp địa phương theo hướng bền vững và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của tỉnh.

6. Khu bảo tồn, khu dự trữ thiên nhiên

Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh Gia Lai đảm bảo phù hợp, gắn với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, phù hợp với kế hoạch bảo vệ môi trường và kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu; đảm bảo tính ổn định của các khu bảo tồn, vườn Quốc gia, rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh.

Kết hợp hài hòa giữa bảo tồn và khai thác, sử dụng hợp lý tài nguyên sinh vật với việc xóa đói, giảm nghèo, chú trọng khai thác giá trị dịch vụ sinh thái môi trường, cảnh quan đa dạng sinh học, bảo đảm sự tham gia của các thành phần xã hội và cộng đồng địa phương trong quá trình thực hiện quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học.

VI. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN KHU VỰC MIỀN NÚI, XÃ ĐẢO, VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ, ĐỊA BÀN CÓ ĐIỀU KIỆN KINH TẾ - XÃ HỘI KHÓ KHĂN

Phát triển các khu vực khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới và xã đảo theo hướng thu hẹp chênh lệch phát triển, nâng cao chất lượng đời sống người dân, bảo đảm tiếp cận đồng bộ các dịch vụ xã hội cơ bản và tăng cường liên kết với các vùng động lực của tỉnh. Tập trung ưu tiên đầu tư hạ tầng giao thông, hạ tầng số, điện, nước, y tế, giáo dục và hạ tầng phục vụ sản xuất tại các khu vực miền núi, biên giới, xã đảo; đồng thời phát triển kinh tế theo hướng khai thác hiệu quả tiềm

năng nông - lâm nghiệp, kinh tế rừng, dược liệu, du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, kinh tế cửa khẩu và các ngành nghề phù hợp với điều kiện từng địa bàn.

Khuyến khích phát triển các vùng sản xuất hàng hóa, kinh tế dưới tán rừng, công nghiệp chế biến nông - lâm - thủy sản, sản phẩm OCOP và các mô hình sinh kế bền vững gắn với bảo vệ tài nguyên, môi trường và bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc. Đồng thời, hình thành các trung tâm dịch vụ tổng hợp tại khu vực nông thôn, miền núi nhằm hỗ trợ thu mua, sơ chế, logistics, thương mại điện tử, đào tạo nghề và kết nối tiêu thụ sản phẩm. Phát triển du lịch sinh thái, du lịch văn hóa, du lịch cộng đồng tại An Hòa, An Lão, An Vinh, An Toàn; Vĩnh Thạnh,... và các xã phía Tây của tỉnh như Khu vực Đức Cơ, Ia Grai, Chư Prông, Ia O, Ia Chia, Ia Dom, Ia Pnôn, Ia Nan, Ia Krêl, Ia Dok, Ia Tôr...

Tăng cường kết nối các khu vực khó khăn với các cực tăng trưởng, khu kinh tế, khu công nghiệp, đô thị và cửa khẩu thông qua phát triển đồng bộ hạ tầng giao thông đường bộ, đường thủy, hạ tầng số và dịch vụ logistics; qua đó mở rộng cơ hội tiếp cận thị trường, tạo việc làm, nâng cao thu nhập và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội bền vững, bảo đảm quốc phòng, an ninh và ổn định dân cư khu vực biên giới, miền núi, xã đảo của tỉnh.

VII. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG KỸ THUẬT

1. Phương hướng phát triển mạng lưới giao thông

Phát triển hệ thống giao thông vận tải theo hướng đồng bộ, hiện đại nhằm phát huy lợi thế về vị trí địa lý của tỉnh là giao điểm quan trọng kết nối các tỉnh Duyên hải miền trung và Tây nguyên, khu vực tam giác phát triển Campuchia - Lào - Việt Nam và cả khu vực ASEAN qua hành lang kinh tế Đông - Tây. Phát triển kết cấu hạ tầng giao thông tỉnh phù hợp với quy hoạch ngành quốc gia, phù hợp với chiến lược quốc gia về phát triển bền vững, tăng trưởng xanh và thích ứng với biến đổi khí hậu.

a) Về đường bộ:

Phát triển mạng lưới đường cao tốc, quốc lộ trên địa bàn tỉnh theo Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, gồm: 03 tuyến cao tốc: Tuyến đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông (CT.01), Tuyến đường bộ cao tốc Bắc Nam phía Tây (CT.02), Tuyến đường bộ cao tốc Quy Nhơn - Pleiku - Lệ Thanh (CT.20); 11 tuyến quốc lộ: Trong đó nâng cấp, cải tạo 10 tuyến quốc lộ hiện hữu (QL.1, 1D, 14C, 19, 19B, 19C, 19D, 25, đường Hồ Chí Minh, Trường Sơn Đông), quy mô đường cấp III-IV, 2-6 làn xe. Đầu tư xây dựng mới tuyến mới QL.19E, đoạn qua tỉnh Gia Lai quy mô đường cấp III-IV, 2-4 làn xe.

Tuyến đường bộ ven biển là trục phát triển kinh tế biển chủ đạo, chạy dọc theo bờ biển tỉnh Gia Lai mới, kết nối khu kinh tế biển phía Nam với các khu vực cảng biển phía Bắc của tỉnh. Kết nối chuỗi đô thị ven biển, khu du lịch, khu kinh tế biển; Phục vụ hậu cần cảng, logistics ven biển; Chia sẻ lưu lượng cho quốc lộ 1 và cao tốc Bắc - Nam.

Quy hoạch 15 tuyến đường tỉnh mới với tổng chiều dài 969km (Gia Lai Đông: 06 tuyến gồm ĐT629B, 638B, 640B, 632, 635 và đường Tây tỉnh, tổng chiều dài 378km; Gia Lai Tây: 09 tuyến gồm ĐT661, 662, 663, 664, 665, 666, 667, 668, 669, 670, quy mô tối thiểu đường cấp IV. Dự kiến đặt tên lại đảm bảo tuân thủ quy định tại Nghị định số 165/2024/NĐ-CP của Chính phủ.

Hình thành trục giao thông kết nối nội tỉnh về phía Bắc kết nối QL19D đi qua các xã Ia Khuol, Đak Sơ Mei, Đak Rong, Sơn Lang, Vĩnh Sơn, sau đó theo các đường tỉnh 630, 638, 632 kết nối đường ven biển. Đồng thời trên trục này tại xã Đak Rong sẽ tạo kết nối liên tỉnh mới với QL24 đi xã Măng Đen (tỉnh Quảng Ngãi). Quy hoạch bổ sung các tuyến đường kết nối Đông - Tây, kết nối liên vùng, gồm các tuyến: Đường kết nối Đông - Tây qua xã Hoài Ân, Phù Mỹ Bắc; Đường kết nối Đông - Tây (Phù Mỹ Tây - Vĩnh Thạnh); Đường kết nối Đông - Tây (Vĩnh Thạnh - Kbang); Đường liên kết vùng kết nối từ tuyến Quốc lộ Trường Sơn Đông đi xã Đăk Rve đến Quốc lộ 24, xã Măng Đen (tỉnh Quảng Ngãi); Đường kết nối Đông - Tây (Vân Canh - Kong Chro); Đường kết nối từ QL.1 qua cầu Thị Nại 4 đến giáp tuyến QL.19B; Đường kết nối từ Khu đô thị khoa học và giáo dục Quy Hòa đến Khu đô thị Long Vân; Đường kết nối từ ga đường sắt tốc độ cao Diêu Trì (TOD) theo tuyến đề xuất đầu tư mới về nút giao liên thông Cao tốc Bắc - Nam với QL.19C, kết nối QL.1D (ngã ba Phú Tài).

Phát triển giao thông kết nối tỉnh Đăk Lăk (từ QL25 kết nối Đường HCM) thông qua ĐT668 (Gia Lai cũ) và ĐT.695 (Đak Lăk cũ); kết nối tỉnh Đăk Lăk thông qua QL19E (từ QL19 kết nối QL19C).

b) Về Đường thủy nội địa:

Đối với các tuyến đường thủy quốc gia, thực hiện theo quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Phát triển giao thông đường thủy nội địa của tỉnh Gia Lai theo hướng phục vụ du lịch, dịch vụ và kết nối không gian biển – đảo – ven bờ. Quy hoạch các luồng tuyến thủy nội địa phục vụ du lịch gần bờ và trên cơ sở hành lang vận tải vận tải thủy ven biển qua địa bàn tỉnh, kết nối các cảng, bến, cụm bến cảng được quy hoạch trên địa bàn tỉnh, có khả năng kết nối với luồng của các địa phương lân cận.

c) Về Đường biển:

Cảng biển Gia Lai thuộc nhóm cảng biển số 3, gồm các khu bến Quy Nhơn – Thị Nại – Đông Đa; Khu bến Nhơn Hội; Khu bến Phù Mỹ, các khu neo đậu, bến phao chuyên tải và khu neo đậu trú bão tuân thủ theo Quyết định số 1229/QĐ-BXD ngày 06/08/2025 của Bộ Xây dựng phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết nhóm cảng biển, bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu nước, vùng nước thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quy hoạch chi tiết phát triển vùng đất, vùng nước cảng biển Bình Định (trước đây) thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

d) Về đường sắt

Đối với hệ thống đường sắt Quốc gia tuân thủ theo Quy hoạch mạng lưới đường sắt thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Nghiên cứu điều chỉnh hướng tuyến đường sắt Bắc – Nam phía Tây đoạn

qua trung tâm Pleiku tránh đi qua khu vực trung tâm đô thị của phường Pleiku và Cảng hàng không Pleiku.

Đối với hệ thống đường sắt vùng và đô thị, quy hoạch các tuyến vùng kết nối các trung tâm đô thị của tỉnh theo các trục dọc số 02, 03... và liên kết các tỉnh thành lân cận.

đ) Về cảng hàng không, sân bay:

* Cảng hàng không Phù Cát:

Đầu tư mới nhà ga, mở rộng sân đỗ, xây dựng thêm đường cất hạ cánh thứ hai và các đường lăn phù hợp với quy hoạch. Nghiên cứu khả năng phát triển Cảng hàng không Phù Cát đến năm 2030 là Cảng hàng không cấp 4E (công suất 5,0 triệu hành khách/năm, 12.000 tấn hàng hóa/năm) và chuyển thành cảng hàng không quốc tế khi đảm bảo các điều kiện theo quy định; giai đoạn đến năm 2050 là Cảng hàng không cấp 4E (công suất 7,0 triệu hành khách/năm, 27.000 tấn hàng hóa/năm) khi đảm bảo các điều kiện theo quy định.

* Nâng cấp, mở rộng Cảng hàng không Pleiku:

Cấp sân bay 4C và sân bay quân sự cấp II. Công suất khoảng 4,0 triệu hành khách/năm và 4.500 tấn hàng hóa/năm. Hệ thống đường cất, hạ cánh: Kéo dài đường cất hạ cánh hiện hữu thêm khoảng 600 m lên thành 3.000 m x 45 m. Sân đỗ tàu bay: Quy hoạch sân đỗ tàu bay phía Bắc đường cất hạ cánh, đồng bộ với khu hàng không dân dụng mới đáp ứng khoảng 14 vị trí đỗ.

e) Về cảng cạn: Phát triển hệ thống cảng cạn nhằm tối ưu hóa vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu của từng khu vực trên địa bàn tỉnh. Tập trung đầu tư và phát triển các cảng cạn, như: cụm cảng cạn Tuy Phước (cảng cạn Quy Nhơn, cảng cạn Thị Nại), Lệ Thanh, Nam Pleiku. Đồng thời bổ sung các cảng cạn, trung tâm logistics và các công trình hạ tầng giao thông khác cho phù hợp với quy hoạch các khu công nghiệp, khu kinh tế, đô thị, khu dân cư trên địa bàn tỉnh.

2. Phương hướng phát triển mạng lưới cấp điện, hạ tầng năng lượng

a) Về mạng lưới điện

Phát triển hạ tầng điện và năng lượng tỉnh Gia Lai theo hướng hiện đại, đồng bộ, an toàn, thông minh và bền vững; bảo đảm cung ứng điện ổn định, liên tục cho phát triển kinh tế - xã hội, công nghiệp, dịch vụ, đô thị, logistics, chuyển đổi số và quốc phòng, an ninh. Tập trung phát triển nguồn năng lượng tái tạo bao gồm điện gió trên bờ/gần bờ/ ngoài khơi, điện mặt trời tập trung, các loại hình điện sinh khối, điện sản xuất từ rác/chất thải rắn, điện đồng phát, điện mặt trời mái nhà theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Chiến lược phát triển ngành công nghiệp than Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Quy hoạch tổng thể về năng lượng quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tổng thể về năng lượng quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Đồng thời nghiên cứu các công trình nguồn điện để đẩy nhanh tiến độ hoặc bổ sung vào quy hoạch ngành điện khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Tiếp tục xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo lưới điện ở các cấp điện áp, để truyền tải công suất phát từ nhà máy thủy điện, nhà máy năng lượng tái tạo lên hệ thống điện quốc gia và tăng cường liên kết lưới điện khu vực, kết nối với các nguồn điện mới đáp ứng nhu cầu phụ tải tăng, đặc biệt là tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu đô thị; từng bước ngầm hóa mạng lưới điện trung và hạ thế hiện có; bảo đảm cấp điện an toàn, ổn định đáp ứng tiêu chí N-1, phụ tải quan trọng đảm bảo tiêu chí N-2.

Đẩy nhanh thực hiện lộ trình xây dựng lưới điện thông minh giai đoạn 2026-2030, khuyến khích trạm biến áp sử dụng công nghệ GIS-110/22kV ở các khu vực có mật độ phụ tải cao.

Phương hướng cải tạo, xây dựng mới đường dây và trạm biến áp sau các trạm biến áp 110KV và hạ tầng năng lượng xanh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 thực hiện theo danh mục đầu tư lưới điện trung áp, hạ áp được Ủy ban nhân dân Tỉnh phê duyệt hàng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu nhiệm vụ.

b) Về hạ tầng năng lượng

Khai thác tối đa cơ sở hạ tầng dự trữ hiện có, xây dựng mới các hạ tầng dự trữ, cung ứng trọng điểm đảm bảo an ninh năng lượng, đảm bảo hài hòa lợi ích của quốc gia, địa phương, doanh nghiệp và người dân, trong đó lợi ích quốc gia là trên hết. Đảm bảo tính đàn hồi, năng lực dự trữ và tăng cường khả năng chống chịu và phòng ngừa thảm họa của lãnh thổ. Đảm bảo yêu cầu hoạch định và phát triển trên toàn bộ không gian hướng đến mục tiêu phát triển bền vững gắn với bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu.

Phát huy lợi thế về vị trí địa lý, sử dụng nguồn năng lượng tái tạo từ điện mặt trời, điện gió trên bờ, điện gió trên biển để sản xuất năng lượng mới, tham gia vào chuỗi sản xuất năng lượng mới của quốc gia, đồng thời giải tỏa công suất của các nguồn năng lượng tái tạo trên địa bàn Tỉnh.

3. Phương hướng phát triển hạ tầng viễn thông

Phát triển hạ tầng viễn thông “đi trước một bước”, bảo đảm năng lực hạ tầng có tính dự phòng cao, dung lượng siêu lớn, băng thông siêu rộng, độ trễ thấp, kết nối an toàn, ổn định và phổ cập đến mọi người dân, doanh nghiệp. Đầu tư hạ tầng viễn thông theo hướng hiện đại, xanh và bền vững, đáp ứng yêu cầu triển khai các công nghệ mới như 5G/6G, điện toán đám mây, trí tuệ nhân tạo, Internet vạn vật và các nền tảng số phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trong dài hạn.

Phát triển hạ tầng bưu chính theo hướng xây dựng, phát triển và đảm bảo tính gắn kết giữa hạ tầng mạng lưới, hạ tầng số và hạ tầng dữ liệu. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong bưu chính, chuyển dịch từ dịch vụ bưu chính truyền thống sang dịch vụ bưu chính số. Xây dựng mạng lưới bưu chính công cộng cấp tỉnh bao gồm một Trung tâm bưu chính tỉnh (đặt tại phường Quy Nhơn) liên kết với Trung tâm bưu chính vùng và tuyến xã, phường. Phát triển bưu chính trở thành hạ tầng quan trọng của nền kinh tế số, thương mại điện tử, chuyển dịch từ doanh nghiệp bưu chính truyền thống sang doanh nghiệp hạ tầng, tích hợp đa dạng các dịch vụ, phát triển dữ liệu lớn về khách hàng, hợp tác với các doanh nghiệp khác như ngân hàng, doanh nghiệp sản xuất, logistics, vận tải, kho bãi...

4. Phương hướng phát triển hệ thống thủy lợi, hệ thống cấp, thoát nước

- Hệ thống thủy lợi

Định hướng phát triển thủy lợi tỉnh Gia Lai (sau sáp nhập) thành mạng lưới hạ tầng an ninh nguồn nước đa mục tiêu, liên kết vùng. Bảo đảm thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ: cung ứng nước chủ động cho dân sinh, hệ thống đô thị, các khu kinh tế, công nghiệp động lực và sản xuất nông nghiệp công nghệ cao; đầu tư hạ tầng tiêu, thoát nước cho các vùng trũng thấp duyên hải phía Đông và các đô thị sáp nhập. Khai thác tối đa dung tích phòng lũ của các hồ chứa thượng nguồn để cắt lũ từ xa, bảo vệ an toàn hạ du. Với nguyên tắc "thuận thiên", từng bước giảm dần sự phụ thuộc vào nước ngầm, thay thế bằng giải pháp tích trữ nước mặt bền vững và kiểm soát nghiêm ngặt các vùng cảnh báo đồ khai thác nước ngầm. Chủ động điều tiết nguồn nước, ưu tiên nguồn nước cho dân sinh và duy trì dòng chảy môi trường. Phát triển thủy lợi phải gắn kết đồng bộ với định hướng chuyển đổi cơ cấu cây trồng.

Đến năm 2030, phân đầu kiên cố hóa 90% kênh mương; tưới chủ động cho lúa 2 vụ (với tần suất thiết kế $P \geq 85\%$) và 70% diện tích cây trồng cạn (trong đó 30% áp dụng tưới tiết kiệm); đảm bảo tiêu, thoát nước cho các vùng trũng thấp phục vụ dân sinh, đô thị và sản xuất với tần suất thiết kế đạt từ 5% - 10%; hoàn thiện hạ tầng cấp thoát nước cho 95% diện tích vùng nuôi trồng thủy sản tập trung. Đặc biệt, đưa tỷ lệ hộ dân nông thôn sử dụng nước sạch đạt quy chuẩn lên mức tối thiểu 67,5% (trong đó phía Tây đạt 55%, và phía Đông đạt 80%), tiến tới mục tiêu chung của quốc gia trong các giai đoạn tiếp theo.

- Hệ thống cấp nước

Phát triển hệ thống cấp nước tỉnh Gia Lai theo hướng hiện đại, an toàn, liên thông và bền vững, bảo đảm cung cấp đủ nước sạch cho đô thị, nông thôn, khu công nghiệp, khu kinh tế, khu du lịch và các khu vực biển đảo. Ưu tiên khai thác bền vững nguồn nước mặt từ hồ chứa, sông suối và đập dâng; hạn chế khai thác nước ngầm, tăng cường bảo vệ nguồn nước và liên kết vùng cấp nước nhằm bảo đảm an toàn cấp nước trong mọi tình huống.

Tập trung nâng cấp, mở rộng các nhà máy nước, tuyến ống truyền tải và mạng lưới cấp nước trên địa bàn tỉnh.

- Hệ thống thoát nước, xử lý nước thải

Phát triển hệ thống thoát nước tỉnh Gia Lai theo hướng đồng bộ, hiện đại, bền vững, phù hợp với điều kiện địa hình tự nhiên, thích ứng với biến đổi khí hậu và nước biển dâng; chuyển từ mô hình thoát nước đơn thuần sang hệ thống thoát nước tổng hợp kết hợp tiêu thoát nước, kiểm soát ngập úng, tăng khả năng thoát lũ, bảo vệ môi trường và cải thiện chất lượng không gian đô thị.

Quy hoạch cao độ nền và thoát nước gắn với công tác bảo vệ môi trường sinh thái phát triển bền vững, trong đó chú trọng bảo vệ các lưu vực sông, cảnh quan sông suối tự nhiên, ao hồ trong vùng và khu vực trên cơ sở quản lý toàn diện lưu vực sông, phù hợp với hệ thống sông Ba, sông Sê San, sông Ayun....

Từng bước nâng cao tỷ lệ thu gom và xử lý nước thải đô thị, đảm bảo nước thải được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia trước khi xả vào hệ thống thoát

nước chung. Tại các khu đô thị cũ và khu dân cư hiện hữu, từng bước cải tạo hệ thống thoát nước hiện có và tách dần hệ thống nước mưa với nước thải. Đối với các khu đô thị mới, khu công nghiệp, khu du lịch và khu phát triển mới, áp dụng xây dựng hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn nước mưa và nước thải. Đối với khu vực nông thôn, phát triển hệ thống thoát nước phân tán, áp dụng các mô hình xử lý sinh học và các giải pháp tiêu thoát tự nhiên phù hợp với điều kiện địa hình và quá trình đô thị hóa của tỉnh.

5. Phương hướng phát triển các khu xử lý chất thải, nghĩa trang

a) Phương hướng phát triển các khu xử lý chất thải:

Hình thành đồng bộ hệ thống quản lý CTR trên địa bàn tỉnh và các khu cụm công nghiệp, khu kinh tế; ưu tiên nghiên cứu các bãi chôn lấp CTR hợp vệ sinh, xây dựng một số cơ sở xử lý, tái chế CTR như: chế biến CTR thành phân vi sinh, vật liệu xây dựng, khí đốt, điện...

Đến năm 2030, trên 95% CTR sinh hoạt đô thị và trên 80% CTR sinh hoạt nông thôn được thu gom và xử lý đảm bảo theo quy định; sử dụng phương pháp chôn lấp trực tiếp cho tối đa 5% CTR sinh hoạt đô thị và 35% CTR sinh hoạt nông thôn được thu gom; hình thành 13 vùng cơ bản trong thu gom, xử lý CTRSH, gồm 07 vùng cho khu vực Gia Lai Đông và 06 vùng cho khu vực Gia Lai Tây và một số ô chôn lấp rác trơ. Đồng thời, thực hiện thu gom và xử lý tại chỗ bằng ô chôn lấp rác trơ đối với các xã vùng sâu, vùng xa, việc thu gom, vận chuyển CTRSH về vùng xử lý không hiệu quả.

b) Phương hướng phát triển các khu nghĩa trang:

Quy hoạch hệ thống nghĩa trang trên địa bàn tỉnh Gia Lai được định hướng phù hợp với mô hình tổ chức không gian mới, đồng thời tổ chức theo các cụm xã, phường có sự liên kết chặt chẽ, đảm bảo khoảng cách an toàn về môi trường, sử dụng tiết kiệm quỹ đất và phù hợp với tập quán, văn hóa địa phương.

Trên cơ sở đó, mục tiêu đặt ra là hình thành một hệ thống hạ tầng tang lễ đồng bộ, bao gồm các nghĩa trang tập trung, cơ sở hỏa táng hiện đại và nhà tang lễ được đầu tư hoàn chỉnh; đồng thời từng bước giảm thiểu các nghĩa trang nhỏ lẻ và tình trạng mai táng tự phát, qua đó nâng cao tỷ lệ hỏa táng và thúc đẩy các hình thức an táng văn minh, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững.

Đến năm 2030, Phần đầu đạt tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng trên địa bàn tỉnh tại các đô thị loại II đạt tỷ lệ 15% - 30%; các đô thị loại 3 là 5% - 15%.

6. Phương hướng phát triển hạ tầng phòng cháy, chữa cháy

Xây dựng mạng lưới trụ sở, doanh trại, công trình phục vụ phòng cháy, chữa cháy, trong đó ưu tiên bố trí trụ sở các đơn vị Cảnh sát PCCC và CNCH tại các khu vực đô thị, các khu vực trọng điểm về phòng cháy và chữa cháy bảo đảm bán kính phục vụ phần đầu tối đa là 3km đối với khu vực trung tâm đô thị và 5km đối với khu vực khác. Đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai có tổng số 30 trụ sở, doanh trại của lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH, trong đó bổ sung quy hoạch 28 vị trí xây dựng mới Trụ sở Đội Cảnh sát PCCC và CNCH thuộc Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH nằm trên địa bàn các xã, phường.

7. Phương hướng phát triển hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá

Định hướng phát triển hệ thống cảng cá và dịch vụ hậu cần nghề cá theo hướng hiện đại, số hóa và liên kết chuỗi giá trị bền vững; đáp ứng yêu cầu chuyển đổi ngành thủy sản, tuân thủ quy định chống khai thác IUU, nâng cao năng lực cạnh tranh xuất khẩu và hình thành trung tâm hậu cần nghề cá cấp vùng tại Tam Quan. Nghiên cứu xây dựng cảng cá và khu neo đậu tàu cá có quy mô, công suất đủ lớn để tiếp nhận việc di dời tàu thuyền từ khu vực cảng cá Quy Nhơn và đầm Đề Gi về neo đậu tại Tam Quan; đồng bộ dịch vụ hậu cần nghề cá tại Hoài Nhơn Bắc và Hoài Nhơn Đông, bao gồm: đóng mới, sửa chữa tàu cá; cung ứng nhiên liệu, nước đá, thực phẩm và vật tư phục vụ khai thác; tái cơ cấu hệ thống neo đậu theo hướng di dời tàu cá và dịch vụ hậu cần để giảm quá tải hạ tầng, hạn chế xung đột luồng lạch, tối ưu vận hành logistics và phù hợp định hướng phát triển kinh tế – đô thị.

VIII. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG XÃ HỘI

1. Phương hướng phát triển hạ tầng giáo dục và đào tạo

Cải tạo, nâng cấp mạng lưới cơ sở giáo dục các cấp từ mầm non đến đại học theo hướng hiện đại, phù hợp với nhu cầu và điều kiện thực tế của địa phương. Tiếp tục rà soát, sắp xếp mạng lưới trường lớp theo hướng tinh gọn, hiệu quả nhưng không làm giảm khả năng tiếp cận dịch vụ giáo dục cơ bản của người dân; phù hợp với phân bố dân cư, tổ chức không gian phát triển với 135 đơn vị hành chính cấp xã mới. Đầu tư xây dựng, nâng cấp các cơ sở vật chất trường, lớp trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là ở các xã vùng sâu, vùng xa đảm bảo đủ điều kiện phục vụ công tác dạy và học và phân đầu xây dựng một số trường đạt chuẩn quốc gia theo lộ trình. Tập trung thu hút các nguồn lực để xây dựng các trường đạt chuẩn quốc tế khi đủ điều kiện, đáp ứng yêu cầu hội nhập và nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo. Khuyến khích đầu tư, xây dựng và phát triển các cơ sở giáo dục ngoài công lập.

2. Phương hướng phát triển hạ tầng y tế và chăm sóc sức khỏe

Xây dựng cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật y tế từ tỉnh đến cơ sở đồng bộ, hiện đại, chất lượng, hiệu quả, bền vững. Tiếp tục thực hiện việc xây mới, nâng cấp, mở rộng các cơ sở y tế hiện hữu. Khuyến khích đầu tư phát triển y tế ngoài công lập; ưu tiên tạo điều kiện để các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng các bệnh viện; mở các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và các dịch vụ y tế, đặc biệt là tại các vùng khó khăn nơi không có điều kiện để xây dựng các bệnh viện hoặc cơ sở cung cấp dịch vụ y tế quy mô lớn.

Tập trung phát triển kinh tế y tế, thu hút các nguồn vốn xã hội hoá để phát triển các trung tâm dưỡng lão (kinh tế bạc), nghỉ dưỡng cao cấp, các trung tâm phục hồi chức năng, xây dựng các bệnh viện kết hợp nghỉ dưỡng trong các khu đô thị.

Tập trung xây dựng cơ chế liên kết đa tầng với các địa phương trong vùng Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, hình thành các trung tâm y tế chuyên sâu, trung tâm cấp cứu vùng và hệ thống khám chữa bệnh vệ tinh theo trục động lực Quy Nhơn - Pleiku - Lệ Thanh để tối ưu hóa nguồn lực khám, chữa bệnh. Trong đó, ưu tiên thiết lập mạng lưới y tế dự phòng hợp tác sâu rộng; chủ động phối hợp nghiên cứu khoa học và chuẩn hóa hệ thống chia sẻ dữ liệu dịch tễ thời gian thực.

Đặc biệt, tăng cường năng lực giám sát và phản ứng nhanh tại các vùng giáp ranh, đảm bảo kiểm soát chặt chẽ, không để dịch bệnh bùng phát và lây lan trên diện rộng.

3. Phương hướng phát triển hạ tầng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo

Phát triển hạ tầng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo tỉnh Gia Lai theo hướng đồng bộ, hiện đại, liên thông, phục vụ nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ, chuyển đổi số, phát triển kinh tế số và xã hội số; đưa khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo trở thành động lực chính thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nâng cao năng suất, chất lượng và năng lực cạnh tranh của tỉnh. Đến năm 2030, ưu tiên phát triển hạ tầng KHCN cấp tỉnh, cấp vùng, bao gồm việc hình thành Trung tâm Đổi mới sáng tạo cấp tỉnh; tiếp tục triển khai Khu đô thị Khoa học và Giáo dục Quy Hòa; xây dựng Trung tâm nghiên cứu và Ứng dụng KHCN vũ trụ.

Tập trung phát triển hạ tầng số, trung tâm dữ liệu, nền tảng Big Data, AI, cơ sở ươm tạo công nghệ, khu đổi mới sáng tạo và hệ thống kết nối cung - cầu công nghệ; nâng cấp các tổ chức khoa học công nghệ, cơ sở tiêu chuẩn - đo lường - chất lượng và hạ tầng đào tạo nguồn nhân lực công nghệ cao. Đồng thời thúc đẩy liên kết giữa nhà nước - nhà trường - doanh nghiệp, mở rộng hợp tác quốc tế, phát triển doanh nghiệp khoa học công nghệ, doanh nghiệp công nghệ số và doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; từng bước hình thành hệ sinh thái đổi mới sáng tạo hiện đại, bền vững và hội nhập quốc tế.

4. Phương hướng phát triển hạ tầng văn hóa, thể thao

Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa tại các di tích lịch sử, văn hoá, danh lam thắng cảnh, nhất là các di tích được xếp hạng trên địa bàn tỉnh; gắn kết chặt chẽ giá trị văn hóa với phát triển kinh tế, du lịch và hội nhập quốc tế. Tập trung xây dựng và phát triển đồng bộ hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ bản theo hướng đa năng, hiện đại từ cấp tỉnh đến cấp xã. Về thiết chế văn hóa: Ưu tiên nguồn lực đầu tư xây dựng mới Bảo tàng tỉnh Gia Lai tại phường Quy Nhơn, Bảo tàng lịch sử chuyên đề danh nhân văn hóa xứng tầm không gian phát triển mới; nâng cấp các nhà hát, trung tâm văn hóa, thư viện cấp tỉnh, thư viện Pleiku.

Về hạ tầng thể thao: Đột phá về không gian hạ tầng thể thao thông qua việc quy tụ, đầu tư xây dựng Khu Liên hợp Văn hóa - Thể thao Quốc tế tỉnh và Trung tâm Võ thuật cổ truyền Bình Định tập trung tại Khu đô thị mới Long Vân (Phường Quy Nhơn Tây) để đảm bảo quỹ đất và cơ sở vật chất đủ điều kiện đăng cai các sự kiện thể thao tầm cỡ quốc gia và quốc tế. Đồng thời, bố trí quỹ đất thu hút xã hội hóa phát triển quần thể hệ thống sân Golf kết hợp du lịch nghỉ dưỡng tại các địa phương có tiềm năng (Đak Đoa, Pleiku, Chư Prông, Ia Grai, Chư Păh, Mang Yang, Kbang và các khu vực phía Đông Nam của tỉnh).

Thu hút đầu tư vào lĩnh vực du lịch, thể thao tại các khu, điểm du lịch trọng điểm; đồng thời áp dụng cơ chế ưu đãi, cải cách thủ tục hành chính để phát triển công nghiệp văn hóa gắn với du lịch và kinh tế ban đêm. Quy hoạch, hình thành các không gian sáng tạo, công nghiệp văn hóa tại các đô thị trung tâm, góp phần thúc đẩy sáng tạo, phát triển sản phẩm văn hóa và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

5. Phương hướng phát triển hạ tầng các cơ sở bảo trợ xã hội

Phát triển hạ tầng các cơ sở bảo trợ xã hội của tỉnh Gia Lai theo hướng đồng bộ, hiệu quả và thích ứng với đặc thù không gian liên vùng ven biển – đồng bằng – miền núi – cao nguyên, trong đó lấy nâng cao chất lượng dịch vụ làm trọng tâm, duy trì ổn định hệ thống công lập, đẩy mạnh xã hội hóa có kiểm soát, bảo đảm đáp ứng nhu cầu chăm sóc, nuôi dưỡng, phục hồi chức năng và hỗ trợ hòa nhập cộng đồng cho các nhóm đối tượng yếu thế; hướng tới xây dựng hệ thống an sinh xã hội hiện đại, bao trùm và bền vững đến năm 2050.

6. Phương hướng phát triển hạ tầng thương mại

a) Hệ thống chợ, trung tâm thương mại, siêu thị:

Phát triển hệ thống chợ, trung tâm thương mại và siêu thị tỉnh Gia Lai theo hướng hiện đại, đồng bộ, đa chức năng, gắn với phát triển đô thị, du lịch, kinh tế cửa khẩu và nhu cầu tiêu dùng của người dân, du khách. Tập trung hình thành các trung tâm thương mại tổng hợp, tổ hợp mua sắm - dịch vụ - giải trí tại Quy Nhơn, Pleiku và các đô thị động lực; từng bước hiện đại hóa hệ thống chợ truyền thống, phát triển các chợ đầu mối chuyên ngành gắn với logistics và phân phối hàng hóa liên vùng. Đồng thời khuyến khích xã hội hóa đầu tư, phát triển thương mại thông minh, thương mại điện tử và hạ tầng bán lẻ hiện đại phù hợp với tốc độ đô thị hóa và phát triển dịch vụ của tỉnh.

b) Trung tâm logistics:

Phát triển hạ tầng logistics theo định hướng đưa tỉnh trở thành đầu mối logistics chiến lược của Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, gắn kết Cảng Quy Nhơn ở phía Đông và Cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh ở phía Tây thông qua Hành lang kinh tế Đông - Tây dọc Quốc lộ 19.

Từng bước hoàn thiện hệ thống kho bãi, kho lạnh, logistics thông minh, trung tâm phân phối và hạ tầng cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh; tăng cường ứng dụng công nghệ số, AI, Big Data, Blockchain và 5G trong quản lý, vận hành logistics và xuất nhập khẩu.

c) Hạ tầng Du lịch

Phương hướng phát triển hạ tầng du lịch của tỉnh Gia Lai tập trung hình thành hệ thống hạ tầng du lịch đồng bộ giữa khu vực duyên hải và cao nguyên; phát triển các trung tâm du lịch quy mô lớn gắn với các sản phẩm đặc thù (du lịch biển, du lịch sinh thái – nghỉ dưỡng cao nguyên, du lịch văn hóa); đồng thời tăng cường kết nối hạ tầng giao thông và ứng dụng công nghệ số trong quản lý, khai thác du lịch. Đến năm 2030, phấn đấu đón khoảng 18,5 triệu lượt khách.

Đẩy mạnh phát triển hạ tầng du lịch thông minh, chuyển đổi số toàn diện trong quản lý, khai thác và quảng bá du lịch; ứng dụng AI, Big Data, VR/AR, vé điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt và hệ thống dữ liệu du lịch liên thông toàn tỉnh nhằm nâng cao trải nghiệm du khách, kiểm soát sức tải các điểm du lịch và nâng cao năng lực cạnh tranh của du lịch Gia Lai trong nước và quốc tế.

IX. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN KHÔNG GIAN NGẦM

Phát triển không gian ngầm theo hướng đồng bộ, an toàn, tiết kiệm đất và phù hợp với điều kiện từng đô thị; ưu tiên phục vụ hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng số, giao thông tỉnh và các tiện ích công cộng thiết yếu. Ưu tiên các khu vực có mật độ xây dựng cao, trung tâm hành chính - chính trị, quảng trường, công viên, tuyến phố chính, khu du lịch, khu đô thị mới, khu công nghiệp, cụm công nghiệp và các đầu mối giao thông. Không ngầm hóa dân cư tại khu vực nông thôn, dân cư thưa, địa hình khó khăn hoặc nơi chưa đủ điều kiện đầu tư; áp dụng lộ trình linh hoạt, phù hợp nhu cầu sử dụng và khả năng huy động nguồn lực. Phát triển không gian ngầm phải gắn với bảo vệ nước ngầm, phòng chống ngập úng, an toàn công trình, phòng cháy chữa cháy, cứu nạn cứu hộ và quản lý vận hành lâu dài. Đến năm 2030, phần đầu từng bước hình thành khung quản lý không gian ngầm tại các đô thị trọng điểm, trước hết là Quy Nhơn (mở rộng gồm An Nhơn), Pleiku, Hoài Nhơn, An Khê và các đô thị trung tâm tiểu vùng. Trọng tâm là ngầm hóa hạ tầng kỹ thuật tại khu vực trung tâm, tuyến đường chính, khu đô thị mới, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu du lịch và khu vực có yêu cầu cao về mỹ quan đô thị.

X. ĐỊNH HƯỚNG SỬ DỤNG ĐẤT

Sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên đất, đảm bảo nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực, phù hợp với tiềm năng đất đai, nguồn lực đầu tư, lao động và hạ tầng kỹ thuật của tỉnh; phát huy hiệu quả các nguồn lực để thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh; bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu; phù hợp với định hướng sử dụng đất trong quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia và các quy hoạch khác có liên quan.

XI. PHƯƠNG HƯỚNG BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

1. Bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học

a) Về phân vùng môi trường:

Phân vùng môi trường tỉnh Gia Lai được thực hiện theo hướng đồng bộ, thống nhất với Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch vùng và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; bảo đảm hài hòa giữa yêu cầu bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên, di sản với phát triển đô thị, công nghiệp, dịch vụ, du lịch và kinh tế biển theo hướng bền vững. Việc phân vùng môi trường là cơ sở để quản lý không gian phát triển, kiểm soát ô nhiễm, quản lý xả thải, cấp phép môi trường, tổ chức quan trắc và bố trí các dự án đầu tư phù hợp với sức chịu tải của môi trường.

Phân vùng môi trường trên địa bàn tỉnh gồm 03 nhóm chính:

- Vùng bảo vệ nghiêm ngặt, gồm: Khu vực đô thị hiện trạng và dự kiến; Nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước; Khu bảo tồn thiên nhiên: các khu bảo tồn thiên nhiên theo quy định của pháp luật về đa dạng sinh học, lâm nghiệp và thủy sản; Khu vực bảo vệ 1 của di tích lịch sử - văn hoá theo quy định của pháp luật về di sản văn hoá; Vùng lõi của các di sản thiên nhiên.

- Vùng hạn chế phát thải, gồm: Vùng đệm phát triển không gian xanh của các vùng bảo vệ nghiêm ngặt; Hành lang bảo vệ nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, vùng đệm khu bảo tồn thiên nhiên và một số vùng nhạy cảm cần kiểm soát môi trường;

- Vùng khác là các khu vực còn lại trên địa bàn tỉnh.

Việc phân vùng bảo đảm tính kế thừa, ổn định, linh hoạt và phù hợp với yêu cầu quản lý môi trường trong từng giai đoạn phát triển của tỉnh.

b) Về bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học:

Bảo tồn, phát triển và sử dụng bền vững đa dạng sinh học về các nguồn gen, loài sinh vật và hệ sinh thái phong phú trên địa bàn tỉnh.

Hoàn thiện được bộ cơ sở dữ liệu về hiện trạng và quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh Gia Lai. Đến năm 2030, thành lập và đưa vào hoạt động 04 khu bảo tồn thiên nhiên: (1) Sáp nhập Vườn quốc gia Kon Ka Kinh với Khu bảo tồn thiên nhiên Kon Chư Răng, Khu bảo tồn thiên nhiên An Toàn, khu vực rừng đặc dụng Trạm Lập, khu vực rừng đặc dụng Đăk Roong; hình thành Khu Dự trữ thiên nhiên Vĩnh Thạnh và sáp nhập vào khu vực trên; (2) Khu bảo tồn biển Vịnh Quy Nhơn; (3) Khu bảo tồn Đầm Thị Nại; (4) Khu Dự trữ thiên nhiên Chư Mố; mở rộng vùng lõi Khu dự trữ sinh quyển thế giới Cao nguyên Kon Hà Nừng sang Khu bảo tồn thiên nhiên An Toàn và hình thành 01 vùng lõi liên kết (gồm Kon Ka Kinh – Đăk Rong, Trạm Lập - Kon Chư Răng – An Toàn). Đến năm 2050, tiếp tục thành lập, nâng cấp các khu bảo tồn, vùng đất ngập nước quan trọng còn lại trong quy hoạch (Khu rừng lịch sử, văn hóa, cảnh quan Núi Bà; Khu rừng lịch sử cảnh quan Quy Hòa-Ghềnh Ráng; Khu rừng lịch sử, văn hóa, cảnh quan Vườn Cam - Nguyễn Huệ; Khu di tích Vườn Mít, cánh đồng cô Hầu; khu dự trữ thiên nhiên Đầm Trà Ô; Khu bảo tồn Hồ Ialy; Biển Hồ; hồ Ayun Hạ; sông Sê San - Hồ Ialy; Đầm Đê Gi,...); hoàn thiện hồ sơ mở rộng vùng lõi Khu dự trữ sinh quyển thế giới Cao nguyên Kon Hà Nừng trình UNESCO xem xét, công nhận”.

c) Phương hướng quan trắc môi trường:

Phát triển mạng lưới quan trắc phải đồng bộ, tiên tiến và có đội ngũ nhân lực đủ năng lực để theo dõi và vận hành. Là một hệ thống mở, liên tục được bổ sung, nâng cấp và hoàn thiện, kết nối và chia sẻ thông tin dữ liệu quan trắc môi trường bảo đảm hiệu quả thông suốt. Rà soát hoàn thiện mạng lưới điểm quan trắc môi trường trên địa bàn tỉnh Gia Lai phù hợp với mạng lưới quan trắc tài nguyên và môi trường quốc gia, các điểm quan trắc, thành phần, thông số, tần suất quan trắc môi trường phù hợp với hiện trạng và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Đến năm 2030, duy trì và hoàn thiện 190 điểm quan trắc môi trường tự động trên địa bàn tỉnh; tập trung quan trắc các thành phần môi trường gồm nước mặt, nước dưới đất, không khí, đất, nước biển ven bờ, trầm tích, môi trường phóng xạ, nhựa và vi nhựa, hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu.

2. Phương hướng khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên

Khai thác, chế biến, sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên khoáng sản, không làm ảnh hưởng môi trường và các danh lam, thắng cảnh trên địa bàn tỉnh.

Thực hiện đóng cửa các mỏ khoáng sản đã hết thời hạn, trữ lượng khai thác; quy hoạch thực hiện và mở rộng các mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng theo quy định của pháp luật.

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước đối với công tác quản lý tài nguyên, khoáng sản trên địa bàn theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, tận dụng tối đa nguồn vật liệu xây dựng để phát triển hạ tầng đô thị, giao thông.

XII. PHƯƠNG HƯỚNG BẢO VỆ, KHAI THÁC, SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN RỪNG TRÊN ĐỊA BÀN

Phát triển lâm nghiệp bền vững là phát triển toàn diện, đồng bộ các hoạt động quản lý, bảo vệ, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng, trồng rừng, khai thác, chế biến, thương mại lâm sản, dịch vụ môi trường rừng, phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí. Tạo sinh kế bằng việc tăng cường tiếp cận rừng, đất rừng thông qua giao đất, giao rừng, tín dụng để phát triển rừng, đào tạo nâng cao trình độ sản xuất, các hoạt động tạo lập thu nhập từ quản lý, bảo vệ rừng cho người dân sống ở vùng có rừng trên cơ sở huy động các nguồn lực xã hội để đầu tư, bảo vệ và phát triển rừng, khai thác, hưởng lợi từ rừng, góp phần tăng trưởng kinh tế, tạo việc làm, giảm nghèo và bảo vệ môi trường sinh thái.

Đến năm 2030, duy trì khoảng 301.151 ha rừng phòng hộ, 137.476 ha rừng đặc dụng và 639.588 ha rừng sản xuất; bảo vệ hiệu quả các hệ sinh thái rừng tại Vườn quốc gia Kon Ka Kinh, Khu bảo tồn thiên nhiên Kon Chư Răng, Khu bảo tồn thiên nhiên An Toàn, Khu Dự trữ thiên nhiên Vĩnh Thạnh, Khu dự trữ sinh quyển thế giới Cao nguyên Kon Hà Nừng, Khu rừng lịch sử cảnh quan Quy Hòa-Ghềnh Ráng... Tập trung phát triển kết cấu hạ tầng lâm nghiệp đồng bộ gồm đường lâm nghiệp, trạm bảo vệ rừng, hạ tầng phòng cháy chữa cháy rừng, hệ thống quan trắc, cơ sở giống, trung tâm nghiên cứu, chế biến lâm sản và hạ tầng phục vụ bảo tồn thiên nhiên, du lịch sinh thái, ứng dụng công nghệ cao và chuyển đổi số trong quản lý, giám sát tài nguyên rừng. Đồng thời thúc đẩy phát triển kinh tế lâm nghiệp theo chuỗi giá trị, phát triển kinh tế dưới tán rừng, khai thác hiệu quả dịch vụ hệ sinh thái và tăng cường năng lực thích ứng biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh.

XIII. PHƯƠNG HƯỚNG KHAI THÁC, SỬ DỤNG, BẢO VỆ TÀI NGUYÊN NƯỚC, PHÒNG, CHỐNG VÀ KHẮC PHỤC TÁC HẠI DO NƯỚC GÂY RA

Phân vùng tài nguyên nước: Tài nguyên nước tỉnh được phân thành 17 tiểu lưu vực chính, gồm: Lưu vực thượng sông Ba, lưu vực thượng sông Ayun, lưu vực trung sông Ba, lưu vực hạ sông Ba, lưu vực sông Sê San, lưu vực sông Ia Đrăng, lưu vực sông Ia Lốp, Thượng sông Kôn, Trung Sông Kôn, Hạ Sông Kôn, Sông Hà Thanh, Thượng Lại Giang, Sông Kim Sơn, Hạ Lại Giang, Sông Thiện Chánh, Đầm Trà Ô và phụ cận, Sông La Tinh.

Ưu tiên phân bổ nguồn nước cho các đối tượng khai thác, sử dụng nước theo thứ tự: (1) nhu cầu nước cho sinh hoạt; (2) nhu cầu nước cho dịch vụ, công nghiệp; (3) nhu cầu nước cho thủy sản, nông nghiệp và các lĩnh vực khác trong đó nước phục vụ sinh hoạt đảm bảo 100% nhu cầu. Hạn chế khai thác nước ngầm tại khu vực Tây Gia Lai.

Cải thiện chất lượng nước, khắc phục tình trạng ô nhiễm tại các đoạn sông, nguồn nước nội tỉnh hiện đang bị ô nhiễm hoặc chưa đáp ứng được mục đích sử dụng đề ra; duy trì, bảo vệ chất lượng nước mặt chưa bị ô nhiễm để bảo đảm đáp ứng được mục tiêu chất lượng nước trong kỳ quy hoạch.

Kiểm soát hiệu quả các nguồn thải hiện có và các nguồn thải mới phát sinh: Nước thải công nghiệp, sinh hoạt, y tế,... và các loại nước thải khác được thu gom, xử lý đạt quy chuẩn hiện hành tương đương với chất lượng nước nguồn tiếp nhận dùng cho mục đích sinh hoạt.

XIV. PHƯƠNG HƯỚNG PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH.

a) Phương hướng phòng chống thiên tai: Phân vùng rủi ro đối với từng loại thiên tai trên địa bàn tỉnh, xác định các khu vực ưu tiên phòng, chống đối với từng loại thiên tai. Mục tiêu là đưa ra các biện pháp nhằm giảm thiểu thiệt hại về người, sinh kế, nhà ở, kinh tế - xã hội và cơ sở hạ tầng do thiên tai gây ra, bao gồm hai nhóm biện pháp cơ bản: Nhóm biện pháp phi công trình và nhóm biện pháp công trình, nhằm đạt được mục tiêu chung là kiểm soát được thiên tai và giảm thiểu các thiệt hại về con người, tài sản do thiên tai gây ra.

b) Phương hướng ứng phó với biến đổi khí hậu: Nâng cao năng lực chống chịu với biến đổi khí hậu của hệ thống kết cấu hạ tầng. Thiết lập hệ thống giám sát và đánh giá các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu. Triển khai các phương án giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả năng lượng, phát triển và sử dụng năng lượng mới, năng lượng tái tạo, đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến thiên tai, tài nguyên, môi trường, hệ sinh thái, hoạt động kinh tế - xã hội và các vấn đề liên ngành, liên vùng, liên lĩnh vực, nhằm hạn chế rủi ro, tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu gây ra.

Xây dựng được các giải pháp trọng tâm và ưu tiên nhằm ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu đối với từng ngành, lĩnh vực và khu vực. Ứng dụng cách tiếp cận thích ứng với biến đổi khí hậu dựa vào hệ sinh thái. Tuyên truyền, giáo dục và nâng cao nhận thức cho toàn dân về tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu, đồng thời nâng cao ý thức và trách nhiệm của toàn dân vào các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu. Huy động các nguồn lực tài chính trong đó bao gồm cả nguồn tài trợ quốc tế và ngân sách nhà nước trong ứng phó với biến đổi khí hậu.

Đối với việc đề xuất các dự án để triển khai các phương án phát triển ngành, lĩnh vực do Ủy ban nhân dân tỉnh rà soát, tổng hợp trong Quyết định phê duyệt.

XV. GIẢI PHÁP VÀ NGUỒN LỰC THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Giải pháp về vốn đầu tư

Để đạt tốc độ tăng trưởng GRDP giai đoạn 2026-2030 bình quân khoảng 10,5%/năm, tỉnh cần huy động khoảng từ 610 đến 650 nghìn tỷ đồng vốn đầu tư cho toàn giai đoạn, bình quân khoảng từ 122 đến 130 nghìn tỷ đồng/năm; trong đó dự kiến từ Ngân sách nhà nước khoảng 25%, khu vực tư nhân và FDI khoảng 62%, còn lại là các nguồn vốn khác (ODA, PPP và tín dụng xanh...) khoảng 13%.

Nguồn vốn từ Ngân sách nhà nước chủ yếu được bố trí cho các công trình kết cấu hạ tầng chiến lược, các dự án giao thông liên vùng, các công trình hạ tầng xã hội thiết yếu, các chương trình mục tiêu quốc gia và các dự án có tính chất dẫn dắt, mở rộng không gian phát triển và nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh trong dài hạn.

Khu vực kinh tế tư nhân tiếp tục là động lực quan trọng đối với tăng trưởng kinh tế của tỉnh trong giai đoạn 2026-2030, tập trung vào các lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo, năng lượng tái tạo, logistics và cảng biển, nông nghiệp công nghệ cao, du lịch và phát triển đô thị.

Đối với nguồn vốn FDI, thu hút các đối tác có tiềm lực tài chính, công nghệ và kinh nghiệm quản trị hiện đại, trọng tâm cần hướng vào các ngành công nghiệp chế biến sâu, năng lượng tái tạo, công nghệ số, logistics, dịch vụ cảng biển và du lịch chất lượng cao; thu hút đầu tư có chọn lọc, lấy chất lượng, hiệu quả, trình độ công nghệ, giá trị gia tăng và khả năng lan tỏa làm tiêu chí đánh giá chủ yếu thay cho mục tiêu thu hút vốn đơn thuần.

Tỉnh cần tập trung xây dựng danh mục các dự án có khả năng thu hút đầu tư theo phương thức PPP trong các lĩnh vực giao thông, logistics, cấp nước, xử lý chất thải, hạ tầng số và phát triển đô thị... lấy đầu tư công dẫn dắt đầu tư tư, trong đó nguồn vốn nhà nước tập trung đầu tư các hạng mục hạ tầng khung và các công trình kết nối, tạo điều kiện để khu vực tư nhân tham gia đầu tư vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh và dịch vụ có khả năng hoàn vốn.

2. Giải pháp phát triển nguồn nhân lực

Phát triển nguồn nhân lực được xác định là một trong những đột phá để hiện thực hóa mục tiêu xây dựng Gia Lai trở thành tỉnh phát triển khá của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên. Tập trung phát triển nguồn nhân lực theo hướng lấy nhu cầu của nền kinh tế và doanh nghiệp làm trung tâm; ưu tiên hình thành hệ sinh thái nhân lực phục vụ các lĩnh vực chiến lược gồm: kinh tế biển và logistics quốc tế; công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp xanh và năng lượng; du lịch chất lượng cao và dịch vụ quốc tế; chuyển đổi số, kinh tế số, kinh tế dữ liệu; đô thị thông minh, khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp công nghệ.

Đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, nhân lực số và năng lực thích ứng với chuyển đổi số; chú trọng đào tạo kỹ năng số, AI, dữ liệu, tự động hóa, thương mại điện tử, quản trị nền tảng số, an toàn thông tin và an ninh mạng. Đồng thời đổi mới căn bản hệ thống giáo dục nghề nghiệp và đào tạo kỹ thuật theo hướng hiện đại, linh hoạt, gắn chặt với doanh nghiệp và thị trường lao động; phát triển các cơ sở đào tạo chất lượng cao trong các lĩnh vực logistics và vận tải biển, cơ điện tử, tự động hóa, công nghệ thông tin, AI, năng lượng tái tạo, công nghệ biển, du lịch quốc tế và dịch vụ chất lượng cao; mở rộng hợp tác với các cơ sở đào tạo, doanh nghiệp và trung tâm công nghệ trong nước và quốc tế.

Xây dựng cơ chế thu hút, trọng dụng và giữ chân nhân tài; phát triển đồng bộ hạ tầng xã hội, nhà ở công nhân, nhà ở chuyên gia, cơ sở giáo dục, y tế, văn hóa và các thiết chế phục vụ người lao động gắn với các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu dịch vụ và đô thị động lực. Đồng thời tăng cường xã hội hóa, đa dạng hóa

nguồn lực đầu tư cho giáo dục, đào tạo và phát triển kỹ năng lao động; hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu và dự báo thị trường lao động đồng bộ, hiện đại; quan tâm đào tạo nghề, chuyển đổi việc làm cho lao động vùng miền núi, biên giới, xã đảo, lao động chuyển đổi từ khai khoáng và các nhóm lao động yếu thế nhằm bảo đảm phát triển nguồn nhân lực toàn diện, bao trùm và bền vững.

3. Giải pháp về khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số

Xây dựng, phát triển, thu hút nguồn nhân lực khoa học công nghệ tỉnh Gia Lai theo hướng phải đi trước một bước và đáp ứng, ngang tầm với từng thời kỳ, trình độ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Giai đoạn 2026 – 2030, dựa vào các chủ trương, chính sách hiện có, cần tích hợp đề rà soát, đánh giá một cách toàn diện về nguồn nhân lực nói chung và đặc biệt là nhân lực về khoa học công nghệ nói riêng. Từ đó, đề ra các chính sách, chiến lược đào tạo đi cùng với chính sách thu hút và đãi ngộ cả về số lượng, chất lượng và cơ cấu một cách hiệu quả.

Ưu tiên bồi dưỡng nhân tài, kỹ thuật viên và công nhân lành nghề cho các lĩnh vực KH&CN và các ngành trọng tâm, mũi nhọn của tỉnh.

Cung cấp dữ liệu, thông tin chia sẻ, dữ liệu mở, hệ sinh thái nội dung số cho xã hội, nền kinh tế, các doanh nghiệp công nghệ nhằm tạo ra dòng chảy dữ liệu, động lực phát triển dữ liệu, tăng giá trị dữ liệu, là cơ sở để đổi mới sáng tạo, phát triển các dịch vụ nội dung số, phát triển nền kinh tế số, truyền thông - quảng cáo số; dịch vụ sáng tạo thông minh; thương mại điện tử... Xây dựng, ban hành và triển khai kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (gọi tắt là doanh nghiệp SMES) thông qua việc sử dụng các nền tảng số, doanh nghiệp ngành nghề truyền thống, doanh nghiệp sản xuất chuyển đổi sang cung cấp sản phẩm, dịch vụ trên các nền tảng số, sản xuất thông minh, từng bước tái cấu trúc doanh nghiệp, nâng cao năng lực nội tại của doanh nghiệp. Thúc đẩy thanh toán trực tuyến trong thực hiện dịch vụ công; thanh toán không dùng tiền mặt; các cơ sở y tế, giáo dục thanh toán không dùng tiền mặt.

Đổi mới mạnh mẽ mô hình tăng trưởng theo hướng lấy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chủ yếu; chuyển từ phát triển theo chiều rộng sang chiều sâu. Trọng tâm là phát triển kinh tế số, doanh nghiệp công nghệ số, AI, bán dẫn, hạ tầng dữ liệu và nâng cao năng lực tự chủ công nghệ.

Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo và doanh nghiệp công nghệ, Hỗ trợ hình thành doanh nghiệp công nghệ số, thúc đẩy khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, phát triển trung tâm đổi mới sáng tạo và liên kết chặt chẽ giữa doanh nghiệp với viện, trường. Tập trung vào các lĩnh vực: AI, bán dẫn, an toàn an ninh mạng, công nghệ sinh học, công nghệ môi trường, nông nghiệp thông minh và chế biến sâu.

Tập trung phát triển nhân lực AI, bán dẫn, dữ liệu; mở rộng đào tạo STEM và kỹ năng số. Tiếp tục đẩy mạnh các phong trào “Bình dân học vụ số”, “Bình dân AI học vụ” và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo.

Đẩy mạnh số hóa dữ liệu, xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung, phát triển trung tâm dữ liệu và liên thông dữ liệu. Ưu tiên phát triển hạ tầng số tại miền núi,

vùng sâu, vùng xa nhằm thu hẹp khoảng cách số và nâng cao khả năng tiếp cận công nghệ của người dân.

Phát huy lợi thế không gian phát triển mới sau sáp nhập để thúc đẩy liên kết cao nguyên – duyên hải, logistics, cảng biển, công nghiệp chế biến, du lịch và kinh tế số. Mở rộng hợp tác quốc tế về AI, bán dẫn, công nghệ chiến lược; phát triển đối ngoại khoa học-công nghệ và nâng cao năng lực bảo vệ chủ quyền số, an ninh mạng.

4. Giải pháp về môi trường

Tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường; nâng cao năng lực cho cơ quan quản lý môi trường các cấp từ tỉnh đến phường/xã, bảo đảm đồng bộ về tổ chức bộ máy, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ công tác quản lý, giám sát và bảo vệ môi trường. Đẩy mạnh đào tạo, tập huấn chuyên môn cho đội ngũ cán bộ quản lý môi trường; tăng cường lực lượng phòng, chống tội phạm về môi trường, nâng cao năng lực phát hiện, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về môi trường, nhất là các hành vi gây ô nhiễm nghiêm trọng, có tổ chức. Đồng thời tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách, hệ thống văn bản pháp luật và cơ chế phối hợp giữa các cơ quan, địa phương trong công tác bảo vệ môi trường, bảo đảm đồng bộ, thống nhất và phù hợp với thực tiễn phát triển của tỉnh.

Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến pháp luật và xây dựng lối sống thân thiện với môi trường; phát động các phong trào phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn, hạn chế sử dụng nhựa dùng một lần, thúc đẩy tiêu dùng bền vững, hình thành xã hội ít chất thải, phát thải các-bon thấp và thân thiện với môi trường. Đồng thời tăng cường và đa dạng hóa nguồn lực đầu tư cho bảo vệ môi trường, ưu tiên xử lý ô nhiễm tại các khu vực khai thác, chế biến khoáng sản; xử lý chất thải nhựa tại các khu vực ven biển; xử lý nước thải đô thị, khu du lịch, khu công nghiệp, cụm công nghiệp và phục hồi các khu vực môi trường bị ô nhiễm, suy thoái.

Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số, viễn thám và các công nghệ hiện đại trong quan trắc, giám sát, cảnh báo và quản lý môi trường; thúc đẩy hợp tác liên vùng và hợp tác quốc tế trong bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và thích ứng biến đổi khí hậu, đặc biệt với các địa phương trong vùng.

5. Giải pháp về cơ chế, chính sách liên kết phát triển

Nghiên cứu, ban hành các cơ chế, chính sách trên các lĩnh vực để thu hút các nguồn lực cho phát triển như: cơ chế, chính sách phát triển vùng động lực, chính sách thu hút các nhà đầu tư lớn, chính sách phát triển các ngành sản xuất sản phẩm thân thiện môi trường, chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Thúc đẩy liên kết giữa Gia Lai với các địa phương trong vùng tập trung vào các lĩnh vực sau: (i) mạng lưới giao thông, vận tải; (ii) phát triển công nghiệp, logistics; (iii) du lịch; (iv) nông nghiệp; (v) y tế và giáo dục và đào tạo.

Tạo điều kiện cho các doanh nghiệp trong việc tiếp cận thông tin, thâm nhập và mở rộng thị trường. Xúc tiến thiết lập quan hệ hợp tác hữu nghị với các đối tác, địa phương nước ngoài, trước hết là quan hệ hợp tác hữu nghị ở cấp địa phương với một số địa phương của Nhật Bản và Hàn Quốc.

6. Giải pháp về quản lý, kiểm soát phát triển đô thị và nông thôn

Nghiên cứu các mô hình và thực tiễn quản lý phát triển đô thị và nông thôn để nâng cao năng lực quản lý và thực thi của chính quyền. Ứng dụng các biện pháp kỹ thuật tiên tiến trong quản lý phát triển đô thị và nông thôn nhằm đảm bảo sự phát triển hiện đại, văn minh và thân thiện với môi trường. Xây dựng và thực hiện đồng bộ các cơ chế, chính sách để phát triển các đô thị trung tâm trở thành các đô thị hiện đại, thông minh, dẫn dắt và tạo hiệu ứng lan tỏa, liên kết vùng đô thị. Quản lý giám sát chặt chẽ đảm bảo việc xây dựng đồng bộ hệ thống hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật, kết nối mạng lưới hạ tầng chung của địa phương và các vùng phụ cận.

7. Giải pháp về tổ chức và giám sát thực hiện quy hoạch

Đẩy mạnh cải cách hành chính, hoàn thiện bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm; tăng cường ứng dụng công nghệ số, xây dựng chính quyền điện tử, hành chính số.

Tổ chức công bố công khai, minh bạch Quy hoạch tỉnh; bảo đảm sự tham gia, giám sát của người dân, doanh nghiệp và các tổ chức trong quá trình triển khai thực hiện.

Cụ thể hoá các nội dung của Quy hoạch tỉnh bao gồm các dự án đầu tư công; dự án đầu tư sử dụng các nguồn vốn khác ngoài vốn đầu tư công; xác định các nguồn lực và việc sử dụng nguồn lực để thực hiện quy hoạch. Đầu tư phát triển theo quy hoạch đã được phê duyệt, theo đó phát triển nguồn nhân lực, phát triển khoa học và công nghệ đi đôi với bảo vệ môi trường và bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Xây dựng, điều chỉnh, bổ sung các chương trình, kế hoạch, đề án phát triển các ngành, lĩnh vực, địa phương để cụ thể hóa mục tiêu Quy hoạch tỉnh, bảo đảm phù hợp với Quy hoạch được duyệt nhằm phát huy, khai thác có hiệu quả những tiềm năng, lợi thế của tỉnh./.

BÁO CÁO

**Tổng hợp tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của Ban Kinh tế - Ngân sách,
HĐND tỉnh đối với dự thảo Nghị quyết điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Gia Lai
thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050**

Kính gửi: Ban Kinh tế - Ngân sách, Hội đồng nhân dân tỉnh.

Ngày 03 tháng 7 năm 2026, tại Trụ sở Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai, Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh đã tổ chức thẩm tra Dự thảo Nghị quyết về thông qua điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Gia Lai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (theo Giấy mời số 09/GM-KTNS);

Tại cuộc họp, có 07 đại biểu có ý kiến tham gia góp ý đối với dự thảo Nghị quyết thông qua điều chỉnh Quy hoạch tỉnh và hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh.

Các ý kiến tham gia của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh tập trung góp ý vào các nhóm vấn đề chính như: (1) xem xét căn cứ pháp lý; (2) rà soát mục tiêu tổng quát, mục tiêu cụ thể đảm bảo phù hợp với Nghị quyết 336/NQ-HĐND ngày 15/6/2026 của HĐND tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2026 - 2030 ; (3) rà soát tên các xã, phường theo tên đơn vị hành chính mới sau sáp nhập; (4) làm rõ 04 đô thị loại II; thống kê đầy đủ tên của 24 đô thị loại III; (5) rà soát định hướng phát triển hệ thống các khu công nghiệp, cụm công nghiệp..., lưu ý các điểm mở khoáng sản và các vấn đề khác.

Trên cơ sở ý kiến tham gia, đơn vị tư vấn đã tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý đồng thời chỉnh sửa trực tiếp vào dự thảo Nghị quyết và hồ sơ liên quan (có Phụ lục tiếp thu, giải trình ý kiến và dự thảo Nghị quyết kèm theo).

Trên đây là Báo cáo Tổng hợp tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của Ban Kinh tế - Ngân sách đối với dự thảo Nghị quyết điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Gia Lai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Sở Tài chính kính báo cáo Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Lãnh đạo Sở (báo cáo);
- Lưu: VT, TH, BQL.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Trần Vũ Thanh Hùng

**BẢNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN CỦA BAN KINH TẾ NGÂN
SÁCH ĐỐI VỚI ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH TỈNH GIA LAI
THỜI KỲ 2021 – 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung tiếp thu
I	Đối với dự thảo Nghị quyết	
1.	Tại phần căn cứ: đề nghị bỏ các căn cứ Quyết định thuộc thẩm quyền UBND tỉnh phê duyệt.	Tiếp thu, bỏ 02 Quyết định số 2832/QĐ-UBND và Quyết định số 894/QĐ-UBND.
II	Đối với phụ lục Nội dung điều chỉnh quy hoạch tỉnh kèm theo dự thảo Nghị quyết HĐND	
1	Mục Phạm vi, ranh giới quy hoạch	
-	Xem xét không dung từ “Toàn bộ phạm vi phần lãnh thổ tỉnh Gia Lai” thay bằng “toàn bộ địa giới hành chính tỉnh Gia Lai”	Tiếp thu và đã chỉnh sửa theo ý kiến góp ý tại Mục I - Phụ lục Nội dung điều chỉnh kèm theo Dự thảo Nghị quyết của HĐND
2	Mục tiêu phát triển đến năm 2030	
a	Mục tiêu tổng quát: Bổ sung mục tiêu về lĩnh vực quốc phòng, an ninh	Tiếp thu và đã bổ sung mục tiêu về quốc phòng, an ninh vào phần Mục tiêu tổng quát như sau: “quốc phòng, an ninh được đảm bảo vững chắc”
b	Mục tiêu cụ thể	
-	Rà soát, xem xét một số chỉ tiêu đảm bảo sự thống nhất với Nghị quyết 336/NQ-HĐND ngày 15/6/2026 của HĐND tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2026 - 2030	Tiếp thu và đã rà soát cập nhật, điều chỉnh một số chỉ tiêu phù hợp với NQ 336/NQ-HĐND gồm: + Đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng đạt từ 55% trở lên. + Kinh tế số đạt khoảng 30% GRDP + Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 75,2%. + Duy trì 100% trạm y tế có bác sĩ; - Riêng về chỉ tiêu GRDP bình quân đầu người đến năm 2030 là 5.900 - 6.000 USD, thấp hơn NQ 36/NQ-HĐND, giải tình như sau: Gia Lai sau sáp nhập về không gian cũng như quy mô nền kinh tế có những biến động nên khó có thể tính trung bình cộng của 2 tỉnh cũ làm thành

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung tiếp thu
		con số GRDP bình quân đầu người giai đoạn 2026-2030. Do đó, căn cứ vào dự địa phát triển của tỉnh để tính tốc độ tăng trưởng theo kịch bản và được trình bày trình bày chi tiết ở Mục I - Phần hai của Báo cáo thuyết minh tổng hợp, để có được tốc độ tăng trưởng GRDP đầu người đến năm 2030 là 6.000 USD.
-	Xem xét chỉ tiêu: “Đến năm 2030, phấn đấu đón 18,5 triệu lượt khách du lịch; trong đó có 1,1 triệu lượt khách quốc tế (<i>trong khi đó Quy hoạch tỉnh Bình Định cũ đã dự kiến 2,5 triệu lượt khách quốc tế</i>)	Đã rà soát đảm bảo phù hợp với Nghị quyết 336/NQ-HĐND ngày 15/6/2026 của HĐND tỉnh
-	Bổ sung chỉ tiêu <i>Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ;</i>	Tiếp thu; sau khi trao đổi, thống nhất với Sở Giáo dục và Đào tạo đã bổ sung chỉ tiêu: Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt khoảng 30%
-	Chỉnh sửa chỉ tiêu “ <i>Duy trì 100% trạm y tế có bác sĩ làm việc</i> ” trong đó bỏ cụm từ “làm việc”.	Tiếp thu, đã chỉnh sửa trong dự thảo Nghị quyết
-	Bổ sung chỉ tiêu Tuổi thọ trung bình nhằm phù hợp với chỉ tiêu tại Nghị quyết số 72-NQ/TW	Chỉ tiêu “Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh đạt 75,5 tuổi” đã được nêu tại Báo cáo thuyết minh tổng hợp, đây là chỉ tiêu nhỏ thuộc lĩnh vực y tế, sức khỏe nên không đưa vào Nghị quyết của HĐND tỉnh.
-	Đề nghị rà soát, cập nhật chỉ tiêu Tỷ lệ che phủ rừng, đảm bảo thống nhất với Quy hoạch tổng thể quốc gia (<i>lưu ý Quy hoạch lâm nghiệp đưa ra 18 ngàn ha vậy có đảm bảo tỷ lệ che phủ rừng trong quy hoạch tỉnh hay không</i>)	Đã rà soát đảm bảo phù hợp với Nghị quyết 336/NQ-HĐND ngày 15/6/2026 của HĐND tỉnh; đồng thời tính toán đến việc trồng rừng bổ sung và trồng cây gỗ lớn để đảm bảo độ che phủ rừng đạt mục tiêu đề ra.
3	Đề nghị rà soát thống nhất dùng từ “Phương hướng phát triển” hoặc “Phương án phát triển” để đảm bảo tính thống nhất trong toàn bộ văn bản	Tiếp thu, đã chỉnh sửa và thống nhất dùng từ “phương hướng phát triển” trong toàn bộ văn bản.

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung tiếp thu
4	Đề nghị rà soát tên các xã, phường theo tên đơn vị hành chính mới sau sáp nhập	Tiếp thu và đã rà soát chỉnh sửa tên các xã, phường theo đúng tên các đơn vị hành chính mới sau sáp nhập trong toàn bộ văn bản và hồ sơ kèm theo.
5	Tại mục “Phương hướng tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội” đề nghị thống nhất các cụm từ như: Ba trung tâm tăng trưởng - Ba khu vực động lực; Bốn vùng kinh tế - Bốn phân vùng chức năng	Tiếp thu và đã rà soát sử dụng các cụm từ: Ba khu vực động lực và Bốn vùng kinh tế
6	Tại mục Phương hướng phát quy hoạch hệ thống đô thị: Đề nghị làm rõ 04 đô thị loại II; Thống kê đầy đủ tên của 24 đô thị loại III.	Tiếp thu và chỉnh sửa, bổ sung như sau: + 04 đô thị loại II gồm: Quy Nhơn (mở rộng gồm An Nhơn), Pleiku; Hoài Nhơn, An Khê. + 24 đô thị loại III gồm: Ayun Pa, Cát Tiến, Đê Gi, Phù Mỹ, Bình Dương, Hoài Ân, Vân Canh, Vĩnh Thạnh, An Lão, Ia Ly, Chư Păh, Chư Prông, Chư Puh, Đak Pơ, Kbang, Kông Chro, Phú Thiện, Phú Túc, Mang Yang, Ia Grai, Đức Cơ, An Lương, An Hòa, Ia Pa,
7	Rà soát tên các tuyến đường tỉnh khu vực phía Tây Gia Lai	Tiếp thu và chỉnh sửa như sau: + Gia Lai Tây: 09 tuyến gồm 661, 662, 663, 664, 665, 666, 667, 668, 669, 670
8	Phương hướng mạng lưới phát triển giao thông a. Đường bộ: trùng tuyến đường kết nối Đông Tây (Kông Chro – Vân Canh)	Tiếp thu, đã rà soát loại bỏ nội dung trùng lặp
9	Đánh giá thêm định hướng phát triển Khu Kinh tế Nhơn Hội, xác định Trung tâm hành chính đặt ở Quy Nhơn (không nêu vị trí cụ thể)	Thống nhất, nội dung này đã được đề cập tại Báo cáo thuyết minh tổng hợp.
10	Tại điểm a mục 1 phần IV. Phương án quy hoạch hệ thống đô thị (nội dung Nhóm đô thị thành phần trong chuỗi phía Đông): Rà soát, nghiên cứu đối với một số địa phương có ranh	Tiếp thu, nội dung này đã được tư vấn nghiên cứu, trao đổi với Sở Xây dựng và thống nhất đưa vào trong báo cáo thuyết minh tổng hợp. Đồng thời biên tập lại mục 1 phần IV của dự thảo Nghị quyết.

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung tiếp thu
	giới tách biệt so với tổng thể không gian của chuỗi.	
10	Tại phần V. Phương hướng phát triển các khu chức năng; phương hướng phát triển cụm công nghiệp, bổ sung nội dung các vùng sản xuất tập trung trên địa bàn tỉnh: + Nghiên cứu bổ sung các nội dung: Giải pháp bảo vệ, cải tạo và phục hồi môi trường, cảnh quan tại các khu vực khai thác mỏ đất; yêu cầu bảo vệ quốc phòng, an ninh; + Rà soát bổ sung nội dung Các vùng sản xuất tập trung trên địa bàn tỉnh cho phù hợp với trích yếu phần V.	- Đối với nội dung: Nghiên cứu bổ sung các nội dung: Giải pháp bảo vệ, cải tạo và phục hồi môi trường, cảnh quan tại các khu vực khai thác mỏ đất; yêu cầu bảo vệ quốc phòng, an ninh: + Giải pháp bảo vệ, cải tạo và phục hồi môi trường, cảnh quan tại các khu vực khai thác mỏ đất: Nội dung này đã được nghiên cứu, lồng ghép vào khoản 4 mục XV của dự thảo Nghị quyết. + Yêu cầu bảo vệ quốc phòng, an ninh: Tiếp thu, đã bổ sung vào mục tiêu tổng quát. - Đối với nội dung: Rà soát bổ sung nội dung các vùng sản xuất tập trung trên địa bàn tỉnh cho phù hợp với trích yếu phần V: Nội dung này đã được rà soát và thể hiện tại khoản 4 mục V của dự thảo.
III	Đối với hồ sơ Điều chỉnh quy hoạch tỉnh kèm theo	
1	Bổ sung, cập nhật các căn cứ chính trị, pháp lý và định hướng từ các quy hoạch cấp trên, quy hoạch ngành quốc gia (như: Quy hoạch tổng thể quốc gia, Quy hoạch không gian biển quốc gia, Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia...).	Tiếp thu, rà soát bổ sung căn cứ pháp lý đảm bảo đúng quy định
2	Bổ sung giải pháp phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao, nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong giai đoạn tới (phát triển lĩnh vực quan trọng như KCN).	Tiếp thu và cập nhật vào Báo cáo thuyết minh tổng hợp
3	Đề nghị rà soát phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực phù hợp	Tiếp thu; trên cơ sở ý kiến của Hội đồng thẩm định và các chuyên gia, đơn vị tư vấn đã phối hợp với các sở, ngành, địa phương cập nhật định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực đảm

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung tiếp thu
	với Quy hoạch quốc gia, quy hoạch vùng	bảo phù hợp với Quy hoạch quốc gia và quy hoạch vùng Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây nguyên.
4	Quy hoạch khoáng sản: cần có kiến nghị đưa Mỏ quặng Bauxit (Kbang) do nằm trong Khu dự trữ sinh quyển thế giới Cao nguyên Kon Hà Nừng	Tiếp thu ý kiến, quá trình hoàn thiện hồ sơ, đơn vị tư vấn phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường rà soát nội dung này.
5	Về định hướng phát triển hệ thống các khu công nghiệp, cụm công nghiệp: Đến năm 2030, dự kiến quy hoạch 30 khu công nghiệp và 175 cụm công nghiệp; Đề nghị rà soát, nghiên cứu tính khả thi. Ngoài ra nên ưu tiên bố trí các KCN, CCN dọc các tuyến giao thông có lợi thế về mặt lưu thông và kết nối.	Việc bổ sung hệ thống các KCN, cụm công nghiệp nhằm cụ thể hóa định hướng phát triển công nghiệp theo hướng phân bố hợp lý trên địa bàn tỉnh, tạo thêm không gian sản xuất tập trung cho doanh nghiệp từ quy lớn đến các doanh nghiệp vừa và nhỏ, cơ sở tiểu thủ công nghiệp, làng nghề, công nghiệp hỗ trợ, chế biến nông - lâm sản, logistics và các ngành kinh tế địa phương có lợi thế. Các KCN, cụm công nghiệp được đề xuất trên cơ sở đáp ứng yêu cầu tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo việc làm phi nông nghiệp, tăng thu ngân sách và khai thác lợi thế theo vùng, theo hành lang phát triển. Ngoài ra, hệ thống cụm công nghiệp đóng vai trò mạng lưới sản xuất vệ tinh, hỗ trợ các khu công nghiệp, khu kinh tế, đô thị động lực và các trung tâm sản xuất lớn của tỉnh. Việc bổ sung các cụm công nghiệp là cần thiết và phù hợp với các tiêu chí về nhu cầu phát triển kinh tế, khả năng thu hút đầu tư, liên kết ngành, tạo việc làm, phù hợp quỹ đất, hạ tầng giao thông - kỹ thuật, điều kiện môi trường và thứ tự ưu tiên đầu tư.
6	- Đề nghị rà soát, làm chính xác các thông tin, số liệu về các mỏ khoáng sản phân tán tại trang 74 – 75 của báo cáo tóm tắt. - Quy hoạch các mỏ phân tán nhỏ lẻ (theo Báo cáo có 49 mỏ với tổng diện tích là 37.986,29ha là quá lớn); đồng thời, bổ sung đánh giá sự phù hợp với quy hoạch của các mỏ cát xây	Tiếp thu và đã rà soát, làm chính xác, thống nhất các số trong các tài liệu của Hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh. Theo đó: trên địa bàn tỉnh hiện nay có 40 khu vực mỏ phân tán nhỏ lẻ với tổng diện tích là 5.040 ha (Gia Lai cũ là 14 khu vực mỏ với 164 ha; Bình Định cũ 26 khu vực mỏ với diện tích là 4.876 ha)¹

¹ Được rà soát kế thừa từ Quy hoạch của 2 tỉnh Bình Định và Gia Lai cũ.

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung tiếp thu
	dụng và rà soát, đánh giá hiện trạng các khu vực sạt lở (Sông Ba, Sông Kôn).	
7	Cấp điện: định hướng quốc gia không nêu trong Quy hoạch	Đối với phương hướng phát triển hạ tầng năng lượng điện trong Quy hoạch tỉnh đã cập nhật theo Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 15/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn tới năm 2050; Quyết định số 1509/QĐ-BCT ngày 30/5/2025 của Bộ Công Thương phê duyệt Kế hoạch thực hiện Điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, đảm bảo cấp điện đầy đủ cho các phụ tải trên địa bàn tỉnh.
8	Định hướng sử dụng đất	
-	Đất sử dụng trụ sở cơ quan giai đoạn 2026-2030 tăng 510ha, lý giải so với Kết luận số 18-KL/TW	Diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan tăng để thực hiện dự án Xây dựng trung tâm hành chính tỉnh tại Quy Nhơn; ngoài ra còn bố trí quỹ đất cho các xã, phường để xây dựng, mở rộng trụ sở hành chính, trụ sở cơ quan theo Quy hoạch chung các xã, phường đã được lập và được UBND tỉnh phê duyệt.
-	Rà soát, phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất trên địa bàn tỉnh đảm bảo tuân thủ theo chỉ tiêu điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất quốc gia	Thống nhất tiếp thu đảm bảo phù hợp với quy hoạch sử dụng đất quốc gia

A. MỤC LỤC GIẢI TRÌNH Ý KIẾN BỘ NGÀNH, TỈNH LÂN CẬN

STT	Số phụ lục	Đơn vị
1	Phụ lục 01	Bộ Tư pháp
2	Phụ lục 02	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
3	Phụ lục 03	Bộ Y tế
4	Phụ lục 04	Bộ Khoa học và Công nghệ
5	Phụ lục 05	Bộ Công thương
6	Phụ lục 06	Bộ Nội vụ
7	Phụ lục 07	Bộ Quốc phòng
8	Phụ lục 08	Bộ Tài Chính
9	Phụ lục 09	Bộ Ngoại giao
10	Phụ lục 10	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
11	Phụ lục 11	Bộ Xây dựng
12	Phụ lục 12	Bộ Dân tộc và Tôn giáo
13	Phụ lục 13	Bộ Giáo dục và Đào tạo
14	Phụ lục 14	Bộ Công an
15	Phụ lục 15	Thanh tra Chính phủ
16	Phụ lục 16	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
17	Phụ lục 17	UBND tỉnh Đắk Lắk
18	Phụ lục 18	UBND tỉnh Quảng Ngãi

Phụ lục 01:

Ý KIẾN THAM GIA CỦA BỘ TƯ PHÁP
(Văn bản số 3974/BTP-PLDSKT ngày 06 tháng 6 năm 2026)

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung tiếp thu giải trình
	2. Về hồ sơ, trình tự thủ tục	
	2.2. Về trình tự thủ tục, đề nghị cơ quan chủ trì lập quy hoạch lưu ý một số nội dung sau: a) Cần lưu ý thực hiện việc lấy ý kiến đầy đủ các tỉnh, thành phố liên kề của tỉnh Gia Lai gồm tỉnh Đắk Lắk, tỉnh Quảng Ngãi cập nhật, bổ sung đầy đủ ý kiến góp ý, tiếp thu, giải trình trước khi phê duyệt chính thức. b) Hồ sơ điều chỉnh quy hoạch cần được đăng tải trên trang thông tin điện tử của cơ quan tổ chức lập quy hoạch hoặc cơ quan lập quy hoạch và hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch (theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 23 Luật Quy hoạch năm 2025). c) Cần rà soát để bảo đảm cụ thể hóa và có sự thống nhất giữa Quy hoạch tỉnh với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, quy hoạch quốc gia, quy hoạch vùng đã được phê duyệt; các quy hoạch ngành, lĩnh vực, vùng lãnh thổ và địa phương (theo yêu cầu tại mục 2 Chương II Luật Quy hoạch năm 2025). d) Đối với nội dung điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Gia Lai có điều chỉnh khác các quy hoạch liên quan thì cần báo cáo rõ và cập nhật để kịp thời điều chỉnh bảo đảm yêu cầu về mối quan hệ giữa các loại quy hoạch, nguyên tắc xác định quy hoạch phải điều chỉnh và quy hoạch được thực hiện khi có mâu thuẫn giữa các quy hoạch (theo quy định tại khoản 3 Điều 5, Điều 6 Luật Quy hoạch năm 2025).	Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ. Đến nay QH tỉnh đã thực hiện lấy ý kiến đầy đủ các Bộ, ngành, địa phương lân cận, UBMT tổ quốc Việt Nam tỉnh Gia Lai; Đoàn ĐB Quốc hội tỉnh Gia Lai và đăng tải trên công thông tin điện tử theo quy định của Luật Quy hoạch 2025
	3. Về nội dung điều chỉnh Quy hoạch Nội dung điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Gia Lai chủ yếu là các vấn đề kinh tế - kỹ thuật chuyên ngành, thuộc chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai và một số bộ, ngành, địa phương có liên quan trực tiếp đến nội dung quy hoạch; do đó, Bộ Tư pháp không có ý kiến cụ thể đối với các nội dung này. Bộ Tư pháp có một số ý kiến về giải pháp và nguồn lực thực hiện quy hoạch như sau:	
	3.1. Đề nghị nghiên cứu bổ sung các giải pháp về hoàn thiện thể chế, chính sách tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, điểm nghẽn của pháp luật nhằm tạo cơ chế, chính sách thuận lợi cho việc phát huy lợi thế của tỉnh trong thực hiện Quy hoạch; đồng thời, chú trọng các giải pháp tạo đột phá trong công tác thi hành pháp luật, bảo đảm pháp luật được thực hiện công bằng, nghiêm minh, nhất quán, kịp thời, hiệu lực và hiệu quả; gắn kết chặt chẽ giữa xây dựng và thi hành pháp luật theo yêu cầu của Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; Nghị quyết số 306/NQ-CP.	Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu và rà soát các giải pháp về cơ chế chính sách tại Điểm 5 - Phần thứ tư của Báo cáo thuyết minh tổng hợp
	3.2. Mục XI dự thảo Quyết định điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Gia Lai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (dự thảo Quyết định) nêu ra nhiều giải pháp nhưng còn chung chung, hầu hết là giải pháp tổ chức thực hiện, các giải pháp cũng chưa rõ kết quả đầu ra, thời hạn hoàn thành, cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, nguồn lực thực hiện; do đó, đề nghị hoàn thiện thêm về các nội dung này. Bên cạnh đó, cần có giải pháp cụ thể để thực hiện các giải pháp có tính định hướng, chẳng hạn:	Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu ý kiến của bộ và đã rà soát tại Mục XI của Dự thảo quyết định
	(i) Giải pháp về vốn đầu tư (Mục XI.1 trang 31 dự thảo Quyết định), giải pháp về cơ chế, chính sách liên kết phát triển liên vùng, ban hành các cơ chế, chính sách trên các lĩnh vực (Mục XI.5 trang 34 dự thảo Quyết định), giải pháp về khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số... cần xác định rõ hơn giải pháp thực hiện được định hướng; cơ chế, chính sách thu hút. (ii) Về giải pháp phát triển nguồn nhân lực (Mục XI.2 trang 31 dự thảo Quyết định): đề nghị xác định rõ hơn các giải pháp, kế hoạch cụ thể, nội dung.	Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu ý kiến của bộ và đã rà soát tại Mục XI của Dự thảo quyết định

Phụ lục 02:

Ý KIẾN CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

STT	Ý KIẾN THAM GIA	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
A	CỤC LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM	
	<i>(Văn bản số 1503/LNKL-KHTC ngày 04 tháng 6 năm 2026)</i>	
	1. Nhận xét chung	
	Qua nghiên cứu báo cáo, cho thấy nội dung liên quan đến lâm nghiệp đã được đề cập, tuy nhiên, việc tích hợp các yêu cầu bảo vệ tài nguyên rừng vào tổ chức không gian phát triển còn chưa tương xứng với vai trò của ngành lâm nghiệp trong cấu trúc phát triển bền vững của tỉnh. Một số nội dung về đất lâm nghiệp, đa dạng sinh học, phát triển năng lượng tái tạo, khai khoáng, phát triển công nghiệp, giao thông và sử dụng tài nguyên vẫn cần tiếp tục được rà soát, đánh giá sâu hơn để bảo đảm tính đồng bộ và hạn chế phát sinh xung đột giữa mục tiêu phát triển với yêu cầu bảo vệ rừng	
	2. Nhận xét, đánh giá cụ thể	
	Về hiện trạng tài nguyên rừng và phát triển ngành lâm nghiệp: Báo cáo đã thống kê tương đối đầy đủ hiện trạng diện tích rừng, cơ cấu các loại rừng, diễn biến rừng, trồng rừng, khai thác lâm sản và một số chỉ tiêu phát triển ngành lâm nghiệp giai đoạn 2021-2025. Tuy nhiên, nội dung đánh giá hiện trạng chủ yếu mới dừng ở việc mô tả quy mô diện tích mà chưa phản ánh đầy đủ chất lượng tài nguyên rừng. Báo cáo chưa phân tích sâu hiện trạng rừng tự nhiên theo trạng thái, cơ cấu rừng giàu, trung bình, nghèo, nghèo kiệt; chưa đánh giá mức độ suy giảm chất lượng rừng và hiệu quả phục hồi hệ sinh thái rừng trong thời gian qua.	Tư vấn tiếp thu, bổ sung và đã bổ sung thêm mục để làm rõ hơn. + Bổ sung thêm khoản c (chất lượng rừng), mục 2.2.2.3 (hiện trạng lâm nghiệp). Trong đó thể hiện rõ về "Gia Lai đã cơ bản ổn định được diện tích rừng, phục hồi tốt về độ che phủ và diện tích có rừng, nhưng quá trình phục hồi chất lượng rừng tự nhiên còn diễn ra chậm; cơ cấu rừng hiện nay nhiều khả năng vẫn nghiêng về nhóm rừng trung bình và rừng nghèo, trong khi diện tích rừng giàu tập trung chủ yếu trong các khu bảo tồn thiên nhiên, rừng đặc dụng và rừng phòng hộ quan trọng. Đặc biệt có 692.091 ha rừng tự nhiên, chiếm 70,1% diện tích có rừng; diện tích rừng tự nhiên chỉ giảm 1.683 ha trong giai đoạn 2020–2025; diện tích có rừng tăng 17.776 ha; diện tích rừng trồng tăng 19.459 ha; diện tích rừng được bảo vệ tăng gần 59.500 ha; và tỷ lệ che phủ rừng tăng từ 44,89% lên 45,72%".

STT	Ý KIẾN THAM GIA	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	- Tại phụ lục sử dụng đất của hồ sơ dự kiến chuyển khoảng 89.114 ha đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp trong kỳ quy hoạch, trong đó có khoảng 438 ha đất rừng phòng hộ, khoảng 10.584 ha đất rừng sản xuất và khoảng 80 ha đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên. Ngoài ra, trong nội bộ nhóm đất nông nghiệp còn có khoảng 43 ha đất rừng phòng hộ và 1.869 ha đất rừng sản xuất dự kiến chuyển sang loại đất khác. Vì vậy, đề nghị báo cáo cần bổ sung bảng đối chiếu riêng giữa phương án sử dụng đất với hiện trạng rừng, trong đó làm rõ từng loại đất rừng dự kiến chuyển đổi, vị trí không gian, hiện trạng có rừng hay chưa có rừng, thuộc rừng tự nhiên hay rừng trồng, thuộc loại rừng đặc dụng, phòng hộ hay sản xuất; đồng thời xác định rõ có phát sinh thủ tục chuyển mục đích sử dụng rừng theo Luật Lâm nghiệp hay không. - Báo cáo thể hiện diện tích rừng tự nhiên trên địa bàn tỉnh giảm từ 767.892,40 ha năm 2021 xuống còn 686.317,06 ha năm 2025, tức giảm khoảng 81.575,34 ha trong giai đoạn 2021-2025. Tổng diện tích đất có rừng cũng giảm từ 1.025.442,16 ha năm 2021 xuống còn 844.819,75 ha năm 2025. Đây là biến động lớn, cần được phân tích sâu hơn về nguyên nhân, phương pháp thống kê, thay đổi địa giới hành chính, cập nhật kiểm kê rừng, thay đổi trạng thái rừng hoặc chuyển mục đích sử dụng đất, sử dụng rừng. Trường hợp biến động chủ yếu do thay đổi phương pháp thống kê sau sáp nhập hoặc chuẩn hóa cơ sở dữ liệu thì cần giải trình rõ để tránh hiểu nhầm là suy giảm tài nguyên rừng trên thực địa. Ngược lại, nếu có yếu tố suy giảm thực chất thì quy hoạch tỉnh cần có giải pháp mạnh hơn về phục hồi rừng, bảo vệ rừng tự nhiên, tăng cường quản lý rừng bền vững và kiểm soát chặt chẽ các dự án phát triển có tác động đến rừng.	Đơn vị tư vấn xin phép được tiếp thu và giải trình như sau: * Đối với việc bổ sung bảng biểu làm rõ từng loại đất rừng chuyển đổi, vị trí, không gian, hiện trạng,... - Phương án phân bổ sử dụng đất trong ĐCQH tỉnh Gia Lai được thực hiện theo TT số 29/2024/TT-BTNMT ngày 12/12/2024, trong đó không quy định về việc lập các bảng đối chiếu riêng. Tuy nhiên, nếu muốn biết về loại đất rừng dự kiến chuyển đổi, vị trí có thể xem phụ lục "Diện tích đất cần chuyển mục đích", trong đó thể hiện đầy đủ các loại đất và chi tiết đến từng đơn vị hành chính cấp xã và kết hợp với việc xem trên "Sơ đồ phương án sử dụng đất" * Đối với việc biến động đất rừng giai đoạn 2021-2025: - Đơn vị tư vấn kế thừa và sử dụng số liệu thống kê, kiểm kê đất đai đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Số liệu đất rừng năm 2024 được lấy theo báo cáo số 60/BC-UBND ngày 27/3/2026 của UBND tỉnh Gia Lai. Trong đó nêu rõ lý do, diện tích từng loại đất rừng giảm, chuyển sang các loại đất nào,...
	<i>Về rừng đặc dụng</i> : Diện tích rừng đặc dụng trong quy hoạch lâm nghiệp của tỉnh khoảng 138.240,36 ha. Đây là diện tích có ý nghĩa đặc biệt đối với bảo tồn thiên nhiên, bảo vệ nguồn gen, duy trì hệ sinh thái rừng tự nhiên đặc trưng Tây Nguyên và phục vụ nghiên cứu khoa học, giáo dục môi trường, du lịch sinh thái có kiểm soát. Hệ thống rừng đặc dụng của Gia Lai gắn với Vườn quốc gia Kon Ka Kinh, Khu bảo tồn thiên nhiên Kon Chư Răng và các khu rừng có giá trị bảo tồn khác, đồng thời là nơi sinh thái quan trọng trong Khu dự trữ sinh quyển thế giới Cao nguyên Kon Hà Nừng. Trong hồ sơ điều chỉnh quy hoạch, nội dung về rừng đặc dụng đã được đề cập nhưng chưa thể hiện đầy đủ vai trò của rừng đặc dụng như một ranh giới sinh thái có tính ràng buộc trong tổ chức không gian phát triển. Vì vậy, đề nghị báo cáo cần phân định rõ khu vực bảo vệ nghiêm ngặt, khu phục hồi sinh thái, khu dịch vụ - hành chính và vùng đệm của từng khu rừng đặc dụng. Đối với các dự án hạ tầng, du lịch, giao thông, năng lượng hoặc khai thác tài nguyên nằm gần ranh giới rừng đặc dụng, cần đánh giá khoảng cách, hướng tác động, khả năng ảnh hưởng đến sinh cảnh loài nguy cấp, quý, hiếm và giải pháp kiểm soát phát triển. Đặc biệt, không nên xác định các khu vực rừng đặc dụng và vùng lõi bảo tồn chỉ như tài nguyên du lịch, mà cần đặt bảo tồn là mục tiêu ưu tiên, du lịch sinh thái chỉ là hoạt động phụ trợ có tổ chức trong giới hạn chịu tải của hệ sinh thái.	Liên danh tư vấn tiếp thu và sẽ nghiên cứu bổ sung, tiếp tục hoàn thiện nội dung trong Báo cáo tổng hợp

STT	Ý KIẾN THAM GIA	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Về rừng phòng hộ: Diện tích rừng phòng hộ trong quy hoạch lâm nghiệp của tỉnh khoảng 304.840,03 ha. Đây là nhóm rừng có vai trò trực tiếp trong bảo vệ lưu vực, giữ nước, hạn chế xói mòn, sạt lở, lũ quét, điều tiết dòng chảy, bảo vệ công trình thủy điện, thủy lợi, hồ chứa và vùng sản xuất hạ du. Đối với Gia Lai, rừng phòng hộ không chỉ có ý nghĩa sinh thái mà còn liên quan đến an ninh nguồn nước của các lưu vực sông lớn như sông Ba, sông Kôn, sông Sê San và các hệ thống hồ chứa, thủy điện, thủy lợi quan trọng. Tại Phụ lục sử dụng đất dự kiến có khoảng 438 ha đất rừng phòng hộ chuyển sang đất phi nông nghiệp và khoảng 43 ha đất rừng phòng hộ chuyển sang loại đất khác trong nội bộ đất nông nghiệp. Mặc dù quy mô này không quá lớn so với tổng diện tích rừng phòng hộ toàn tỉnh, nhưng về bản chất pháp lý và sinh thái, mọi tác động đến rừng phòng hộ đều cần được xem xét chặt chẽ, bởi rừng phòng hộ thường nằm ở khu vực đầu nguồn, dốc, nhạy cảm về môi trường và dễ phát sinh tác động dây chuyền. Vì vậy, đề nghị hồ sơ cần làm rõ diện tích rừng phòng hộ dự kiến chuyển đổi thuộc lưu vực nào, chức năng phòng hộ gì, hiện trạng có rừng hay chưa có rừng, là rừng tự nhiên hay rừng trồng, mức độ xung yếu của khu vực và dự án sử dụng đất sau chuyển đổi. Đặc biệt, tỉnh Gia Lai cần đặc biệt xem rừng phòng hộ là hạ tầng sinh thái. Nếu hệ thống rừng phòng hộ bị thu hẹp hoặc bị chia cắt bởi giao thông, năng lượng, khai khoáng, đô thị và sản xuất công nghiệp thì chi phí khắc phục thiên tai, suy giảm nguồn nước, bồi lắng hồ chứa, sạt lở đất và suy thoái đất sẽ lớn hơn nhiều so với lợi ích ngắn hạn từ chuyển đổi đất. Vì vậy, quy hoạch tỉnh cần xác lập nguyên tắc ưu tiên bảo vệ rừng phòng hộ đầu nguồn, hạn chế tối đa chuyển đổi rừng phòng hộ, nhất là rừng tự nhiên và khu vực xung yếu.	Liên danh tư vấn tiếp thu và sẽ nghiên cứu bổ sung, tiếp tục hoàn thiện nội dung trong Báo cáo tổng hợp
	Về bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học: Báo cáo đã xác định các khu bảo tồn thiên nhiên, hành lang đa dạng sinh học và các khu vực có giá trị sinh thái cao. Tuy nhiên, nội dung này chưa phản ánh đầy đủ vai trò của hệ thống rừng tự nhiên Tây Nguyên trong cấu trúc sinh thái quốc gia. Đối với tỉnh Gia Lai, hệ thống Vườn quốc gia Kon Ka Kinh, Khu bảo tồn thiên nhiên Kon Chư Răng, Khu dự trữ sinh quyển thế giới Kon Hà Nừng cùng các hành lang sinh thái kết nối giữa các khu rừng đặc dụng là các yếu tố nền tảng của không gian sinh thái. Hồ sơ cần xác định rõ hơn các khu vực bảo vệ nghiêm ngặt, khu vực hạn chế phát triển, vùng đệm và hành lang đa dạng sinh học; đồng thời đánh giá nguy cơ tác động tích lũy của các hoạt động phát triển công nghiệp, năng lượng, giao thông và khai khoáng đối với các hệ sinh thái này.	Liên danh tư vấn đã thể hiện nội dung tại phần 3, chương VIII, mục 1, tiểu mục 1.3
	Đối với phương án phát triển năng lượng, đặc biệt là điện gió và điện mặt trời: Báo cáo thể hiện định hướng phát triển tương đối mạnh trong giai đoạn tới nhằm khai thác lợi thế điều kiện tự nhiên của địa phương. Tuy nhiên, thực tiễn triển khai các dự án năng lượng tái tạo tại khu vực Tây Nguyên thời gian qua cho thấy tác động đến tài nguyên rừng không chỉ phát sinh từ phạm vi xây dựng nhà máy mà còn từ hệ thống đường giao thông nội bộ, đường dây đầu nối, trạm biến áp và các công trình phụ trợ. Hồ sơ báo cáo hiện chưa đánh giá đầy đủ mức độ tác động của các dự án năng lượng đối với rừng tự nhiên, rừng phòng hộ, hành lang đa dạng sinh học và nguồn nước đầu nguồn. Vì vậy, đề nghị tiếp tục rà soát vị trí các dự án năng lượng trong tương quan với hiện trạng rừng và đất lâm nghiệp, đồng thời xác định rõ các giải pháp hạn chế tác động đến tài nguyên rừng ngay từ giai đoạn quy hoạch.	

STT	Ý KIẾN THAM GIA	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Đối với phương án phát triển công nghiệp, cụm công nghiệp và khu chức năng : Báo cáo xác định nhiều khu vực động lực phát triển mới nhằm tạo dư địa tăng trưởng kinh tế cho tỉnh. Tuy nhiên, do đặc thù không gian phát triển của Gia Lai gắn với khu vực trung du, miền núi và các vùng còn quỹ đất lâm nghiệp tương đối lớn, việc mở rộng các khu công nghiệp, cụm công nghiệp cần được xem xét trong mối quan hệ với quy hoạch lâm nghiệp. Do đó, nội dung báo cáo cần làm rõ nguồn đất hình thành các khu công nghiệp mới, khả năng chồng lấn với đất lâm nghiệp và tác động đối với chức năng phòng hộ, bảo tồn đa dạng sinh học cũng như môi trường sinh thái khu vực.	Tiếp thu ý kiến góp ý. Báo cáo đã sơ bộ rà soát nguồn đất hình thành các khu công nghiệp, cụm công nghiệp và khu chức năng mới; đánh giá khả năng chồng lấn với đất lâm nghiệp, đặc biệt là đất rừng phòng hộ, rừng sản xuất và các khu vực có chức năng sinh thái quan trọng, trên cơ sở thống nhất điều chỉnh số liệu quy hoạch lâm nghiệp trong Quy hoạch tỉnh phù hợp với Quyết định số 895/QĐ-TTg ngày 24/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ; trong đó cập nhật các diện tích đã được chuyển mục đích sử dụng rừng theo quy định và điều chỉnh các khu vực phát sinh bất cập trong thực tế. Đối với các khu, cụm công nghiệp dự kiến, diện tích thực hiện khoảng 400 ha, gồm khoảng 200 ha đất rừng phòng hộ và 200 ha đất rừng sản xuất. Việc chuyển mục đích sử dụng đất rừng sẽ chỉ thực hiện khi đáp ứng đầy đủ quy định pháp luật về lâm nghiệp, đất đai và môi trường; đồng thời bảo đảm không làm suy giảm chức năng phòng hộ, đa dạng sinh học và môi trường sinh thái khu vực.
	Đối với phương án khai thác khoáng sản: Hồ sơ báo cáo đã tích hợp nhiều khu vực thăm dò, khai thác khoáng sản trong thời kỳ quy hoạch. Tuy nhiên, đây là lĩnh vực có nguy cơ tác động trực tiếp đến tài nguyên rừng và môi trường. Theo quy định của Luật Lâm nghiệp, việc sử dụng rừng tự nhiên cho mục đích khác phải được kiểm soát chặt chẽ và chỉ xem xét trong các trường hợp thực sự cần thiết. Do đó, đề nghị rà soát kỹ các khu vực khoáng sản nằm trong hoặc tiếp giáp các khu vực có rừng tự nhiên, rừng phòng hộ và khu bảo tồn thiên nhiên; đồng thời đánh giá tác động tích lũy của hoạt động khai khoáng đối với nguồn nước, đa dạng sinh học và khả năng phục hồi hệ sinh thái sau khai thác.	Liên danh tư vấn tiếp thu và sẽ nghiên cứu bổ sung, tiếp tục hoàn thiện nội dung trong Báo cáo tổng hợp
	Đối với hệ thống giao thông và các hành lang phát triển: Báo cáo đã xác định nhiều tuyến giao thông có ý nghĩa chiến lược đối với liên kết vùng Tây Nguyên với duyên hải Nam Trung Bộ và các trung tâm kinh tế lớn. Đây là định hướng cần thiết để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, kinh nghiệm thực tiễn cho thấy các tuyến giao thông mới thường kéo theo quá trình mở rộng dân cư, phát triển sản xuất và gia tăng áp lực sử dụng đất tại các khu vực có rừng. Hồ sơ cần đánh giá đầy đủ hơn nguy cơ phân mảnh sinh cảnh, suy giảm tính liên kết của các hệ sinh thái rừng và tác động đến các hành lang đa dạng sinh học, từ đó đề xuất các giải pháp giảm thiểu phù hợp.	Tiếp thu ý kiến góp ý. Hệ thống giao thông trong phương án quy hoạch cơ bản tuân thủ các quy hoạch ngành quốc gia đã được phê duyệt, bao gồm quy hoạch mạng lưới đường bộ, đường sắt và hàng không. Đối với tỉnh Gia Lai, do đặc điểm địa hình rộng, bị chia cắt bởi đồi núi, dân cư phân tán và khả năng liên kết giữa các khu vực còn hạn chế, việc tăng cường các hành lang kết nối, đặc biệt là hành lang Đông - Tây qua khu vực An Khê là yêu cầu cần thiết nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao năng lực liên kết vùng và khai thác hiệu quả các động lực tăng trưởng. Bên cạnh đó các dự án Quốc gia như Dự án Đường sắt tốc độ cao Bắc Nam, đoạn qua tỉnh: 400 ha, trong đó đất rừng phòng hộ 200 ha, sản xuất 200 ha; Dự án đường bộ cao tốc PleiKu – Gia Nghĩa, đoạn qua tỉnh: 400 ha, trong đó đất rừng phòng hộ 200 ha, sản xuất 200 ha; Dự án đường bộ cao tốc PleiKu – Cửa Khẩu Lệ Thanh: 200 ha, trong đó đất rừng phòng hộ 100 ha, sản xuất 100 ha. Các tuyến giao thông bổ sung hoặc điều chỉnh trong quy hoạch đã được rà soát, cân đối trên cơ sở hạn chế tối đa tác động đến diện tích rừng, các khu vực nhạy cảm về môi trường và hành lang sinh thái; đồng thời sẽ được tiếp tục đánh giá, cụ thể hóa trong các giai đoạn quy hoạch, dự án đầu tư tiếp theo theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp, bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học.

STT	Ý KIẾN THAM GIA	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	3. Đề xuất, kiến nghị Đề bảo đảm chất lượng, tính khả thi và sự phù hợp với quy định của pháp luật về quy hoạch, lâm nghiệp, đất đai, bảo vệ môi trường và bảo tồn đa dạng sinh học, đề nghị cơ quan lập quy hoạch: Rà soát toàn bộ phương án sử dụng đất và phương án phát triển không gian để đối chiếu với quy hoạch lâm nghiệp quốc gia và hiện trạng rừng; Bổ sung nội dung báo cáo riêng về tác động của các dự án công nghiệp, năng lượng, giao thông, khai khoáng đối với tài nguyên rừng; Bổ sung phụ lục đối chiếu chi tiết giữa các dự án ưu tiên với đất lâm nghiệp và hiện trạng rừng; Làm rõ biến động cơ cấu ba loại rừng và giải trình đầy đủ mọi trường hợp điều chỉnh chỉ tiêu rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất; Bổ sung nội dung phát triển lâm nghiệp đa giá trị, tín chỉ carbon rừng, dịch vụ môi trường rừng, kinh tế dưới tán rừng và quản lý rừng bền vững; Rà soát sự phù hợp của toàn bộ hồ sơ với Luật Lâm nghiệp, Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia và các quy hoạch ngành quốc gia liên quan trước khi hoàn thiện hồ sơ trình cấp có thẩm quyền xem xét.	Liên danh tư vấn đã thực hiện tra soát các nội dung liên quan với Chi cục môi trường, Chi cục Kiểm lâm, Các đơn vị khác thuộc Sở Nông nghiệp và môi trường tỉnh Gia Lai. Đảm bảo các nội dung phù hợp với Quy hoạch lâm nghiệp Quốc gia
	4. Trong quá trình triển khai thực hiện Trong quá trình triển khai thực hiện Quy hoạch tỉnh Gia Lai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, việc triển khai các hoạt động liên quan đến lâm nghiệp cần bảo đảm các nguyên tắc: Giảm thiểu tối đa việc tác động đến diện tích rừng hiện có, đặc biệt là diện tích rừng tự nhiên; Có phương án phát triển lâm nghiệp, ưu tiên bố trí quỹ đất để có kế hoạch bảo tồn, phục hồi, tăng độ che phủ rừng và hiệu quả môi trường; Thực hiện nghiêm Kết luận số 61-KL/TW ngày 17/8/2023 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW, ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.	Liên danh tư vấn đã thể hiện nội dung tại phần 3, chương IX, mục 1
B	CỤC QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI	
	<i>(Văn bản số /QLĐĐ-QHGD ngày tháng 6 năm 2026)</i>	

STT	Ý KIẾN THAM GIA	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	1. Việc điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Gia Lai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 cần thực hiện đúng, đầy đủ, đảm bảo các căn cứ theo quy định Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24 tháng 11 năm 2017, Luật số 57/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024, Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15 đã được Quốc hội thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2025 và đã có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 3 năm 2026; quy định của pháp luật đất đai; Nghị quyết số 66.2/2025/NQ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định xử lý khó khăn, vướng mắc về việc điều chỉnh quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp, Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai. - Căn cứ quy định của pháp luật nêu trên, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai cần rà soát, cập nhật và bổ sung vào hồ sơ các nội dung có liên quan đến việc thực hiện điều chỉnh Quy hoạch tỉnh theo quy định của Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15 đã có hiệu lực thi hành; ngoài ra, hồ sơ cần giải trình, làm rõ việc hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh đã được lập theo quy định tại Điều 54 của Luật Quy hoạch năm 2017 trước ngày 10 tháng 12 năm 2025 mà chưa được thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt hay quy hoạch đang thực hiện điều chỉnh theo quy định tại Nghị quyết số 66.2/2025/NQ-CP của Chính phủ phù hợp nào chưa được thẩm định, phê duyệt và trên cơ sở đó, cần đánh giá về căn cứ, nội dung và quy trình thực hiện lập, thẩm định, phê duyệt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 58 Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15 đối với hồ sơ đang gửi xin ý kiến.	

STT	Ý KIẾN THAM GIA	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	2. Về chỉ tiêu sử dụng đất - Theo Báo cáo thuyết minh điều chỉnh Quy hoạch của tỉnh, diện tích các loại đất quy hoạch đến năm 2030, gồm: đất nông nghiệp là 1.859.493 ha, đất phi nông nghiệp là 265.055 ha; đất trồng lúa là 111.772 ha, đất rừng đặc dụng là 119.653 ha, đất rừng phòng hộ là 289.133 ha, đất rừng sản xuất là 531.357 ha (trong đó đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên là 322.402 ha), đất quốc phòng là 16.599 ha, đất an ninh là 6.005 ha. - Theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 243 Luật Đất đai sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 Điều 24 của Luật Quy hoạch về nội dung quy hoạch sử dụng đất quốc gia, quy định: “a) Xác định chỉ tiêu sử dụng đất đối với một số loại đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp; trong đó xác định diện tích một số loại đất gồm đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên, đất quốc phòng, đất an ninh” và căn cứ tại điểm b khoản 3 Điều 12 Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai, quy định: “b) ... các địa phương khi tổ chức lập điều chỉnh quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 phải xác định chỉ tiêu sử dụng đất do quy hoạch sử dụng đất quốc gia phân bổ và chỉ tiêu sử dụng đất theo nhu cầu sử dụng đất của địa phương đến từng đơn vị hành chính cấp xã”. - Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai tổ chức lập điều chỉnh quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 phải xác định chỉ tiêu sử dụng đất do quy hoạch sử dụng đất quốc gia phân bổ và chỉ tiêu sử dụng đất theo nhu cầu sử dụng đất của địa phương đến từng đơn vị hành chính cấp xã theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 12 Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội; việc xác định các chỉ tiêu sử dụng đất đối với đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp, đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên, đất quốc phòng, đất an ninh cần phải tuân thủ các chỉ tiêu quốc gia phân bổ cho tỉnh Gia Lai theo quy định của pháp luật.	Đơn vị tư vấn xin phép được tiếp thu, cập nhật theo ý kiến góp ý. Bám sát và đảm bảo phù hợp với QHSĐĐ cấp quốc gia. Xác định chỉ tiêu đến từng đơn vị hành chính cấp xã.

STT	Ý KIẾN THAM GIA	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	3. Về các nội dung khác Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Gia Lai thời kỳ 2021-2030 cần kiểm tra, rà soát đảm bảo nội dung theo quy định tại Điều 27 Luật Quy hoạch, như thể hiện các dự án cấp quốc gia, danh mục dự án của tỉnh và thứ tự ưu tiên thực hiện; phân tích, đánh giá về hiện trạng sử dụng đất, phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp xã và kiểm tra, rà soát đảm bảo nội dung định hướng sử dụng đất theo quy định tại Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 110 Nghị định 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; điểm c khoản 4 Điều 7 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai), theo đó gồm: Định hướng sử dụng đất theo không gian và chức năng sử dụng đất theo chỉ tiêu sử dụng đất do quy hoạch sử dụng đất quốc gia phân bổ và nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực đã được xác định; bảo đảm nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực, phù hợp với tiềm năng đất đai của địa phương; phát huy hiệu quả nguồn lực đất đai để thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh; bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu; đáp ứng yêu cầu phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, bảo đảm kết nối không gian phát triển liên ngành, liên vùng, các hành lang kinh tế và các vùng động lực phát triển; quỹ đất đáp ứng nhu cầu phát triển giáo dục, y tế, xã hội, văn hóa, thể dục, thể thao và nhà ở xã hội; sơ đồ định hướng phân vùng tổng hợp sử dụng đất.	Đơn vị tư vấn xin phép được tiếp thu, cập nhật và rà soát theo ý kiến góp ý. Đảm bảo nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực, phù hợp với tiềm năng đất đai của địa phương; phát huy hiệu quả nguồn lực đất đai để thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh; bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu; đáp ứng yêu cầu phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, bảo đảm kết nối không gian phát triển liên ngành, liên vùng, các hành lang kinh tế và các vùng động lực phát triển; quỹ đất đáp ứng nhu cầu phát triển giáo dục, y tế, xã hội, văn hóa, thể dục, thể thao và nhà ở xã hội; sơ đồ định hướng phân vùng tổng hợp sử dụng đất.
	Về hiện trạng sử dụng đất, đề nghị rà soát số liệu hiện trạng sử dụng đất năm 2024 để đảm bảo thống nhất với số liệu kiểm kê đất đai năm 2024 của tỉnh Gia Lai sau khi sáp nhập, được cấp có thẩm quyền phê duyệt.	Đơn vị tư vấn đã cập nhật số liệu hiện trạng đất đai năm 2024 theo số liệu Kiểm kê đất đai năm 2024 tại báo cáo số 60/BC-UBND ngày 27/3/2026 của UBND tỉnh Gia Lai
	Rà soát thống nhất về địa điểm, diện tích đất, quy mô/tổng diện tích đất dự án trong các thành phần hồ sơ và hồ sơ với thực địa (như: báo cáo, bản đồ, biểu, bản đồ...).	Đơn vị tư vấn xin phép được tiếp thu, tiếp tục rà soát, bổ sung theo ý kiến góp ý
C	CỤC KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN	
	(Văn bản số /KTTV-QLML ngày tháng 6 năm 2026)	
	1. Về điều kiện khí hậu, thủy văn: Đề nghị việc khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu KTTV tại tiểu mục 2.6 mục I Phần thứ nhất của Báo cáo thuyết minh tổng hợp điều chỉnh quy hoạch phải bảo đảm có nguồn gốc rõ ràng, được cập nhật đến thời điểm gần nhất và thực hiện theo đúng quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 32 Luật Khí tượng thủy văn và Điều 22 Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ; tương tự đối với các số liệu được sử dụng trong Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược.	
	2. Đối với Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược: Đề nghị xem xét bổ sung tăng cường đánh giá các rủi ro thiên tai có khả năng gia tăng do tác động của biến đổi khí hậu, đặc biệt là hạn hán, mưa lớn cực đoan, ngập lụt, lũ quét, sạt lở đất tại khu vực miền núi; xói lở bờ biển, nước biển dâng tại khu vực ven biển; đồng thời làm rõ mức độ ảnh hưởng của các loại hình thiên tai này đối với các khu vực phát triển đô thị, công nghiệp, hạ tầng giao thông và vùng sản xuất nông nghiệp tập trung.	

STT	Ý KIẾN THAM GIA	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	3. Căn cứ quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 8 Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khí tượng thủy văn; điểm b khoản 5 Điều 1 Nghị định số 48/2020/NĐ-CP ngày 15/4/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 38/2016/NĐ-CP, trong quá trình thực hiện Nhiệm vụ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Gia Lai, đề nghị đơn vị thực hiện xem xét việc đảm bảo hành lang kỹ thuật đối với công trình trên địa bàn thuộc mạng lưới trạm KTTV quốc gia.	
D	CỤC QUẢN LÝ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH THỦY LỢI	
	<i>(Văn bản số /TL-KH ngày tháng 6 năm 2026)</i>	
	1. Rà soát, bổ sung đánh giá về tình hình triển khai Quy hoạch tỉnh Gia Lai (Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định 1750/QĐ-TTg ngày 30/12/2023), Quy hoạch tỉnh Bình Định (Quyết định 1619/QĐ-TTg ngày 14/12/2023) đến thời điểm điều chỉnh quy hoạch, làm rõ các hạn chế, tồn tại trong quá trình thực hiện, đề xuất các nội dung cần kế thừa, các giải pháp khắc phục tồn tại khi triển khai quy hoạch trong giai đoạn sau.	Đơn vị Tư vấn đã thực hiện Rà soát tình thực hiện và đánh giá sự phù hợp của các quy hoạch thủy lợi trước đây tại Chương V, mục I.4.1.3
	2. Về mục tiêu quy hoạch - Rà soát, cập nhật chỉ tiêu về tỷ lệ hộ dân nông thôn được sử dụng nước sạch đạt quy chuẩn phù hợp với chỉ tiêu nêu tại Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. - Rà soát, bổ sung mục tiêu bảo đảm cấp nước, tiêu thoát nước phục vụ sản xuất, dân sinh trong quy hoạch tỉnh phù hợp với mục tiêu duyệt tại Quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định 847/QĐ-TTg ngày 14/07/2023).	- Về mục tiêu cấp nước sạch nông thôn: Mục tiêu toàn tỉnh đạt tối thiểu 67,5% vào năm 2030 là con số thực tiễn, bám sát Nghị quyết số 01-CTr/TU của Tỉnh ủy Gia Lai. Chỉ tiêu này được tính toán dựa trên đặc thù địa hình chia cắt vùng phía Tây (phần đầu đạt 55%), trong khi khu vực phía Đông vẫn đảm bảo đạt mức 80%, đồng bộ với mục tiêu tại Nghị quyết 19-NQ/TW. Đồ án cũng đã xác lập lộ trình từng bước thu hẹp khoảng cách Đông - Tây để tiệm cận mục tiêu chung của quốc gia trong các giai đoạn tiếp theo. - Toàn bộ các chỉ tiêu về kỹ thuật thủy lợi, tưới tiêu và phòng chống thiên tai trong báo cáo đã được xây dựng bằng hoặc cao hơn so với Quy hoạch quốc gia tại Quyết định 847.

STT	Ý KIẾN THAM GIA	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	3. Về hiện trạng kết cấu hạ tầng thủy lợi, cấp nước nông thôn - Rà soát, cập nhật hiện trạng công trình thủy lợi, hồ chứa, đập dâng đang xuống cấp, hư hỏng (bao gồm cả hệ thống thủy lợi nội đồng), đánh giá khả năng kết nối đồng bộ giữa hạ tầng thủy lợi với hạ tầng kỹ thuật các ngành khác, làm cơ sở đề xuất định hướng đầu tư sửa chữa, nâng cấp, xây dựng mới để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế-xã hội, đồng bộ kết cấu hạ tầng trong kỳ quy hoạch. - Rà soát, cập nhật tình hình thiệt hại do hạn hán, thiếu nước, ngập lụt, úng tại khu vực phía tây, khu vực ven biển, trong đó chỉ rõ vùng thường xuyên chịu ảnh hưởng, diện tích sản xuất nông nghiệp bị thiệt hại, tình hình thiếu nước sinh hoạt nông thôn... làm cơ sở đề xuất định hướng tổ chức lại không gian lãnh thổ, giải pháp quy hoạch đảm bảo yêu cầu cấp nước, tiêu thoát nước trong kỳ quy hoạch. - Bổ sung cập nhật lưu lượng lũ, mực nước lũ lịch sử duy trì trên các sông khu vực duyên hải (tỉnh Bình Định cũ) năm 2025, đánh giá kỹ tác động của ngập lụt tại các khu vực ven biển cuối năm 2025, nghiên cứu đề xuất nâng cao dung tích phòng lũ của các hồ chứa và bổ sung các giải pháp ứng phó phù hợp. - Bổ sung đánh giá khả năng kết nối nguồn nước hệ thống hồ chứa thủy điện-thủy lợi-công trình cấp nước sinh hoạt trên địa bàn để bảo đảm chủ động nguồn nước phục vụ sản xuất, dân sinh.	- Về rà soát công trình xuống cấp và khả năng kết nối đồng bộ: Báo cáo hiện trạng đã thống kê cụ thể 284 hồ chứa, 486 đập dâng, 272 trạm bơm và hệ thống kênh mương. Kế hoạch đã phân loại các công trình hư hỏng, xuống cấp để đưa vào danh mục sửa chữa cấp bách giai đoạn 2026 - 2030 (Phụ lục Danh mục kèm theo báo cáo), đảm bảo kết nối đồng bộ hạ tầng thủy lợi với hạ tầng kỹ thuật đô thị, công nghiệp của tỉnh sau sáp nhập. - Báo cáo đã đánh giá rõ sự phân hóa giữa hai vùng: Vùng cao phía Tây thường xuyên thiếu hụt nước kiệt và suy giảm nước ngầm; vùng phía Đông thường xuyên chịu ảnh hưởng lũ lớn, ngập lụt diện rộng (lưu vực sông Ba). Trên cơ sở đó, Kế hoạch đã đề xuất giải pháp quy hoạch Thủy lợi gắn chặt với Tổ chức lại không gian theo 06 tiểu vùng chiến lược phía Tây và giải pháp "Thuận thiên" (chuyển đổi 26.710 ha cây trồng bắp bênh sang cây chịu hạn) để giảm áp lực cấp nước. - Báo cáo đã rà soát tác động lũ trên các sông lớn như sông Côn, sông Ba, sông Lại Giang, từ đó đề xuất nâng cấp hồ Định Bình đã được đưa vào giai đoạn 2026-2030 để tăng dung tích lên 342,61 triệu m³, nâng cao khả năng cất lũ cho hạ du. Triển khai chương trình "Mở rộng không gian thoát lũ" cho 4 lưu vực sông chính và lắp đặt hệ thống SCADA/AI để cảnh báo rủi ro thiên tai trước 15-30 ngày. - Về đánh giá khả năng kết nối hệ thống hồ thủy điện - thủy lợi - cấp nước sinh hoạt: Nội dung này đã được trình bày tại "Định hướng chung về quản trị và phát triển nguồn nước". Kế hoạch xác định giải pháp trọng tâm là liên kết, tối ưu hóa quy trình vận hành liên hồ chứa (đặc biệt là cụm công trình chuyển dòng An Khê - Ka Nak) chủ động điều tiết, để chuyển dòng từ sông Ba sang sông Côn phục vụ đa mục tiêu.
	4. Về phương án và danh mục dự án điện mặt trời: Việc đề xuất các dự án phát triển điện mặt trời trên các hồ thủy lợi (Ayun hạ...), mở rộng công suất các nhà máy thủy điện có liên quan đến hồ thủy lợi (Định Bình...), cần tuân thủ pháp luật về thủy lợi và pháp luật khác có liên quan, đảm bảo không ảnh hưởng đến mục tiêu, nhiệm vụ, chất lượng nước của công trình hồ chứa thủy lợi.	

STT	Ý KIẾN THAM GIA	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	5. Về phương hướng phát triển kết cấu hạ tầng thủy lợi và cấp nước sinh hoạt nông thôn - Đề nghị xem xét theo hướng phát triển kết cấu hạ tầng thủy lợi kết hợp đồng bộ với kết cấu hạ tầng công trình giao thông, công trình hạ tầng khác, phục vụ đa mục tiêu, bảo đảm an ninh nguồn nước, nâng cao năng lực cấp nước, tiêu thoát nước phục vụ dân sinh, sản xuất nông nghiệp, tạo nguồn cấp nước cho sinh hoạt, công nghiệp, dịch vụ và các ngành kinh tế trên cơ sở khả năng nguồn nước, thích ứng với biến đổi khí hậu. - Rà soát, bổ sung trong danh mục công trình/dự án thủy lợi, cấp nước sinh hoạt nông thôn: (i) Thông tin về quy mô, nhiệm vụ công trình, ghi chú rõ công trình tiếp tục đầu tư, công trình đầu tư mới; (ii) Bổ sung danh mục công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp; công trình/dự án cấp nước cho cây trồng cạn, sản xuất nông nghiệp tập trung, cấp nước cho nuôi trồng thủy sản. (iii) Bổ sung phương án đầu tư, hỗ trợ phát triển cấp nước phân tán quy mô hộ gia đình tại các khu vực khó khăn về nguồn nước, thường xuyên chịu ảnh hưởng của hạn hán trong kỳ quy hoạch.	Đơn vị Tư vấn tổng nhất ý kiến góp ý: - Xác định một trong các quan điểm phát triển thủy lợi là chuyển dịch công năng theo hướng tổng hợp, đa mục tiêu. Hệ thống công trình phải bảo đảm phục vụ đồng thời các nhiệm vụ: Sản xuất nông nghiệp, cấp nước sinh hoạt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, phát điện, bảo vệ môi trường và phòng, chống thiên tai. Mọi phương án đầu tư và vận hành phải tuân thủ tuyệt đối nguyên tắc quản trị tích hợp theo lưu vực sông, gắn chặt với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội. - Báo cáo xây dựng Danh mục định hướng các Chương trình, Cụm dự án trọng điểm làm tầm nhìn xuyên suốt đến năm 2050, đồng thời chi tiết hóa các dự án thành phần đã được xác định cụ thể tại Phụ lục kèm theo. Cách tiếp cận này đảm bảo sự thống nhất về mục tiêu chiến lược nhưng vẫn duy trì tính linh hoạt, cho phép các cấp ngành địa phương chủ động đề xuất điều chỉnh hoặc bổ sung danh mục dự án thành phần vào kế hoạch đầu tư theo từng phân kỳ thực tế.
	Văn bản số: 6374/BNNMT-KHTC ngày 17 tháng 6 năm 2026	
	1. Về căn cứ lập điều chỉnh quy hoạch	
	Đề nghị bổ sung Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11/12/2025; các Quyết định phê duyệt quy hoạch ngành quốc gia có liên quan trong Báo cáo thuyết minh, dự thảo Quyết định điều chỉnh quy hoạch.	Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu và đã rà soát cập nhật căn cứ pháp lý tại Mục II - Phần Mở đầu của Báo cáo thuyết minh tổng hợp
	2. Về chỉ tiêu sử dụng đất	
	- Theo Báo cáo thuyết minh điều chỉnh Quy hoạch của tỉnh, diện tích các loại đất quy hoạch đến năm 2030, gồm: đất nông nghiệp là 1.859.493 ha, đất phi 2 nông nghiệp là 265.055 ha; đất trồng lúa là 111.772 ha, đất rừng đặc dụng là 119.653 ha, đất rừng phòng hộ là 289.133 ha, đất rừng sản xuất là 531.357 ha (trong đó đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên là 322.402 ha), đất quốc phòng là 16.599 ha, đất an ninh là 6.005 ha. Theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 12 Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai, quy định: “b) ... các địa phương khi tổ chức lập điều chỉnh quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 phải xác định chỉ tiêu sử dụng đất do quy hoạch sử dụng đất quốc gia phân bổ và chỉ tiêu sử dụng đất theo nhu cầu sử dụng đất của địa phương đến từng đơn vị hành chính cấp xã”. Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai tổ chức lập điều chỉnh quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 phải xác định chỉ tiêu sử dụng đất do quy hoạch sử dụng đất quốc gia phân bổ và chỉ tiêu sử dụng đất theo nhu cầu sử dụng đất của địa phương đến từng đơn vị hành chính cấp xã theo quy định nêu trên. Việc xác định các chỉ tiêu sử dụng đất đối với nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp, đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên, đất quốc phòng, đất an ninh cần phải tuân thủ các chỉ tiêu quốc gia phân bổ cho tỉnh Gia Lai theo quy định.	Trùng lặp, đã giải trình phía trên

STT	Ý KIẾN THAM GIA	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	- Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Gia Lai thời kỳ 2021 - 2030 cần kiểm tra, rà soát đảm bảo nội dung theo quy định tại Điều 27 Luật Quy hoạch, như: phân tích, đánh giá về hiện trạng sử dụng đất, phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp xã và kiểm tra, rà soát đảm bảo nội dung định hướng sử dụng đất theo quy định tại Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 110 Nghị định 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; điểm c khoản 4 Điều 7 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai), theo đó: Định hướng sử dụng đất theo không gian và chức năng sử dụng đất theo chỉ tiêu sử dụng đất do quy hoạch sử dụng đất quốc gia phân bổ và nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực đã được xác định; bảo đảm nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực, phù hợp với tiềm năng đất đai của địa phương; phát huy hiệu quả nguồn lực đất đai để thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh; bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu; đáp ứng yêu cầu phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, bảo đảm kết nối không gian phát triển liên ngành, liên vùng, các hành lang kinh tế và các vùng động lực phát triển; quỹ đất đáp ứng nhu cầu phát triển giáo dục, y tế, xã hội, văn hóa, thể dục, thể thao và nhà ở xã hội; sơ đồ định hướng phân vùng tổng hợp sử dụng đất.	Trùng lặp, đã giải trình phía trên
	- Về hiện trạng sử dụng đất đề nghị rà soát số liệu hiện trạng sử dụng đất năm 2024 để đảm bảo thống nhất với số liệu kiểm kê đất đai năm 2024 của tỉnh Gia Lai sau khi sáp nhập, được cấp có thẩm quyền phê duyệt.	Trùng lặp, đã giải trình phía trên
	- Rà soát thống nhất về địa điểm, diện tích đất, quy mô/tổng diện tích đất Dự án trong các thành phần hồ sơ và hồ sơ với thực địa (như: báo cáo, bảng biểu, danh mục dự án, bản đồ...).	Trùng lặp, đã giải trình phía trên
	3. Về lâm nghiệp	
	- Gia Lai là một trong những địa phương có diện tích rừng và đất lâm nghiệp lớn của cả nước, giữ vai trò đặc biệt quan trọng đối với phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường, an ninh nguồn nước và bảo tồn đa dạng sinh học... Qua nghiên cứu hồ sơ cho thấy nội dung liên quan đến lâm nghiệp đã được đề cập, tuy nhiên, cần tiếp tục nghiên cứu, định hướng phát triển đồng bộ, toàn diện hơn, bao gồm bảo vệ và phát triển rừng, phát huy giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng (phát triển du lịch, nuôi trồng dược liệu, dịch vụ môi trường rừng...) gắn với ngành công nghiệp chế biến gỗ xuất khẩu (chế biến sâu) phát huy vai trò là một trong những trung tâm chế biến gỗ lớn của cả nước	Tư vấn tiếp thu ý kiến, tiếp tục bổ sung
	- Về số liệu hiện trạng rừng và định hướng quy hoạch đất lâm nghiệp tại Bảng 60 (trang 481 của Báo cáo thuyết minh) không trùng khớp với Phụ lục XIX của Dự thảo Quyết định điều chỉnh quy hoạch; đề nghị rà soát, chỉnh sửa.	Dự thảo quyết định về đất lấy mốc năm 2024, trong khi hiện trạng rừng đến năm 2025

STT	Ý KIẾN THAM GIA	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	- Theo định hướng đến năm 2030 (Phụ lục XIX, Dự thảo Quyết định điều chỉnh quy hoạch) toàn tỉnh giảm 136.234 ha đất lâm nghiệp, trong đó đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên giảm 80.169 ha. Đây là biến động lớn, cần được phân tích sâu hơn về nguyên nhân, phương pháp thống kê, cập nhật kiểm kê rừng... Trường hợp biến động chủ yếu do thay đổi phương pháp thống kê sau sáp nhập hoặc chuẩn hóa cơ sở dữ liệu thì cần giải trình rõ; nếu có yếu tố suy giảm thực chất thì quy hoạch tỉnh cần có giải pháp mạnh hơn về phục hồi rừng, bảo vệ rừng tự nhiên, tăng cường quản lý rừng bền vững và kiểm soát chặt chẽ các dự án phát triển có tác động đến rừng.	"Đơn vị tư vấn xin phép được tiếp thu, rà soát hiện trạng và quy hoạch đất lâm nghiệp theo ý kiến góp ý
	- Đối với phương án phát triển công nghiệp, cụm công nghiệp và khu chức năng: Báo cáo xác định nhiều khu vực động lực phát triển mới nhằm tạo dư địa tăng trưởng kinh tế cho tỉnh. Tuy nhiên, do đặc thù không gian phát triển của Gia Lai gắn với khu vực trung du, miền núi và các vùng còn quỹ đất lâm nghiệp tương đối lớn, việc mở rộng các khu công nghiệp, cụm công nghiệp cần được xem xét trong mối quan hệ với quy hoạch lâm nghiệp. Do đó, nội dung báo cáo cần làm rõ nguồn đất hình thành các khu công nghiệp mới, khả năng chống lấn với đất lâm nghiệp và tác động đối với chức năng phòng hộ, bảo tồn đa dạng sinh học cũng như môi trường sinh thái khu vực.	Tiếp thu ý kiến góp ý, Phương án phát triển các khu công nghiệp, cụm công nghiệp và khu chức năng mới được nghiên cứu trên cơ sở đồng bộ với quy hoạch lâm nghiệp và quy hoạch sử dụng đất; ưu tiên khai thác quỹ đất ngoài lâm nghiệp, hạn chế tối đa chuyển mục đích sử dụng đất rừng. Việc sử dụng đất lâm nghiệp (nếu có) sẽ được xem xét, đánh giá cụ thể theo quy định của pháp luật ở các bước tiếp theo, bảo đảm không làm ảnh hưởng đến chức năng phòng hộ, đa dạng sinh học và cân bằng sinh thái, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của tỉnh
	- Đối với phương án khai thác khoáng sản: Hồ sơ báo cáo đã tích hợp nhiều khu vực thăm dò, khai thác khoáng sản trong thời kỳ quy hoạch. Tuy nhiên, đây là lĩnh vực có nguy cơ tác động trực tiếp đến tài nguyên rừng và môi trường. Theo quy định của Luật Lâm nghiệp, việc sử dụng rừng tự nhiên cho mục đích khác phải được kiểm soát chặt chẽ và chỉ xem xét trong các trường hợp thực sự cần thiết. Do đó, đề nghị rà soát kỹ các khu vực khoáng sản nằm trong hoặc tiếp giáp các khu vực có rừng tự nhiên, rừng phòng hộ và khu bảo tồn thiên nhiên; đồng thời đánh giá tác động tích lũy của hoạt động khai khoáng đối với nguồn nước, đa dạng sinh học và khả năng phục hồi hệ sinh thái sau khai thác	Liên danh tư vấn tiếp thu và sẽ nghiên cứu bổ sung, tiếp tục hoàn thiện nội dung trong Báo cáo tổng hợp
	- Hiện nay tỉnh Gia Lai đang xử lý diện tích đất trồng cây cao su chết, kém phát triển trên địa bàn tỉnh (khoảng 22.063 ha): Đề nghị UBND tỉnh Gia Lai cập nhật điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất và thực hiện việc trồng rừng thay thế theo chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Quốc Dũng tại Văn bản số 3781/VPCP NN ngày 28/4/2026 của Văn phòng Chính phủ.	Cơ quan soạn thảo và UBND tỉnh xin tiếp thu ý kiến của Bộ
	4. Về thủy lợi và nước sạch nông thôn	
	- Đề nghị rà soát, cập nhật chỉ tiêu về tỷ lệ hộ dân nông thôn được sử dụng nước sạch đạt quy chuẩn phù hợp với chỉ tiêu nêu tại Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.	Mục tiêu toàn tỉnh đạt tối thiểu 67,5% vào năm 2030 là con số thực tiễn, bám sát Nghị quyết số 01-CTr/TU của Tỉnh ủy Gia Lai. Chỉ tiêu này được tính toán dựa trên đặc thù địa hình chia cắt vùng phía Tây (phần đầu đạt 55%), trong khi khu vực phía Đông vẫn đảm bảo đạt mức 80%, đồng bộ với mục tiêu tại Nghị quyết 19-NQ/TW. Đồ án cũng đã xác lập lộ trình từng bước thu hẹp khoảng cách Đông - Tây để tiệm cận mục tiêu chung của quốc gia trong các giai đoạn tiếp theo.
	- Rà soát, bổ sung mục tiêu bảo đảm cấp nước, tiêu thoát nước phục vụ sản xuất, dân sinh trong quy hoạch tỉnh phù hợp với mục tiêu duyệt tại Quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định 847/QĐ-TTg ngày 14/07/2023).	Toàn bộ các chỉ tiêu về kỹ thuật thủy lợi, tưới tiêu và phòng chống thiên tai trong báo cáo đã được xây dựng bằng hoặc cao hơn so với Quy hoạch quốc gia tại Quyết định 847.

STT	Ý KIẾN THAM GIA	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	- Về hiện trạng kết cấu hạ tầng thủy lợi, cấp nước nông thôn: + Rà soát, cập nhật hiện trạng công trình thủy lợi, hồ chứa, đập dâng đang xuống cấp, hư hỏng (bao gồm cả hệ thống thủy lợi nội đồng), đánh giá khả năng kết nối đồng bộ giữa hạ tầng thủy lợi với hạ tầng kỹ thuật các ngành khác, làm cơ sở đề xuất định hướng đầu tư sửa chữa, nâng cấp, xây dựng mới để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế-xã hội, đồng bộ kết cấu hạ tầng trong kỳ quy hoạch. + Rà soát, cập nhật tình hình thiệt hại do hạn hán, thiếu nước, ngập lụt, úng tại khu vực phía tây, khu vực ven biển, trong đó chỉ rõ vùng thường xuyên chịu ảnh hưởng, diện tích sản xuất nông nghiệp bị thiệt hại, tình hình thiếu nước sinh hoạt nông thôn... làm cơ sở đề xuất định hướng tổ chức lại không gian lãnh thổ, giải pháp quy hoạch đảm bảo yêu cầu cấp nước, tiêu thoát nước trong kỳ quy hoạch. + Bổ sung cập nhật lưu lượng lũ, mực nước lũ lịch sử duy trì trên các sông khu vực duyên hải (tỉnh Bình Định cũ) năm 2025, đánh giá kỹ tác động của ngập lụt tại các khu vực ven biển cuối năm 2025, nghiên cứu đề xuất nâng cao dung tích phòng lũ của các hồ chứa và bổ sung các giải pháp ứng phó phù hợp. + Bổ sung đánh giá khả năng kết nối nguồn nước hệ thống hồ chứa thủy điện - thủy lợi - công trình cấp nước sinh hoạt trên địa bàn để bảo đảm chủ động nguồn nước phục vụ sản xuất, dân sinh.	- Về rà soát công trình xuống cấp và khả năng kết nối đồng bộ: Báo cáo hiện trạng đã thống kê cụ thể 284 hồ chứa, 486 đập dâng, 272 trạm bơm và hệ thống kênh mương. Kế hoạch đã phân loại các công trình hư hỏng, xuống cấp để đưa vào danh mục sửa chữa cấp bách giai đoạn 2026 - 2030 (Phụ lục Danh mục kèm theo báo cáo), đảm bảo kết nối đồng bộ hạ tầng thủy lợi với hạ tầng kỹ thuật đô thị, công nghiệp của tỉnh sau sáp nhập. - Báo cáo đã đánh giá rõ sự phân hóa giữa hai vùng: Vùng cao phía Tây thường xuyên thiếu hụt nước kiệt và suy giảm nước ngầm; vùng phía Đông thường xuyên chịu ảnh hưởng lũ lớn, ngập lụt diện rộng (lưu vực sông Ba). Trên cơ sở đó, Kế hoạch đã đề xuất giải pháp quy hoạch Thủy lợi gắn chặt với Tổ chức lại không gian theo 06 tiểu vùng chiến lược phía Tây và giải pháp "Thuận thiên" (chuyển đổi 26.710 ha cây trồng bắp bênh sang cây chịu hạn) để giảm áp lực cấp nước. - Báo cáo đã rà soát tác động lũ trên các sông lớn như sông Côn, sông Ba, sông Lại Giang, từ đó đề xuất nâng cấp hồ Định Bình đã được đưa vào giai đoạn 2026-2030 để tăng dung tích lên 342,61 triệu m³, nâng cao khả năng cắt lũ cho hạ du. Triển khai chương trình "Mở rộng không gian thoát lũ" cho 4 lưu vực sông chính và lắp đặt hệ thống SCADA/AI để cảnh báo rủi ro thiên tai trước 15-30 ngày. - Về đánh giá khả năng kết nối hệ thống hồ thủy điện - thủy lợi - cấp nước sinh hoạt: Nội dung này đã được trình bày tại "Định hướng chung về quản trị và phát triển nguồn nước". Kế hoạch xác định giải pháp trọng tâm là liên kết, tối ưu hóa quy trình vận hành liên hồ chứa (đặc biệt là cụm công trình chuyển dòng An Khê - Ka Nak) chủ động điều tiết, để chuyển dòng từ sông Ba sang sông Côn phục vụ đa mục tiêu.
	- Về phương án và danh mục dự án điện mặt trời: Việc đề xuất các dự án phát triển điện mặt trời trên các hồ thủy lợi (Ayun hạ...), mở rộng công suất các nhà máy thủy điện có liên quan đến hồ thủy lợi (tại tỉnh Định Bình cũ...), cần tuân thủ pháp luật về thủy lợi và pháp luật khác có liên quan, đảm bảo không ảnh hưởng đến mục tiêu, nhiệm vụ, chất lượng nước của công trình hồ chứa thủy lợi.	

STT	Ý KIẾN THAM GIA	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	- Về phương hướng phát triển kết cấu hạ tầng thủy lợi và cấp nước sinh hoạt nông thôn: + Đề nghị xem xét theo hướng phát triển kết cấu hạ tầng thủy lợi kết hợp đồng bộ với kết cấu hạ tầng công trình giao thông, công trình hạ tầng khác, phục vụ đa mục tiêu, bảo đảm an ninh nguồn nước, nâng cao năng lực cấp nước, tiêu thoát nước phục vụ dân sinh, sản xuất nông nghiệp, tạo nguồn cấp nước cho sinh hoạt, công nghiệp, dịch vụ và các ngành kinh tế trên cơ sở khả năng nguồn nước, thích ứng với biến đổi khí hậu. + Rà soát, bổ sung trong danh mục công trình/dự án thủy lợi, cấp nước sinh hoạt nông thôn: (i) Thông tin về quy mô, nhiệm vụ công trình, ghi chú rõ công trình tiếp tục đầu tư, công trình đầu tư mới; (ii) Bổ sung danh mục công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp; công trình/dự án cấp nước cho cây trồng cạn, sản xuất nông nghiệp tập trung, cấp nước cho nuôi trồng thủy sản; (iii) Bổ sung phương án đầu tư, hỗ trợ phát triển cấp nước phân tán quy mô hộ gia đình tại các khu vực khó khăn về nguồn nước, thường xuyên chịu ảnh hưởng của hạn hán trong kỳ quy hoạch.	Đơn vị Tư vấn thống nhất ý kiến góp ý: - Xác định một trong các quan điểm phát triển thủy lợi là chuyển dịch công năng theo hướng tổng hợp, đa mục tiêu. Hệ thống công trình phải bảo đảm phục vụ đồng thời các nhiệm vụ: Sản xuất nông nghiệp, cấp nước sinh hoạt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, phát điện, bảo vệ môi trường và phòng, chống thiên tai. Mọi phương án đầu tư và vận hành phải tuân thủ tuyệt đối nguyên tắc quản trị tích hợp theo lưu vực sông, gắn chặt với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội. - Bảo cáo xây dựng Danh mục định hướng các Chương trình, Cụm dự án trọng điểm làm tầm nhìn xuyên suốt đến năm 2050, đồng thời chi tiết hóa các dự án thành phần đã được xác định cụ thể tại Phụ lục kèm theo. Cách tiếp cận này đảm bảo sự thống nhất về mục tiêu chiến lược nhưng vẫn duy trì tính linh hoạt, cho phép các cấp ngành địa phương chủ động đề xuất điều chỉnh hoặc bổ sung danh mục dự án thành phần vào kế hoạch đầu tư theo từng phân kỳ thực tế.
	5. Về lĩnh vực đề điều và phòng, chống thiên tai	
	- Đề nghị rà soát, thực hiện đầy đủ các ý kiến góp ý của Bộ trong quá trình lập Quy hoạch tỉnh Gia Lai và Quy hoạch tỉnh Bình Định trước đây (theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại văn bản số 5858/BN-N-PCTT ngày 16/9/2021); bảo đảm điều chỉnh quy hoạch tỉnh phù hợp với Quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 847/QĐ-TTg ngày 14/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ và chỉ đạo của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường bảo vệ không gian thoát lũ trên các lưu vực sông, lòng sông, bảo đảm khả năng tiêu, thoát lũ tại Kết luận số 213- KL/TW ngày 21/11/2025, trong đó lưu ý một số nội dung sau:	Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu và tiếp tục rà soát chỉnh sửa theo ý kiến góp ý của Bộ
	Về hiện trạng hạ tầng công trình đề điều, phòng, chống thiên tai: Đề nghị đánh giá cụ thể hiện trạng công trình đề điều, phòng chống thiên tai (đê sông, đê cửa sông, đê biển, đê bao, cống qua đê, kè bảo vệ bờ sông, bờ biển,...) trên địa bàn tỉnh, trong đó thể hiện rõ vị trí, số lượng, quy mô công trình, khả năng chống chịu với lũ, bão, ngập lụt,... (lưu ý thể hiện cụ thể danh mục, vị trí các tuyến đê trên bản đồ) và những vấn đề còn tồn tại, làm cơ sở xây dựng phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu	Dữ liệu của tỉnh Gia Lai không được đầy đủ, hàng năm không có đánh giá tình trạng đê. Tuy nhiên, đơn vị lập QH cũng đã bổ sung phần đánh giá hiện trạng công trình phòng chống thiên tai trên địa bàn tỉnh. Phần bản đồ, do dữ liệu của tỉnh rất thiếu, phân tán và chưa được hệ thống, nên công việc xử lý mất rất nhiều thời gian. Đơn vị lập QH xin bổ sung sau.

STT	Ý KIẾN THAM GIA	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Về phương án quản lý rủi ro thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu: Rà soát, bổ sung nội dung phương án quản lý rủi ro thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu (đã có nhưng chưa đầy đủ) theo hướng dẫn của Bộ tại văn bản số 5858/BNN-PCTT ngày 16/9/2021, cụ thể: (i) Xác định cụ thể mức đảm bảo phòng, chống lũ, ngập lụt đối với các đô thị, khu dân cư tập trung, cơ sở hạ tầng, bảo vệ sản xuất (như các khu vực thị trấn KBang, thị xã An Khê, thị xã Ayun Pa,...thuộc tỉnh Gia Lai cũ; thành phố Quy Nhơn, thị xã An Nhơn, thị trấn Diêu Trì,...thuộc tỉnh Bình Định cũ); trong đó lưu ý rà soát, xác định mức đảm bảo phòng, chống lũ theo Quy hoạch 847/QĐ-TTg (trong Hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch đang xác định theo QCVN 01:2019/BXD về Quy hoạch xây dựng). (ii) Xác định cụ thể không gian thoát lũ của các tuyến sông trên địa bàn tỉnh (sông Ba, sông Ayun, sông Kôn, sông Hà Thanh, sông Lại Giang, sông La Tinh,...) đảm bảo thoát lũ tương ứng mức bảo đảm phòng, chống lũ. (iii) Trên cơ sở mức đảm bảo phòng, chống lũ đối với từng khu vực, không gian thoát lũ của các tuyến sông trên địa bàn tỉnh, rà soát, bổ sung các phương án, giải pháp thực hiện, bao gồm giải pháp công trình, phi công trình, phát triển hệ thống đề điều.	(i) Trong báo cáo có đề cập chống lũ 5% cho các phường trung tâm hành chính tỉnh (chính là Thành phố Quy Nhơn cũ) và khu vực An Nhơn (có bổ sung thêm dòng "Theo Quy hoạch 847/QĐ-TTg). Còn các khu vực còn lại thì chống lũ 10%. Các khu vực còn lại này sẽ bao gồm các phường ở Thị trấn Kbang, An Khê, Ayun Pa của Gia Lai cũ, Diêu Trì ... của Bình Định cũ). (ii) Không gian thoát lũ của các tuyến sông trên địa bàn tỉnh đã được quy định trong các kế hoạch quản lý lũ tổng hợp của các lưu vực sông. Riêng hệ thống sông Ba, Ayun, được quy định trong Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Ba hiện đang trong giai đoạn thẩm định. Trong báo cáo đã có bổ sung các Quyết định của UBND tỉnh về các kế hoạch và đề cập đến Quy hoạch tổng hợp LV S. Ba.
	- Về phương án phòng, chống lũ của tuyến sông có đề, phương án phát triển hệ thống đề điều và kết cấu hạ tầng phòng, chống thiên tai: Rà soát, bổ sung nội dung phương án phòng, chống lũ của tuyến sông có đề (đã có nhưng chưa đầy đủ), cụ thể như sau: rà soát, bổ sung lũ thiết kế của tuyến sông có đề trên địa bàn, bao gồm lưu lượng lũ thiết kế và mực nước thiết kế cho từng giai đoạn quy hoạch, xác định mực nước bảo động đề tổ chức hộ đề; rà soát xác định các giải pháp kỹ thuật của phương án phòng, chống lũ, trong đó lưu ý việc tăng cường bảo vệ không gian thoát lũ trên các lưu vực sông, lòng sông, bảo đảm khả năng tiêu, thoát lũ, tuân thủ chỉ đạo của Ban Bí thư Trung ương Đảng tại Kết luận số 213-KL/TW ngày 21/11/2025; dự kiến tác động môi trường và đề xuất biện pháp giảm thiểu; các giải pháp tổ chức thực hiện, sắp xếp theo thứ tự ưu tiên cho từng giai đoạn.	Đơn vị lập QH xin tiếp thu và sẽ rà soát lại nội dung
	- Rà soát, bổ sung nội dung phương án phát triển hệ thống đề điều: Đối với các tuyến đề sông đề xuất xây dựng mới: Bổ sung tính toán, đánh giá ảnh hưởng của việc xây dựng mới các tuyến đề đến khả năng thoát lũ sông đề làm cơ sở lập phương án phát triển hệ thống đề điều, phù hợp với quy định tại Quy hoạch 847/QĐ-TTg (như đề Sông Kôn - Hà Thanh, mức đảm bảo thoát lũ là 5%). + Bổ sung các nội dung cụ thể như sau: Xác định nhiệm vụ, vị trí, các thông số kỹ thuật của tuyến đề trên địa bàn tỉnh (đối với đề biên cần xác định những cồn cát tự nhiên ven biển làm nhiệm vụ đề biên); xác định vị trí, quy mô các công trình đầu mối hạ tầng trên tuyến đề; xác định diện tích đất dành cho xây dựng, tu bổ, nâng cấp và kiên cố hóa đề điều; xác định các giải pháp thực hiện; dự kiến tác động môi trường và đề xuất biện pháp giảm thiểu + Rà soát, bổ sung những hạng mục ưu tiên, nguồn lực thực hiện, trong đó, xác định cụ thể các hạng mục ưu tiên tu bổ, nâng cấp và kiên cố hóa đề điều (như tại Phụ lục 13 của Hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch chỉ có tên, chiều dài và có các công trình khác công trình đề điều như kè bờ suối, kè bờ kênh tiêu, cầu tràn,... là chưa rõ ràng và chưa phù hợp).	Đơn vị tư vấn xin tiếp thu hoàn toàn ý kiến xác đáng của cơ quan thẩm định. Tuy nhiên, do đặc thù của Hồ sơ Điều chỉnh quy hoạch tỉnh là quy hoạch mang tính định hướng chiến lược, tích hợp không gian và khung chính sách vĩ mô. Đồng thời, trong điều kiện thời gian thực hiện khẩn trương và nguồn số liệu điều tra cơ bản về địa hình, địa chất, hiện trạng công trình chi tiết từ địa phương không có do công tác đồng bộ dữ liệu sau khi sáp nhập tỉnh vẫn chưa hoàn thiện, nhiều dữ liệu từ tỉnh Gia Lai cũ bị thất lạc. Tuy nhiên, hiện nay, tỉnh Bình Định cũ và Gia Lai mới đã có 3 kế hoạch phòng chống lũ cho các lưu vực sông Côn - Hà Thanh, La Tinh, Sông Lại Giang - Tam Quan (mà Tư vấn đã bổ sung vào trong Báo cáo), trong đó mô tả chi tiết các công trình đề kè, đầu mối hạ tầng tuyến đề, đồng thời Quy hoạch sông Ba đã được phê duyệt. Đơn vị tư vấn xin được tiếp thu, bổ sung ở mức độ định hướng không gian và kiến nghị cần thực hiện bổ sung làm rõ trong giai đoạn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi (Feasibility Study - FS) của từng dự án cụ thể.

STT	Ý KIẾN THAM GIA	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	- Rà soát, bổ sung bản đồ các phương án phòng, chống lũ các tuyến sông có đề, phương án phát triển hệ thống đề điều và nội dung liên quan đến phương án phòng, chống lũ các tuyến sông có đề, phương án phát triển hệ thống đề điều trong các bản đồ khác của hồ sơ quy hoạch.	Đơn vị lập QH xin tiếp thu và sẽ bổ sung bản đồ với các nội dung này
	Về phương án phát triển kết cấu hạ tầng phòng, chống thiên tai: Đề nghị rà soát, bổ sung cụ thể phương án bố trí quỹ đất nhằm sắp xếp, di dời dân cư sinh sống tại những khu vực có nguy cơ cao xảy ra thiên tai.	Tỉnh Gia Lai đã giao cho Ban QL DA NN và Môi trường tỉnh rà soát, đánh giá các khu vực cần di dời do rủi ro như triều cường, sạt lở, ngập lụt và đánh giá nhu cầu cần di dời cho từng xã, từng khu vực. Toàn bộ các xã trong tỉnh đã làm việc với Tổ chuyên môn (của Đơn vị lập QH) về Phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất để phân bổ phần đất ở, trong đó có diện tích dành cho tái định cư. Trong phần báo cáo về Thiên tai không đề cập đến nội dung này.
	Đề nghị cập nhật căn cứ phân cấp đề theo quy định tại Thông tư số 54/2013/TT-BNNPTNT ngày 17/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn phân cấp đề và quy định tải trọng cho phép đối với xe cơ giới đi trên đề (được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 10/2026/TT-BNNMT ngày 06/02/2026) và TCVN 9902:2025 Đề sông -Yêu cầu thiết kế.	Đơn vị lập QH đã tiếp thu và đã cập nhật căn cứ phân cấp đề
	Đề nghị rà soát, cập nhật tên các địa danh và tên các cơ quan chỉ đạo, chỉ huy phòng, chống thiên tai các cấp để đảm bảo phù hợp địa giới hành chính mới và tên của Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia, Ban Chỉ huy phòng, thủ dân sự các cấp tại địa phương (Hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch vẫn dùng tên các địa danh cũ như huyện KBang, huyện Phù Cát,...; tên cơ quan chỉ đạo, chỉ huy phòng, chống thiên tai cũ như Ban Chỉ đạo Trung ương về PCTT, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN cấp tỉnh, cấp xã,...).	Đơn vị lập QH đã tiếp thu và cập nhật rà soát địa danh, tên chỉ huy phòng, chống thiên tai các cấp để đảm bảo phù hợp địa giới hành chính mới và tên của Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia, Ban Chỉ huy phòng, thủ dân sự các cấp tại địa phương
	6. Về quản lý tài nguyên nước	
	Dự thảo Quyết định phê duyệt Quy hoạch tỉnh Gia Lai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 cần được kết cấu lại nội dung về phương hướng khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra đảm bảo phù hợp với quy định hiện hành, cụ thể các nội dung về: (i) phân vùng chức năng của nguồn nước mặt nội tỉnh; (ii) dự báo nhu cầu sử dụng nước trong thời kỳ quy hoạch; xác định tỷ lệ, thứ tự ưu tiên phân bổ trong trường hợp bình thường và hạn hán, thiếu nước; xác định nguồn nước dự phòng để cấp nước sinh hoạt; (iii) phương hướng đầu tư xây dựng mạng lưới quan trắc tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh.	Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu ý kiến Góp ý và đã chỉnh sửa trên cơ sở tham khảo kết cấu bố cục từ các QĐ 1750/QĐ-TTg ngày 30/12/2023 và QĐ 1619/QĐ-TTg ngày 14/12/2023 theo đó gồm 4 nội dung về: (a) Phân vùng tài nguyên nước; (b) Phân bổ tài nguyên nước; (c) Bảo vệ tài nguyên nước; (d) Phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra.
	7. Về quản lý khoáng sản	
	- Đối với các Phụ lục: Số 15. Danh sách các điểm mỏ đã cấp phép, đấu giá quyền khai thác khoáng sản tích hợp vào Điều chỉnh quy hoạch tỉnh Gia Lai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Số 16. Danh sách các điểm mỏ quy hoạch thăm dò, khai thác khoáng sản đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, đề nghị rà soát, bổ sung cột ghi chú các điểm mỏ thuộc quy hoạch khoáng sản quốc gia/quy hoạch tỉnh kèm theo quyết định ban hành.	Liên danh tư vấn tiếp thu và bổ sung vào phụ lục
	- Đề nghị rà soát đối tượng khoáng sản quy hoạch đối với điểm mỏ đá bazan xây dựng tại xã Ia Dơk (Đxd13) thuộc khu dự trữ khoáng sản quốc gia theo quyết định số 1277/QĐ-TTg ngày 01/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ, đảm bảo không phải là khoáng sản dự trữ quốc gia.	Liên danh tư vấn tiếp thu và đã rà soát, mỏ đá bazan xã Ia Dơk không không phải là khoáng sản dự trữ quốc gia

STT	Ý KIẾN THAM GIA	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	- Mô đá bazan xây dựng tại xã Ia Hnú (Đxd19) thuộc diện tích quy hoạch thăm dò, khai thác quặng sắt laterit, theo quyết định số 866/QĐ-TTg ngày 18/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ.	Liên danh tư vấn tiếp thu và điều chỉnh trong phụ lục
	- Mô đất san lấp, xã Ia Hnú (Đsl2,); đất san lấp, xã Ia Ko (Đsl4,); đất san lấp, xã Ia Dơk (Đsl9) thuộc khu vực đã được điều tra khoáng sản sắt laterit, cần rà soát, bổ sung vào diện tích bảo vệ khoáng sản chưa khai thác của tỉnh đối khoáng sản sắt laterit (nếu có).	Liên danh tư vấn tiếp thu và điều chỉnh trong phụ lục
	- Diện tích các mỏ: (1) Quặng Fluorit, xã Ia Hiao (QF11.1, QF11.2); (2) Đá granit ốp lát, xã Ia Phí (Op3); (3) Đá bazan ốp lát, xã Ya Ma (Op10); (4) Đất sét gạch ngói, xã Cửu An (Sgn8); (5) Đất san lấp, xã Ia Khur (Đsl8); (6) Đá xây dựng, xã Vân Canh (QH 223A); (7) Đá xây dựng, xã Canh Vinh (QH 234); (8) Đá xây dựng, xã Vân Canh (QH 239); (9) Thạch anh Phước Mỹ, phường Quy Nhơn; (10) Đá ốp lát, Xã Ia Phí tại phụ lục 15 và phụ lục 16 nằm trong diện tích điều tra, đánh giá khoáng sản đất hiếm của Đề án “Điều tra, đánh giá tổng thể tiềm năng khoáng sản chiến lược (đất hiếm) trên lãnh thổ Việt Nam (phần đất liền) và thăm dò một số diện tích có triển vọng (giai đoạn 1)”. - Hồ sơ quy hoạch chưa đầy đủ theo pháp luật về quy hoạch, thiếu tờ trình và báo cáo tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý; bổ sung các quy định pháp luật về địa chất, khoáng sản, các quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng các loại khoáng sản nhằm đảm bảo tính thống nhất, tránh chồng chéo giữa phương án bảo vệ, khai thác sử dụng tài nguyên của tỉnh và các khu vực có dự trữ/quy hoạch khoáng sản quốc gia.	Liên danh tư vấn tiếp thu và điều chỉnh trong phụ lục
	- Hồ sơ quy hoạch chưa đầy đủ theo pháp luật về quy hoạch, thiếu tờ trình và báo cáo tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý; bổ sung các quy định pháp luật về địa chất, khoáng sản, các quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng các loại khoáng sản nhằm đảm bảo tính thống nhất, tránh chồng chéo giữa phương án bảo vệ, khai thác sử dụng tài nguyên của tỉnh và các khu vực có dự trữ/quy hoạch khoáng sản quốc gia.	Liên danh tư vấn tiếp thu và nghiên cứu bổ sung, tiếp tục hoàn thiện nội dung trong Báo cáo tổng hợp
	8. Về thủy sản	
	Điều chỉnh quy hoạch tỉnh Gia Lai cần rà soát, bổ sung, bảo đảm phù hợp với các Quyết định: số 582/QĐ-TTg ngày 03/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; số 339/QĐ-TTg ngày 11/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Điều chỉnh quy hoạch tỉnh Gia Lai cần có tầm nhìn dài hạn, thống nhất, đáp ứng các mục tiêu chiến lược phát triển kinh tế - xã hội nói chung, kinh tế biển và thủy sản nói riêng.	Tư vấn tiếp thu, bổ sung. Quy hoạch thủy sản đã căn cứ và kế thừa các quy hoạch của quốc gia liên quan đến lĩnh vực thủy sản, trong đó thể hiện rõ việc giảm quy mô tàu thuyền từ 5.743 tàu cá năm 2025 xuống còn 3.800 tàu năm 2030; quy hoạch thủy sản trên hồ chứa; quy hoạch bảo tồn nguồn lợi thủy sản
	9. Về Bảo vệ môi trường	
	- Theo hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch, hiện nay phần lớn chất thải rắn sinh hoạt đô thị và nông thôn được xử lý bằng phương pháp chôn lấp trực tiếp và tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý còn thấp. Do đó, đề nghị bổ sung chỉ tiêu cụ thể về tỷ lệ nước thải đô thị được thu gom, xử lý, tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý bằng phương pháp chôn lấp trực tiếp nhằm thực hiện Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Nghị quyết số 247/2025/QH15 ngày 10/12/2025 của Quốc hội về tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả việc thực hiện chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường.	Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu và đã cập nhật nội dung này tại Điểm 1.1 - Mục VIII - Phần Thứ ba của Báo cáo thuyết minh tổng hợp

STT	Ý KIẾN THAM GIA	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	- Về đánh giá môi trường chiến lược của điều chỉnh Quy hoạch tỉnh: Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược của điều chỉnh Quy hoạch tỉnh đã nhận dạng các vấn đề môi trường chính gồm: Suy giảm chất lượng nước biển ven bờ, nước mặt lục địa, nước dưới đất; ô nhiễm, suy giảm chất lượng không khí; ô nhiễm và suy thoái chất lượng đất; áp lực môi trường do gia tăng chất thải rắn; suy giảm đa dạng sinh học. Về các nội dung đánh giá có liên quan đến các vấn đề môi trường chính nêu trên, đề nghị lưu ý các nội dung sau: + Về hiện trạng môi trường: Bổ sung số liệu phát sinh chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Gia Lai (cũ); số liệu thu gom, xử lý nước thải đô thị. + Đối với đánh giá về ô nhiễm môi trường không khí: Cần bổ sung vấn đề ô nhiễm môi trường không khí (mùi) phát sinh từ hoạt động chăn nuôi. + Đối với đa dạng sinh học, tài nguyên rừng và cảnh quan thiên nhiên, đề nghị đánh giá rõ hơn tác động của phương án phát triển hạ tầng, đô thị, công nghiệp, khai khoáng, du lịch và nông nghiệp đến rừng tự nhiên, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, khu bảo tồn thiên nhiên, khu dự trữ sinh quyển, hành lang đa dạng sinh học và các hệ sinh thái nhạy cảm trong đó cần lưu ý đối với trường hợp có nguy cơ chồng lấn hoặc tác động đến khu vực nhạy cảm về môi trường.	Phân hiện trạng CTR đã có đưa các nội dung về số liệu thu gom phát thải trên địa bàn toàn tỉnh năm 2025 và trên các địa bàn Gia Lai cũ, Bình Định cũ các năm trước đó. Việc đưa vào BVMT sẽ gây trùng lặp, trừ báo cáo DMC
	Đối với giải pháp giảm thiểu tác động do chất thải rắn: theo báo cáo ĐMC, toàn tỉnh hiện có 21 bãi chôn lấp không hợp vệ sinh và 43 bãi rác tạm cấp xã, thôn đang hoạt động (phổ biến tỉnh Gia Lai cũ), phần lớn là bãi lộ thiên, không có lớp lót chống thấm và hệ thống thu gom, xử lý nước rỉ rác. Do đó, đề nghị có giải pháp xử lý (đóng cửa hoàn toàn, đóng cửa một phần, cải tạo để tiếp tục sử dụng) toàn bộ các bãi chôn lấp không hợp vệ sinh trên địa bàn tỉnh.	Nội dung này tư vấn đã đưa vào trong giải pháp ở phương án xử lý CTR. Xem xét tóm tắt tại nội dung BVMT
	- Đối với định hướng các khu xử lý chất thải trên địa bàn tỉnh Gia Lai cần bảo đảm đáp ứng tiêu chí được nêu tại Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 611/QĐ-TTg ngày 08/7/2024 - Về danh mục các khu xử lý chất thải tập trung trong hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch, đề nghị làm rõ vị trí, quy mô, công suất, phạm vi phục vụ, loại chất thải tiếp nhận, công nghệ xử lý, nhu cầu sử dụng đất, khoảng cách an toàn về môi trường, khả năng kết nối giao thông, khả năng kết nối với mạng lưới thu gom - vận chuyển và khả năng đáp ứng nhu cầu xử lý chất thải theo từng giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.	Việc quy hoạch chi tiết khu xử lý chất thải sẽ được bố trí trong giai đoạn nhà đầu tư đề xuất hoặc theo quy hoạch riêng của từng phường. Vị trí quy hoạch phải đảm bảo các tiêu chí về an toàn môi trường. Việc này sẽ nêu chi tiết trong báo cáo ATMT, tư vấn sẽ tiếp thu???. Trong QHT chỉ mang tính chất sơ đồ định hướng.
	Việc bố trí các khu xử lý chất thải cần bảo đảm nguyên tắc thuận lợi cho công tác thu gom, vận chuyển; phù hợp với phân bố dân cư, đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu du lịch, vùng sản xuất nông nghiệp và các khu vực phát sinh chất thải lớn. Đồng thời, cần hạn chế tối đa việc bố trí các khu xử lý chất thải tại khu vực nhạy cảm về môi trường, khu vực gần nguồn nước cấp sinh hoạt, khu dân cư tập trung, khu bảo tồn thiên nhiên, rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, vùng có nguy cơ sạt lở, ngập úng, xâm nhập mặn hoặc khu vực có điều kiện địa chất, thủy văn không phù hợp.	Tư vấn tiếp thu và sẽ đưa các nguyên lý vào trong báo cáo

STT	Ý KIẾN THAM GIA	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Đề nghị bổ sung định hướng liên kết vùng trong xử lý chất thải sau sáp nhập tỉnh, nhất là đối với các khu vực có khoảng cách vận chuyển xa, địa bàn rộng, dân cư phân tán hoặc phát sinh lượng chất thải lớn theo mùa du lịch. Cần xác định rõ mô hình xử lý theo cụm liên xã, liên đô thị, liên vùng hoặc cấp tỉnh; đồng thời làm rõ vai trò của từng khu xử lý chất thải trong mạng lưới hạ tầng môi trường của toàn tỉnh.	Tư vấn tiếp thu và sẽ đưa các nguyên lý vào trong báo cáo
	- Đề nghị nghiên cứu, bổ sung yêu cầu về phát triển kinh tế tuần hoàn, giảm phát thải trong các hoạt động kinh tế, xã hội trên địa bàn tỉnh Gia Lai.	Tư vấn tiếp thu và sẽ đưa các nguyên lý vào trong báo cáo
	- Đề nghị tiếp tục hoàn thiện Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược theo hướng làm rõ hơn mối quan hệ giữa phương án phát triển của Quy hoạch với các vấn đề môi trường chính; bổ sung cơ sở dự báo, đánh giá tính khả thi của các giải pháp bảo vệ môi trường; đồng thời cập nhật đầy đủ các khuyến nghị của đánh giá môi trường chiến lược vào Báo cáo điều chỉnh Quy hoạch trước khi trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt.	Tư vấn tiếp thu và sẽ đưa các nguyên lý vào trong báo cáo
	10. Về trồng trọt và bảo vệ thực vật	
	- Đề nghị tiếp tục hoàn thiện Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược theo hướng làm rõ hơn mối quan hệ giữa phương án phát triển của Quy hoạch với các vấn đề môi trường chính; bổ sung cơ sở dự báo, đánh giá tính khả thi của các giải pháp bảo vệ môi trường; đồng thời cập nhật đầy đủ các khuyến nghị của đánh giá môi trường chiến lược vào Báo cáo điều chỉnh Quy hoạch trước khi trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt.	Quy hoạch đề xuất chi chuyển đổi khoảng 3.790 ha đất lúa kém hiệu quả sang phục vụ phát triển hạ tầng quốc gia, hạ tầng kinh tế-xã hội của tỉnh (đường sắt cao tốc Bắc Nam, đường cao tốc và hạ tầng giao thông, khác...). Bên cạnh đó, quy hoạch tổng sản lượng lương thực có hạt của Gia Lai đến năm 2030 là 1.337.000 tấn (riêng lúa khoảng 1.046,8 nghìn tấn), với quy mô dân số đến năm 2030 là 3,3 triệu người. Như vậy, chỉ tiêu đảm bảo an ninh lương thực cho tỉnh trên 410 kg/người/năm
	- Về định hướng phát triển nông nghiệp: Đề nghị điều chỉnh quy hoạch tỉnh đặc biệt quan tâm đến các nội dung: (i) Quy hoạch vùng trồng lúa tập trung, đảm bảo liên thửa, liên vùng. Bảo đảm an ninh lương thực và nguồn cung thực phẩm ổn định cho tỉnh; (ii) Quy hoạch vùng sản xuất cây công nghiệp tập trung, đáp ứng tiêu chuẩn, gắn với truy xuất nguồn gốc, tuân thủ quy định không gây mất rừng và suy thoái rừng của Liên minh Châu Âu; (iii) Phát triển nông nghiệp công nghệ cao, vùng sản xuất nông sản an toàn thực phẩm, giảm phát thải; (iv) Quản lý, bảo vệ tài nguyên đất nông nghiệp và phát triển trồng trọt bền vững; (v) Phát triển chuỗi cung ứng và logistics.	Tư vấn tiếp thu, bổ sung vào mục định hướng phát triển (3.2.2: Định hướng phát triển theo các lĩnh vực 3.2.1. Định hướng chung - Phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản theo hướng hiện đại, hiệu quả, bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu; tổ chức không gian sản xuất hợp lý gắn với lợi thế từng vùng, từng tiểu vùng sinh thái. Ưu tiên phát triển các vùng trồng lúa tập trung, bảo đảm liên vùng, liên thửa nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, góp phần bảo đảm an ninh lương thực và nguồn cung thực phẩm ổn định cho tỉnh. - Phát triển các vùng sản xuất cây công nghiệp tập trung theo hướng chuyên canh, quy mô lớn, đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng, an toàn thực phẩm và yêu cầu truy xuất nguồn gốc; trong đó, quy hoạch và phát triển cây cà phê, cao su phải tuân thủ các quy định về chống mất rừng và suy thoái rừng của quốc tế. - Đẩy mạnh phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp thông minh, hình thành các vùng sản xuất nông sản an toàn, sản xuất theo hướng hữu cơ, tuần hoàn, bền vững và giảm phát thải khí nhà kính. Tăng cường quản lý, bảo vệ và sử dụng hiệu quả tài nguyên đất nông nghiệp, ngăn ngừa suy thoái đất, bảo tồn độ phì nhiêu của đất, làm nền tảng cho phát triển trồng trọt bền vững trong dài hạn.
	- Về mục tiêu phát triển tỉnh: Đề nghị điều chỉnh quy hoạch tỉnh đặc biệt quan tâm đến các nội dung:	

STT	Ý KIẾN THAM GIA	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	(i) Bảo vệ quỹ đất nông nghiệp chiến lược và vùng sản xuất tập trung: + Khoanh định rõ “vùng đất nông nghiệp không chuyển đổi” (đất lúa, đất rau màu trọng điểm), tích hợp vào quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh; + Xây dựng vùng sản xuất rau, quả tập trung, gắn với sản xuất đáp ứng điều kiện an toàn thực phẩm (hữu cơ, VietGAP, ...), phục vụ tiêu thụ nội địa và xuất khẩu; + Xây dựng vùng sản xuất tập trung cây công nghiệp chủ lực, sản xuất đảm bảo chất lượng phục vụ xuất khẩu; + Ứng dụng bản đồ số (GIS) để giám sát biến động đất nông nghiệp theo thời gian thực.	Tư vấn tiếp thu: Quy hoạch đã được tích hợp vùng đất nông nghiệp trong bản đồ quy hoạch sử dụng đất, trong đó thể hiện rõ các loại hình đất nông nghiệp, bao gồm lúa, mùa trong quy hoạch tỉnh. - Đây là quy hoạch tích hợp của tỉnh, có tính mở và linh hoạt, do đó không thể khoanh chi tiết cho từng vùng sản xuất nhằm tạo thuận lợi trong quá trình thực hiện quy hoạch, cũng như phù hợp với thực tế.
	(ii) Phát triển hệ thống sản xuất nông nghiệp công nghệ cao: + Quy hoạch các khu/tiểu vùng nông nghiệp công nghệ cao (Nhà kính, nhà lưới, thủy canh, khí canh, ...); + Ưu tiên công nghệ tiết kiệm nước, dinh dưỡng, tự động hóa; + Có chính sách ưu đãi đất đai, tín dụng, thu hút doanh nghiệp đầu tư; + Gắn sản xuất với truy xuất nguồn gốc và tiêu chuẩn an toàn.	Tư vấn tiếp thu: Quy hoạch đã chỉ rõ 01 khu nông nghiệp công nghệ cao; 18 vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Đồng thời đã được nêu trong các nội dung của quy hoạch nông nghiệp. Trong triển khai các khu đó, bắt buộc phải đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật đặt ra.
	(iii) Xây dựng hệ thống quản lý sức khỏe đất và canh tác giảm phát thải: + Thiết lập bộ chỉ tiêu đánh giá sức khỏe đất (hữu cơ, vi sinh, độ phì, tồn dư hóa chất); + Triển khai bản đồ dinh dưỡng đất số hóa phục vụ khuyến cáo bón phân chính xác; + Thúc đẩy sử dụng phân bón hữu cơ, vi sinh; canh tác giảm phát thải (low-carbon agriculture); + Áp dụng các mô hình luân canh, xen canh, che phủ đất; + Xây dựng cơ chế giám sát và giảm phát thải khí nhà kính trong nông nghiệp.	Những nội dung này sẽ được định hướng trong đề án phát triển chuyên ngành, không thể đưa vào trong quy hoạch tích hợp tỉnh.
	(iv) Phát triển hệ thống dự báo sinh vật gây hại và an toàn sinh học: + Xây dựng hệ thống dự báo sâu bệnh theo thời gian thực (kết hợp IoT, AI, dữ liệu thời tiết); + Thiết lập mạng lưới bẫy đèn thông minh, điểm giám sát dịch hại; + Phát triển cơ sở dữ liệu sinh vật gây hại theo vùng; + Kiểm soát chặt sinh vật ngoại lai, dịch hại xâm nhiễm; + Khuyến khích biện pháp sinh học, hạn chế thuốc BVTV hóa học.	Những nội dung này sẽ được định hướng trong đề án phát triển chuyên ngành, không thể đưa vào trong quy hoạch tích hợp tỉnh.
	(v) Hình thành chuỗi cung ứng lương thực - thực phẩm vùng đô thị liên kết logistics: + Quy hoạch trung tâm logistics nông sản, kho lạnh, sơ chế, chế biến; + Xây dựng chuỗi liên kết sản xuất - thu mua - chế biến - phân phối; + Ứng dụng nền tảng số quản lý chuỗi cung ứng, truy xuất nguồn gốc; + Phát triển hệ thống vận chuyển lạnh (cold chain) cho nông sản tươi; + Kết nối vùng sản xuất (Tây Nguyên, Gia Lai) với đô thị lớn và xuất khẩu.	Nội dung này đã được nêu trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ. Đồng thời, cũng thể hiện rõ ở mục "3.2.3. Định hướng không gian phát triển"; "3.2.4. Xây dựng chuỗi liên kết"; "3.2.5. Thiết lập cơ chế hợp tác vùng giữa tỉnh Gia Lai và Đắk Lắk"
	11. Về khí tượng, thủy văn:	

STT	Ý KIẾN THAM GIA	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	- Việc khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu KTTV tại tiểu mục 2.6 mục I Phần thứ nhất của Báo cáo thuyết minh điều chỉnh quy hoạch phải bảo đảm có nguồn gốc rõ ràng, được cập nhật đến thời điểm gần nhất và thực hiện theo đúng quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 32 Luật Khí tượng thủy văn và Điều 22 Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ; tương tự đối với các số liệu được sử dụng trong Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược.	Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu ý kiến của Bộ
	- Trong quá trình thực hiện Nhiệm vụ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Gia Lai, đề nghị đơn vị thực hiện xem xét việc đảm bảo hành lang kỹ thuật đối với công trình trên địa bàn thuộc mạng lưới trạm KTTV quốc gia theo quy định.	Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu ý kiến của Bộ
	- Đối với Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược: Đề nghị xem xét bổ sung tăng cường đánh giá các rủi ro thiên tai có khả năng gia tăng do tác động của biến đổi khí hậu, đặc biệt là hạn hán, mưa lớn cục đoạn, ngập lụt, lũ quét, sạt lở đất tại khu vực miền núi; xói lở bờ biển, nước biển dâng tại khu vực ven biển; đồng thời làm rõ mức độ ảnh hưởng của các loại hình thiên tai này đối với các khu vực phát triển đô thị, công nghiệp, hạ tầng giao thông và vùng sản xuất nông nghiệp tập trung.	Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu ý kiến của Bộ
	12. Về biển và hải đảo	
	Việc điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Gia Lai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 phải bảo đảm phù hợp với Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (tại Nghị quyết số 139/2024/QH15 ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Quốc hội) và Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (tại Quyết định số 1117/QĐ-TTg ngày 07 tháng 10 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ).	
	- Đề nghị nghiên cứu, bổ sung nhiệm vụ trọng tâm và khâu đột phá về phát triển kinh tế biển, cụ thể là: (i) Quản lý và bảo vệ tốt các hệ sinh thái biển, hải đảo, kiểm soát khai thác tài nguyên biển trong khả năng phục hồi và chịu tải của các hệ sinh thái biển, tiếp tục phục hồi rừng ngập mặn. Ngăn ngừa, giảm thiểu và kiểm soát ô nhiễm môi trường biển, đặc biệt đối với rác thải nhựa đại dương; kiểm soát, quản lý các nguồn thải và giải quyết các điểm nóng ô nhiễm môi trường trên biển, vùng đất ven biển và các đảo; (ii) Đẩy mạnh phát triển kinh tế thủy sản theo hướng xanh, tuần hoàn, các-bon thấp, có khả năng chống chịu cao, ưu tiên phát triển nuôi biển và đánh bắt xa bờ, gắn với bảo tồn biển và văn hóa biển; (iii) Phát triển nhanh và bền vững các loại năng lượng sạch, xanh từ biển, góp phần bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia, quốc phòng, an ninh.	Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu và sẽ tiếp tục rà soát các nhiệm vụ trọng tâm của tỉnh đảm bảo phù hợp với Nghị quyết số 139/2024/QH15
	13. Về tồn đa dạng sinh học	
	Đề nghị rà soát đảm bảo nội dung điều chỉnh Quy hoạch phù hợp với Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt tại Quyết định số 1352/QĐ-TTg ngày 08/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ; Kế hoạch thực hiện Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt tại Quyết định số 171/QĐ-BNNMT ngày 16/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	Liên danh tư vấn đã rà soát QĐ 1352/QĐ-TTg và QĐ 171/QĐ-BNNMT. Các nội dung đảm bảo thể hiện tại Phần 3, chương VIII, mục 2, tiểu mục 2.2

STT	Ý KIẾN THAM GIA	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Mục 2. Phân tích đánh giá hiện trạng bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học (trang 336, 341): Đề nghị bổ sung, làm rõ hiện trạng cảnh quan thiên nhiên của tỉnh; Mục VII. Phương hướng bảo vệ môi trường và bảo tồn đa dạng sinh học (trang 871, 884): Rà soát bổ sung, đầy đủ các đối tượng quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học (Khu bảo tồn thiên nhiên, Khu vực đa dạng sinh học cao, Vùng đất ngập nước quan trọng, Cảnh quan sinh thái quan trọng, Hành lang đa dạng sinh học, Cơ sở bảo tồn); thông tin về phương án quy hoạch tăng, giảm diện tích, thành lập mới đối với các đối tượng quy hoạch.	- Liên danh tư vấn đã thể hiện các nội dung về Khu bảo tồn thiên nhiên, Khu vực đa dạng sinh học cao, Vùng đất ngập nước quan trọng, Cảnh quan sinh thái quan trọng, Hành lang đa dạng sinh học, Cơ sở bảo tồn tại Phần 3, chương VIII, mục 2, tiểu mục 2.2 - Liên danh tư vấn đã thể hiện nội dung hiện trạng cảnh quan thiên nhiên tại phần 1, chương VI, mục 2
	Đối với dự thảo Quyết định và các Phụ lục, bản đồ quy hoạch kèm theo: Đề nghị rà soát, điều chỉnh theo các góp ý đối với báo cáo tổng hợp Quy hoạch nêu trên.	Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu và sẽ đồng bộ các nội dung giữa báo cáo, bản đồ và dự thảo quyết định
	14. Về một số nội dung khác	
	- Hiện nay Bộ Nông nghiệp và Môi trường đang hoàn thiện hồ sơ trình cấp có thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh một số Quy hoạch (Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch Lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050...). Đề nghị UBND tỉnh Gia Lai phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường cập nhật, thống nhất về số liệu, nội dung, định hướng điều chỉnh quy hoạch tỉnh với các quy hoạch có liên quan.	Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu ý kiến của Bộ và sẽ phối hợp thường xuyên để thống nhất, đồng bộ về thông tin số liệu ở quy hoạch các cấp
	UBND tỉnh Gia Lai chịu trách nhiệm toàn diện về tính chính xác của thông tin, số liệu, tài liệu, bảng biểu, bản đồ, sơ đồ trong hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Gia Lai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 để đảm bảo thống nhất giữa các hồ sơ và thực địa.	Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu ý kiến của Bộ

Phụ lục 03:

Ý KIẾN THAM GIA CỦA BỘ Y TẾ
(Văn bản số: 4292/BYT-KH-TC ngày 11 tháng 6 năm 2026)

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung tiếp thu giải trình
	2.1. Nội dung phần mở đầu: Phân tích, đánh giá, dự báo về các yếu tố, điều kiện phát triển đặc thù của tỉnh Gia Lai: Đề nghị bổ sung một số yếu tố đặc thù với ngành y tế, trong đó, cần nhấn mạnh đến những tác động của Biến đổi khí hậu ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống và sinh hoạt của người dân tỉnh ven biển. Các dịch bệnh truyền nhiễm mới nổi liên tục xuất hiện trên thế giới, bệnh dịch truyền nhiễm có thể lây lan từ nước này sang nước khác trong vòng 24 giờ. Do đó việc triển khai kiểm dịch y tế đồng bộ, đầy đủ đối với người, phương tiện và hàng hóa,... đóng vai trò hết sức quan trọng trong việc phòng chống bệnh truyền nhiễm xâm nhập vào nước ta.	Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu ý kiến của Bộ
	2.2. Nội dung phần thứ nhất:	
	a) Đánh giá thực trạng phát triển lĩnh vực y tế: - Trong phần thực trạng phát triển lĩnh vực y tế trong dự thảo quy hoạch đã được Ban soạn thảo nêu ra một số kết quả đạt được của các lĩnh vực y tế. Tuy nhiên, đề nghị bổ sung báo cáo các mục tiêu, chỉ tiêu y tế đã đạt được trong thời gian từ năm 2020 đến nay của tỉnh Bình Định trước khi sáp nhập; đánh giá kết quả đạt được và các hạn chế, yếu kém để từ đó xây dựng nhiệm vụ, giải pháp trong nhiệm kỳ tới. Các mục tiêu, chỉ tiêu, số liệu về y tế và sức khỏe được so sánh giữa toàn quốc với số liệu của ngành y tế tỉnh và so sánh với các mục tiêu, chỉ tiêu đã được Đảng, Quốc hội và Chính phủ phê duyệt và theo báo cáo ngày 16/3/2026 của Bộ Y tế về kết quả thực hiện kế hoạch năm 2025 của Ngành Y tế: Tỷ lệ dân số tham gia Bảo hiểm y tế đạt 95,16%, số bác sỹ trên 10.000 dân đạt 15 bác sỹ, số giường bệnh trên 10.000 dân đạt 34,5 giường. Chi tiết tại phụ lục đính kèm để Ban Soạn thảo tham khảo, sửa đổi, bổ sung.	Cơ quan lập quy hoạch xin tiếp thu và bổ sung, chi tiết tại toàn bộ các nội dung trong phần thứ nhất, mục II, điểm 3_3.2 trong BCTH
	b) Về đánh giá thực trạng phát triển kết cấu hạ tầng xã hội (hạ tầng y tế - chăm sóc sức khỏe): Về đánh giá hiện trạng các cơ sở y tế, đề nghị cơ quan soạn thảo lưu ý các nội dung đánh giá hiện trạng liên quan đến xếp hạng bệnh viện thành xếp cấp chuyên môn kỹ thuật phù hợp với quy định của Luật Khám bệnh, chữa bệnh và Nghị định số 96/2023/NĐ-CP.	Cơ quan lập quy hoạch xin tiếp thu và tiếp tục rà soát đảm bảo phù hợp với y tế tỉnh Gia Lai. Nội dung hiện trạng hạ tầng y tế chi tiết tại toàn bộ các nội dung trong phần thứ nhất, mục V, điểm 2_2.2 trong BCTH
	2.3. Nội dung phần thứ hai: Nội dung quy hoạch giai đoạn 2026 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050:	
	- Về mục tiêu phát triển: Việc điều chỉnh quy hoạch tỉnh là để đáp ứng với hiện tại và đáp ứng với việc xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp. Vì vậy, các nội dung, mục tiêu, chỉ tiêu trong quy hoạch điều chỉnh nên bám sát theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Quy hoạch của 02 tỉnh cũ và bám sát với các mục tiêu, chỉ tiêu trong quy hoạch Ngành Y tế và Quy hoạch tổng thể quốc gia. Đồng thời Ban soạn thảo cần tham khảo thêm các mục tiêu, chỉ tiêu của toàn quốc đến năm 2030 đã được phê duyệt. Với mục tiêu phát triển tỉnh Gia Lai trở thành Thành phố trực thuộc Trung ương, trung tâm dịch vụ, du lịch biển quốc tế và là Trung tâm y tế chuyên sâu của vùng Duyên hải Nam Trung bộ, tiến tới bao phủ bảo hiểm y tế cho toàn dân vào năm 2030, để thực hiện mục tiêu bao phủ về BHYT, UBND tỉnh Gia Lai cần phát triển hệ thống BHYT toàn dân gắn liền với dịch vụ y tế kỹ thuật cao, đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn như mở rộng diện bao phủ BHYT bền vững (tỷ lệ bao phủ y tế đạt trên 96% dân số, đến năm 2030 đạt mục tiêu bao phủ bảo hiểm y tế toàn dân).	Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu ý kiến của Bộ

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung tiếp thu giải trình
	- Về các nhiệm vụ trọng tâm, đột phá của tỉnh: đề nghị tỉnh cần bổ sung căn cứ vào Nghị quyết 72-NQ/TW của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân và Nghị quyết của Đại hội Đảng lần thứ XIV.	Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu ý kiến của Bộ
	- Định hướng phát triển lĩnh vực y tế: Đề nghị Ban Soạn thảo rà soát các mục tiêu, chỉ tiêu đặt ra đến năm 2030 so với các chỉ tiêu đã đạt được hiện nay và so với các chỉ tiêu của cả nước để xác định cho phù hợp, bảo đảm tính khả thi.	Cơ quan lập quy hoạch xin tiếp thu và rà soát, chi tiết tại các mục phần thứ ba, mục I, điểm 3_3.5 trong BCTH
	- Định hướng phát triển lĩnh vực an sinh xã hội: Đề nghị Ban soạn thảo rà soát, bổ sung các nội dung điều chỉnh quy hoạch mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, trong đó “Phát triển các cơ sở chăm sóc người cao tuổi theo hướng kết hợp y tế - phục hồi chức năng – chăm sóc xã hội, phù hợp xu thế già hóa và mục tiêu chất lượng sống. Phát triển 03-05 mô hình cơ sở trợ giúp xã hội tư nhân (đặc biệt là các cơ sở trợ giúp xã hội chăm sóc người cao tuổi) chất lượng cao tại các đô thị trọng điểm”.	CQLQH xin tiếp thu và bổ sung nội dung tại phần định hướng phát triển lĩnh vực ASXH
	Hiện nay, các cơ sở cai nghiện ma túy đã được chuyển về Bộ Công an, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát các nội dung về “mạng lưới cơ sở cai nghiện ma túy” theo Quyết định số 966/QĐ-TTg ngày 17/8/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, tách thành mục riêng theo chức năng, nhiệm vụ của Bộ Công an (theo Quyết định số 954/QĐ-BCA-C04 ngày 21/01/2026 của Bộ Công an phê duyệt Đề án “tiếp nhận nhiệm vụ quản lý nhà nước về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy”) và tổng hợp ý kiến của Bộ Công an đối với nhiệm vụ này. Do vậy, đề nghị tách nội dung cai nghiện ma túy thành mục riêng và tách ra khỏi lĩnh vực bảo trợ xã hội (tại tiết 6.3, điểm 6, mục VI, Phần thứ ba).	CQLQH xin tiếp thu ý kiến của Bộ và giải trình như sau: Hiện điểm 6 của mục VI, phần thứ ba sẽ được đổi tên thành Phương án phát triển hạ tầng xã hội khác. Do vậy nội dung quy hoạch các cơ sở cai nghiện ma túy sẽ là tiết 6.3 nằm riêng trong mục phương án phát triển hạ tầng xã hội khác sẽ không nằm trong mục lĩnh vực BTXH như cũ

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung tiếp thu giải trình
	Phương án phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội: + Đối với phương án phát triển hạ tầng y tế: Ngày 08/6/2026, Bộ trưởng Bộ Y tế ký Quyết định số 1658/QĐ-BYT phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, đây là căn cứ để Ban soạn thảo xây dựng phương án phát triển hạ tầng y tế. Thực hiện Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 282/NQ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 72-NQ/TW về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân. Theo nghị quyết của Bộ Chính trị: “Mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có ít nhất một bệnh viện đạt cấp chuyên sâu; có bệnh viện lão khoa hoặc bệnh viện đa khoa có chuyên khoa lão khoa. Phát triển các cơ sở chăm sóc sức khỏe người cao tuổi. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống dịch vụ phục hồi chức năng; kết hợp hiệu quả giữa các cơ sở y tế và các cơ sở chăm sóc người cao tuổi”; một số nội dung về y tế và chăm sóc sức khỏe cũng đã được đề cập trong Nghị quyết số 72-NQ/TW: nâng cao năng lực hệ thống kiểm nghiệm, kiểm định, rà soát các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe, chất lượng môi trường sống, học tập, làm việc, chất lượng thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm, thiết bị y tế, chất lượng dịch vụ y tế,...; tăng cường kết hợp quân dân y, y tế công an để đáp ứng kịp thời các tình huống khẩn cấp về y tế công cộng và chăm sóc sức khỏe nhân dân; phát huy tiềm năng và thế mạnh của y dược học cổ truyền,... Đó là những nội dung đã được đề cập trong Nghị quyết 72-NQ/TW nhưng chưa được đề cập rõ trong phương án phát triển quy hoạch tỉnh đến năm 2030. Đề nghị Ban Soạn thảo căn cứ vào báo cáo chính trị của Đại hội Đảng bộ Tỉnh nhiệm kỳ 2025 – 2030 để bổ sung, làm rõ các nhiệm vụ giải pháp triển khai thực hiện các chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, của Quốc hội và Chính phủ. Đề cụ thể hoá Nghị quyết số 72-NQ/TW về nâng cao chất lượng, hiệu quả y tế cơ sở, Quốc hội khóa XV đã chính thức ban hành Nghị quyết số 261/2025/QH15 ngày 11/12/2025 về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá cho công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân và Nghị quyết số 262/2025/QH15 ngày 10/12/2025 phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026 – 2035. Bộ Y tế đề nghị rà soát, bổ sung nhiệm vụ và làm rõ các giải pháp để triển khai tăng cường công tác y tế cơ sở và triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển ngay sau khi có Quyết định phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi.	Cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu, bổ sung tại các nội dung thuộc phần thứ ba, mục I, điểm 3_3.5_3.5.1 và mục VI, điểm 2 trong BCTH
	- Đối với phương án phát triển hạ tầng các cơ sở bảo trợ xã hội: + Tại tiết 6.4, điểm 6, mục VI, phần thứ ba đề nghị tách ra thành mục riêng “7. Phương án phát triển hạ tầng các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng”. + Tại tiết 6.5, điểm 6, mục VI, phần thứ ba đề nghị tách ra thành mục riêng “8. Phương án phát triển hạ tầng các cơ sở chăm sóc trẻ em”.	CQLQH xin tiếp thu ý kiến của Bộ và giải trình như sau: Hiện điểm 6 của mục VI, phần thứ ba sẽ được đổi tên thành Phương án phát triển hạ tầng xã hội khác. Do vậy nội dung phương án phát triển hạ tầng các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng và phương án phát triển hạ tầng các cơ sở chăm sóc trẻ em nằm riêng trong mục phương án phát triển hạ tầng xã hội khác sẽ không nằm trong mục lĩnh vực BTXH như cũ

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung tiếp thu giải trình
	3. Đề xuất các giải pháp thực hiện quy hoạch để bảo đảm thực hiện hiệu quả Quy hoạch sau điều chỉnh - Huy động tối đa các nguồn lực để thực hiện Quy hoạch, cơ cấu lại và sử dụng hiệu quả nguồn chi đầu tư công; đẩy mạnh thực hiện phương thức đối tác công - tư; đầu tư tư nhân; thu hút đầu tư nước ngoài... - Xây dựng, hoàn thiện và thi hành nghiêm thể chế pháp luật, tạo cơ sở pháp lý cho việc thực hiện quy hoạch; cơ chế, chính sách đặc thù về y tế; tiếp tục hoàn thiện thể chế điều phối vùng. - Phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực gắn với khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo. Đổi mới chính sách thu hút nguồn nhân lực, đặc biệt là nhân lực chất lượng cao và phát triển nguồn nhân lực tại chỗ ở các khu vực có khó khăn, nhất là khu vực có đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống. - Đẩy mạnh hợp tác, hội nhập quốc tế, đặc biệt trong khu vực ASEAN; hợp tác phòng, chống bệnh dịch lây truyền qua đường biên giới.	Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu ý kiến của Bộ
	4. Để bảo đảm đồng bộ nội dung và số liệu trong các tài liệu kèm theo hồ sơ, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai chỉ đạo các sở, ban, ngành rà soát, nghiên cứu sửa đổi bổ sung các nội dung tương tự trong các tài liệu: dự thảo Quyết định điều chỉnh Quy hoạch, Báo cáo tóm tắt và Báo cáo tổng hợp, hệ thống sơ đồ, cơ sở dữ liệu của Quy hoạch tỉnh Gia Lai thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050.	Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu ý kiến của Bộ

Phụ lục 04:

Ý KIẾN CỦA BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
(Văn bản Số: 4021/BKHCN-HVCL ngày 09 tháng 6 năm 2026)

STT	Ý KIẾN THAM GIA	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	1. Về việc góp ý dự thảo điều chỉnh Quy hoạch: <i>1.1. Góp ý chung:</i> - Để hoàn thiện thêm Dự thảo điều chỉnh quy hoạch, đảm bảo tính kết nối đồng bộ, phát huy tối đa các tiềm năng, thế mạnh của tỉnh Gia Lai, nội dung Dự thảo cần tiếp tục bám sát hơn các quan điểm, mục tiêu phát triển lớn của Trung ương, đồng bộ với điều chỉnh Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (đã được Quốc hội thông qua tại Nghị quyết số 252/2025/QH15 ngày 10/12/2025, sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050); phù hợp với Điều chỉnh Quy hoạch vùng duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 614/QĐ-TTg ngày 04/4/2026) và các quy hoạch ngành có liên quan. - Đồng thời, nội dung cần bám sát các chủ trương, định hướng lớn về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia như: Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; Luật Viễn thông; Luật Công nghiệp công nghệ số; Điều chỉnh, bổ sung Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030; Chiến lược hạ tầng số đến năm 2025, <u>tầm nhìn đến năm 2030,... và đặc biệt là các Văn kiện Đại hội XIV của Đảng</u>	Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu ý kiến của Bộ
	<i>1.2. Nội dung góp ý chi tiết:</i> Đề nghị chỉnh sửa theo Phụ lục nội dung góp ý chi tiết gửi kèm theo Công văn	
	I. VỀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG DỰ THẢO QUY HOẠCH TỈNH	
	Dự thảo điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Gia Lai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đặt mục tiêu tăng trưởng GRDP bình quân giai đoạn 2026 - 2030 đạt khoảng 10,5%/năm và mục tiêu đến năm 2030 “xây dựng Gia Lai trở thành trung tâm công nghiệp chế biến, chế tạo, năng lượng tái tạo, nông nghiệp công nghệ cao, dịch vụ, du lịch biển - cao nguyên đặc sắc, đồng thời phát triển các lĩnh vực công nghệ cao như chip bán dẫn và trí tuệ nhân tạo (AI) của vùng và cả nước”, đây là những mục tiêu có tính đột phá, thể hiện khát vọng phát triển mạnh mẽ của địa phương sau sáp nhập. Tuy nhiên, trong bối cảnh xuất phát điểm kinh tế - xã hội của địa phương còn khó khăn, hạ tầng khoa học, công nghệ và nguồn nhân lực chất lượng cao chưa thực sự đồng bộ, đặc biệt đối với các lĩnh vực công nghệ tiên tiến như bán dẫn và AI,... các mục tiêu nêu trên cần được tiếp tục nghiên cứu, luận chứng đầy đủ hơn về cơ sở khoa học và thực tiễn. Do đó để hiện thực hóa mục tiêu này, cần nhấn mạnh và làm rõ hơn trong dự thảo điều chỉnh Quy hoạch chủ trương kiến tạo không gian tăng trưởng mới, lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (KHCN, ĐMST và CDS) làm động lực then chốt cho phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH) của tỉnh. Trong đó, cần cụ thể hóa quyết tâm tổ chức thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển KHCN, ĐMST và CDS quốc gia bằng các định hướng và giải pháp rõ ràng, khả thi, nhằm tạo đột phá trong phát triển KHCN, ĐMST và CDS của tỉnh, cụ thể: Nội dung điều chỉnh Quy hoạch tỉnh cần nhấn mạnh quan điểm coi KHCN, ĐMST và CDS là động lực và giải pháp đột phá quan trọng hàng đầu, trực tiếp đóng góp vào phát triển KT-XH của tỉnh. Theo đó, khoa học, công nghệ tạo ra nền tảng tri thức mới và công cụ mới. Đổi mới sáng tạo là động lực, chuyển hóa các tri thức, công cụ mới thành ý tưởng và giải pháp để giải quyết các bài toán KT-XH của tỉnh. Chuyển đổi số tạo ra môi trường và công cụ để hiện thực hóa các ý tưởng, giải pháp đổi mới sáng tạo thành các sản phẩm, dịch vụ, quy trình, mô hình kinh doanh mới và phổ cập vào cuộc sống, tạo ra các giá trị thực tế đóng góp cho phát triển của tỉnh trong nhiệm kỳ tới.	Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu ý kiến của Bộ

STT	Ý KIẾN THAM GIA	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	:Trọng tâm cần triển khai các giải pháp đột phá phát triển KHCN, ĐMST và CDS (i) Về khoa học, công nghệ: Tập trung phát triển các ngành công nghiệp có thế mạnh của tỉnh theo hướng bền vững cùng các công nghệ chiến lược, tạo ra sự phát triển đột phá, có giá trị gia tăng cao, có vai trò dẫn dắt, thúc đẩy cho các ngành công nghiệp khác của tỉnh; (ii) Về đổi mới sáng tạo: Thúc đẩy đổi mới công nghệ của các doanh nghiệp để tăng năng suất lao động thông qua cơ chế vay ưu đãi, giảm thuế; có chính sách chiết khấu thuế cho các khoản chi phát triển KHCN của doanh nghiệp để khích lệ các doanh nghiệp phát triển đổi mới sáng tạo; (iii) Về chuyển đổi số: Xác định thúc đẩy chuyển đổi số không phải là vấn đề công nghệ mà chủ yếu là thể chế và các quyết định hành chính. Từ đó tập trung vào việc ban hành thể chế và các quyết định hành chính để đẩy nhanh chuyển đổi số, đưa việc sử dụng dịch vụ công trực tuyến, tạo lập, thu thập, cập nhật và làm giàu dữ liệu quản lý, điều hành của tỉnh trở thành yêu cầu bắt buộc. Thúc đẩy đổi mới công nghệ gắn liền doanh nghiệp: Cần có các cơ chế thúc đẩy đổi mới công nghệ, thương mại hóa kết quả nghiên cứu và ứng dụng chuyển giao công nghệ nhằm phát huy năng lực ĐMST của các cơ quan, doanh nghiệp trên địa bàn, đặc biệt là các doanh nghiệp trong chuỗi giá trị nông sản chủ lực (cà phê, cao su, hồ tiêu, rau, hoa quả) và lâm nghiệp bền vững vùng Tây Nguyên.	CQLQH xin tiếp thu và Bổ sung vào mục 3.5.4 (Mục I - Phần thứ ba)
	II. GÓP Ý CHI TIẾT CHO DỰ THẢO QUY HOẠCH TỈNH 1. Đối với Dự thảo Quyết định Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Gia Lai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050:	
	1.1. Về quan điểm, tầm nhìn, mục tiêu phát triển, các nhiệm vụ trọng tâm và các khâu đột phá - <i>Về quan điểm phát triển:</i> Tại Mục II, Khoản 1, Điểm 2): Đề nghị bổ sung thêm nội dung: "tập trung vào thương mại hóa kết quả nghiên cứu và ứng dụng chuyển giao công nghệ để nâng cao năng suất các sản phẩm chủ lực"; - <i>Về mục tiêu phát triển:</i> Đề nghị rà soát tính thống nhất của số liệu kinh tế số. Lý do: hiện đang có sự mâu thuẫn về số liệu mục tiêu kinh tế số giữa các văn bản trong tài liệu hồ sơ xin ý kiến. Dự thảo Quyết định đặt mục tiêu kinh tế số đạt khoảng 35% GRDP đến năm 2030. Báo cáo tổng hợp có đoạn lại đang nêu mục tiêu đến năm 2030 kinh tế số đóng góp khoảng 30% GRDP (trang 555 - Báo cáo tổng hợp), đồng thời khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đóng góp khoảng 50% mức tăng trưởng GRDP nhiệm kỳ 2025-2030. Đề nghị rà soát, thống nhất số liệu giữa dự thảo Quyết định, Báo cáo tổng hợp, Báo cáo tóm tắt và phụ lục kèm theo, bảo đảm chỉ tiêu kinh tế số được xác định nhất quán, có căn cứ tính toán và có phương án tổ chức thực hiện phù hợp. Đồng thời, dự thảo điều chỉnh không nên chỉ dừng ở chỉ tiêu tổng hợp về kinh tế số mà cần bổ sung nhóm chỉ tiêu triển khai cụ thể cho giai đoạn 2026-2030 để làm cơ sở đánh giá hiệu quả thực thi quy hoạch, bao gồm: Về ĐMST và KHCN: Cần nhắc bổ sung nội dung về số sáng chế/giải pháp hữu ích được bảo hộ; tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động ĐMST (đề nghị bám sát Quyết định số 604/QĐ-TTg ngày 02/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030); tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề công nghệ. Về Chuyển đổi số: Cần nhắc bổ sung nội dung về tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình; tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến; tỷ lệ sử dụng dữ liệu số hóa; tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa được hỗ trợ CDS; tỷ lệ hộ gia đình vùng sâu, vùng xa được tiếp cận hạ tầng số và kỹ năng số cơ bản. Về các nhiệm vụ trọng tâm, đột phá (trên: Tại Mục II, Khoản 4, Điểm a, Tiết 7): Đề nghị bổ sung và sửa cụm từ "... thúc đẩy khởi nghiệp ..." thành "Xây dựng và phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo tỉnh Gia Lai kết nối chặt chẽ với mạng lưới khởi nghiệp quốc gia và quốc tế";	- Thống nhất chỉ số liệu mục tiêu kinh tế số đạt khoảng 30% GRDP đến năm 2030. - CQLQH xin tiếp thu và Bổ sung vào mục Về quan điểm, tầm nhìn, mục tiêu phát triển, các nhiệm vụ trọng tâm và các khâu đột phá.
	1.3. Về phương hướng phát triển	

STT	Ý KIẾN THAM GIA	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	1.3.1. Phương án phát triển Khu công nghệ số tập trung Đối với định hướng xây dựng Khu công nghệ số tập trung quy mô 177 ha (trang 557 - Báo cáo tổng hợp) thu hút đầu tư về thiết kế/đồng gói bán dẫn, AI, trung tâm dữ liệu và R&D: Đề nghị phân tích kỹ thêm bối cảnh, bổ sung luận cứ làm rõ tính khả thi về mô hình quản lý, nguồn lực tài chính, hạ tầng năng lượng sạch ổn định và phương án thu hút đầu tư kỹ thuật chuyên dụng. Ngoài ra, rà soát để làm rõ sự gắn kết với việc thu hút, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ cho hoạt động của Khu công nghệ số tập trung. Đồng thời, nhấn mạnh thêm cơ chế hợp tác nghiên cứu ứng dụng giữa trường đại học, viện nghiên cứu và doanh nghiệp trong tỉnh. Xem xét bổ sung phương hướng và giải pháp cụ thể cho việc đào tạo, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, nhân lực STEM chuyên biệt nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển các ngành công nghệ mới này. Đề nghị Cơ quan soạn thảo điều chỉnh quy hoạch bổ sung phương án phát triển khu công nghệ số tập trung tại Quy hoạch tỉnh để bảo đảm tuân thủ theo quy định tại Luật Quy hoạch và Điều 4 Nghị định số 354/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định về khu công nghệ số tập trung. Đồng thời, xây dựng nội dung phương án phát triển khu công nghệ số tại nội dung điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Gia Lai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050 đúng quy định của pháp luật và định hướng phát triển của địa phương.	- CQLQH xin tiếp thu và Bổ sung vào mục 1.6 Khu công nghệ số tập trung
	1.3.2. Phương hướng phát triển Hạ tầng bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin - Tại mục 3. Phương hướng phát triển hạ tầng viễn thông (mục 3, trang 21): Đề nghị xem xét đổi tên thành "Phương hướng phát triển hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin" để bao hàm đầy đủ các nội dung khác theo Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. - Đề nghị bổ sung đầy đủ các nội dung về mục tiêu, phương hướng phát triển bưu chính, hạ tầng số, kinh tế số, chuyển đổi số, công nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh phù hợp với Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết định số 36/QĐ-TTg ngày 14/01/2026 và Quyết định 4409/QĐ-BKHCN ngày 24/12/2025).	Căn cứ theo Điều 63 Luật Quy hoạch, khoản 11 Điều 26 Nghị định 70/2026/NĐ-CP ngày 09/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch tên đầu mục là Phương hướng phát triển hạ tầng viễn thông. Tuy nhiên về phần nội dung CQLQH cung bám sát Quyết định số 36/QĐ-TTg ngày 14/01/2026 và Quyết định 4409/QĐ-BKHCN ngày 24/12/2025 trong đó có các nội dung khác để đảm bảo mục tiêu phát triển kinh tế của tỉnh và quản lý nhà nước.

STT	Ý KIẾN THAM GIA	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	- Đối với nội dung Hạ tầng số, đề nghị nghiên cứu, bổ sung các nội dung thúc đẩy phát triển hạ tầng số đã được nêu tại các văn bản của Đảng, Chính phủ như Nghị quyết 57/NQ-TW, Quyết định 1132/QĐ-TTg, Quyết định 36/QĐ-TTg,... + Hạ tầng số phải được ưu tiên đầu tư, hiện đại hóa và đi trước một bước để thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia, phát triển kinh tế số, xã hội số, bảo đảm quốc phòng an ninh, bao gồm: + Xây dựng, hoàn thiện, bảo đảm trong quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh phải sẵn sàng không gian, vị trí cho phát triển hạ tầng viễn thông, hạ tầng số (ưu tiên không gian, vị trí, tạo điều kiện để phát triển nhà trạm thu phát sóng di động (4G/5G), hạ tầng băng rộng, xây dựng các trung tâm lưu trữ dữ liệu,...). + Thúc đẩy, hỗ trợ các doanh nghiệp viễn thông tăng cường đầu tư phát triển hạ tầng viễn thông, hạ tầng số tại địa phương nhất là các khu vực vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới bảo đảm đáp ứng nhu cầu sử dụng các dịch vụ số, dịch vụ hành chính công tại các trung tâm phục vụ hành chính công ở các xã biên giới góp phần rút ngắn khoảng cách số, nâng cao hiệu quả bảo đảm quốc phòng an ninh; + Tổ chức làm việc, xác định kế hoạch phát triển hạ tầng viễn thông, hạ tầng số của các doanh nghiệp từ đó triển khai các biện pháp hỗ trợ bao gồm: xây dựng, công bố kế hoạch đầu tư, cải tạo nâng cấp hệ thống hạ tầng đô thị của tỉnh để các đơn vị phối hợp phát triển khai đầu tư xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật các ngành giao thông, năng lượng, chiếu sáng, cấp, thoát nước, hạ tầng công trình ngầm, hạ tầng kỹ thuật khác. + Không gian phát triển hạ tầng: Xây dựng, hoàn thiện, bảo đảm trong quy hoạch tỉnh phải sẵn sàng không gian, vị trí cho phát triển hạ tầng viễn thông, hạ tầng số (ưu tiên không gian, vị trí, tạo điều kiện để phát triển nhà trạm thu phát sóng di động (4G/5G), hạ tầng băng rộng, xây dựng các trung tâm lưu trữ dữ liệu,...). + Hỗ trợ vùng sâu, vùng xa và biên giới: Thúc đẩy, hỗ trợ các doanh nghiệp viễn thông tăng cường đầu tư phát triển hạ tầng viễn thông, hạ tầng số tại địa phương nhất là các khu vực vùng sâu, vùng xa, bảo đảm đáp ứng nhu cầu sử dụng các dịch vụ số, dịch vụ hành chính công tại các trung tâm phục vụ hành chính công ở các xã vùng sâu, vùng xa góp phần rút ngắn khoảng cách số, nâng cao hiệu quả bảo đảm quốc phòng an ninh.	CQLQH tiếp thu và bổ sung các nội dung thúc đẩy phát triển hạ tầng số đã được nêu tại các văn bản của Đảng, Chính phủ như Nghị quyết 57/NQ-TW, Quyết định 1132/QĐ-TTg, Quyết định 36/QĐ-TTg,... cụ thể tại mục V.3 Phương hướng phát triển hạ tầng viễn thông
	Theo quy định điểm a và điểm d khoản 5 Điều 55 Luật Quy hoạch năm 2025, hiện không còn quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tại địa phương thay vào đó là nội dung Phương hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trong quy hoạch tỉnh. Do vậy, đề nghị đơn vị chủ trì rà soát bảo đảm nội dung tại mục Phương hướng phát triển hạ tầng viễn thông tuân thủ quy định tại Điều 63 Luật Quy hoạch, khoản 11 Điều 26 Nghị định 70/2026/NĐ-CP ngày 09/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch, đồng thời bảo đảm tính đồng bộ giữa các kế hoạch phát triển hạ tầng của địa phương (nguồn lực nhà nước) và phát triển hạ tầng viễn thông thụ động của doanh nghiệp (do doanh nghiệp đầu tư), bao gồm tập trung xây dựng, công bố kế hoạch đầu tư, cải tạo nâng cấp hệ thống hạ tầng đô thị của tỉnh để các đơn vị phối hợp triển khai đầu tư xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật ngành giao thông, năng lượng, chiếu sáng, cấp, thoát nước, hạ tầng công trình ngầm, hạ tầng kỹ thuật khác để đưa vào Quy hoạch tỉnh làm cơ sở xây dựng kế hoạch phát triển hạ tầng thụ động hằng năm và phù hợp với Quy hoạch đô thị, nông thôn, giao thông, điện nước nhằm mục đích xem xét sự phù hợp với các công trình viễn thông mà doanh nghiệp đề xuất.	CQLQH tiếp thu và rà soát thống nhất điều chỉnh tuân thủ Điều 63 Luật Quy hoạch, khoản 11 Điều 26 Nghị định 70/2026/NĐ-CP ngày 09/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch, đồng thời bảo đảm tính đồng bộ giữa các kế hoạch phát triển hạ tầng của địa phương (nguồn lực nhà nước) và phát triển hạ tầng viễn thông thụ động của doanh nghiệp (do doanh nghiệp đầu tư), bao gồm tập trung xây dựng, công bố kế hoạch đầu tư, cải tạo nâng cấp hệ thống hạ tầng đô thị của tỉnh để các đơn vị phối hợp triển khai đầu tư xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật ngành giao thông, năng lượng, chiếu sáng, cấp, thoát nước, hạ tầng công trình ngầm, hạ tầng kỹ thuật khác để đưa vào Quy hoạch tỉnh làm cơ sở xây dựng kế hoạch phát triển hạ tầng thụ động hằng năm và phù hợp với Quy hoạch đô thị, nông thôn, tại Chương V.3. Phương
	1.3.3. Phương hướng phát triển hạ tầng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo (mục 3, trang 25)	

STT	Ý KIẾN THAM GIA	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	- Đề nghị xem xét bổ sung các chỉ tiêu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, bám sát theo Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; - Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, hoàn thiện phương hướng phát triển hạ tầng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo hướng gắn chặt với điều kiện thực tiễn, lợi thế so sánh và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Gia Lai sau sáp nhập. Trong đó, cần làm rõ vai trò, quy mô, chức năng và lộ trình đầu tư đối với các công trình, dự án hạ tầng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trọng điểm; xác định rõ nguồn lực thực hiện và cơ chế huy động đầu tư để bảo đảm tính khả thi. - Đối với các nội dung như Trung tâm Đổi mới sáng tạo cấp tỉnh, trung tâm dữ liệu, nền tảng dữ liệu lớn (Big Data), trí tuệ nhân tạo (AI), cơ sở ươm tạo công nghệ và khu đổi mới sáng tạo, đề nghị làm rõ định hướng phát triển, phạm vi phục vụ, mối liên kết với mạng lưới đổi mới sáng tạo quốc gia, các cơ sở nghiên cứu, đào tạo và doanh nghiệp trên địa bàn; tránh đầu tư dàn trải, trùng lặp chức năng hoặc vượt quá nhu cầu và khả năng khai thác thực tế.	CQLQH xin phép được tiếp thu ý kiến, tiếp tục rà soát theo ý kiến góp ý.
	- Đề nghị bổ sung định hướng phát triển hạ tầng số phục vụ nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo hướng đồng bộ với hạ tầng viễn thông, hạ tầng dữ liệu và hạ tầng số của tỉnh; ưu tiên phát triển các nền tảng dùng chung, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, trung tâm dữ liệu và các nền tảng hỗ trợ nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số và chính quyền số. - Ngoài ra, cần tăng cường định hướng liên kết vùng và hợp tác với các trung tâm khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo lớn của khu vực Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên và cả nước; chú trọng phát triển nguồn nhân lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo chất lượng cao, gắn kết chặt chẽ giữa cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu, doanh nghiệp và cơ quan quản lý nhà nước nhằm nâng cao hiệu quả khai thác, vận hành hạ tầng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong dài hạn. - Bên cạnh đó, đề nghị xem xét nghiên cứu bổ sung nội dung về thí điểm các cơ chế, chính sách vượt trội (sandbox) cho các mô hình kinh doanh mới và sản phẩm ĐMST. - Xem xét bổ sung thêm nội dung về ưu tiên phát triển và ứng dụng công nghệ then chốt và công nghệ chiến lược vào chuỗi giá trị nông nghiệp công nghệ cao (cà phê, cao su, hồ tiêu, rau, hoa quả), lâm nghiệp bền vững, chế biến sâu nông lâm sản, giảm phát thải metan và carbon thấp. - Tăng cường cơ chế chuyển giao công nghệ từ các viện nghiên cứu, trường đại học (đặc biệt các ngành trọng điểm công nghệ sinh học, cơ điện tử, điện tử công nghiệp) vào doanh nghiệp và hợp tác xã tại địa phương. - Xem xét bổ sung nội dung về thu hút đầu tư FDI vào lĩnh vực agrotech, công nghệ sinh học, công nghệ chế biến, năng lượng tái tạo và du lịch thông minh.	- CQLQH xin tiếp thu và Bổ sung vào mục 3.5.4.2 Định hướng phát triển
	1.3.4. Phương án xây dựng Hệ sinh thái Đổi mới sáng tạo và Xã hội số - Về Cơ chế thử nghiệm chính sách (Sandbox) và nguồn vốn: Đề nghị xem xét bổ sung định hướng nghiên cứu, áp dụng thí điểm các cơ chế, chính sách vượt trội, khung pháp lý thử nghiệm (sandbox) cho các mô hình kinh doanh mới, sản phẩm công nghệ mới trên địa bàn tỉnh. Đồng thời, bổ sung phương hướng khuyến khích hình thành các Quỹ hỗ trợ đổi mới sáng tạo, quỹ đầu tư mạo hiểm có sự tham gia đóng góp từ nguồn vốn xã hội hóa và khởi nghiệp. - Về phát triển Xã hội số và kinh tế nông thôn: Bổ sung các định hướng mang tính bao trùm về phổ cập kỹ năng số cho người dân vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; thúc đẩy ứng dụng công nghệ số trong nông nghiệp, phát triển sản thương mại điện tử cho nông sản địa phương nhằm tháo gỡ bài toán tiêu thụ.	CQLQH xin phép được tiếp thu ý kiến, tiếp tục rà soát theo ý kiến góp ý.

STT	Ý KIẾN THAM GIA	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	1.3.5. Ứng dụng KH&CN bảo tồn văn hóa và liên kết đô thị thông minh - Đề nghị nghiên cứu lồng ghép nhiệm vụ ứng dụng KHCN trong việc nghiên cứu, bảo tồn và phát huy các giá trị tri thức bản địa, tài sản văn hóa phi vật thể và không gian văn hóa truyền thống đặc sắc của các dân tộc Tây Nguyên trước áp lực của quá trình đô thị hóa và phát triển công nghiệp. - Đối với phát triển đô thị dọc các hành lang kinh tế, cần nghiên cứu lồng ghép mô hình phát triển đô thị nén kết hợp TOD (phát triển đô thị định hướng giao thông) gắn với hạ tầng sở để tối ưu hóa liên kết vùng, dịch vụ tiện ích thông minh và logistics kết nối vùng kinh tế sinh thái.	CQLQH xin phép được tiếp thu ý kiến, tiếp tục rà soát theo ý kiến góp ý.
	1.4. Về Giải pháp phát triển: - Đề nghị nghiên cứu, bổ sung giải pháp về Khuyến khích hình thành các Quỹ hỗ trợ đổi mới sáng tạo có sự tham gia của nguồn vốn xã hội hóa. - Đối với định hướng phát triển nông nghiệp công nghệ cao, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và phát triển tín chỉ các-bon, đề nghị bổ sung các giải pháp cụ thể nhằm thúc đẩy nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ trong sản xuất nông nghiệp, bảo tồn đa dạng sinh học, phát triển dược liệu, bảo vệ tài nguyên rừng và thích ứng với biến đổi khí hậu; đồng thời làm rõ cơ chế kết nối giữa hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ với phát triển các chuỗi giá trị nông sản chủ lực của địa phương. - Tỉnh Gia Lai sau sáp nhập sở hữu không gian văn hóa đa dạng với nhiều giá trị văn hóa đặc sắc của Tây Nguyên và Duyên hải miền Trung. Vì vậy đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu bổ sung các giải pháp cụ thể nhằm bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống, tri thức bản địa và bản sắc văn hóa các dân tộc; đánh giá tác động của quá trình đô thị hóa, phát triển công nghiệp và du lịch đối với các không gian văn hóa truyền thống; đồng thời tăng cường lồng ghép các mục tiêu bảo tồn văn hóa trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. - Dự thảo đã đề cập nội dung phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt trong các lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Tuy nhiên, đề nghị tiếp tục làm rõ hơn các cơ chế, chính sách thu hút, trọng dụng đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học và nhân lực công nghệ cao; đồng thời bổ sung các giải pháp phát triển nguồn nhân lực STEM, AI, bán dẫn, dữ liệu và chuyển đổi số với nhu cầu thực tiễn của tỉnh trong giai đoạn tới. - Trên cơ sở các nội dung nêu trên, giải pháp về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cần xây dựng cụ thể hơn; làm rõ địa bàn triển khai, nội dung công việc cụ thể và có chỉ tiêu, chỉ số để đánh giá kết quả, hiệu quả. - Bổ sung giải pháp an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu và ứng dụng công nghệ (AI, IoT, dữ liệu lớn) trong giám sát môi trường, rừng, thiên tai và quản lý đô thị - nông thôn thông minh.	- CQLQH xin tiếp thu và Bổ sung vào mục 4. Giải pháp về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

STT	Ý KIẾN THAM GIA	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	1.5. Phụ lục dự thảo Quyết định - Đề có cơ sở triển khai cụ thể hóa các mục tiêu, phương án phát triển, giải pháp phát triển,... trong điều chỉnh Quy hoạch tỉnh đã đề ra, đề nghị bổ sung vào Phụ lục Quyết định các phương án sau, trên cơ sở rà soát kế thừa/điều chỉnh/bổ sung các nhiệm vụ, dự án đã được phê duyệt tại Quyết định số 1750/QĐ-TTg ngày 30/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tỉnh Gia Lai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1619/QĐ-TTg ngày 14/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tỉnh Bình Định thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, cụ thể: - Phương án phát triển hạ tầng bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin tỉnh Gia Lai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Nội dung phương án cần cụ thể hóa các định hướng phát triển hạ tầng bưu chính, hạ tầng viễn thông, hạ tầng số, hạ tầng dữ liệu, hạ tầng công nghiệp công nghệ số và các hạ tầng kỹ thuật liên quan, bảo đảm đồng bộ với các mục tiêu, định hướng phát triển kinh tế số, xã hội số và chính quyền số đã xác định trong điều chỉnh Quy hoạch. - Phương án phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tỉnh Gia Lai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, trong đó bổ sung các nội dung mới phù hợp với định hướng phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong giai đoạn hiện nay. Đây sẽ là cơ sở để tổ chức triển khai, cụ thể hóa các mục tiêu, phương án phát triển, nhiệm vụ và giải pháp về KH-CN, ĐMST và CĐTĐ đã được xác định trong Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh.	Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu ý kiến của Bộ chỉnh sửa phụ lục dự thảo quyết định phê duyệt các định hướng phát triển hạ tầng bưu chính, hạ tầng viễn thông, hạ tầng số, hạ tầng dữ liệu, hạ tầng công nghiệp công nghệ số và các hạ tầng kỹ thuật liên quan, bảo đảm đồng bộ
	1.6. Về tổ chức thực hiện Đề nghị xem xét làm rõ hơn việc tổ chức, thực hiện Quy hoạch để bảo đảm tính khả thi trong triển khai, trong đó đề nghị bổ sung hoặc nhấn mạnh: Cơ chế theo dõi, giám sát, sơ kết, tổng kết định kỳ; đề nghị xây dựng bộ chỉ tiêu giám sát thực hiện quy hoạch.	Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu ý kiến của Bộ
	2. Đối với nội dung dự thảo Báo cáo tổng hợp điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Gia Lai 2.1. Căn cứ pháp lý - Đề nghị xem xét, cập nhật một số căn cứ pháp lý có liên quan đến điều chỉnh Quy hoạch tỉnh như: Luật Chuyển đổi số; Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; Luật Viễn thông; Luật Công nghiệp công nghệ số; Điều chỉnh, bổ sung Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030; Chiến lược hạ tầng số đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030,...; các căn cứ pháp lý quan trọng liên quan đến chuyển đổi số như: Kế hoạch hành động chiến lược số 01-KH/BCĐTW của Ban Chỉ đạo Trung ương; Quyết định số 2629/QĐ-TTg ngày 01/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển Chính phủ số,... và các văn bản định hướng của địa phương về chuyển đổi số để làm cơ sở điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Gia Lai. - Nghiên cứu, kế thừa và tích hợp hài hòa không gian quy hoạch cũ của địa phương và các tỉnh lân cận để bảo đảm tính liên kết không gian nội địa - ven biển, kinh tế sinh thái - năng lượng tái tạo và hành lang logistics liên vùng. - Đối với các nội dung chính của điều chỉnh quy hoạch tỉnh Gia Lai: Đề nghị căn cứ Quyết định số 1750/QĐ-TTg ngày 30/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tỉnh Gia Lai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1619/QĐ-TTg ngày 14/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tỉnh Bình Định thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 để bảo đảm tính kế thừa, đồng thời tích hợp hài hòa không gian ven biển - nội địa, kinh tế biển - du lịch - năng lượng tái tạo trong quy hoạch tỉnh mới.	Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu và đã bổ sung các căn cứ pháp lý đối với lĩnh vực Khoa học CN, ĐMST liên quan đến điều chỉnh quy hoạch tỉnh. Ngoài ra nội dung điều chỉnh trong QH tỉnh cũng đã được căn cứ trên cơ sở của Quyết định số 1750/QĐ-TTg ngày 30/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tỉnh Gia Lai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1619/QĐ-TTg ngày 14/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tỉnh Bình Định thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 để bảo đảm tính kế thừa

STT	Ý KIẾN THAM GIA	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	2.2. Về Đánh giá thực trạng phát triển 2.2.1. Thực trạng Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo - Về đánh giá thực trạng KHCN: Hồ sơ đã đề cập đến hoạt động khoa học công nghệ và đặc biệt là giáo dục nghề nghiệp với nhiều nghề trọng điểm công nghệ (Công nghệ sinh học, Cơ điện tử, Điện tử công nghiệp, Công nghệ ô tô, Công nghệ thông tin...). Tuy nhiên, đánh giá còn thiếu số liệu định lượng so sánh (số nhiệm vụ KHCN, ngân sách R&D, tỷ lệ thương mại hóa, số doanh nghiệp KHCN, đóng góp TFP...). Đề nghị bổ sung đánh giá thực trạng ứng dụng công nghệ trong nông nghiệp công nghệ cao, lâm nghiệp, chế biến nông lâm sản và chuyển đổi số nông thôn - miền núi. - Đề nghị rà soát, bổ sung các số liệu đánh giá định lượng mang tính chiều sâu phản ánh năng lực KHCN của tỉnh giai đoạn 2021-2025 (ví dụ: số lượng nhiệm vụ KHCN, tỷ lệ chi ngân sách cho R&D so với GRDP, số lượng doanh nghiệp KHCN, tỷ lệ thương mại hóa kết quả nghiên cứu, đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP)...).	CQLQH xin phép được tiếp thu ý kiến, tiếp tục rà soát theo ý kiến góp ý.
	2.2.2. Thực trạng phát triển hạ tầng bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin - Tại mục 1.3. Hiện trạng hạ tầng viễn thông (trang 265), đề nghị đổi tên thành “Thực trạng phát triển hạ tầng bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin” nhằm bảo đảm bao quát đầy đủ các nội dung được đánh giá trong mục, phù hợp với phạm vi và tính chất của hạ tầng thông tin và truyền thông trên địa bàn tỉnh. - Đề nghị rà soát, bổ sung và cập nhật đầy đủ hơn nội dung đánh giá hiện trạng hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin và hạ tầng số của tỉnh Gia Lai, bảo đảm phản ánh toàn diện thực trạng phát triển hạ tầng phục vụ chuyển đổi số, làm cơ sở xây dựng phương án phát triển trong thời kỳ quy hoạch. Trong đó, cần bổ sung đánh giá hiện trạng hạ tầng bưu chính phục vụ thương mại điện tử, logistics bưu chính; hiện trạng hạ tầng số gồm trung tâm dữ liệu, nền tảng điện toán đám mây, nền tảng tích hợp và chia sẻ dữ liệu, kho dữ liệu dùng chung, các cơ sở dữ liệu chuyên ngành và hạ tầng phục vụ phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số. - Đề nghị rà soát, thống nhất các số liệu về thuê bao viễn thông, thuê bao băng rộng di động và các chỉ tiêu liên quan; đồng thời bổ sung đánh giá về mức độ phủ sóng và ứng dụng công nghệ 5G, hạ tầng viễn thông thụ động, hạ tầng dùng chung, tỷ lệ ngầm hóa mạng cáp viễn thông, mức độ đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số, phát triển đô thị thông minh và kinh tế số (tham khảo số liệu phát triển hạ tầng viễn thông, hạ tầng số tỉnh thời kỳ Quy I/2026 đính kèm Phụ lục). - Đối với lĩnh vực công nghệ số, chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo, đề nghị bổ sung đánh giá hiện trạng hạ tầng số của các cơ quan nhà nước; mức độ hoàn thiện các nền tảng số dùng chung, cơ sở dữ liệu dùng chung, khả năng lưu trữ, xử lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu; đồng thời đánh giá thực trạng phát triển doanh nghiệp công nghệ số, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, hoạt động đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và ứng dụng công nghệ số trong các ngành, lĩnh vực của tỉnh.	CQLQH xin phép được tiếp thu ý kiến, tiếp tục rà soát theo ý kiến góp ý.

STT	Ý KIẾN THAM GIA	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	- Đề nghị bổ sung nội dung đánh giá hiện trạng hạ tầng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; năng lực của các tổ chức khoa học và công nghệ, cơ sở nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ; các cơ sở tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; hoạt động nghiên cứu khoa học, đổi mới công nghệ và thương mại hóa kết quả nghiên cứu; mức độ liên kết giữa cơ quan quản lý nhà nước, cơ sở đào tạo, tổ chức nghiên cứu với doanh nghiệp trong hệ sinh thái đổi mới sáng tạo của tỉnh. - Ngoài ra, cần phân tích rõ hơn thực trạng phát triển kinh tế số, xã hội số, công nghiệp công nghệ số, an toàn thông tin mạng; đánh giá kết quả đạt được, những tồn tại, hạn chế, khó khăn, nguyên nhân và khoảng cách giữa hiện trạng với các mục tiêu quốc gia về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và phát triển kinh tế số. Trên cơ sở đó, làm rõ các nhu cầu phát triển hạ tầng bưu chính, viễn thông, hạ tầng số, khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo của tỉnh trong thời kỳ quy hoạch. - Đề nghị tiếp tục rà soát, bổ sung yêu cầu hạ tầng số phục vụ chính quyền số của tỉnh phải được phát triển thống nhất, dùng chung, kết nối liên thông từ cấp tỉnh đến cấp xã, phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp sau sắp xếp đơn vị hành chính. Đối với các nền tảng, hệ thống thông tin phục vụ chỉ đạo, điều hành, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công, phản ánh hiện trường, giám sát đô thị, quản lý ngành, lĩnh vực, cần thể hiện nguyên tắc kế thừa, dùng chung, tránh đầu tư phân tán, cục bộ theo từng sở, ngành, địa phương.	CQLQH xin phép được tiếp thu ý kiến, tiếp tục rà soát theo ý kiến góp ý.
	3. Một số góp ý khác: - Đề đảm bảo tính chuẩn xác và đồng bộ với hệ thống pháp luật chuyên ngành hiện hành, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát và sửa đổi các thuật ngữ trong toàn bộ hồ sơ theo hướng: - Sửa đổi cụm từ "tiêu chuẩn phòng chống lũ", "tiêu chuẩn xử lý chất thải y tế" thành "quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn phòng chống lũ", "quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn quy định để xử lý các loại chất thải y tế" để bảo đảm tuân thủ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật. - Thay thế các từ "đơn đăng ký sở hữu trí tuệ", "đơn sáng chế giải pháp hữu ích" bằng các thuật ngữ pháp lý chuẩn xác là: "đơn đăng ký quyền sở hữu công nghiệp", "đơn đăng ký sáng chế/giải pháp hữu ích" theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ. - Thay thế đồng bộ các khái niệm cũ về "công nghiệp công nghệ thông tin", "khu công nghệ thông tin tập trung" thành "công nghiệp công nghệ số", "khu công nghệ số tập trung" để phù hợp với hệ thống pháp luật về công nghiệp công nghệ số hiện hành. Đề nghị Cơ quan soạn thảo quy hoạch tiếp tục rà soát, bám sát quy hoạch quốc gia, quy hoạch ngành để có những điều chỉnh phù hợp với bối cảnh chung của Việt Nam giai đoạn đến 2050; đồng thời cập nhật mới các số liệu, dữ liệu và thông tin để làm cơ sở khoa học trong điều chỉnh quy hoạch phù hợp với bối cảnh trong nước và quốc tế hiện tại và trong từng giai đoạn.	- CQLQH đã tiếp tu chỉnh sửa các cụm từ trên

Phụ lục 05:

Ý KIẾN CỦA BỘ CÔNG THƯƠNG
(Văn bản số: 4200/BCT-KHTC ngày 09 tháng 6 năm 2026)

STT	Ý KIẾN THAM GIA	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
I	Ý kiến chung	
	- Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Gia Lai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 là nhiệm vụ cần thiết và được Thủ tướng Chính phủ giao cho Ủy ban nhân dân Tỉnh thực hiện để đảm bảo phù hợp với địa giới hành chính mới và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, cũng như bảo đảm thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh trên địa bàn..., do vậy đề nghị bổ sung yêu cầu này vào nguyên tắc điều chỉnh quy hoạch. Đồng thời, đề nghị rà soát để đảm bảo việc điều chỉnh quy hoạch có tính đồng bộ, thống nhất, kế thừa, ổn định trong hệ thống quy hoạch. Nội dung điều chỉnh cần thống nhất và không làm ảnh hưởng đến việc triển khai các dự án đã được xác định trong các quy hoạch ngành quốc gia.	Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu và đã cập nhật tại Điểm 3.3 - Mục III - Phần Mở đầu của Báo cáo thuyết minh tổng hợp
	Đề nghị rà soát nội dung, trình tự thủ tục điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Gia Lai bảo đảm tuân thủ Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15 ngày 10/12/2025; Nghị định số 70/2026/NĐ-CP ngày 09/03/2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch và các quy định của pháp luật khác có liên quan	Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu ý kiến của Bộ
	Đối với điều chỉnh quy hoạch, cần làm rõ nội dung kế thừa không điều chỉnh; nội dung cần thiết điều chỉnh, làm rõ cơ sở điều chỉnh	Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu ý kiến của Bộ
	Để đảm bảo việc điều chỉnh được xem xét toàn diện, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai chỉ đạo cơ quan lập quy hoạch rà soát kỹ các quy hoạch ngành quốc gia thuộc lĩnh vực Công Thương đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh. Trên cơ sở đó, ngoài việc làm rõ những nội dung điều chỉnh do cần thống nhất với các quy hoạch này, cần làm rõ những nội dung đã phù hợp, không thực hiện điều chỉnh. Ngoài ra, trong các quy hoạch ngành quốc gia thuộc lĩnh vực Công Thương có nhiều dự án chưa xác định địa điểm cụ thể, do đó đề nghị Cơ quan lập điều chỉnh quy hoạch chủ động rà soát kỹ lưỡng để đảm bảo việc điều chỉnh quy hoạch tỉnh Gia Lai không làm ảnh hưởng đến việc triển khai các quy hoạch.	Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu ý kiến của Bộ
	Đề nghị làm rõ nét hơn về những tiềm năng, lợi thế của Tỉnh sau sáp nhập, làm cơ sở để đề xuất nội dung điều chỉnh quy hoạch	
	Về căn cứ lập điều chỉnh quy hoạch tỉnh, đề nghị rà soát, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật có liên quan (như: Luật số 144/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; Nghị quyết số 68-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân; Nghị quyết 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 32/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định về quản lý, phát triển CCN...).	Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu và đã cập nhật tại Mục II - Phần Mở đầu của Báo cáo thuyết minh tổng hợp
II	Ý kiến cụ thể	
1	Về định hướng phát triển công nghiệp, thương mại và năng lượng: để khai thác tốt những lợi thế của tỉnh, đề nghị nghiên cứu một số định hướng phát triển đối với lĩnh vực Công Thương như sau:	
	- Đối với công nghiệp: Tập trung phát triển các ngành công nghiệp có lợi thế cạnh tranh, trọng tâm là công nghiệp chế biến, chế tạo; công nghiệp chế biến nông, lâm sản; công nghiệp gắn với cảng biển, logistics; công nghiệp cơ khí, sản xuất vật liệu xây dựng, công nghiệp hỗ trợ và công nghiệp năng lượng. Ưu tiên thu hút đầu tư vào các khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn, đặc biệt là Khu kinh tế Nhơn Hội và các khu công nghiệp dọc hành lang kết nối Tây Nguyên với cảng biển Quy Nhơn; từng bước hình thành chuỗi giá trị công nghiệp - logistics - cảng biển - đô thị - dịch vụ, tạo động lực tăng trưởng mới cho khu vực Tây Nguyên và Nam Trung Bộ. Chủ trọng phát triển công nghiệp chế biến sâu các sản phẩm đặc trưng của địa phương như cà phê, hồ tiêu, cao su, điều, trái cây, gỗ và sản phẩm từ gỗ, dược liệu, thủy sản và các sản phẩm nông nghiệp có lợi thế khác; nâng cao giá trị gia tăng, năng lực cạnh tranh và khả năng tham gia vào chuỗi cung ứng trong nước và quốc tế.	Tư vấn tiếp thu, bổ sung tại mục "3.1.3. Định hướng phát triển các nhóm sản phẩm chủ lực của tỉnh", đồng thời đã cụ thể hóa cơ cấu, tốc độ tăng trưởng các sản phẩm công nghiệp chủ lực của tỉnh trong thời gian tới. Gồm các nhóm sản phẩm: công nghiệp chế biến gỗ và sản phẩm từ gỗ; công nghiệp chế biến nông – thủy sản, thực phẩm và đồ uống; công nghiệp chế tạo máy và cơ khí; công nghiệp may mặc – da giày; công nghiệp hóa chất và dược phẩm; công nghiệp điện...
	- Đối với năng lượng:	

STT	Ý KIẾN THAM GIA	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Đẩy mạnh phát triển các loại hình năng lượng sạch, năng lượng tái tạo phù hợp với tiềm năng và lợi thế của tỉnh, nhất là điện gió trên bờ, điện gió ngoài khơi, điện mặt trời, thủy điện, điện sinh khối và các dạng năng lượng mới. Khai thác hiệu quả tiềm năng gió tại khu vực ven biển Bình Định, tiềm năng bức xạ mặt trời tại khu vực Tây Nguyên và nguồn sinh khối dồi dào từ phụ phẩm nông, lâm nghiệp như cà phê, mía, gỗ và các cây công nghiệp khác. Nghiên cứu phát triển các dự án năng lượng xanh, hydrogen/amoniac xanh và các mô hình sản xuất, sử dụng năng lượng sạch gắn với các khu công nghiệp, khu kinh tế, cảng biển và trung tâm logistics trên địa bàn.	Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu ý kiến của Bộ
	Quan tâm phát triển đồng bộ hạ tầng truyền tải, phân phối và lưu trữ năng lượng; nâng cao khả năng kết nối lưới điện liên vùng, bảo đảm cung ứng điện ổn định cho phát triển kinh tế - xã hội. Khuyến khích phát triển công nghiệp phụ trợ ngành năng lượng, thu hút đầu tư vào sản xuất thiết bị, dịch vụ kỹ thuật phục vụ các dự án năng lượng tái tạo. Từng bước xây dựng tỉnh Gia Lai trở thành trung tâm phát triển năng lượng tái tạo, năng lượng xanh và dịch vụ năng lượng của khu vực Tây Nguyên và duyên hải Nam Trung Bộ, góp phần thực hiện mục tiêu chuyển dịch năng lượng, tăng trưởng xanh và phát triển bền vững của quốc gia.	Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu ý kiến của Bộ
	- Đối với thương mại:	
	Chú trọng phát triển thương mại gắn với logistics, cảng biển, du lịch, dịch vụ và kinh tế số; phát huy vai trò là đầu mối kết nối giao thương giữa Tây Nguyên với khu vực duyên hải Nam Trung Bộ và các thị trường quốc tế thông qua hệ thống cảng biển, đặc biệt là cảng Quy Nhơn. Tập trung phát triển các trung tâm thương mại, dịch vụ, logistics hiện đại tại Quy Nhơn, An Nhơn, Pleiku và các khu vực động lực kinh tế của tỉnh; từng bước hình thành các trung tâm phân phối, trung chuyển hàng hóa quy mô vùng phục vụ nhu cầu sản xuất, tiêu dùng và xuất khẩu của khu vực Tây Nguyên	CQLQH đã tiếp thu bổ sung lồng ghép tại mục 3.3.1. Thương mại
	Đẩy mạnh xúc tiến thương mại, kết nối cung cầu hàng hóa, hỗ trợ doanh nghiệp khai thác hiệu quả các FTA thế hệ mới để mở rộng thị trường xuất khẩu; tăng cường ứng dụng thương mại điện tử, chuyển đổi số trong hoạt động thương mại. Chú trọng xây dựng, phát triển và quảng bá thương hiệu các sản phẩm đặc trưng, sản phẩm OCOP và sản phẩm chủ lực của tỉnh như cà phê, hồ tiêu, cao su, điều, trái cây, dược liệu, gỗ và sản phẩm từ gỗ, thủy sản, sản phẩm chế biến từ nông, lâm sản và các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh khác	CQLQH đã tiếp thu bổ sung lồng ghép tại mục 3.3.1. Thương mại
	Đồng thời, rà soát, quy hoạch và phát triển các vùng nguyên liệu tập trung phục vụ chế biến và xuất khẩu; tăng cường liên kết giữa vùng sản xuất với cơ sở chế biến, hệ thống logistics và thị trường tiêu thụ. Đẩy mạnh áp dụng các tiêu chuẩn chất lượng, quy trình sản xuất tiên tiến, truy xuất nguồn gốc, đáp ứng yêu cầu của các thị trường xuất khẩu. Chú trọng phát triển chuỗi cung ứng bền vững đối với các ngành hàng chủ lực; tăng cường quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên rừng, đất đai và nguồn nước; gắn phát triển thương mại với bảo vệ môi trường, kinh tế tuần hoàn, tăng trưởng xanh và thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo đảm phát triển bền vững trên cả khu vực cao nguyên và ven biển của tỉnh.	CQLQH đã tiếp thu bổ sung lồng ghép tại mục 3.3.1. Thương mại
2	Về các phương án phát triển hạ tầng	
	* Đối với phương án phát triển năng lượng	
	- Đề nghị rà soát, hoàn thiện các nội dung của Phương án phát triển mạng lưới cấp điện trong điều chỉnh Quy hoạch bảo đảm phù hợp với Điều chỉnh Quy hoạch điện VIII đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 15/4/2025 và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII điều chỉnh đã được Bộ Công Thương phê duyệt tại Quyết định số 1509/QĐ-BCT ngày 30/5/2025, trong đó rà soát, cập nhật đầy đủ các dự án nguồn điện, lưới điện trên địa bàn các tỉnh Gia Lai (cũ) và tỉnh Bình Định (cũ).	Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu và đã rà soát mạng lưới cấp điện đảm bảo đúng theo Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 15/4/2025 và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII điều chỉnh đã được Bộ Công Thương phê duyệt tại Quyết định số 1509/QĐ-BCT ngày 30/5/2025 trong hồ sơ điều chỉnh quy hoạch tỉnh
	- Đối với các dự án nguồn điện có quy mô thuộc phạm vi Quy hoạch tỉnh Gia Lai đề nghị cập nhật và tuân thủ theo các dự án đã được tỉnh Gia Lai (cũ) và tỉnh Bình Định (cũ) gửi Bộ Công Thương theo quy định tại Điều 2 Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 15/4/2025, bảo đảm phù hợp với tổng công suất phân bổ theo từng loại hình nguồn điện cho tỉnh Gia Lai (cũ) và tỉnh Bình Định (cũ).	Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu và đã rà soát danh mục các nguồn điện thuộc phạm vi quy hoạch tỉnh đảm bảo phù hợp với chỉ tiêu phân bổ đối với từng loại hình nguồn điện tại QĐ 768/QĐ-TTg
	- Rà soát, bổ sung đầy đủ phương án đầu nối các dự án nguồn điện có trong danh mục quy hoạch thuộc phạm vi hồ sơ Điều chỉnh quy hoạch. Trên cơ sở kết quả tính toán cân bằng công suất, tính toán các chế độ vận hành của hệ thống điện 500 kV, 220 kV và 110 kV trên địa bàn tỉnh Gia Lai và khu vực lân cận, bảo đảm phù hợp với lưới điện hiện hữu, định hướng phát triển mạng lưới cấp điện của tỉnh và khả năng giải tỏa công suất các nguồn điện đề xuất giải pháp phù hợp để không làm quá tải lưới điện, ảnh hưởng đến vận hành an toàn, ổn định hệ thống điện khu vực.	Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu ý kiến của Bộ

STT	Ý KIẾN THAM GIA	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	- Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai chỉ đạo các sở, ngành liên quan trong quá trình hoàn thiện hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch và các quy hoạch có liên quan cần thể hiện hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật về điện lực, tổ chức không gian triển khai công trình điện, quỹ đất, hành lang bảo vệ an toàn công trình điện và yêu cầu về bảo vệ môi trường; đồng thời rà soát Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15, đặc biệt là Điều 58 (Điều khoản chuyển tiếp), để bảo đảm áp dụng đúng quy định.	Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu ý kiến của Bộ
	- Đối với một số khu vực phát triển đô thị, đề nghị bổ sung định hướng ưu tiên lựa chọn thiết bị chiếu sáng thông minh, tiết kiệm điện để phù hợp với tiêu chí về phân loại đô thị hiện nay. Đồng thời, bổ sung định hướng, giải pháp phát triển điện mặt trời áp mái tại khu công nghiệp, công trình công cộng; định hướng về ngầm hóa lưới điện trung thế, hạ thế trong khu trung tâm đô thị, tuyến cảnh quan; Nghiên cứu định hướng các trạm sạc nhiên liệu cho các phương tiện giao thông sử dụng điện và các nhiên liệu khác.	Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu ý kiến của Bộ
	* Đối với phương án phát triển hạ tầng thương mại	
	- Chú trọng phát triển hạ tầng thương mại (gồm cả thương mại truyền thống và thương mại điện tử, nhất là thương mại điện tử xuyên biên giới); nghiên cứu, rà soát, bổ sung định hướng phát triển đối với một số loại hình hạ tầng thương mại, như: mạng lưới chợ theo phân cấp, gắn với vùng nguyên liệu và nhu cầu tiêu dùng; siêu thị, TTTM tại các đô thị trung tâm, khu đô thị mới, khu du lịch; bổ sung quy hoạch trung tâm logistics, trung tâm phân phối, kho lạnh, kho vận TMĐT tại các hành lang kinh tế và đầu mối giao thông; hạ tầng thương mại số, truy xuất nguồn gốc, dữ liệu thị trường, thanh toán không dùng tiền mặt. Trên cơ sở đó, xác định quỹ đất ưu tiên cho phát triển hạ tầng thương mại quy mô lớn.	Tư vấn tiếp thu và đã bổ sung nội dung tại mục 1. Phương án phát triển hạ tầng thương mại; điểm a) Phương án phát triển hệ thống chợ, siêu thị và trung tâm thương mại
	- Đối với danh mục các dự án ưu tiên đầu tư, đề nghị rà soát, bổ sung danh mục các dự án liên quan đến hạ tầng thương mại như: trung tâm logistics cấp vùng/cấp tỉnh; chợ đầu mối nông sản, thực phẩm; trung tâm phân phối, kho lạnh, kho bảo quản nông sản; hạ tầng logistics phục vụ thương mại điện tử.	Tư vấn tiếp thu và đã bổ sung nội dung tại mục 1. Phương án phát triển hạ tầng thương mại; điểm c) Phương án phát triển hạ tầng logistics
	- Đề nghị nghiên cứu, bổ sung các giải pháp nhằm phát triển hạ tầng thương mại theo hướng xanh, hiện đại, bền vững; khuyến khích mô hình logistics xanh, thương mại xanh, ứng dụng công nghệ tiết kiệm năng lượng, thân thiện với môi trường.	Tư vấn tiếp thu và đã bổ sung nội dung tại mục 1. Phương án phát triển hạ tầng thương mại; điểm d) Phương án phát triển hạ tầng thương mại điện tử
	* Đối với phương án phát triển cụm công nghiệp (CCN)	
	- Để có cơ sở đề xuất phương án phát triển CCN trên địa bàn tỉnh trong thời gian tới, đề nghị, rà soát tình hình, tiến độ, hiệu quả đầu tư hạ tầng kỹ thuật, thu hút đầu tư dự án thứ cấp, hiệu quả kinh tế - xã hội của các CCN đã quy hoạch làm cơ sở điều chỉnh Phương hướng phát triển CCN trên địa bàn tỉnh.	Tư vấn tiếp thu và nội dung này đã được thể hiện tại phần IV. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG HỆ THỐNG ĐÔ THỊ VÀ NÔNG THÔN, HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN CÁC KHU CHỨC NĂNG, mục 2.2 Cụm công nghiệp, tiểu mục 2.2.1 Thực trạng phát triển cụm công nghiệp
	- Rà soát, thống nhất số liệu CCN, điều chỉnh giai đoạn tại các biểu phụ lục kèm hồ sơ để phù hợp với thời kỳ quy hoạch.	Tư vấn tiếp thu và rà soát phù hợp các nội dung
	- Đối với 04 CCN dự kiến rút khỏi quy hoạch CCN thời kỳ 2021 - 2030 (CCN Qui Hội, CCN Tây Hoàng Giang, CCN Pleiku 2, CCN Kbang), đề nghị bổ sung đánh giá hiện trạng, hiệu quả đầu tư của từng CCN, căn cứ đề xuất, có phương án chuyển đổi CCN khả thi, đảm bảo quyền lợi hợp pháp của chủ đầu tư và các doanh nghiệp thứ cấp đầu tư sản xuất kinh doanh trong CCN (nếu có).	Tư vấn tiếp thu và giải trình như sau : Đối với 4 CCN dự kiến rút khỏi quy hoạch tỉnh (CCN Qui Hội, CCN Tây Hoàng Giang, CCN Pleiku 2, CCN Kbang) là các CCN chưa thành lập và chưa thực hiện đầu tư. CCN Qui Hội, CCN Tây Hoàng Giang tại Tuy Phước Tây có chồng lấn với Quy hoạch đường sắt cao tốc Bắc Nam. CCN Pleiku 2 Có sự điều chỉnh mục tiêu của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn xã, theo Đồ án Quy hoạch chung xã Gào, tỉnh Gia Lai đến năm 2045 đã được UBND xã Gào phê duyệt tại Quyết định số 671/QĐ-UBND ngày 25/11/2025, trên địa bàn xã Gào không quy hoạch CCN Pleiku 2. CCN Kbang Có sự điều chỉnh mục tiêu của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn xã, theo Đồ án Quy hoạch chung xã Kông Bơ La, tỉnh Gia Lai đến năm 2045 đã được UBND xã Kông Bơ La phê duyệt tại Quyết định số 1568/QĐ-UBND ngày 24/11/2025, trên địa bàn xã Kông Bơ La không quy hoạch CCN Kbang
	Đồng thời, đề nghị rà soát Phương án phát triển CCN (sau điều chỉnh) đảm bảo tính khả thi, đồng bộ, thống nhất và phù hợp với các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành khác trên địa bàn.	Tư vấn tiếp thu và rà soát phù hợp các nội dung

Phụ lục 06:

Ý KIẾN CỦA BỘ NỘI VỤ
(Văn bản số: Số: 5793/BNV-CQĐP ngày 08/6/2026)

STT	Ý KIẾN THAM GIA	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	2. Về đánh giá hiện trạng và phương hướng phát triển hệ thống đô thị và nông thôn	
	a) Phần đánh giá hiện trạng hệ thống đô thị và nông thôn: Đề nghị bổ sung nội dung chuyển tiếp hệ thống đô thị của tỉnh trước sắp xếp ĐVHC năm 2025 thành các đô thị loại II, loại III theo quy định của Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị.	Tiếp thu ý kiến góp ý, đề án bổ sung nội dung chuyển tiếp hệ thống đô thị của tỉnh trước sắp xếp ĐVHC năm 2025 thành các đô thị loại II, loại III theo quy định của Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị.
	b) Phần phương hướng phát triển hệ thống đô thị và nông thôn: Đề nghị bổ sung định hướng thành lập các phường trong thời kỳ quy hoạch theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 và Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính.	Tiếp thu ý kiến góp ý, đề án đã có mục Lộ trình các xã lên phường theo tiêu chuẩn đơn vị hành chính phường

Phụ lục 07:

Ý KIẾN CỦA BỘ QUỐC PHÒNG
(Văn bản số: 3823/BQP-TM ngày 04 tháng 6 năm 2026)

STT	Ý KIẾN THAM GIA	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Để kết hợp chặt chẽ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội gắn với củng cố quốc phòng, đề nghị UBND tỉnh Gia Lai chỉ đạo cơ quan chức năng phối hợp với Quân khu 5 rà soát, tích hợp Quy hoạch sử dụng đất quốc phòng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt bản đồ các khu quân sự tại địa bàn ưu tiên cho nhiệm vụ quốc phòng và các Quy hoạch ngành của Bộ Quốc phòng vào Quy hoạch Tỉnh. Khi triển khai các đề án, dự án cụ thể đề nghị UBND tỉnh Gia Lai chỉ đạo các cơ quan chức năng thực hiện đúng quy định của pháp luật về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với quốc phòng và quốc phòng với phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm không ảnh hưởng đến nhiệm vụ quân sự, quốc phòng của các đơn vị Quân đội trên địa bàn.	Đơn vị tư vấn xin phép được tiếp thu và tiếp tục rà soát theo ý kiến của Bộ Quốc phòng. Đảm bảo đáp ứng diện tích đất quốc phòng trên địa bàn tỉnh Gia Lai để thực hiện tốt các nhiệm vụ quốc phòng cũng như các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội

Phụ lục 08:

Ý KIẾN CỦA BỘ TÀI CHÍNH
(Văn bản số: 7727/BTC/QLQH ngày 08 tháng 6 năm 2026)

STT	Ý KIẾN THAM GIA	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	2. Về nội dung Báo cáo điều chỉnh quy hoạch 2.1. Nhận xét chung	
	Do đó, đề nghị nghiên cứu, chỉnh lý nội dung báo cáo điều chỉnh quy hoạch theo hướng: - Bổ sung ngắn gọn, rõ ràng các nội dung không có sự thay đổi hoặc thay đổi tên địa danh sau sáp nhập vẫn được kế thừa từ Quy hoạch tỉnh Gia Lai và Quy hoạch tỉnh Bình Định (trước sáp nhập). - Bổ sung, làm rõ, hoàn thiện thêm các nội dung sau: (i) Đánh giá, phân tích làm nổi bật những nét đặc trưng, đặc thù của tỉnh Gia Lai (sau sáp nhập); (ii) Xác định đầy đủ những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân khi triển khai các quy hoạch có liên quan trên địa bàn và quy hoạch của 02 tỉnh trước khi sáp nhập (Gia Lai, Bình Định) đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; những điểm nghẽn cần được giải quyết sau khi sáp nhập 02 tỉnh; (iii) Rà soát, luận chứng và lựa chọn nhiệm vụ trọng tâm và xác định các khâu đột phá thể hiện quyết tâm của tỉnh cần giải quyết trong giai đoạn 2026-2030 theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh đề ra. - Phân tích, làm rõ tiềm năng, lợi thế và các động lực tăng trưởng của tỉnh, liên kết phát triển giữa Gia Lai với các địa phương trong vùng Duyên hải Nam Trung bộ và Tây Nguyên; từ đó, đề xuất các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể, khả thi gắn với tiềm năng, thế mạnh của tỉnh, đảm bảo đồng bộ, thống nhất để thực hiện có hiệu quả chủ trương, định hướng của Đảng, nhà nước. - Rà soát, cập nhật nội dung nội dung quy hoạch tỉnh đảm bảo phù hợp với nội dung điều chỉnh quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Quốc hội thông qua tại Nghị quyết số 252/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025; điều chỉnh Quy hoạch vùng Duyên hải Nam Trung bộ và Tây Nguyên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ ban hành tại Quyết định số 614/QĐ-TTg ngày 04 tháng 4 năm 2026 và nội dung điều chỉnh các quy hoạch ngành có liên quan đã được phê duyệt thuộc phạm vi địa giới hành chính của tỉnh. - Rà soát, bổ sung hoàn thiện hệ thống sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu quy hoạch bảo đảm tuân thủ quy định tại mục VI Phụ lục IV của Nghị định số 70/2026/NĐ-CP, Thông tư số 22/2026/TT-BTC ngày 17 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn nội dung và yêu cầu kỹ thuật của cơ sở dữ liệu về quy hoạch và sơ đồ quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh (Thông tư số 22/2026/TT-BTC). Nội dung điều chỉnh quy hoạch tỉnh Gia Lai phải thể hiện đúng, đầy đủ trên hệ thống sơ đồ, cơ sở dữ liệu, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật về quy hoạch, pháp luật về đo đạc bản đồ.	Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu ý kiến của Bộ Tài chính
	2.2. Về căn cứ pháp lý Đề nghị rà soát, bổ sung một số văn bản pháp luật có liên quan cần phải tuân thủ trong quá trình điều chỉnh quy hoạch; nghiên cứu bổ sung một số định hướng lớn có liên quan đến các ngành, lĩnh vực đã được Đảng, Quốc hội, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo, phù hợp với đặc thù tính chất và điều kiện của tỉnh trong quá trình điều chỉnh quy hoạch. Đồng thời, đề nghị rà soát, loại bỏ các văn bản quy phạm pháp luật đã bị sửa đổi, bổ sung hoặc hết hiệu lực.	Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu và đã rà soát loại bỏ các căn cứ pháp lý hết hiệu lực tại Mục II - Phần Mở đầu của Báo cáo thuyết minh tổng hợp

STT	Ý KIẾN THAM GIA	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	2.3. Về quan điểm, mục tiêu lập quy hoạch - Đề nghị chỉnh sửa nội dung tại mục 3.1. Quan điểm lập điều chỉnh quy hoạch (trang 7 Báo cáo tổng hợp) như sau “Việc điều chỉnh quy hoạch tỉnh Gia Lai phải có tầm nhìn dài hạn, tổng thể, đáp ứng các mục tiêu của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030, nhất là giai đoạn 2026-2030; phù hợp, thống nhất với định hướng của quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng và các quy hoạch ngành liên quan đến địa bàn tỉnh Gia Lai.”. - Đề nghị chỉnh sửa nội dung tại mục 3.2. Mục tiêu lập điều chỉnh quy hoạch (trang 8 Báo cáo tổng hợp) như sau: “Hiện thực hóa được các chủ trương, định hướng lớn của Đảng, Nhà nước trong bối cảnh đất nước bước vào Kỷ nguyên vươn mình phát triển giàu mạnh, thịnh vượng của dân tộc; cụ thể hóa quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây nguyên và các quy hoạch ngành trên địa bàn tỉnh Gia Lai về không gian các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, hệ thống đô thị và phân bố dân cư nông thôn, kết cấu hạ tầng, phân bổ đất đai, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường.”	Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu và đã rà soát loại bỏ các căn cứ pháp lý hết hiệu lực tại Điểm 3 - Mục II - Phần Mở đầu của Báo cáo thuyết minh tổng hợp
	2.4. Phân tích, đánh giá, dự báo về các yếu tố, điều kiện tự nhiên, điều kiện phát triển đặc thù của tỉnh Đề nghị bổ sung phân tích khả năng khai thác sử dụng hợp lý vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên, những lợi thế và bất lợi với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Gia Lai (sau sáp nhập); đồng thời, phân tích các điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức của tỉnh như: (i) Làm rõ vai trò kết nối với vị trí trung tâm của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, “hành lang vận tải xuyên vùng” kết nối Campuchia - Tây Nguyên - Biển Đông; (ii) Đánh giá đầy đủ tiềm năng về đất đai, tài nguyên rừng, khoáng sản, nguồn nước, năng lượng tái tạo, khí hậu và cảnh quan sinh thái phục vụ phát triển kinh tế - xã hội bền vững. Đồng thời, cần phân tích sâu những lợi thế và khó khăn của tỉnh trong quá trình phát triển sau sáp nhập như: quy mô diện tích rộng, dư địa phát triển lớn, tiềm năng nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp chế biến, du lịch sinh thái - văn hóa; bên cạnh đó là những hạn chế về hạ tầng giao thông, chất lượng nguồn nhân lực, điều kiện tự nhiên phân hóa, nguy cơ thiên tai, biến đổi khí hậu và chênh lệch phát triển giữa các khu vực.	Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu và đã rà soát bổ sung làm rõ vai trò kết nối và tiềm năng lợi thế của tỉnh trong vùng Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên tại Mục I - Phần Thứ nhất của Báo cáo thuyết minh tổng hợp
	2.5. Về đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội; hiện trạng sử dụng đất; hiện trạng hệ thống đô thị và nông thôn; hiện trạng hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội; hiện trạng môi trường, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên và đa dạng sinh học tỉnh	

STT	Ý KIẾN THAM GIA	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	a) Về phát triển kinh tế - xã hội Về cơ bản, Báo cáo thuyết minh điều chỉnh quy hoạch đã đánh giá được các mặt về hiện trạng phát triển kinh tế, các ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh, đề nghị UBND tỉnh Gia Lai tiếp tục chỉ đạo rà soát, bổ sung: (i) Phân tích về thực trạng tăng trưởng kinh tế (tốc độ tăng trưởng, quy mô GRDP, GRDP bình quân đầu người, chuyển dịch cơ cấu kinh tế) của 02 tỉnh (Gia Lai, Bình Định); (ii) Phân tích mối tương quan so sánh về quy mô nền kinh tế và tốc độ tăng trưởng GRDP giữa 02 tỉnh (trước khi sáp nhập), từ đó nhận diện được sự khác biệt rõ nét về thực trạng phát triển kinh tế giữa các khu vực trên địa bàn tỉnh.	Nhóm nghiên cứu xin giữ nguyên nội dung hiện tại, chưa bổ sung phân tích so sánh riêng giữa Gia Lai và Bình Định trước sáp nhập về tăng trưởng GRDP, quy mô GRDP, GRDP bình quân đầu người và cơ cấu kinh tế. Lý do chính là số liệu chính thức tách riêng theo hai tỉnh chỉ có đến năm 2024, trong khi phần đánh giá thực trạng kinh tế - xã hội của báo cáo hiện nay đã sử dụng và phân tích số liệu năm 2025 theo phạm vi tỉnh Gia Lai mới sau sáp nhập. Do đó, nếu bổ sung nội dung so sánh riêng giữa Gia Lai và Bình Định chỉ đến năm 2024 sẽ tạo ra sự không thống nhất về mốc thời gian phân tích trong cùng một nội dung, đồng thời làm gián đoạn logic đánh giá hiện trạng đang được xây dựng trên cơ sở năm nền 2025 để phục vụ định hướng phát triển giai đoạn 2026–2030.
	b) Về hiện trạng sử dụng đất Đề nghị rà soát, tập trung đánh giá về tính hợp lý, hiệu quả của việc phân bổ, sử dụng, chuyển đổi mục đích sử dụng đất của từng loại đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; làm rõ các vấn đề bất cập, hạn chế trong việc triển khai quy hoạch sử dụng đất của từng địa phương trước khi sáp nhập; các vấn đề trọng tâm cần giải quyết sau khi sáp nhập.	Đơn vị tư vấn xin phép được tiếp thu ý kiến, tiếp tục rà soát theo ý kiến góp ý.
	c) Về hiện trạng phát triển hệ thống đô thị và nông thôn - Đề nghị bổ sung đánh giá tổng quát những khó khăn, hạn chế của việc phát triển hệ thống đô thị - nông thôn sau khi sáp nhập 02 tỉnh; đồng thời, bổ sung phân tích khả năng phát triển đô thị động lực để thúc đẩy phát triển hệ thống đô thị cũng như phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh (sau sáp nhập). - Đề nghị nghiên cứu rà soát đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết số 06- NQ/TW ngày 24 tháng 01 năm 2022 về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trong giai đoạn vừa qua, đồng thời bám sát các yêu cầu tại Kết luận số 224-KL/TW về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW làm cơ sở đề đưa ra phương án phát triển hệ thống đô thị trên địa bàn tỉnh	Tư vấn tiếp thu và giải trình như sau các nội dung đã được thể hiện tại IV. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG HỆ THỐNG ĐÔ THỊ VÀ NÔNG THÔN, HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN CÁC KHU CHỨC NĂNG, mục 1.4 Đánh giá chung về thực trạng phát triển đô thị và mục 1.2 Thực trạng phát triển các điểm dân cư nông thôn, tiểu mục 1.2.1.8 Đánh giá chung. Các nội dung đánh giá SWOT đã cơ bản nhận diện các vấn đề thực trạng phát triển đô thị - nông thôn và các vấn đề cần giải quyết

STT	Ý KIẾN THAM GIA	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	d) Về hiện trạng phát triển khoa học và công nghệ - Đề nghị bổ sung đánh giá những mục tiêu cụ thể tại Kế hoạch số 02- KH/BCĐTW ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị và Chương trình số 02-CTr/BCĐTW ngày 02 tháng 02 năm 2026 của Ban chỉ đạo trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số năm 2026; đánh giá kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu với các cơ sở dữ liệu quốc gia quan trọng như: CSDL dân cư, CSDL đất đai, CSDL Tài chính, CSDL Bảo hiểm, tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân và doanh nghiệp... - Bổ sung đánh giá việc phân bổ và sử dụng nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 (vốn đầu tư từ NSNN, vốn đầu tư ngoài NSNN) các lĩnh vực viễn thông, công nghệ thông tin, công nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh để có cơ sở đề ra những mục tiêu, nhiệm vụ, dự án cụ thể từ các nguồn vốn đầu tư trong giai đoạn tới.	Cơ quan lập quy hoạch xin tiếp thu và soát ý kiến, chi tiết đã chỉnh sửa tại phần thứ nhất, mục II, điểm 3 phần 3.5.1 Về phát triển khoa học và công nghệ trong BCTH
	đ) Về đánh giá thực hiện quy hoạch đã được phê duyệt Đề nghị đánh giá, phân tích rõ hơn việc thực hiện các Quyết định số 1750/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Gia Lai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quyết định số 1619/QĐ-TTg ngày 14 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bình Định thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên các phương diện như: mức độ hoàn thành các mục tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu, kết quả thực hiện các chương trình, dự án thuộc một số lĩnh vực quan trọng xác định trong quy hoạch.	Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu và đã bổ sung nội dung đánh giá việc thực hiện quy hoạch đã được duyệt tại Điểm 1 - Mục IX - Phần thứ nhất của Báo cáo thuyết minh tổng hợp
	<i>2.6. Quan điểm, mục tiêu và lựa chọn kịch bản phát triển</i>	
	a) Về quan điểm phát triển Đề nghị rà soát các quan điểm, mục tiêu tổng quát đảm bảo thống nhất với quan điểm chỉ đạo của Đảng, Nhà nước tại các Nghị quyết của Bộ chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; về hội nhập quốc tế trong tình hình mới; về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo... từ đó chủ động, vận dụng linh hoạt đường lối, chủ trương, định hướng phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh thực tiễn địa phương trong điều chỉnh Quy hoạch tỉnh; đồng thời đảm bảo sự tuân thủ, tính liên tục, kế thừa và sự phù hợp với quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch ngành và quy hoạch vùng. Các quan điểm phát triển và mục tiêu tổng quát trong điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Gia Lai cần được thể hiện một cách tổng quát, toàn diện, rõ ràng, ngắn gọn, súc tích, tránh dàn trải.	Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu và đã rà soát các quan điểm, mục tiêu tổng quát đảm bảo thống nhất với quan điểm chỉ đạo của Đảng, Nhà nước tại các Nghị quyết của Bộ chính trị và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Gia Lai và được trình bày tại Mục II - Phần II của Báo cáo thuyết minh tổng hợp

STT	Ý KIẾN THAM GIA	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	b) Về mục tiêu cụ thể - Căn cứ các chỉ tiêu về kinh tế - xã hội tại Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng, đề nghị rà soát, thống nhất các chỉ tiêu giai đoạn 2026-2030 để đảm bảo tính khả thi, bền vững và hiệu quả trong việc thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và làm căn cứ để so sánh, đánh giá sự phát triển của tỉnh Gia Lai giữa các giai đoạn phát triển. - Đề nghị bổ sung bảng biểu để so sánh về các chỉ tiêu dự kiến điều chỉnh so với các chỉ tiêu được quy định trong Quyết định số 1750/QĐ-TTg ngày 30/12/2023 và Quyết định số 1619/QĐ-TTg ngày 14 tháng 12 năm 2023, trong đó đề nghị làm rõ: (i) Cơ sở tính toán về chỉ tiêu GRDP bình quân đầu người đến năm 2030 là 5.900 - 6.000 USD; (ii) Cơ sở tính toán về tỷ lệ độ che phủ rừng duy trì trên 46,5%, trong khi theo Quyết định số 1750/QĐ-TTg là trên 49,2% và Quyết định số 1619/QĐ-TTg là 58%. - Đề nghị rà soát bảo đảm thống nhất chỉ tiêu về tỷ lệ đô thị hóa trong Báo cáo: Tại mục chỉ tiêu cụ thể (trang 424) tỷ lệ đô thị hóa đạt trên 45%; tuy nhiên, tại Bảng 1 (trang 570) tỷ lệ đô thị hóa của tỉnh Gia Lai đạt 52,5% đến năm 2030.	Theo QĐ 1750: GRDP bình quân đầu người đến năm 2030 đạt 133 triệu đồng, tương đương 5.500 USD; QĐ 1619: GRDP bình quân đầu người (theo giá hiện hành) đến năm 2030 là 204 - 213 triệu đồng/người (tương đương khoảng 7.500 - 7.900 USD). Tuy nhiên, Gia Lai sau sáp nhập về không gian cũng như quy mô nền kinh tế có những biến động nên khó có thể tính trung bình cộng của 2 tỉnh cũ làm thành con số GRDP bình quân đầu người giai đoạn 2026-2030. Do đó, đơn vị tư vấn tính tốc độ tăng trưởng theo kịch bản đã trình bày ở Mục I - Phần hai của Báo cáo thuyết minh tổng hợp, để có được tốc độ tăng trưởng GRDP đầu người đến năm 2030 là 6.000.
	2.7. Phương hướng phát triển các ngành quan trọng trên địa bàn tỉnh Đề nghị nghiên cứu, lựa chọn các ngành trọng tâm phát triển của tỉnh sau khi sáp nhập. Nội dung phân tích phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực cần phải đảm bảo yêu cầu đầy đủ các nội dung như: (i) Mục tiêu phát triển; (ii) Phương hướng phát triển; (iii) Sắp xếp và tổ chức không gian phát triển; (iv) Các giải pháp thực hiện, cụ thể:	
	- Về Công nghiệp: Tập trung chuyển dịch mạnh mẽ cơ cấu ngành công nghiệp theo hướng công nghệ cao, hiện đại và thân thiện với môi trường. Ưu tiên phát triển công nghiệp chế biến sâu nông - lâm - thủy sản, công nghiệp sản xuất linh kiện điện tử, bán dẫn và cơ khí chế tạo phục vụ kinh tế biển và cao nguyên. Đẩy mạnh khai thác hiệu quả, bền vững công nghiệp năng lượng tái tạo (điện gió, điện mặt trời, thủy điện) gắn với hạn mức phân bổ công suất. Khuyến khích phát triển các ngành công nghiệp xanh, công nghiệp tuần hoàn tại các khu, cụm công nghiệp để nâng cao giá trị gia tăng và năng lực cạnh tranh.	Tư vấn tiếp thu ý kiến góp ý. Các nội dung này đã được lồng ghép trong định hướng phát triển ngành tại mục 3.1. (ngành công nghiệp - xây dựng). Trong đó, cơ cấu lĩnh vực năng lượng sẽ dần đuổi kịp và vượt lĩnh vực chế biến chế tạo.
	- Về Nông nghiệp: Phát triển nền nông nghiệp toàn diện, bền vững, hiện đại và tích hợp đa giá trị trên cơ sở phát huy lợi thế đặc thù của từng tiểu vùng thổ nhưỡng. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao đối với các cây công nghiệp chiến lược (cà phê, cao su, hồ tiêu) và cây ăn quả xuất khẩu tại vùng cao nguyên; tập trung thâm canh lúa chất lượng cao và rau màu hữu cơ tại vùng đồng bằng ven biển.	Tư vấn tiếp thu ý kiến góp ý. Các nội dung này đã được lồng ghép trong định hướng phát triển ngành tại mục 3.2 (Ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản). - Trong đó: Đề xuất 01 Khu nông nghiệp CNC TRE khu tại Đak Đoa với tổng diện tích khoảng 457 ha; và 18 vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. - Đã định hướng "mục 3. Phương hướng phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung": trong đó thể hiện rõ định hướng chung; Phát triển "mô hình nông nghiệp tích hợp; Trung tâm đổi mới sáng tạo nông nghiệp Gia Lai; Định hướng một số vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

STT	Ý KIẾN THAM GIA	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	- Về Du lịch: Cần định hướng phát triển du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn, liên kết chặt chẽ hệ sinh thái du lịch "Biển Đông - Cao nguyên". Khai thác tối đa tài nguyên du lịch biển đảo tại dải ven biển phía Đông (vịnh Quy Nhơn, đầm Thị Nại, Nhơn Châu) kết hợp với du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng núi rừng, văn hóa lịch sử đặc sắc tại vùng cao nguyên phía Tây (Kon Ka Kinh, Kon Chư Răng, Biển Hồ). Tập trung đầu tư hạ tầng du lịch đồng bộ, xây dựng thương hiệu du lịch quốc gia và mang tầm quốc tế, đa dạng hóa sản phẩm (du lịch mạo hiểm, du lịch nông nghiệp, y học trị liệu) với chủ đề trọng tâm của Năm Du lịch Quốc gia 2026 do tỉnh Gia Lai đăng cai “Đại ngàn chạm biển xanh”	CQLQH tiếp thu ý kiến góp ý. Các nội dung này đã được lồng ghép trong định hướng phát triển ngành tại mục 3.3.2. Du lịch
	2.8. Phương hướng tổ chức không gian phát triển các hoạt động kinh tế - xã hội	
	- Việc đề xuất phân các tiểu vùng phát triển của tỉnh cần lưu ý một số nội dung như sau: (i) Các tiểu vùng phát triển được xác định dựa trên sự khác biệt rõ nét về điều kiện tự nhiên, vị trí địa lý, mức độ đô thị hóa, kết cấu hạ tầng, trình độ phát triển kinh tế - xã hội và vai trò của từng khu vực trong tổng thể không gian phát triển của tỉnh; (ii) Bảo đảm phát triển bền vững và bao trùm, góp phần thu hẹp chênh lệch phát triển giữa các khu vực trong tỉnh, nâng cao đời sống người dân, đặc biệt tại khu vực miền núi, khu vực khó khăn; đồng thời bảo vệ môi trường, sử dụng hiệu quả tài nguyên và thích ứng với biến đổi khí hậu	Tư vấn tiếp thu và giải trình như sau: Các tiểu vùng phát triển của Gia lai đã được nghiên cứu trên cơ sở điều kiện tự nhiên địa hình, cấu trúc đô thị nông thôn, hiện trạng phát triển kinh tế xã hội và vai trò đối với việc phát triển của tỉnh.
	- Về các trục hành lang phát triển kinh tế - xã hội: Tại Nghị quyết số 252/2025/QH15 của Quốc hội về điều chỉnh quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 xác định: “Từng bước hình thành Hành lang kinh tế Bờ Y - Pleiku - Quy Nhơn kết nối phía Bắc khu vực Tây Nguyên với khu vực ven biển Nam Trung Bộ và cảng biển, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội vùng Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên”. Do đó, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai nghiên cứu đưa ra các phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh gắn kết với hành lang kinh tế đã được xác định tại Nghị quyết số 252/2025/QH15 của Quốc hội.	Tư vấn tiếp thu và Hành lang kinh tế Đông Tây của tỉnh cũng trùng khớp với hành lang Kinh tế Bờ Y, Pleiku- Quy Nhơn. Thuyết minh tổng hợp cũng căn cứ trên Quyết định số 614/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch vùng duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên cơ sở Ưu tiên hoàn thiện hành lang Đông - Tây (quốc lộ 19, quốc lộ 25, quốc lộ 26), kết nối cao nguyên ra các cảng biển miền Trung
	2.9. Phương hướng phát triển đô thị, nông thôn và các khu chức năng trên địa bàn tỉnh	

STT	Ý KIẾN THAM GIA	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	a) Phương hướng phát triển đô thị, nông thôn - Ngày 24 tháng 12 năm 2025, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 về phân loại đô thị (có hiệu từ ngày 01 tháng 01 năm 2026). Đề nghị căn cứ Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 và các quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn để phân loại đô thị trên địa bàn tỉnh Gia Lai (sau sáp nhập) đảm bảo phù hợp với việc thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp, nhằm phát triển có hiệu quả hệ thống đô thị và nâng cao chất lượng đô thị trên địa bàn tỉnh. - Về nhà ở xã hội: Tại Nghị quyết số 07/NQ-CP ngày 12 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ về việc giao chỉ tiêu phát triển nhà ở xã hội cho các địa phương giai đoạn 2026-2030 đã giao chỉ tiêu phải hoàn thành cho tỉnh Gia Lai là 12.173 căn; do vậy, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai rà soát, bổ sung phương án và giải pháp phát triển nhà ở xã hội vào Báo cáo quy hoạch.	Tiếp thu ý kiến góp ý và giải trình như sau: - Phân loại đô thị trên địa bàn tỉnh Gia Lai (sau sáp nhập) đã được căn cứ theo Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 về phân loại đô thị, nội dung này đã được thể hiện tại mục Thực trạng phát triển đô thị. - Về nhà ở xã hội: Phương hướng phát triển nhà ở tỉnh Gia Lai được xác định trên cơ sở Điều chỉnh Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021 - 2030 được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 317/NQ-HĐND ngày 24/4/2026; đồng thời bảo đảm phù hợp với Luật Nhà ở năm 2023, Luật Đất đai năm 2024, Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và định hướng tổ chức không gian đô thị - nông thôn của tỉnh sau sắp xếp đơn vị hành chính, nội dung này đã được thể hiện tại . Định hướng phát triển nhà ở 6.1. Phương hướng phát triển nhà ở, trong đó quy đất ở phục vụ nhà ở xã hội khoảng 55,87 ha và diện tích sàn tăng thêm khoảng 783.134 m2 sàn đảm bảo bố trí đủ 12.173 căn nhà ở xã hội theo Nghị quyết số 07/NQ-CP
	b) Phương hướng phát triển khu chức năng - Khu công nghiệp: Đề nghị bổ sung phân tích, đánh giá đầy đủ về hiện trạng hoạt động của các KCN, bao gồm: tỷ lệ lấp đầy, hiệu quả sử dụng đất, khả năng thu hút đầu tư và dự địa phát triển trong giai đoạn tới; đồng thời, làm rõ cơ sở đề xuất tăng số lượng khu công nghiệp, tổng diện tích khu công nghiệp từ khoảng 8.800 ha (từ 02 quy hoạch tỉnh trước sáp nhập) lên 9.835 ha (bổ sung mới 07 Khu công nghiệp so với Quyết định số 1750/QĐ-TTg và Quyết định số 1619/QĐ-TTg và việc bổ sung KCN Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh với diện tích dự kiến 217 ha vào danh mục các KCN trong khu kinh tế). Phát triển KCN phải đi đôi với phát triển hạ tầng xã hội (nhà ở, thiết chế cho người lao động trong KCN... theo quy định tại khoản 1 Điều 32 Luật Nhà ở, khoản 1 Điều 58 Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở về phát triển và quản lý nhà ở xã hội và khoản 12 Điều 7, Điều 29 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP) và đảm bảo môi trường. Việc đề xuất các KCN mới, cần làm rõ tiêu chí xác định vị trí, mức độ liên kết với các hành lang giao thông chính, trung tâm hậu cần, khu đô thị dịch vụ và các khu chức năng khác, bảo đảm không phân tán nguồn lực và không tạo cạnh tranh nội tỉnh giữa các KCN; việc thu hút đầu tư phát triển KCN phải ưu tiên các dự án sử dụng công nghệ, thân thiện môi trường, công nghệ sạch, đổi mới sáng tạo... Do vậy, đề nghị bổ sung phương án, kế hoạch, lộ trình chuyển đổi mô hình hoạt động của các KCN đã thành lập sang các mô hình KCN xanh, bền vững như mô hình KCN sinh thái, KCN hỗ trợ, KCN chuyên ngành. - Cụm công nghiệp: Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo làm rõ cơ sở đề xuất bổ sung mới 79 Cụm công nghiệp so với Quyết định số 1750/QĐ-TTg và Quyết định số 1619/QĐ-TTg. - Đối với định hướng điều chỉnh KKT Nhơn Hội: Theo Báo cáo tổng hợp (trang 601), tỉnh đề xuất “không thực hiện mở rộng KKT Nhơn Hội về phía Tây khoảng 1.500 ha như định hướng trước đây; đồng thời điều chỉnh hệ thống KCN trong KKT theo hướng giảm diện tích đất công nghiệp không còn phù hợp và chuyển một phần sang chức năng đô thị, dịch vụ, du lịch”. Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh rà soát đảm bảo quy mô diện tích và vị trí quy hoạch các KCN trong KKT phù hợp với hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch chung KKT Nhơn Hội hiện đang trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định để đảm bảo tính thống nhất trong quá trình thực hiện các dự án; đồng thời rà soát việc đề xuất chuyển đổi khu công nghiệp trong khu kinh tế sang phát triển khu đô thị - dịch vụ phải đảm bảo đáp ứng các điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế.	Tư vấn tiếp thu và giải trình như sau : - Các nội dung đánh giá Thực trạng khu kinh tế, Khu công nghiệp được thể hiện tại mục 2. Thực trạng phát triển các khu chức năng, tiểu mục 2.1 Khu kinh tế, Khu công nghiệp, trong đó đã thể hiện đầy đủ các nội dung liên quan đến thu hút đầu tư, tỷ lệ lấp đầy và các khó khăn thách thức đặt ra. - Các nội dung liên quan đến phương hướng phát triển KKT, KCN đã được thể hiện tại III. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC KHU CHỨC NĂNG, PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CỤM CÔNG NGHIỆP, CÁC VÙNG SẢN XUẤT TẬP TRUNG, mục Phương hướng phát triển các khu chức năng trong đó các KCN hình thành được phân bổ gắn kết với các không gian tiểu vùng kinh tế. Đối với phát triển hạ tầng xã hội gắn kết với phát triển các KCN đã được rà soát phù hợp với Phương hướng phát triển nhà ở tỉnh Gia Lai được xác định trên cơ sở Điều chỉnh Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021 - 2030 được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 317/NQ-HĐND ngày 24/4/2026; đồng thời bảo đảm phù hợp với Luật Nhà ở năm 2023, Luật Đất đai năm 2024, Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và định hướng tổ chức không gian đô thị - nông thôn của tỉnh sau sắp xếp đơn vị hành chính, nội dung này đã được thể hiện tại . Định hướng phát triển nhà ở 6.1. Phương hướng phát triển nhà ở, -Về cơ sở kinh tế, việc bổ sung hệ thống cụm công nghiệp nhằm cụ thể hóa định hướng phát triển công nghiệp theo hướng phân bổ hợp lý

STT	Ý KIẾN THAM GIA	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	2.10. Phương hướng phát triển hạ tầng	
	Trong năm 2025, 2026 nhiều quy hoạch ngành quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt và phê duyệt điều chỉnh sau thời điểm phê duyệt quy hoạch 02 tỉnh (Bình Định, Gia Lai) như: Quy hoạch hệ thống du lịch, Quy hoạch tổng thể hệ thống đô thị và nông thôn, điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia, điều chỉnh quy hoạch mạng lưới đường bộ, mạng lưới đường sắt, cảng hàng không toàn quốc...; do đó, đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo cập nhật bổ sung các công trình hạ tầng kỹ thuật cấp quốc gia, cấp vùng đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt vào nội dung điều chỉnh quy hoạch tỉnh.	Tư vấn tiếp thu và rà soát bổ sung
	a) Về hạ tầng giao thông	
	<i>- Mạng lưới giao thông đường bộ</i> Đề nghị nhấn mạnh việc rà soát và cập nhật đầy đủ mạng lưới giao thông đường bộ đi qua địa bàn tỉnh mới sau sáp nhập để phù hợp với Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được điều chỉnh. Đồng thời, yêu cầu làm rõ lộ trình đầu tư, nâng cấp các tuyến quốc lộ trục dọc, trục ngang trọng điểm và hệ thống đường cao tốc liên vùng nối từ khu vực duyên hải lên khu vực Tây Nguyên; bổ sung phương án kết nối đồng bộ giữa mạng lưới đường bộ cấp tỉnh, đường huyện với hệ thống quốc lộ, KCN và các cửa khẩu quốc tế nhằm đảm bảo khả năng thông thương liên mạch. Hiện nay, tỉnh Gia Lai đang phối hợp với các tỉnh Đắk Lắk, Lâm Đồng kiến nghị cấp có thẩm quyền cho phép triển khai đề xuất của nhà đầu tư tư xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Tây đoạn Pleiku - Buôn Ma Thuột - Gia Nghĩa với chiều dài khoảng 257 km, giai đoạn 1 với quy mô 04 làn xe với tiến độ đầu tư trong giai đoạn 2026 - 2030 (đẩy sớm tiến trình đầu tư so với Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt là giai đoạn sau năm 2030). Do đó, đề nghị tỉnh Gia Lai phối hợp Bộ Xây dựng và các địa phương liên quan (Đắk Lắk, Lâm Đồng) rà soát cập nhật đầy đủ các dự án hạ tầng giao thông đang được Bộ Xây dựng triển khai lập điều chỉnh Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 vào nội dung đánh giá hiện trạng và phương án phát triển hạ tầng giao thông trong điều chỉnh quy hoạch tỉnh.	UBND tỉnh đã có Văn bản số 7665/UBND-XDCT ngày 09/06/2026 tham gia góp ý hồ sơ điều chỉnh quy hoạch mạng lưới đường bộ giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050 trong đó có nội dung: Tuyến Cao tốc Bắc Nam phía Tây (CT02): Đề nghị điều chỉnh tiến trình đầu tư thành trước năm 2030 theo Thông báo kết luận số 147/TB-BXD ngày 28/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.
	<i>- Mạng lưới đường sắt</i> Do đặc thù địa giới hành chính mới có sự thay đổi (kết nối kéo dài từ vùng ven biển lên cao nguyên), phương án đường sắt cần đặc biệt chú trọng tính đồng bộ với mạng lưới đường sắt quốc gia. Đề nghị rà soát, cập nhật các hành lang đường sắt quốc gia kết nối liên vùng (nếu có tuyến đi qua địa bàn) hoặc hướng tuyến đường sắt chuyên dụng kết nối từ trung tâm logistics, KCN, vùng nguyên liệu lớn tới các đầu mối vận tải hàng hải, đảm bảo việc bố trí quỹ đất hành lang an toàn đường sắt không chồng lấn với các quy hoạch đô thị nông thôn hay KCN mới đề xuất.	Tiếp thu góp ý và cập nhật Quyết định số 2404/QĐ-TTg ngày 29/10/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch mạng lưới đường sắt thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trong đó đối với địa bàn tỉnh Gia Lai có tuyến đường sắt kết nối các tỉnh khu vực Tây Nguyên (Đà Nẵng - Kon Tum - Gia Lai - Đắk Lắk - Đắk Nông - Bình Phước)
	<i>- Hạ tầng hàng hải</i> Đề nghị: (i) Rà soát, làm rõ quy mô, phân kỳ đầu tư đối với các khu bến cảng, luồng hàng hải, khu neo đậu chuyển tải bảo đảm phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; (ii) Rà soát phương án phát triển cảng biển bảo đảm đồng bộ với Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; (iii) Làm rõ phương án kết nối hạ tầng giao thông “hậu cần” sau cảng (đường bộ, đường sắt) để tối ưu công suất khai thác.	Hồ sơ Quy hoạch đã cập nhật theo quyết định Quyết định số 1229/QĐ-BXD ngày 06/08/2025 của Bộ Xây dựng phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết nhóm cảng biển, bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu nước, vùng nước thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quy hoạch chi tiết phát triển vùng đất, vùng nước cảng biển Bình Định (trước đây) thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

STT	Ý KIẾN THAM GIA	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	- Hạ tầng cảng hàng không, sân bay Tại Quyết định số 657/QĐ-BXD ngày 06 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch hệ thống cảng hàng không toàn quốc thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 xác định Cảng hàng không Phù Cát đến năm 2030 có quy mô, cấp sân bay 4C; tuy nhiên, tại phương án phát triển cảng hàng không (trang 670 Báo cáo tổng hợp) có nội dung “Giai đoạn đến năm 2030 Cảng hàng không Phù Cát là Cảng hàng không cấp 4E”. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, bảo đảm phù hợp với Quy hoạch hệ thống cảng hàng không toàn quốc thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.	Giải trình: Giữ nguyên nội dung quy hoạch CHK Phù Cát theo Quyết định số 1619/QĐ-TTg ngày 14/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tỉnh Bình Định (trước đây): “Đầu tư mới nhà ga, mở rộng sân đỗ, xây dựng thêm đường cất hạ cánh thứ hai và các đường lăn phù hợp với quy hoạch. Nghiên cứu khả năng phát triển Cảng hàng không Phù Cát đến năm 2030 là Cảng hàng không cấp 4E (công suất 5,0 triệu hành khách/năm, 12.000 tấn hàng hóa/năm) và chuyển thành cảng hàng không quốc tế khi đảm bảo các điều kiện theo quy định; giai đoạn đến năm 2050 là Cảng hàng không cấp 4E (công suất 7,0 triệu hành khách/năm, 27.000 tấn hàng hóa/năm) khi đảm bảo các điều kiện theo quy định.”
	b) Về hạ tầng năng lượng và mạng lưới cấp điện - Hạ tầng năng lượng: Đề nghị bổ sung định hướng phát triển năng lượng trên địa bàn tỉnh Gia Lai (sau sáp nhập) để cụ thể hóa Nghị quyết số 70-NQ/TW ngày 20 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. - Mạng lưới cấp điện, đề nghị: + Rà soát, bổ sung nội dung đánh giá về việc phát triển mạng lưới trên địa bàn tỉnh đảm bảo phù hợp với Điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 15 tháng 4 năm 2025; trong đó, tập trung rà soát, cập nhật đầy đủ các dự án nguồn điện, lưới điện trên địa bàn tỉnh và phù hợp với Nghị quyết 70-NQ/TW ngày 20 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Đối với các dự án, phương án đầu nối được đề xuất điều chỉnh so với Quyết định số 768/QĐ-TTg (Nhà máy thủy điện Sê San 3 MR, Nhà máy thủy điện Sê San 4 MR, Nhà máy điện gió Vân Canh 1,...), trong trường hợp cần thiết, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Công Thương xem xét, trình cấp có thẩm quyền bổ sung vào điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia. + Bổ sung đánh giá, phân tích về việc xem xét điều chỉnh thêm 26 dự án nguồn điện năng lượng tái tạo với tổng công suất 423,6 MW và quy hoạch giai đoạn 2026-2030 (dự kiến thêm 22 dự án nhà máy thủy điện với tổng công suất 294,1 MW; dự kiến thêm 02 dự án nhà máy điện gió với tổng công suất khoảng 89,5 MW và 02 dự án nhà máy điện sinh khối với tổng công suất 40 MW) tại Trang 684 Báo cáo tổng hợp.	Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu và đã rà soát cập nhật phương án phát triển hạ tầng năng lượng điện Điểm 2 - Mục V - Phần thứ ba của Báo cáo thuyết minh tổng hợp; Đối với những dự án có đề xuất điều chỉnh so với QĐ 768, UBND tỉnh sẽ có văn bản xin ý kiến Bộ Công Thương và chỉ thực hiện khi được cấp có thẩm quyền cho phép

STT	Ý KIẾN THAM GIA	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	c) Về hệ thống thủy lợi, cấp nước, thoát nước - Đề nghị rà soát, làm rõ nhiệm vụ của các hệ thống thủy lợi trên địa bàn tỉnh Gia Lai (sau sáp nhập) đảm bảo được nhiệm vụ phục vụ đa mục tiêu cho nông nghiệp, công nghiệp, đô thị và dân sinh, đặc biệt là hạ tầng tiêu, thoát nước. - Cần chú trọng xây dựng hệ thống công trình thủy lợi liên hoàn, đa mục tiêu, gắn kết giữa cắt lũ mùa mưa và điều tiết, cấp nước mùa khô. Tập trung đầu tư sửa chữa, nâng cấp và hoàn thiện hệ thống kênh mương của các hồ chứa lớn như Định Bình, Ayun Hạ, Ia Ly, Núi Một. Tăng cường kết nối nguồn nước giữa các lưu vực sông Kôn, sông Ba, sông Lại Giang để phục vụ tưới tiêu cho các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung, cấp nước cho công nghiệp, đô thị và bảo đảm dòng chảy sinh thái vùng hạ lưu.	Đơn vị Tư vấn hoàn toàn thông nhất với các ý kiến góp ý và đã thể hiện trong báo cáo: - Về nhiệm vụ đa mục tiêu và hạ tầng tiêu thoát nước: cấu trúc lại hệ thống công trình sau sáp nhập theo hướng chuyển mạnh từ phục vụ nông nghiệp đơn thuần sang đa mục tiêu (cắt lũ, cấp nước sinh hoạt, công nghiệp, dịch vụ). Đồng thời, bổ sung danh mục nâng cấp hệ thống tiêu thoát nước và mở rộng không gian thoát lũ vùng hạ lưu các lưu vực sông. - Về hệ thống liên hoàn và hoàn thiện kênh mương hồ chứa lớn: Đã đưa vào danh mục ưu tiên giai đoạn 2026 - 2030 các dự án sửa chữa, kiên cố hóa hạ tầng dẫn nước và khép kín hệ thống kênh phân phối của các hồ chứa lớn (Định Bình, Ayun Hạ, Ia Ly, Núi Một) để khắc phục tình trạng thiếu hụt hạ tầng phân phối nước. - Về kết nối nguồn nước liên lưu vực sông: đặt trọng tâm vào việc phối hợp liên vùng, tối ưu hóa quy trình vận hành cụm công trình liên tỉnh (như An Khê - Ka Nak) để chuyển đổi công năng từ phát điện sang điều tiết, chia sẻ nguồn nước giữa các lưu vực sông Ba, sông
	d) Về hạ tầng phát triển khoa học và công nghệ Đề nghị làm rõ định hướng điều chỉnh mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo để cụ thể hóa Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn tỉnh.	Cơ quan lập quy hoạch xin tiếp thu và soát ý kiến, chi tiết đã chỉnh sửa tại phần thứ ba, mục VI, điểm 7 Phương án phát triển hạ tầng phục vụ phát triển khoa học công nghệ trong BCTH
	đ) Về hạ tầng y tế Đề nghị làm rõ định hướng điều chỉnh phát triển mạng lưới cơ sở y tế để cụ thể hóa Nghị quyết 72-NQ/TW ngày 09 tháng 9 năm 2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá nhằm tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân. Đồng thời, rà soát, cập nhật cơ sở y tế cấp quốc gia, cấp vùng trên địa bàn tỉnh Gia Lai (sau sáp nhập) đã được xác định ở quy hoạch vùng và quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế quốc gia.	Cơ quan lập quy hoạch xin tiếp thu và soát ý kiến, chi tiết đã chỉnh sửa tại phần thứ ba, mục VI, điểm 2 trong BCTH
	2.11. Định hướng sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Đề nghị rà soát việc phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất đối với các đơn vị hành chính cấp xã theo quy định tại khoản 4 Điều 61 Nghị định số 70/2026/NĐ-CP và khoản 1 Điều 18 Nghị định số 49/2026/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai bảo đảm không tạo ra các khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện các dự án khi điều chỉnh quy hoạch được thông qua.	Đơn vị tư vấn xin phép được tiếp thu ý kiến. Kết hợp cùng địa phương rà soát các chỉ tiêu phân bổ. Đảm bảo không tạo ra các khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện các dự án khi điều chỉnh quy hoạch được thông qua

STT	Ý KIẾN THAM GIA	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	2.12. Phương hướng phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Cập nhật các công trình, dự án phát triển trạm khí tượng thủy văn; các công trình dự án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu đã được xác định trong Quy hoạch mạng lưới trạm thủy văn quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 289/QĐ-TTg ngày 08 tháng 4 năm 2024, Quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 847/QĐ-TTg ngày 14 tháng 7 năm 2025 vào nội dung điều chỉnh quy hoạch tỉnh.	
	2.13. Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch. a) Về nguồn vốn thực hiện quy hoạch Báo cáo chưa dự kiến tổng quy mô vốn đầu tư tư giai đoạn 2026-2030; do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo thuyết minh cụ thể quy mô tổng vốn đầu tư của giai đoạn 2026-2030, phân kỳ vốn đầu tư cụ thể theo từng năm; đồng thời, làm rõ cơ cấu vốn NSTW, NSDP (cụ thể chi đầu tư, chi thường xuyên); trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp nguồn vốn huy động thực hiện quy hoạch theo đúng quy định, phân kỳ theo từng giai đoạn và từng năm, đảm bảo phù hợp với nguồn lực và Nghị quyết số 27/2026/QH16 ngày 24 tháng 4 năm 2026 của Quốc hội về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030, Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 23 tháng 4 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn đầu tư công gắn với hạch toán kinh tế xã hội, đánh giá hiệu quả đầu tư dự án và đầu tư công trung hạn 2026-2030.	Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu và đã có thuyết minh cụ thể về quy mô vốn đầu tư và phân vùng đến từng năm tại Điểm 4 - Mục I - Phần thứ hai và Bảng 68 trong Báo cáo thuyết minh tổng hợp.
	b) Về giải pháp thực hiện quy hoạch - Đề nghị bổ sung các giải pháp về: (i) “Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao” nhằm phục vụ trực tiếp cho các trụ cột mới như kinh tế số, logistics và công nghiệp. Cần có chính sách thu hút và đào tạo lao động để đáp ứng yêu cầu trở thành tỉnh công nghiệp hiện đại theo các tiêu chuẩn mới của giai đoạn 2026-2030, từng bước nâng cao tỷ lệ lao động có bằng cấp, chứng chỉ mới của tỉnh; (ii) Xây dựng và hoàn thiện hệ thống hạ tầng số dùng chung đồng bộ trên toàn bộ không gian hành chính mới của tỉnh; (iii) Ưu tiên đầu tư phát triển các dự án điện năng lượng tái tạo, điện gió ngoài khơi gắn với sản xuất năng lượng xanh (amoniac xanh, hydrogen...), năng lượng sạch và các ngành kinh tế biển mới nhằm tối đa hóa hiệu quả và tiềm năng, lợi thế của địa phương. - Giải pháp về môi trường, đề nghị: (i) Nghiên cứu kỹ các giải pháp linh hoạt, thích ứng với các kịch bản biến đổi khí hậu, đặc biệt là các giải pháp ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số để thu thập dữ liệu lớn, nâng cao chất lượng dự báo để có các phương án ứng phó hiệu quả, đảm bảo hạn chế tối đa tác động và thiệt hại đối với hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông, hạ tầng đô thị và hạ tầng kỹ thuật...; (ii) Chú trọng tới yếu tố bảo vệ môi trường và bảo tồn đa dạng sinh học với đặc thù tỉnh là địa phương có diện tích rừng bao phủ khá lớn như: Vùng lõi của Khu dự trữ sinh quyển thế giới Cao nguyên Kon Hà Nừng, Khu Bảo tồn thiên nhiên Kon Chư Răng, Di tích lịch sử và thắng cảnh Khu căn cứ Núi Bà... - Đề nghị bổ sung giải pháp về việc: “Sắp xếp đưa vào sử dụng hợp lý, hiệu quả các tài sản công là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp dôi dư, không sử dụng, sử dụng kém hiệu quả, sử dụng không đúng mục đích của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh phù hợp với chủ trương của Đảng, Nhà nước về việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công là trụ sở làm việc của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập khi thực hiện sắp xếp tinh gọn bộ máy, sắp xếp đơn vị hành chính, xây dựng mô hình chính quyền địa phương 02 cấp”.	Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu ý kiến của Bộ

STT	Ý KIẾN THAM GIA	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	3. Về Hệ thống sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu Hiện nay, tên các sơ đồ từ số 4 đến số 9 tại phụ lục XXIV kèm theo dự thảo Quyết định phê duyệt quy hoạch và thể thức phân ký xác nhận tại các sơ đồ chưa thống nhất với quy định tại mục VI phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 70/2026/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ; đồng thời, hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh gửi xin ý kiến không kèm theo cơ sở dữ liệu quy hoạch. Do đó, đề nghị: - Rà soát, chỉnh sửa, bổ sung các sơ đồ bảo đảm tuân thủ theo quy định tại Điều 8, Điều 26 và phụ lục IV Nghị định số 70/2026/NĐ-CP và Thông tư số 22/2026/TT-BTC, đảm bảo thể hiện đúng, đầy đủ hiện trạng và các phương hướng quy hoạch; đồng thời, cập nhật các nội dung quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng đã được quyết định, phê duyệt trên địa bàn, bảo đảm thống nhất đồng bộ về mối quan hệ không gian giữa các nội dung quy hoạch trong hệ thống quy hoạch. - Bổ sung các thành phần và nội dung cơ sở dữ liệu điều chỉnh quy hoạch tỉnh theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Nghị định số 70/2026/NĐ-CP và quy định tại Thông tư số 22/2026/TT-BTC. Đồng thời, cập nhật thông tin và cơ sở dữ liệu về điều chỉnh quy hoạch sau khi điều chỉnh quy hoạch được phê duyệt vào Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch theo quy định tại khoản 4 Điều 47 Nghị định số 70/2026/NĐ-CP.	Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu ý kiến của Bộ
	4. Về Dự thảo Quyết định Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát bảo đảm nội dung dự thảo Quyết định phê duyệt thống nhất, đồng bộ với nội dung Báo cáo tổng hợp. Hiện nay, tại phụ lục kèm theo dự thảo Quyết định phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tỉnh Gia Lai đang đề cập đến danh mục chi tiết, cụ thể các dự án; do đó, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo rà soát nội dung và các Phụ lục kèm theo dự thảo Quyết định phê duyệt theo quy định tại Điều 30 Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15 (không quy định về danh mục dự án ưu tiên đầu tư trong nội dung quy hoạch tỉnh).	Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu ý kiến của Bộ

Ý KIẾN CỦA BỘ NGOẠI GIAO
(Văn bản số: 4603/BNG-NGKT ngày 12 tháng 6 năm 2026)

STT	Ý KIẾN THAM GIA	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	1. Phần cơ sở pháp lý, chính trị: Đề nghị Quý Ủy ban cập nhật văn kiện của Đảng, Nhà nước và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch, trong đó có: (i) Kết luận số 212- KL/TW ngày 18/11/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về định hướng xây dựng tiêu chuẩn đơn vị hành chính, phân loại đơn vị hành chính và phân loại đô thị với mục tiêu phát triển bền vững, quản lý đô thị chặt chẽ, hiện đại, thông minh và đẩy mạnh chuyển đổi số, đáp ứng tốt yêu cầu phát triển quốc gia và hội nhập quốc tế; (ii) Nghị quyết số 250/2025/QH15 ngày 10/12/2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù nhằm nâng cao hiệu quả hội nhập quốc tế; (iii) Bổ sung Quyết định số 1200/QĐ-TTg ngày 14/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch cửa khẩu trên tuyến biên giới đất liền Việt Nam - Campuchia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm; (iv) Thông tư số 22/2026/TT-BTC ngày 17/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn yêu cầu nội dung và kỹ thuật của cơ sở dữ liệu hồ sơ quy hoạch và sơ đồ, bản đồ quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh	CQLQH xin phép được tiếp thu ý kiến, tiếp tục rà soát cập nhật các văn bản pháp lý vào hồ sơ theo ý kiến của Bộ
	2. Phần triển khai cụ thể các định hướng: Đề nghị Quý Ủy ban cân nhắc bổ sung triển khai cụ thể một số các định hướng như sau:	
	- Về hạ tầng giao thông kết nối và kinh tế biên mậu: Đề tăng tính khả thi của định hướng phát triển trục hành lang Đông – Tây nối Quy Nhơn – An Khê – Pleiku – Lê Thanh và kết nối thẳng sang Campuchia, Nam Lào, cân nhắc bổ sung nội dung nghiên cứu, đánh giá sự tương thích về hạ tầng giao thông kết nối (quy mô đường, tải trọng, quy chuẩn kỹ thuật) giữa tuyến Cao tốc Quy Nhơn – Pleiku – Lê Thanh (CT.20) của Việt Nam với các quy hoạch hạ tầng giao thông phía Đông Bắc Campuchia (đặc biệt là tỉnh Ratanakiri kết nối qua cửa khẩu quốc tế O Yadav) để đảm bảo thông suốt tối đa cho luồng hàng hóa trung chuyển.	Tiếp thu ý kiến góp ý Trong phạm vi quy hoạch tỉnh, định hướng tuyến Cao tốc Quy Nhơn – Pleiku – Lê Thanh và các tuyến giao thông kết nối cửa khẩu được xác định ở mức định hướng chiến lược, nhằm bảo đảm liên kết không gian phát triển, kết nối các cực tăng trưởng, khu kinh tế cửa khẩu, khu công nghiệp, đô thị và các trung tâm logistics. Các nội dung cụ thể về quy mô đường, tải trọng, tiêu chuẩn kỹ thuật, phương án đầu nối và khả năng tương thích với hệ thống hạ tầng giao thông phía Campuchia sẽ tiếp tục được nghiên cứu, đánh giá trong các quy hoạch chuyên ngành, dự án đầu tư xây dựng hạ tầng giao thông và các chương trình, đề án hợp tác song phương có liên quan. Đối với nội dung kết nối với tỉnh Ratanakiri và cửa khẩu quốc tế Oyadav (Campuchia) của Campuchia, nội dung này sẽ được tiếp tục hoàn thiện trong Đề án hợp tác phát triển giữa Khu kinh tế cửa khẩu Lê Thanh và Khu kinh tế cửa khẩu Oyadav, làm cơ sở để nghiên cứu đồng bộ quy mô kết nối, tiêu chuẩn kỹ thuật, năng lực thông quan và tổ chức luồng hàng hóa trung chuyển.
	- Về hợp tác nông nghiệp và phát triển chuỗi giá trị xuyên biên giới: Đối với định hướng "thúc đẩy liên kết với các vùng nguyên liệu tại Nam Lào và Đông Bắc Campuchia, mở rộng quy mô phát triển các trung tâm chế biến nông sản xuyên biên giới...", cân nhắc làm rõ hơn cơ chế hỗ trợ, bảo hộ và định hướng dòng vốn FDI của các doanh nghiệp Gia Lai sang đầu tư các vùng nguyên liệu tại Campuchia	Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu ý kiến của Bộ

STT	Ý KIẾN THAM GIA	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	- Về ngoại giao văn hóa và hợp tác du lịch: Đề đảm bảo tính nhất quán, xem xét bổ sung các đối tác Campuchia (đặc biệt là tỉnh giáp biên Ratanakiri và các tỉnh Đông Bắc Campuchia) vào danh mục trọng tâm ngoại giao văn hóa. Điều này phù hợp với quan hệ “Láng giềng tốt đẹp, hữu nghị truyền thống, hợp tác toàn diện, bền vững lâu dài” giữa hai nước.	Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu ý kiến của Bộ
	Đối với định hướng xây dựng tuyến du lịch liên quốc gia "Đại ngàn chàm biển xanh" (Quy Nhơn - Pleiku - Lệ Thanh kết nối với các điểm du lịch sinh thái rừng núi của Campuchia), cần nhắc có giải pháp tạo điều kiện thuận lợi về visa, thủ tục biên giới cho khách du lịch đi lại giữa hai bên biên giới	CQLQH đã tiếp thu bổ sung tại nội dung giải pháp phát triển thuộc mục 3.3.2. Du lịch
	- Về an ninh - quốc phòng và xây dựng đường biên giới hòa bình: Cần nhắc làm rõ, đậm nét hơn nguyên tắc phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng biên phòng, hải quan, chính quyền địa phương Gia Lai với các cơ quan chức năng Campuchia nhằm đảm bảo an ninh trật tự, phòng chống các loại tội phạm xuyên biên giới, buôn lậu và xuất nhập cảnh trái phép. Sự ổn định, hòa bình tại khu vực biên giới là điều kiện tiên quyết để thúc đẩy thu hút đầu tư, phát triển kinh tế cửa khẩu và logistics.	Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu ý kiến của Bộ
	3. Phần phương hướng đối ngoại và hội nhập quốc tế: Cần thể hiện rõ hơn nội dung về đối ngoại và hội nhập quốc tế, bảo đảm phù hợp với định hướng của Đại hội XIV của Đảng và Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới, trong đó xác định hội nhập quốc tế là động lực quan trọng của phát triển: (i) Làm rõ hơn định hướng hội nhập quốc tế của tỉnh trong giai đoạn tới, gắn với các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới mà Việt Nam là thành viên, phù hợp với định hướng hội nhập và phát triển không gian kinh tế quốc gia, quy hoạch vùng duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên; (ii) Bổ sung nội dung đánh giá việc thiết lập và mở rộng quan hệ hợp tác với các địa phương, tổ chức và đối tác nước ngoài, đặc biệt là các trung tâm kinh tế lớn, các tập đoàn đa quốc gia và các tổ chức phát triển. Công tác ngoại giao kinh tế cần được nhấn mạnh như một công cụ quan trọng để quảng bá tiềm năng, thu hút nguồn lực và hỗ trợ triển khai các dự án ưu tiên của quy hoạch. Đồng thời, cần làm rõ vai trò của các cơ quan chức năng trong việc hỗ trợ doanh nghiệp địa phương tiếp cận thị trường quốc tế, xử lý các vấn đề phát sinh trong thương mại và đầu tư quốc tế; (iii) Bổ sung các nguyên tắc về bảo đảm phù hợp với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; đẩy mạnh hội nhập và hợp tác quốc tế đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong tình hình mới; (iv) Rà soát và bổ sung hồ sơ điều chỉnh quy hoạch phù hợp với quy định tại Điều 34 Luật Quy hoạch (sửa đổi) vừa được Quốc hội thông qua ngày 10/12/2025.	Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu ý kiến của Bộ
	4. Phần kiến nghị: Đề nghị Quý Ủy ban cân nhắc bổ sung một số cơ chế, chính sách nhằm tăng cường hiệu quả công tác đối ngoại phục vụ phát triển, ví dụ: hỗ trợ xây dựng và triển khai các chương trình xúc tiến đầu tư, thương mại có trọng tâm, trọng điểm; tăng cường phân cấp, trao quyền cho địa phương trong việc thiết lập quan hệ hợp tác quốc tế; đề xuất các cơ chế đặc thù để thu hút các nhà đầu tư chiến lược nước ngoài vào các lĩnh vực ưu tiên.	Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu ý kiến của Bộ

STT	Ý KIẾN THAM GIA	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	5. Một số điều chỉnh kỹ thuật: (i) Tại Mục II dự thảo Báo cáo tổng hợp (trang 6) về căn cứ điều chỉnh quy hoạch, đề nghị cơ quan soạn thảo chỉnh sửa ngày, tháng ban hành văn bản: “Quyết định số 614/QĐ-TTg ngày 04 tháng 4 năm 2026-2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch vùng duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050”; (ii) Hiện nay, loại hình cửa khẩu Bu Prăng là cửa khẩu chính, dự kiến sẽ được nâng cấp lên cửa khẩu quốc tế trong giai đoạn 2030 - 2050. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo sửa đổi loại hình cửa khẩu này đúng hiện trạng (là cửa khẩu chính - tại các trang 397, 398, 651...) để phù hợp với tình hình thực tế ; (iii) Đề nghị cơ quan soạn thảo cân nhắc thay thế cụm từ “Tam giác phát triển Campuchia - Lào - Việt Nam (CLV)” (trang 844 Báo cáo tổng hợp) bằng cụm từ “khu vực các tỉnh biên giới 03 nước Việt Nam - Lào - Campuchia” hoặc cách diễn đạt khác phù hợp với phạm vi địa lý khu vực Nam Lào, Đông Bắc Campuchia và Tây Nguyên của Việt Nam (do tháng 9/2024, Chính phủ Campuchia đã đơn phương rút khỏi cơ chế hợp tác CLV - DTA); (iv) Rà soát, chỉnh sửa lỗi chính tả.	Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu ý kiến của Bộ

Phụ lục 10:

Ý KIẾN CỦA BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
(Văn bản số:33667/BVHTTDL-KHTC ngày 10 tháng 6 năm 2026)

STT	Ý KIẾN THAM GIA	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	I. ĐÁNH GIÁ CHUNG VÀ CĂN CỨ PHÁP LÝ 1. Đối với Báo cáo tổng hợp Hồ sơ Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Gia Lai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (sau đây gọi tắt là Hồ sơ Quy hoạch) đã bước đầu nhận diện được tiềm năng, lợi thế tổng hợp của tỉnh sau điều chỉnh địa giới hành chính. Đặc biệt, Hồ sơ đã chú ý đến cấu trúc không gian phát triển đặc thù, kết hợp giữa không gian biển - đảo, đô thị Quy Nhơn, vùng cao nguyên Pleiku, hệ sinh thái rừng, di sản văn hóa Tây Nguyên, văn hóa Chăm-pa, di sản Tây Sơn, võ cổ truyền Bình Định và hệ thống di tích lịch sử - văn hóa. Đây là lợi thế quan trọng để tỉnh Gia Lai hình thành mô hình phát triển mới, trong đó văn hóa, thể thao, du lịch và công nghiệp văn hóa cần được xác định là nguồn lực nội sinh, động lực mềm và trụ cột nâng cao chất lượng tăng trưởng. Đề nghị tiếp tục nghiên cứu bổ sung, làm rõ hơn định vị Gia Lai là trung tâm kết nối văn hóa - du lịch - thể thao của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên; đồng thời là đầu mối liên kết giữa không gian biển Quy Nhơn, đô thị di sản Tây Sơn, cao nguyên Pleiku, Không gian văn hóa Công chiêng Tây Nguyên và cửa khẩu quốc tế Lê Thanh.	Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu ý kiến của Bộ
	Hồ sơ đã đề cập các nội dung về hiện trạng văn hóa, thể thao, thông tin - truyền thông; hạ tầng thiết chế văn hóa, thể thao; hạ tầng du lịch; phương án phát triển hạ tầng văn hóa, thể thao, thông tin - truyền thông và hạ tầng du lịch trong các phần riêng của Báo cáo tổng hợp. Tuy nhiên, cần bổ sung sâu hơn các nội dung về bảo tồn di sản văn hóa, bảo vệ cảnh quan và tài nguyên du lịch, xây dựng chỉ tiêu phát triển văn hóa cụ thể. Đồng thời, tiếp tục rà soát nội dung Hồ sơ nhằm bảo đảm điều chỉnh Quy hoạch có tính thống nhất, đồng bộ với các quy hoạch chuyên ngành, trong đó có quy hoạch lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch ; làm rõ hơn vai trò của văn hóa trong phát triển; đồng thời nâng cao hiệu quả khai thác, phát huy các giá trị tài nguyên văn hóa và thiên nhiên gắn với yêu cầu bảo tồn lâu dài.	Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu ý kiến của Bộ
	2. Đối với Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược (ĐMC)	
	Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược đã đánh giá tương đối đầy đủ hiện trạng môi trường tự nhiên, tài nguyên nước, đất, không khí và đa dạng sinh học. Tuy nhiên, đối với các nội dung thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch, đề nghị tiếp tục nghiên cứu, bổ sung, làm rõ một số nội dung sau:	
	- Chương II. Đề nghị bổ sung đánh giá hiện trạng môi trường đối với các khu vực có giá trị đặc biệt về văn hóa, cảnh quan và du lịch; làm rõ các sức ép môi trường hiện hữu đối với các khu vực có giá trị cảnh quan, các làng văn hóa truyền thống và không gian sinh hoạt văn hóa cộng đồng. Việc đánh giá hiện trạng đa dạng sinh học còn tập trung chủ yếu vào tài nguyên sinh học mà chưa làm rõ mối liên hệ với bảo tồn cảnh quan và phát triển du lịch sinh thái. Bổ sung làm rõ hiện trạng bảo tồn cảnh quan tự nhiên tại các khu vực như Biển Hồ - Chư Đăng Ya, Kon Hà Nừng, Kon Ka Kinh, Kon Chư Răng, các không gian văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số và các khu vực có tiềm năng phát triển du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng.	

STT	Ý KIẾN THAM GIA	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	- Chương III. Đánh giá tác động của Quy hoạch đến môi trường: Báo cáo đã đối chiếu với các chiến lược, quy hoạch và chính sách bảo vệ môi trường hiện hành. Tuy nhiên, đối với lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch, đề nghị bổ sung: + Bổ sung đánh giá sự phù hợp với các chủ trương, chính sách về bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa; + Đánh giá sự phù hợp với các định hướng phát triển du lịch bền vững và bảo vệ tài nguyên du lịch; + Làm rõ mức độ lồng ghép các yêu cầu bảo vệ cảnh quan thiên nhiên, không gian văn hóa truyền thống và di sản văn hóa trong các mục tiêu phát triển của Quy hoạch; + Cần đánh giá sâu hơn tác động tích lũy và tác động cộng hưởng của các dự án năng lượng, giao thông, công nghiệp và khai thác khoáng sản đến: Di tích lịch sử - văn hóa; danh lam thắng cảnh; không gian văn hóa Cồng chiêng Tây Nguyên; các làng truyền thống dân tộc thiểu số; tài nguyên du lịch tự nhiên và văn hóa.	
	- Chương trình quản lý và giám sát môi trường: Theo hồ sơ Báo cáo ĐMC, mạng lưới quan trắc môi trường trên địa bàn tỉnh hiện chủ yếu tập trung vào các thành phần môi trường tự nhiên như nước, không khí và đất; chưa bố trí các điểm quan trắc đa dạng sinh học cũng như các điểm quan trắc tại khu vực di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh và các khu vực có giá trị cảnh quan, du lịch quan trọng. Điều này có thể làm hạn chế khả năng theo dõi, đánh giá các tác động môi trường đến các đối tượng nhạy cảm cần được bảo vệ trong quá trình triển khai Quy hoạch. Đề nghị nghiên cứu bổ sung phương án phát triển mạng lưới quan trắc môi trường theo hướng lồng ghép các điểm quan trắc tại các khu di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, khu du lịch trọng điểm, khu vực có giá trị cảnh quan đặc thù, các hệ sinh thái tự nhiên quan trọng và các khu vực nhạy cảm về môi trường trên địa bàn tỉnh. Đồng thời, cần bổ sung các nội dung quan trắc, giám sát về đa dạng sinh học, chất lượng cảnh quan, mức độ tác động đến tài nguyên du lịch, không gian văn hóa cộng đồng và các yếu tố môi trường có khả năng ảnh hưởng đến giá trị di sản văn hóa, danh lam thắng cảnh.	
	- Chương V. Tham vấn trong quá trình thực hiện đánh giá môi trường chiến lược: Báo cáo đã thực hiện hoạt động tham vấn các cơ quan, tổ chức có liên quan trong quá trình lập ĐMC theo quy định. Tuy nhiên, nội dung tham vấn và kết quả tiếp thu, giải trình đối với các vấn đề liên quan đến văn hóa, du lịch, cảnh quan và đa dạng sinh học còn chưa được thể hiện đầy đủ. Đề nghị rà soát, làm rõ việc tham vấn các cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa, thể thao và du lịch đối với các nội dung có khả năng tác động đến di sản văn hóa, danh lam thắng cảnh, cảnh quan thiên nhiên, tài nguyên du lịch và không gian văn hóa cộng đồng trong phạm vi Quy hoạch. Trường hợp đã thực hiện tham vấn, cần bổ sung thông tin về nội dung tham vấn, các ý kiến góp ý chính và kết quả tiếp thu, giải trình trong Báo cáo ĐMC. Đồng thời, đề nghị bổ sung, làm rõ nội dung tiếp thu, giải trình đối với các ý kiến liên quan đến bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa, bảo vệ danh lam thắng cảnh, cảnh quan thiên nhiên, tài nguyên du lịch, đa dạng sinh học và bản sắc văn hóa cộng đồng; làm rõ các giải pháp đã được tích hợp vào Quy hoạch nhằm hạn chế các tác động tiêu cực và nâng cao hiệu quả bảo tồn các giá trị văn hóa, thiên nhiên trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.	

STT	Ý KIẾN THAM GIA	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	3. Về căn cứ pháp lý Đề nghị cơ quan lập quy hoạch rà soát, cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật và quy hoạch ngành quốc gia mới nhất để đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất, cụ thể bổ sung: - Nghị quyết số 80-NQ/TW ngày 07/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển văn hóa Việt Nam; Nghị quyết số 28/2026/QH16 ngày 24/4/2026 của Quốc hội về phát triển văn hóa Việt Nam; - Kết luận số 76-KL/TW ngày 04/6/2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW; Kết luận số 156-KL/TW, ngày 21/5/2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW và Kết luận số 76-KL/TW của Bộ Chính trị khóa XII”; - Quyết định số 2486/QĐ-TTg ngày 14/11/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; - Nghị quyết số 162/2024/QH15 ngày 27/11/2024 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hoá giai đoạn 2025 – 2035; Quyết định số 3399/QĐ-BVHTTDL ngày 23/9/2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa, giai đoạn 2025 - 2035, giai đoạn I: từ năm 2025 đến năm 2030. - Quyết định số 42/2025/QĐ-TTg ngày 12/11/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí phát triển văn hóa toàn diện các cấp (tỉnh, xã) giai đoạn 2025-2030; - Quyết định số 614/QĐ-TTg ngày 04/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch vùng duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.	Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu và đã cập nhật các căn cứ pháp lý tại Mục II - Phần Mở đầu của Báo cáo thuyết minh tổng hợp

STT	Ý KIẾN THAM GIA	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	II. Ý KIẾN GÓP Ý THEO CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ 1. Lĩnh vực văn hóa, thể thao - Nghị quyết số 80-NQ/TW ngày 07/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển văn hóa Việt Nam nhấn mạnh văn hóa là nguồn lực nội sinh quan trọng, động lực to lớn, trụ cột và hệ điều tiết cho phát triển nhanh, bền vững đất nước. Nghị quyết đặt mục tiêu hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa quốc gia; bảo đảm thiết chế văn hóa đáp ứng nhu cầu sáng tạo, thụ hưởng văn hóa của người dân; nâng cao hiệu quả hoạt động của thiết chế văn hóa cơ sở; bảo đảm học sinh, học viên, sinh viên được tiếp cận, tham gia thường xuyên các hoạt động nghệ thuật, giáo dục di sản văn hóa; đồng thời bố trí tối thiểu 2% tổng chi ngân sách nhà nước hằng năm cho văn hóa và tăng dần theo yêu cầu thực tiễn. Đồng thời, Quyết định số 2486/QĐ-TTg ngày 14/11/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã xác định định hướng tập trung phát triển 06 nhóm ngành công nghiệp văn hóa, ưu tiên các ngành có lợi thế như du lịch văn hóa, nghệ thuật biểu diễn, trò chơi giải trí, thiết kế sáng tạo; phấn đấu đến năm 2030, các ngành công nghiệp văn hóa đạt tốc độ tăng trưởng bình quân 10%/năm, đóng góp 7% GDP. Do đó, đề nghị Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Gia Lai bám sát các chủ trương, định hướng của Bộ Chính trị, Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa trong quá trình hoàn thiện Hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh; trong đó quan tâm bố trí quỹ đất, nguồn lực đầu tư phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao phù hợp với yêu cầu phát triển của địa phương. - Đề nghị nghiên cứu bổ sung định hướng phát triển hệ thống thiết chế thể dục, thể thao phù hợp với điều kiện tự nhiên, đặc điểm địa hình và nhu cầu phát triển của địa phương; trong đó ưu tiên bố trí quỹ đất cho các công trình thể thao, khu luyện tập, không gian tổ chức hoạt động thể thao ngoài trời, thể thao sức bền gắn với lợi thế về khí hậu, địa hình của tỉnh.	Cơ quan lập quy hoạch xin tiếp thu và cập nhật tại phần thứ ba, chương III, mục 1, tiểu mục 1.8.1
	2. Lĩnh vực công nghiệp văn hóa 2.1. Đề nghị cơ quan chủ trì bổ sung quy hoạch phát triển “cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa”, “tổ hợp sáng tạo văn hóa” gắn với phát triển công nghiệp văn hóa, kinh tế ban đêm và dịch vụ chất lượng cao trong Quy hoạch tỉnh Gia Lai theo tinh thần Nghị quyết số 80-NQ/TW ngày 07/01/2026 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 28/2026/QH16 ngày 24/4/2026 của Quốc hội về phát triển văn hóa Việt Nam. Nghiên cứu cụ thể hóa định hướng phát triển công nghiệp văn hóa trong hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Gia Lai trên cơ sở khai thác lợi thế của không gian Quy Nhơn - Tây Sơn - Pleiku - cao nguyên Gia Lai; trong đó tập trung vào các lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế như: du lịch văn hóa, di sản Tây Sơn, Võ cổ truyền Bình Định, Không gian văn hóa Cồng chiêng Tây Nguyên, nghệ thuật biểu diễn, lễ hội, ẩm thực, thể thao giải trí, điện ảnh - phim trường, sản phẩm số về di sản văn hóa và không gian sáng tạo ven biển Quy Nhơn. Đồng thời, cần làm rõ nhu cầu quỹ đất, hạ tầng dịch vụ văn hóa - du lịch, cơ chế xã hội hóa, hợp tác công - tư nhằm hình thành chuỗi giá trị công nghiệp văn hóa đặc thù, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh.	Cơ quan lập quy hoạch xin tiếp thu và bổ sung tại phần thứ ba, chương I, tiểu mục 3- 3.5.3.2. Mục tiêu phát triển - b. Mục tiêu cụ thể (* Về lĩnh vực văn hóa)

STT	Ý KIẾN THAM GIA	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	2.2. Báo cáo điều chỉnh Quy hoạch đã đưa ra các số liệu về số đội công chiêng, số lượng nghệ nhân, nghệ sỹ nhân dân... 08 đoàn nghệ thuật truyền thống Tuồng ngoài công lập, khoảng 40 nhóm thực hành di sản bài chòi với khoảng 300 nghệ nhân, người thực hành và trên 500 văn nghệ sỹ hoạt động ở nhiều chuyên ngành, tham gia sinh hoạt tại các chi hội của Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh. Các đơn vị nghệ thuật đã chú trọng đổi mới nội dung, kết hợp giữa truyền thống và hiện đại. Đây là nguồn lực nghệ thuật biểu diễn lớn, tạo nên bản sắc riêng của địa phương. Nội dung Báo cáo điều chỉnh Quy hoạch đưa ra mục tiêu tổng quát đối với lĩnh vực văn hóa (tr.533) là phù hợp, tuy nhiên khi đề cập đến mục tiêu cụ thể (tr.536), lại chưa đưa ra việc quy hoạch định hướng đầu tư xây dựng nhà hát đạt chuẩn quốc tế và địa điểm dự kiến ở vị trí nào, quy mô ra sao. Ngoài ra, đội ngũ nghệ sỹ trẻ kế cận và hoạt động sáng tạo nghệ thuật đương đại cũng chưa được đề cập rõ, cho thấy nguy cơ thiếu hụt nguồn nhân lực kế thừa trong tương lai. Đề nghị UBND tỉnh nghiên cứu định hướng đầu tư xây dựng nhà hát hoặc thiết chế biểu diễn nghệ thuật có quy mô, tiêu chuẩn phù hợp với định hướng phát triển của tỉnh; đồng thời làm rõ vị trí dự kiến, quy mô đầu tư và khả năng kết nối với các không gian văn hóa, du lịch trọng điểm. Trên cơ sở đó, từng bước xây dựng các chương trình nghệ thuật biểu diễn đặc trưng mang thương hiệu Gia Lai, kết hợp Không gian văn hóa Cồng chiêng Tây Nguyên, sử thi Bahnar, Hát bội và Bài chòi thành các sản phẩm biểu diễn định kỳ phục vụ phát triển du lịch. Tăng cường ứng dụng công nghệ số trong ghi hình, lưu trữ, quảng bá và phát hành các chương trình nghệ thuật trên nền tảng trực tuyến nhằm mở rộng công chúng. Có phương án khả thi nhằm gắn chặt nghệ thuật biểu diễn với phát triển du lịch, hình thành các không gian biểu diễn thường xuyên tại các điểm du lịch trọng điểm, qua đó vừa bảo tồn di sản vừa tạo nguồn thu bền vững cho hoạt động nghệ thuật. Đây là hướng đi phù hợp với điều kiện thực tế và các định hướng phát triển công nghiệp văn hóa của tỉnh trong giai đoạn tới. Bên cạnh đó cần đưa ra phương án xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu số về nghệ thuật biểu diễn và không gian văn hóa của tỉnh nhằm phục vụ công tác quản lý nhà nước và phát triển công nghiệp văn hóa.	Cơ quan lập quy hoạch xin tiếp thu và đã cập nhật tại phần thứ ba, chương I, tiểu mục 3- 3.5.3.2. Mục tiêu phát triển - b. Mục tiêu cụ thể (* Về lĩnh vực văn hóa). Tỉnh định hướng xây dựng trung tâm tổ chức sự kiện đại nhạc hội quốc tế (dự án Đề Gi)
	2.3. Trong dự thảo chưa có nội dung cụ thể về lĩnh vực Mỹ thuật. Đề nghị UBND tỉnh nghiên cứu bổ sung định hướng phát triển một số công trình mỹ thuật công cộng cấp tỉnh như tượng đài, phù điêu, tranh hoành tráng về danh nhân, anh hùng dân tộc, nhằm thúc đẩy hoạt động sáng tạo nghệ thuật, tạo điều kiện để nhân dân được tiếp cận, hưởng thụ các giá trị văn hóa, nghệ thuật gắn với sự phát triển chung của địa phương. Rà soát, kiểm kê và đánh giá toàn diện hiện trạng hệ thống tượng đài, tranh hoành tráng, các tác phẩm điêu khắc ngoài trời và các thiết chế mỹ thuật công cộng đã có trên địa bàn tỉnh. Nghiên cứu xây dựng cơ sở dữ liệu và triển khai số hóa thông tin đối với hệ thống tượng đài, các công trình mỹ thuật công cộng. Nghiên cứu phát triển hệ thống thiết chế phục vụ hoạt động mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm; tổ chức các cuộc thi mỹ thuật, triển lãm tranh và nghiên cứu hình thành không gian sáng tạo, nhằm đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hoá của nhân dân và thúc đẩy phát triển công nghiệp văn hoá.	Cơ quan lập quy hoạch xin tiếp thu và bổ sung: - Hiện trạng tại phần thứ nhất, chương V, mục 2, tiểu mục 2.4.1. Văn hóa - 2.4.1.5 - Định hướng tại phần thứ 3, chương VI, mục 4, tiểu mục 4.1
	3. Lĩnh vực du lịch Hồ sơ đã xác định nhóm sản phẩm du lịch đặc thù gồm du lịch nghỉ dưỡng - giải trí - thể thao biển cao cấp; du lịch khoa học/MICE dựa trên nền tảng ICISE (Trung tâm Quốc tế Khoa học và Giáo dục Liên ngành) và Tổ hợp Không gian Khoa học Quy Nhơn; du lịch văn hóa Tây Sơn, văn hóa Tây Nguyên, văn hóa Chăm gắn với tháp Chăm, Khu Đền thờ Tây Sơn Tam Kiệt, quần thể di tích Tây Sơn Thượng đạo, Không gian văn hóa công chiêng Tây Nguyên, võ cổ truyền Bình Định, Bài chòi, Hát bội, trống trận Tây Sơn. Đề nghị tiếp tục làm sâu sắc hơn cấu trúc sản phẩm du lịch của tỉnh theo hướng không dàn trải, không trùng lặp, hình thành các cụm sản phẩm có vai trò bổ trợ lẫn nhau.	Tiếp thu ý kiến góp ý, CQLQH đã bổ sung nội dung định hướng phát triển sản phẩm du lịch theo hướng tập trung, có trọng tâm, trọng điểm; hạn chế phát triển dàn trải, trùng lặp giữa các loại hình du lịch. Đồng thời, Báo cáo đã bổ sung định hướng hình thành các cụm sản phẩm du lịch có vai trò dẫn dắt và bổ trợ lẫn nhau, gắn với các lợi thế đặc trưng của không gian biển, cao nguyên và biên giới
	Trong quá trình điều chỉnh quy hoạch hệ thống hạ tầng và không gian phát triển đô thị, đề nghị quan tâm bố trí quỹ đất phù hợp cho phát triển hạ tầng du lịch, dịch vụ và các thiết chế hỗ trợ hoạt động du lịch tại các khu vực động lực, đầu mối giao thông quan trọng, hạ tầng kết nối đến các khu, điểm du lịch trọng điểm; trung tâm hỗ trợ du khách trong đó có khu vực Cảng hàng không Pleiku; bảo đảm cân đối giữa khu vực phía Đông và phía Tây, giữa đô thị biển và vùng cao nguyên, giữa trung tâm tỉnh và vùng đồng bào dân tộc thiểu số.	Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu ý kiến của Bộ Việc bố trí sử dụng đất sẽ được ưu tiên trên mô hình phát triển đột phá: "Ba trục hành lang động lực - Hai khu kinh tế - Ba trung tâm tăng trưởng - Bốn phân vùng chức năng".

STT	Ý KIẾN THAM GIA	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Đồng thời, nghiên cứu lồng ghép nội dung chuyển đổi số trong hoạt động du lịch, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa; tăng cường ứng dụng công nghệ trong quảng bá điểm đến, quản lý du lịch và xây dựng cơ sở dữ liệu ngành du lịch của địa phương	CQLQH đã tiếp thu bổ sung tại nội dung Định hướng liên kết, hợp tác, xúc tiến phát triển du lịch thuộc mục 3.3.2. Du lịch
	Một số ý kiến cụ thể đối với Hồ sơ	
	- Mục 2.3.2. Du lịch (trang 95) nghiên cứu bổ sung nội dung đánh giá thực trạng về chất lượng nguồn nhân lực ngành du lịch của Tỉnh.	CQLQH đã tiếp thu bổ sung nội dung thực trạng nhân lực du lịch tại mục 2.3.2. Du lịch
	- Mục 1. Vị thế, vai trò của tỉnh đối với quốc gia (trang 365) nghiên cứu bổ sung nội dung “Quy hoạch hệ thống du lịch thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 xác định: Quy Nhơn là một trong 10 trung tâm du lịch của cả nước gắn với đô thị có tiềm năng và lợi thế nổi trội để ưu tiên phát triển các sản phẩm du lịch, dịch vụ gắn với các định hướng phát triển kinh tế ban đêm; cùng với đó Gia Lai có 02 địa điểm tiềm năng phát triển thành Khu du lịch quốc gia là Phương Mai và Biển Hồ - Chư Đăng Ya; đề nghị lồng ghép nội dung này vào phần đánh giá vai trò, vị thế của tỉnh đối với quốc gia về du lịch.	CQLQH đã tiếp thu bổ sung tại mục 1. Vị thế, vai trò của tỉnh đối với quốc gia
	- Mục 3.3.2. Du lịch (trang 508) nghiên cứu bổ sung các giải pháp đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực ngành du lịch của Tỉnh.	CQLQH đã tiếp thu bổ sung tại nội dung giải pháp phát triển thuộc mục 3.3.2. Du lịch
	- Mục 1.3. Khu du lịch (trang 607) nghiên cứu, rà soát bổ sung nội dung định hướng phát triển du lịch tại các địa điểm tiềm năng phát triển thành Khu du lịch quốc gia Phương Mai, Biển Hồ - Chư Đăng Ya đảm bảo phù hợp với định hướng phát triển được xác định tại Quy hoạch hệ thống du lịch thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045, cụ thể: + Phương Mai Tính chất, vai trò: Thúc đẩy du lịch vùng và du lịch biển đảo cả nước, hướng tới khách du lịch quốc tế. Là hạt nhân quan trọng của hành lang du lịch Bắc - Nam phía Đông, xây dựng thương hiệu du lịch biển đảo cả nước. Sản phẩm du lịch ưu tiên phát triển: Du lịch nghỉ dưỡng biển kết hợp vui chơi giải trí, thể thao. Chú trọng xây dựng các sản phẩm nghỉ dưỡng chất lượng cao, thu hút các dự án đầu tư lớn. Phát triển du lịch gắn với bảo vệ môi trường, khai thác bền vững tài nguyên du lịch. Kết cấu hạ tầng: Hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật trong khu vực, đặc biệt ưu tiên lĩnh vực thoát nước và vệ sinh môi trường. Phát triển cơ sở vật chất kỹ thuật ngành du lịch theo hướng đồng bộ, hiện đại và chất lượng cao; ưu tiên thu hút các nhà đầu tư lớn, thương hiệu lớn. + Biển Hồ - Chư Đăng Ya Tính chất, vai trò: Là hạt nhân thúc đẩy phát triển hành lang du lịch Bắc - Nam phía Tây và du lịch vùng. Phát triển du lịch gắn với xóa đói giảm nghèo, nâng cao năng lực của cộng đồng. Sản phẩm du lịch ưu tiên phát triển: Du lịch sinh thái kết hợp tham quan cảnh quan, hồ núi, trải nghiệm văn hóa bản địa, du lịch thể thao, khám phá và nghiên cứu các giá trị địa chất. Tập trung các giá trị của biển Hồ theo hướng đa dạng hóa gắn với vui chơi giải trí, trải nghiệm và nghiên cứu. Kết cấu hạ tầng: Nâng cao năng lực giao thông kết nối với giao thông quốc gia và nội vùng. Hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật cấp điện, cấp thoát nước, chú trọng giữ gìn cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp. Phát triển đồng bộ các cơ sở vật chất ngành du lịch về ẩm thực, thương mại, vui chơi giải trí ...	Tư vấn tiếp thu và rà soát bổ sung tại các mục Điểm 1.3.1 Định hướng phân cấp hệ thống khu du lịch và - Mục III - Phần thứ 3 của Báo cáo thuyết minh tổng hợp
	- Ngoài ra, đề nghị nghiên cứu bổ sung các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng của ngành du lịch.	CQLQH đã tiếp thu bổ sung tại nội dung giải pháp phát triển thuộc mục 3.3.2. Du lịch

STT	Ý KIẾN THAM GIA	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	4. Lĩnh vực di sản văn hóa - Dự thảo cơ bản đã xác định phương hướng bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa, tuy nhiên, nội dung còn mang tính khái quát, chưa thể hiện đầy đủ vai trò của di sản văn hóa; đồng thời cách tiếp cận chưa thể hiện được mối quan hệ với cộng đồng - chủ thể thực hành di sản và với tổ chức không gian phát triển. Vì vậy, cần nghiên cứu bổ sung theo hướng tiếp cận toàn diện, tích hợp nội dung bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa trong quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, cụ thể: '+ Đánh giá hiện trạng và phương hướng kiểm kê, lập hồ sơ khoa học, bảo vệ và phát huy giá trị hệ thống di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh. + Đánh giá thực trạng và phương hướng kiểm kê, lập hồ sơ di sản văn hóa phi vật thể quốc gia; Kế hoạch lập Đề án bảo tồn các di sản văn hóa phi vật thể trong Danh mục quốc gia về di sản văn hóa phi vật thể quốc gia; Kế hoạch xây dựng cơ chế, chính sách đãi ngộ nghệ nhân các di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn tỉnh. Đánh giá thực trạng di sản văn hóa phi vật thể cần chú ý đến các di sản văn hóa phi vật thể của cộng đồng các dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo, các dân tộc thiểu số rất ít người, đặc biệt là biển đảo trên địa bàn tỉnh và nhận diện tác động của công tác quy hoạch đối với việc bảo vệ, thực hành và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể. Xây dựng phương án và triển khai các biện pháp bảo vệ, phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể trước những tác động từ hoạt động quy hoạch trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa. Tập trung, huy động và bố trí nguồn lực nhằm tổ chức thực hiện hiệu quả các phương án, biện pháp bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn tỉnh. + Đánh giá hoạt động các bảo tàng, thực trạng và phương hướng bảo vệ, phát huy các di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia trên địa bàn tỉnh. + Đánh giá hiện trạng và phương hướng phát huy giá trị các Di sản tư liệu đã được ghi danh, kiểm kê.	Cơ quan lập quy hoạch xin tiếp thu và bổ sung tại: - phần thứ nhất, chương II, mục 3, tiểu mục 3.4 - 3.4.1.2. Công tác bảo tàng, bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa - phần thứ ba, chương I, mục 3, tiểu mục 3.5.3 - 3.5.3.4. Phương hướng phát triển lĩnh vực văn hóa
	- Về nội dung tập trung nguồn lực thực hiện các Dự án liên quan đến di sản văn hoá, hiện nay tại Phụ lục 18 về Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư lĩnh vực Văn hóa – Di sản tỉnh giai đoạn 2026-2030 mới chỉ đang tập trung cho các di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh, bảo tàng, số hoá di sản. Do đó, cần bổ sung nội dung tập trung nguồn lực bảo vệ và phát huy giá trị các di sản văn hóa phi vật thể, di sản tư liệu, chế độ ưu đãi đối với các nghệ nhân theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa.	Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu ý kiến. Hiện nay tỉnh Gia Lai đã thực hiện theo NQ19/2026/NQ-HĐND ngày 24/04/2026 về chế độ ưu đãi với các nghệ nhân văn hóa phi vật thể và nội dung bảo vệ di sản phi vật thể đã có quyết định ở Nghị định 215/2025/NĐ-CP và 308/2025/NĐ-CP
	- Gia Lai là địa bàn lõi của Không gian văn hóa Cồng chiêng Tây Nguyên (Di sản truyền khẩu và phi vật thể nhân loại) và Khu dự trữ sinh quyển thế giới Kon Hà Nừng. Việc điều chỉnh không gian đô thị, công nghiệp cần có ranh giới bảo vệ di sản để tránh xung đột lợi ích kinh tế - văn hóa. Quy hoạch cần thể hiện rõ sự gắn kết giữa phát triển kinh tế với bảo tồn di sản. Đề nghị nghiên cứu bổ sung đánh giá tác động của các dự án thủy điện, điện gió, điện mặt trời và khai thác khoáng sản đến các vùng đệm sinh thái và cảnh quan di tích quốc gia (như Biển Hồ, núi lửa Chư Đăng Ya).	Cơ quan lập quy hoạch xin tiếp thu
	Việc điều chỉnh Quy hoạch đối với các ngành, lĩnh vực khác, đề nghị bổ sung lưu ý việc xây dựng công trình, thực hiện các hoạt động trong phạm vi khoanh vùng khu vực bảo vệ II của di tích và ngoài phạm vi các khu vực khoanh vùng bảo vệ di tích phải bảo đảm phù hợp với pháp luật về di sản văn hóa. - Xem xét, rà soát các đơn vị hành chính để phù hợp với chính quyền 02 cấp hiện nay. - Hồ sơ đã đề cập định hướng bảo tồn, phát huy các giá trị di sản văn hóa phi vật thể đặc sắc, trong đó có Không gian văn hóa Cồng chiêng, sử thi của người Bahnar, Hát bội, Bài chòi, Võ cổ truyền; đồng thời định hướng nâng tầm Liên hoan Cồng chiêng quốc tế tại Gia Lai trở thành sản phẩm văn hóa - du lịch đặc trưng. Đề nghị tiếp tục cụ thể hóa định hướng này thành không gian bảo tồn, chương trình hành động, cơ chế ưu tiên nhằm huy động nguồn lực phát huy giá trị di sản.	Cơ quan lập quy hoạch xin tiếp thu
	5. Một số ý kiến đề nghị điều chỉnh trong Hồ sơ	

STT	Ý KIẾN THAM GIA	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	- Tại điểm (8)a, mục 4, Phần II, Điều 1 tại dự thảo Quyết định đề nghị bổ sung nội dung: “Phát triển các ngành công nghiệp văn hóa phù hợp với tiềm năng, lợi thế, quy hoạch phát triển của tỉnh, tạo động lực phát triển công nghiệp văn hóa trong khu vực, tăng cường tính liên kết vùng, địa phương, hệ thống hạ tầng và các thiết chế văn hóa”.	Cơ quan lập quy hoạch xin tiếp thu và đã bổ sung tại mục 4, phần VIII của Dự thảo QĐ
	- Tại mục 4, Phần VIII, Điều 1 đề nghị bổ sung: “Thu hút đầu tư vào lĩnh vực du lịch, thể thao tại các khu, điểm du lịch trọng điểm; đồng thời áp dụng cơ chế ưu đãi, cải cách thủ tục hành chính để phát triển công nghiệp văn hóa gắn với du lịch và kinh tế ban đêm. Quy hoạch, hình thành các không gian sáng tạo, công nghiệp văn hóa tại các đô thị trung tâm, góp phần thúc đẩy sáng tạo, phát triển sản phẩm văn hóa và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội”.	Cơ quan lập quy hoạch xin tiếp thu và đã bổ sung tại mục 4, phần VIII của Dự thảo QĐ
	- Đoạn 2, mục 1.1 - Vị trí địa lý và phạm vi hành chính tỉnh (trang 12), đề nghị điều chỉnh như sau: “Về phạm vi hành chính, tỉnh Gia Lai được mở rộng trên cơ sở hợp nhất không gian lãnh thổ của hai tỉnh Gia Lai và Bình Định (trước sáp nhập), có diện tích tự nhiên là 21.576,53 km ² , quy mô dân số là 3.583.693 người. Tỉnh Gia Lai giáp tỉnh Đắk Lắk, tỉnh Quảng Ngãi, Vương quốc Cam-pu-chia và Biển Đông”.	Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu và đã cập nhật tại Điểm 1 - Mục I - Phần Thứ nhất của Báo cáo thuyết minh tổng hợp
	- Tại phần 4 - Điều kiện văn hóa, xã hội, dân cư, nguồn nhân lực (trang 24-25), đề nghị bổ sung nội dung sau: “Tỉnh Gia Lai có 05 di tích quốc gia đặc biệt (Khu đền thờ Tây Sơn Tam Kiệt, Tháp Chăm Dương Long, Đường Trường Sơn - Đường Hồ Chí Minh, Quần thể di tích Tây Sơn Thượng Đạo và Rộc Tung - Gò Đá) và 02 di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại được UNESCO công nhận (Nghệ thuật Bài chòi Trung Bộ Việt Nam và Không gian văn hóa cồng chiêng Tây Nguyên)”.	Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu và đã cập nhật tại Điểm 4 - Mục I - Phần Thứ nhất của Báo cáo thuyết minh tổng hợp
	6. Đề nghị đơn vị chủ trì lấy ý kiến của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Gia Lai đối với điều chỉnh Quy hoạch này. Đồng thời, nghiên cứu rà soát và chịu trách nhiệm triển khai thực hiện theo đúng quy định tại Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025; Nghị định số 70/2026/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch và các quy định liên quan.	Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu ý kiến của Bộ. Việc lấy ý kiến đối với điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Gia Lai đã được UBND tỉnh thực hiện theo đúng quy định của Luật Quy hoạch năm 2025

Phụ lục 11:

Ý KIẾN CỦA BỘ XÂY DỰNG
(Văn bản số: Số: 8786 /BXD-QHKT ngày 11 tháng 6 năm 2026)

STT	Ý KIẾN THAM GIA	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	1. Về hồ sơ quy hoạch - Đề nghị tiếp tục rà soát, hoàn thiện hồ sơ, bảo đảm sự thống nhất giữa Báo cáo thuyết minh tổng hợp, Báo cáo tóm tắt, dự thảo quyết định phê duyệt, hệ thống sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu quy hoạch, phụ lục kèm theo và các nội dung đề xuất tích hợp vào điều chỉnh Quy hoạch tỉnh. Việc hoàn thiện hồ sơ cần bảo đảm đúng phạm vi, nội dung, trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15, Nghị định số 70/2026/NĐ-CP ngày 09/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch và các quy định pháp luật có liên quan. - Đồng thời, đề nghị rà soát các lỗi kỹ thuật, lỗi trình bày trong hồ sơ, nhất là các nội dung còn chưa thống nhất về tên gọi, phạm vi, loại đô thị, hệ thống phụ lục, đơn vị hành chính sau sắp xếp; chỉnh sửa các lỗi ghi nhầm địa danh tỉnh khác trong phụ lục giao thông; rà soát việc đánh số phụ lục, tránh trùng lặp, bảo đảm tính chính xác của hồ sơ trước khi trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.	Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu ý kiến của Bộ.
	2. Về căn cứ, cơ sở pháp lý - Đề nghị rà soát, cập nhật đầy đủ các căn cứ pháp lý liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng, trong đó có pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn, phân loại đô thị, phát triển đô thị, phát triển đô thị thông minh, nhà ở, hạ tầng kỹ thuật, giao thông, cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải, chất thải rắn, nghĩa trang, quản lý không gian ngầm, khu chức năng và các quy định pháp luật chuyên ngành có liên quan. - Các nội dung định hướng phát triển đô thị, khu vực đô thị hóa, khu đô thị mới, khu chức năng, khu vực phát triển nhà ở, hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội trong Quy hoạch tỉnh cần được thể hiện ở mức định hướng chiến lược, tích hợp, không thay thế các đồ án quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, quy hoạch xây dựng khu chức năng được lập, thẩm định, phê duyệt theo quy định pháp luật chuyên ngành. - Tại phần căn cứ lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh, đề nghị rà soát, bổ sung các căn cứ pháp lý mới có liên quan đến quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam; phân loại đô thị; phát triển đô thị thông minh; phát triển đô thị xanh, thích ứng với biến đổi khí hậu; đồng thời kiểm tra lại số, ngày, tên gọi các văn bản về quy hoạch vùng Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch kết cấu hạ tầng đường bộ, đường sắt, hàng hải, hàng không, đường thủy nội địa để bảo đảm thống nhất, chính xác.	Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu và đã rà soát cập nhật căn cứ pháp lý liên quan để điều chỉnh quy hoạch tỉnh tại Mục II - Phần Mở đầu của Báo cáo thuyết minh tổng hợp
	3. Về đánh giá hiện trạng và dự báo phát triển	
	- Làm rõ kết quả thực hiện Quy hoạch tỉnh Gia Lai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1750/QĐ-TTg ngày 30/12/2023 và Quy hoạch tỉnh Bình Định thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1619/QĐ-TTg ngày 14/12/2023, nhất là đối với các nội dung thuộc lĩnh vực xây dựng như hệ thống đô thị, khu chức năng, khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, nhà ở, giao thông liên kết vùng, cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải, chất thải rắn, nghĩa trang và phát triển đô thị.	Tư vấn tiếp thu ý kiến góp ý và giải trình : các nội dung đánh giá đã được thể hiện tại Thuyết minh tổng hợp IV. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG HỆ THỐNG ĐÔ THỊ VÀ NÔNG THÔN, HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN CÁC KHU CHỨC NĂNG

STT	Ý KIẾN THAM GIA	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	- Về hiện trạng hạ tầng kỹ thuật đô thị, hồ sơ đã bước đầu tổng hợp các nội dung về giao thông, cấp điện, viễn thông, thủy lợi, cấp nước, thoát nước, khu xử lý chất thải, nghĩa trang, phòng cháy, chữa cháy. Tuy nhiên, đề nghị tiếp tục bổ sung các chỉ tiêu kỹ thuật đô thị làm cơ sở đánh giá chất lượng đô thị và khả năng đáp ứng của hạ tầng, gồm: tỷ lệ đất giao thông trên đất xây dựng đô thị; mật độ mạng lưới đường chính khu vực nội thị; chỉ tiêu diện tích bãi đỗ xe; hiện trạng giao thông công cộng và tỷ lệ đảm nhận vận tải hành khách công cộng; hiện trạng kết nối giữa đô thị với cảng biển, sân bay, ga đường sắt, khu kinh tế, khu công nghiệp; hiện trạng ùn tắc giao thông và năng lực khai thác của các trục giao thông chính.	Giải trình: Các chỉ tiêu như tỷ lệ đất giao thông/đất xây dựng đô thị, mật độ đường nội thị, diện tích bãi đỗ xe....là chỉ tiêu kỹ thuật cấp quy hoạch đô thị và nông thôn hoặc chương trình phát triển đô thị, cần được xác định trên cơ sở ranh giới diện tích đất xây dựng đô thị, và quy mô dân số từng đô thị và các nội dung được tính toán và phân tích trong quy hoạch chung đô thị. Quy hoạch tỉnh chỉ định hướng mạng lưới giao thông cấp tỉnh, hành lang kết nối, đầu mối hạ tầng, liên kết đô thị – cảng biển – sân bay – ga – KKT – KCN, không thay thế nội dung tính toán chi tiết của quy hoạch đô thị. Do đó, việc bổ sung các chỉ tiêu kỹ thuật đô thị nêu trên sẽ được tiếp tục nghiên cứu, xác định và cập nhật trong quá trình lập, điều chỉnh quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng và các chương trình phát triển đô thị theo quy định chuyên ngành, bảo đảm thống nhất về cấp độ quy hoạch và tránh chồng chéo giữa các hệ thống quy hoạch. - Về nội dung hiện trạng giao thông công cộng và tỷ lệ đảm nhận vận tải hành khách công cộng được bổ sung và phân tích tại phần V, mục 1.1.1.5 Thực trạng phát triển giao thông công cộng trên địa bàn tỉnh Gia Lai.
	- Đối với chiếu sáng đô thị, đề nghị bổ sung tỷ lệ tuyến phố chính được chiếu sáng, tỷ lệ sử dụng đèn LED tiết kiệm năng lượng, hiện trạng chiếu sáng cảnh quan, chiếu sáng công trình công cộng, khả năng ứng dụng hệ thống chiếu sáng thông minh và hiện trạng hạ ngầm lưới điện, cáp viễn thông tại các đô thị lớn như Quy Nhơn, Pleiku, An Nhơn, Hoài Nhơn, An Khê.	Tư vấn tiếp thu ý kiến và giải trình như sau : đối với các nội dung này sẽ được đánh giá và cụ thể hóa trong Chương trình phát triển đô thị tỉnh Gia lai và các đồ án quy hoạch chung, quy hoạch phân khu theo quy định pháp luật
	- Đối với cây xanh, công viên và không gian công cộng đô thị, đề nghị bổ sung chỉ tiêu đất cây xanh công cộng trên đầu người tại từng đô thị; tỷ lệ đất cây xanh sử dụng công cộng trong khu vực nội thị; hiện trạng công viên, quảng trường, không gian mở, không gian công cộng ven biển tại Quy Nhơn, Hoài Nhơn, Phù Cát, Phù Mỹ và các khu vực phát triển du lịch biển, bảo đảm cân bằng giữa phát triển du lịch, đô thị, dịch vụ và lợi ích cộng đồng.	Tư vấn tiếp thu ý kiến và giải trình như sau : đối với các nội dung này sẽ được đánh giá và cụ thể hóa trong Chương trình phát triển đô thị tỉnh Gia lai và các đồ án quy hoạch chung, quy hoạch phân khu theo quy định pháp luật
	- Đối với chất thải rắn và nghĩa trang đô thị, đề nghị bổ sung đánh giá tỷ lệ thu gom chất thải rắn sinh hoạt đô thị, công nghệ xử lý chất thải hiện nay, tỷ lệ xử lý bằng chôn lấp, hiện trạng các khu xử lý chất thải rắn, hiện trạng nghĩa trang đô thị, cơ sở hỏa táng, mức độ ảnh hưởng đến môi trường, cảnh quan và khả năng đáp ứng nhu cầu trong tương lai, nhất là tại các khu vực có tốc độ đô thị hóa nhanh, khu kinh tế, khu công nghiệp, khu du lịch và khu vực ven biển.	CQLQH xin phép được tiếp thu ý kiến, theo ý kiến của Bộ
	- Đề nghị bổ sung đánh giá tình hình quản lý, triển khai thực hiện các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật thuộc phạm vi Quy hoạch tỉnh; làm rõ thuận lợi, khó khăn, vướng mắc về đầu tư, đất đai, giải phóng mặt bằng, nguồn lực, quản lý phát triển đô thị và hạ tầng kỹ thuật để làm cơ sở cho phương án điều chỉnh quy hoạch.	Tư vấn tiếp thu ý kiến và giải trình như sau : đối với các nội dung này sẽ được đánh giá và cụ thể hóa trong Chương trình phát triển đô thị tỉnh Gia lai và các đồ án quy hoạch chung, quy hoạch phân khu theo quy định pháp luật
	4. Về định hướng phát triển hệ thống đô thị, nông thôn và khu chức năng	

STT	Ý KIẾN THAM GIA	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	a) Về phương án phát triển hệ thống đô thị Theo hồ sơ, dân số trung bình sơ bộ năm 2025 của tỉnh Gia Lai là 3.182.652 người; dân số đô thị tính toán là 1.400.740 người; tỷ lệ đô thị hóa năm 2025 khoảng 44,0%. Đến năm 2030, hồ sơ dự báo dân số toàn tỉnh khoảng 3.249.000 người, dân số đô thị khoảng 1.705.600 người, tỷ lệ đô thị hóa khoảng 52,5%. Đề nghị bổ sung thuyết minh cụ thể về cơ sở dự báo và phân bổ dân số đô thị tăng thêm, làm rõ quy mô tăng dân số tại các đô thị hiện hữu, quy mô tăng do mở rộng đô thị và quy mô tăng do hình thành mới các đô thị; bảo đảm phù hợp với khả năng thu hút dân số, lao động, tạo việc làm, phát triển hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và nguồn lực đầu tư. - Rà soát, chỉnh lý thống nhất giữa Báo cáo tổng hợp, Báo cáo tóm tắt, phụ lục và bản đồ quy hoạch về số lượng đô thị, tên đô thị, loại đô thị, phạm vi đô thị, đô thị chuyển tiếp, đô thị mở rộng, đô thị dự kiến hình thành mới và lộ trình nâng loại đô thị . - Đối với đô thị Quy Nhơn mở rộng , đô thị Pleiku mở rộng là các định hướng có quy mô lớn, tác động trực tiếp đến tổ chức không gian, dân số, sử dụng đất, đầu tư hạ tầng, phân loại đô thị và quản lý phát triển đô thị. Đề nghị làm rõ cơ sở pháp lý, cơ sở không gian, cơ sở dân số, tiêu chí phân loại đô thị, khả năng đáp ứng hạ tầng kỹ thuật – hạ tầng xã hội và lộ trình lập, điều chỉnh quy hoạch chung đô thị theo quy định pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn. - Quy hoạch tỉnh chỉ nên xác định định hướng hệ thống đô thị, khu vực dự kiến phát triển đô thị, khu vực dự kiến hình thành đô thị mới, các cực đô thị, hành lang đô thị và nguyên tắc phát triển; tên gọi, phạm vi, ranh giới, quy mô đất đai, chỉ tiêu sử dụng đất, cấu trúc không gian, phân khu chức năng, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và kiểm soát không gian kiến trúc cảnh quan của từng đô thị cần được xác định quy định pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn và các quy định quản lý phát triển đô thị.	Tiếp thu ý kiến góp ý, do an bổ sung cơ sở dự báo dân số đô thị tăng thêm tại mục “ Dự kiến hệ thống đô thị loại II, III của tỉnh và phương hướng phát triển cho từng đô thị” , Quy mô dân số đô thị tăng thêm được phân bổ chủ yếu vào các đô thị động lực của tỉnh gồm Quy Nhơn, Pleiku, Hoài Nhơn, An Nhơn, An Khê, đồng thời gắn với các khu vực phát triển công nghiệp, dịch vụ, logistics, du lịch và các khu vực mở rộng đô thị, các khu vực nâng cấp đô thị, các đô thị mới hình thành theo quy hoạch và sẽ được nghiên cứu cụ thể tại các quy hoạch chung đô thị, Quy hoạch phân khu. Định hướng phát triển đô thị Quy Nhơn mở rộng và đô thị Pleiku mở rộng được nghiên cứu trên cơ sở các quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh; bảo đảm phù hợp về không gian phát triển, quy mô dân số, các tiêu chí phân loại đô thị và khả năng đáp ứng hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội. Việc lập, điều chỉnh quy hoạch chung và triển khai thực hiện sẽ được thực hiện theo lộ trình phù hợp, tuân thủ quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn, bảo đảm tính khả thi và phát triển bền vững. phương án quy hoạch tỉnh chỉ xác định định hướng phát triển hệ thống đô thị, các khu vực dự kiến phát triển và hình thành đô thị mới, các cực tăng trưởng, hành lang đô thị và nguyên tắc phát triển. Các nội dung chi tiết về phạm vi, ranh giới, quy mô đất đai, cơ cấu sử dụng đất, cấu trúc không gian, phân khu chức năng, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và quản lý kiến trúc cảnh quan của từng đô thị sẽ được nghiên cứu, xác định cụ thể trong quá trình lập, điều chỉnh quy hoạch đô thị theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn, bảo đảm tính thống nhất, khả thi và phù hợp với yêu cầu quản lý phát triển đô thị. - Cơ sở dự báo và phân bổ dân số đô thị tăng thêm: - Định hướng phát triển kinh tế - xã hội của của tỉnh trong giai đoạn quy hoạch đã được rà soát, xây dựng kịch bản tăng trưởng. - Tốc độ đô thị hóa dự kiến đến năm 2030 dự kiến trên 50%; xu hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ nông nghiệp sang công nghiệp, dịch vụ. - Định hướng tổ chức hệ thống 04 cụm đô thị động lực (Quy Nhơn mở rộng, Pleiku mở rộng, Hoài Nhơn và An Khê): hình thành và phát triển các hành lang kinh tế ven biển, hành

STT	Ý KIẾN THAM GIA	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	b) Về phát triển đô thị theo định hướng giao thông công cộng, TOD Hồ sơ đã đề cập định hướng phát triển đô thị theo mô hình TOD tại một số khu vực gần với ga đường sắt, sân bay, hành lang giao thông và các đầu mối phát triển như Diêu Trì – Tuy Phước Tây, Bồng Sơn, khu vực sân bay Phù Cát, Quy Nhơn mở rộng, Pleiku và hành lang Quy Nhơn – Pleiku – Lê Thanh. Đề nghị bổ sung thuyết minh làm rõ cơ sở lựa chọn các khu vực TOD, phạm vi nghiên cứu, vai trò trong cấu trúc đô thị, khả năng kết nối với giao thông công cộng, đường sắt, sân bay, bến xe, cảng biển, khu kinh tế, khu công nghiệp và các khu dân cư hiện hữu. Các nội dung cụ thể về ranh giới, chỉ tiêu sử dụng đất và tổ chức không gian khu vực TOD cần được xác định tại quy hoạch đô thị, quy hoạch phân khu hoặc quy hoạch chi tiết có liên quan.	Tiếp thu ý kiến góp ý. Trong phạm vi quy hoạch tỉnh, nội dung TOD chỉ được xác định ở mức định hướng chiến lược, làm cơ sở cho việc tổ chức không gian phát triển đô thị, bố trí các hành lang động lực và xác định các khu vực ưu tiên nghiên cứu phát triển. Các nội dung cụ thể về ranh giới, quy mô, chỉ tiêu sử dụng đất, tầng cao, mật độ xây dựng, tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan, hệ thống giao thông công cộng, bãi đỗ xe, không gian đi bộ và kết nối hạ tầng kỹ thuật sẽ được nghiên cứu, xác định cụ thể trong các đồ án quy hoạch chung đô thị, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết và chương trình phát triển đô thị có liên quan theo quy định pháp luật. -Cơ sở lựa chọn các khu vực TOD: Định hướng phát triển hệ thống đô thị và nông thôn gắn với các hành lang kinh tế, các đầu mối giao thông quốc gia và liên vùng; Định hướng phát triển tuyến đường sắt Bắc – Nam hiện hữu, các ga đường sắt đầu mối, các tuyến quốc lộ, cao tốc, cảng biển, sân bay và hệ thống vận tải công cộng; Khai thác hiệu quả quỹ đất tại các khu vực có lợi thế tiếp cận giao thông, nâng cao hiệu quả sử dụng đất; Tạo động lực phát triển kinh tế, dịch vụ, logistics, công nghiệp và đô thị dọc các hành lang giao thông chiến lược của vùng Nam Trung Bộ và Tây Nguyên; Đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị xanh, đô thị thông minh, giảm nhu cầu sử dụng phương tiện cá nhân và tăng khả năng tiếp cận giao thông công cộng. Phạm vi nghiên cứu: Cụ thể hóa ở bước lập quy hoạch chung, quy hoạch phân khu theo quy định pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn. Vai trò của các khu vực TOD trong cấu trúc đô thị: Là các cực tăng trưởng mới, hỗ trợ phân bố lại dân cư và các hoạt động kinh tế; Hình thành các trung tâm dịch vụ, thương mại, logistics và công nghiệp có khả năng tiếp cận cao, sử dụng đất hiệu quả và giảm áp lực giao thông,..
	c) Về tổ chức không gian nông thôn và khu vực chuyển tiếp đô thị - nông thôn Đề nghị làm rõ định hướng tổ chức không gian nông thôn, điểm dân cư nông thôn, khu vực làng xóm đô thị hóa, xã có yếu tố tạo thị, khu vực chuyển tiếp đô thị - nông thôn và các khu vực dự kiến nâng xã lên phường. Nội dung này cần phù hợp với yêu cầu lập, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn và các tiêu chuẩn, tiêu chí về đơn vị hành chính đô thị, phân loại đô thị theo quy định.	Tiếp thu ý kiến góp ý. Phương án quy hoạch tỉnh xác định định hướng tổ chức không gian đô thị, nông thôn và các khu vực phát triển theo quy định của pháp luật về quy hoạch. Các nội dung cụ thể về điểm dân cư nông thôn, khu vực làng xóm đô thị hóa, xã có yếu tố tạo thị, khu vực chuyển tiếp đô thị - nông thôn và các khu vực dự kiến nâng xã lên phường sẽ được nghiên cứu, cụ thể hóa trong quá trình lập, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn theo quy định của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn, bảo đảm phù hợp với các tiêu chuẩn, tiêu chí phân loại đô thị và đơn vị hành chính đô thị. Nội dung tư vấn đã nêu tại Mục 5 thuyết minh tổng hợp, trong đó đã định hướng phát triển nông thôn theo không gian đặc thù: Nông thôn ven biển phía Đông, Nông thôn đồng bằng - trung du và hành lang Đông – Tây, Nông thôn cao nguyên phía Tây, Nông thôn phía Nam cao nguyên - vùng sông Ba, Nông thôn biên giới phía Tây => Nội dung sẽ tiếp tục cụ thể hóa ở bước lập quy hoạch chung xã.

STT	Ý KIẾN THAM GIA	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	5. Về định hướng phát triển nhà ở - Rà soát, bổ sung quỹ đất phát triển nhà ở, đặc biệt là nhà ở xã hội, nhà ở công nhân, nhà ở tái định cư, nhà ở cho người thu nhập thấp, nhà ở tại khu vực đô thị hóa nhanh, khu kinh tế, khu công nghiệp, khu vực TOD, Quy Nhơn mở rộng, Pleiku mở rộng, Hoài Nhơn, An Khê, An Nhơn và các đô thị loại III dự kiến phát triển. - Làm rõ sự phù hợp giữa các chỉ tiêu đất ở đô thị, đất ở nông thôn, đất phát triển khu đô thị, khu dân cư, nhà ở xã hội, nhà ở công nhân, hạ tầng xã hội với phương án phát triển hệ thống đô thị và chương trình phát triển nhà ở cấp tỉnh với Quy hoạch tỉnh và thực hiện điều chỉnh theo quy định pháp luật về nhà ở trong trường hợp thuộc diện phải điều chỉnh.	Tiếp thu ý kiến góp ý và giải trình như sau: - Phân loại đô thị trên địa bàn tỉnh Gia Lai (sau sáp nhập) đã được căn cứ theo Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 về phân loại đô thị, nội dung này đã được thể hiện tại mục Thực trạng phát triển đô thị. - Về nhà ở xã hội: Phương hướng phát triển nhà ở tỉnh Gia Lai được xác định trên cơ sở Điều chỉnh Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021 - 2030 được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 317/NQ-HĐND ngày 24/4/2026; đồng thời bảo đảm phù hợp với Luật Nhà ở năm 2023, Luật Đất đai năm 2024, Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và định hướng tổ chức không gian đô thị - nông thôn của tỉnh sau sắp xếp đơn vị hành chính, nội dung này đã được thể hiện tại . Định hướng phát triển nhà ở 6.1. Phương hướng phát triển nhà ở, trong đó quy đất ở phục vụ nhà ở xã hội khoảng 55,87 ha và diện tích sàn tăng thêm khoảng 783.134 m2 sàn đảm bảo bố trí đủ theo Nghị quyết số 07/NQ-CP. - Các chỉ tiêu đất ở đô thị, đất ở nông thôn, đất phát triển khu đô thị, khu dân cư, nhà ở xã hội, nhà ở công nhân, hạ tầng xã hội với phương án phát triển hệ thống đô thị và chương trình phát triển nhà ở cấp tỉnh với Quy hoạch tỉnh và thực hiện điều chỉnh theo quy định pháp luật về nhà ở trong trường hợp thuộc diện phải điều chỉnh sẽ được tiếp tục làm rõ trong Chương trình phát triển đô thị tỉnh, các đồ án quy hoạch chung đô thị, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết và chương trình phát triển đô thị có liên quan theo quy định pháp luật.
	6. Về tổ chức giao thông liên kết vùng và hạ tầng kỹ thuật khung Theo thuyết minh, tỉnh Gia Lai sau sắp xếp có không gian phát triển trải dài từ khu vực biên giới phía Tây đến vùng ven biển phía Đông, có vị trí kết nối vùng Tây Nguyên, Duyên hải Nam Trung Bộ, Campuchia và Biển Đông; trong đó hành lang Quy Nhơn - Pleiku - Lệ Thanh giữ vai trò quan trọng trong kết nối kinh tế biển với kinh tế cửa khẩu và vùng nguyên liệu phía Tây. Đề nghị rà soát các quy hoạch ngành quốc gia về lĩnh vực giao thông vận tải và các quy hoạch chi tiết có liên quan để cập nhật cho phù hợp.	Tư vấn tiếp thu ý kiến góp ý và rà soát nội dung đảm bảo phù hợp

STT	Ý KIẾN THAM GIA	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	- Về đường bộ: + Ngày 30/12/2025, Bộ trưởng Bộ Xây dựng đã có Quyết định số 2470/QĐ-BXD phê duyệt quy hoạch kết cấu hạ tầng đường bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, vì vậy đề nghị rà soát, cập nhật hướng tuyến của các tuyến cao tốc bảo đảm thống nhất, đồng bộ giữa các quy hoạch; rà soát, cập nhật phạm vi, chiều dài và quy mô các tuyến quốc lộ cho phù hợp. Đề nghị rà soát các tuyến cao tốc để thuyết minh thống nhất về điểm đầu, điểm cuối, quy mô, tiến trình đầu tư (trang 662), trong đó rà soát, bổ sung tuyến cao tốc Bắc – Nam phía Tây (CT.02) vào hồ sơ quy hoạch cho phù hợp. Trường hợp địa phương hoạch định các tuyến cao tốc, quốc lộ có quy mô lớn hơn quy mô đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt cần làm rõ lý do, số liệu dự báo nhu cầu vận tải để bảo đảm tính khoa học của đồ án quy hoạch. + Rà soát các tuyến đường địa phương để có thuyết minh về điểm đầu, điểm cuối, quy mô cho phù hợp. Đề nghị rà soát tổng thể mạng lưới đường địa phương, chỉ hoạch định một số tuyến đường có nhu cầu vận tải cao, cần tính cơ động để hoạch định tiêu chuẩn cấp cao, còn lại các tuyến cần cân nhắc hoạch định tiêu chuẩn thông thường (đường cấp III hoặc tốc độ thiết kế không quá 60km/h).	Tư vấn tiếp thu ý kiến góp ý và giải trình : - Hồ sơ đã rà soát rà soát, cập nhật phạm vi, chiều dài và quy mô các tuyến quốc lộ theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD phê duyệt quy hoạch kết cấu hạ tầng đường bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; - Tiếp thu bổ sung nội dung còn thiếu liên quan tới đường cao tốc CT.02 theo góp ý; các nội dung liên quan quy mô đảm bảo tuân thủ theo quy hoạch đã được Thủ tướng phê duyệt; Đối với các nội dung liên quan tới nội dung Điều chỉnh quy hoạch mạng lưới đường bộ giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050, UBND tỉnh Gia Lai đã có Văn bản số 7665/UBND-XDCT ngày 09/06/2026 tham gia góp ý hồ sơ điều chỉnh quy hoạch mạng lưới đường bộ giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050; gồm một số nội dung chính như sau: "(i) Đề nghị điều chỉnh tiến trình đầu tư thành trước năm 2030 đối với Tuyến Cao tốc Bắc Nam phía Tây (CT02) và Đoạn tuyến cao tốc Pleiku– Lệ Thanh (CT20). (ii) Đề nghị Bộ Xây dựng điều chỉnh hướng tuyến cao tốc Pleiku-Lệ Thanh trong quy hoạch mạng lưới đường bộ giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050 (nội dung điều chỉnh và hướng tuyến chi tiết theo Văn bản số 7665/UBND-XDCT ngày 09/06/2026 của UBND tỉnh). (iii) Đề nghị điều chỉnh quy mô quy hoạch một số tuyến quốc lộ qua địa bàn tỉnh. (iv) Đề nghị rà soát, nghiên cứu điều chỉnh hướng tuyến đường sắt Bắc – Nam phía Tây để tránh qua trung tâm đô thị Pleiku và Cảng hàng không Pleiku." - Tiếp thu góp ý các tuyến đường địa phương đã bổ sung phụ lục thể hiện điểm đầu, điểm cuối và quy mô. Các tuyến đường tỉnh được quy hoạch tối thiểu cấp IV -III, 2-4 làn xe, việc lựa chọn quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật của các tuyến được thực hiện trên nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp nhu cầu vận tải dự báo và khả năng huy động nguồn lực đầu tư trong từng giai đoạn.
	- Về đường sắt: + Rà soát, định hướng phát triển không gian, các tuyến đường địa phương kết nối với các vị trí ga đường sắt trên tuyến đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam bảo đảm kết nối thuận lợi, phát huy hiệu quả đầu tư của các tuyến đường sắt quốc gia trên địa bàn. Đồng thời, rà soát, cập nhật Quyết định số 2404/QĐ-TTg ngày 29/10/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch mạng lưới đường sắt thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 cho phù hợp. + Xây dựng kế hoạch đầu tư các tuyến kết nối, lộ trình phát triển đô thị, khu chức năng tại khu vực ga đường sắt để đồng bộ với quá trình đầu tư tuyến đường sắt và có giải pháp quản lý quỹ đất quy hoạch tại khu vực này để tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình triển khai giai đoạn tới. + Đối với định hướng phát triển đô thị gắn kết với giao thông công cộng (TOD): đề nghị bổ sung nghiên cứu, định hướng không gian đô thị, khu chức năng tại khu vực các ga đường sắt làm cơ sở quản lý quy hoạch, định hướng lập quy hoạch cấp thấp hơn có liên quan.	- Tiếp thu góp ý, cập nhật Quyết định số 2404/QĐ-TTg ngày 29/10/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch mạng lưới đường sắt thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trong đó đối với địa bàn tỉnh Gia Lai có tuyến đường sắt kết nối các tỉnh khu vực Tây Nguyên (Đà Nẵng - Kon Tum - Gia Lai - Đắk Lắk - Đắk Nông – Bình Phước); - Lộ trình xây dựng kế hoạch đầu tư các tuyến kết nối, lộ trình phát triển đô thị, khu chức năng tại khu vực ga đường sắt để đồng bộ với quá trình đầu tư tuyến đường sắt và có giải pháp quản lý quỹ đất quy hoạch định hướng không gian đô thị, khu chức năng tại khu vực các ga đường sắt làm cơ sở quản lý quy hoạch, định hướng lập quy hoạch cấp thấp hơn có liên quan sẽ được nghiên cứu, xác định cụ thể trong các đồ án quy hoạch chung đô thị, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết và chương trình phát triển đô thị có liên quan theo quy định pháp luật.

STT	Ý KIẾN THAM GIA	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	7. Về sử dụng đất, hạ tầng kỹ thuật đô thị và bảo vệ môi trường - Rà soát sự phù hợp giữa phương án tổ chức không gian đô thị, nông thôn, khu chức năng, khu kinh tế, khu công nghiệp, khu du lịch, nhà ở, giao thông, hạ tầng kỹ thuật và chỉ tiêu sử dụng đất. - Bổ sung, làm rõ khả năng đáp ứng của hệ thống cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải, xử lý chất thải rắn, nghĩa trang, hỏa táng đối với các khu vực phát triển đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp, khu du lịch và khu vực đô thị hóa nhanh. Cần đánh giá cụ thể công nghệ xử lý, tỷ lệ thu gom, tỷ lệ xử lý, tỷ lệ chôn lấp, phạm vi phục vụ, quỹ đất, khoảng cách an toàn môi trường, khả năng đầu tư và phân kỳ thực hiện theo từng giai đoạn. - Đối với các đô thị lớn, khu vực du lịch ven biển, khu vực Quy Nhơn mở rộng, Hoài Nhơn, Phù Mỹ, Phù Cát, Nhơn Hội, Pleiku và các khu vực TOD, đề nghị rà soát giải pháp thoát nước mưa, chống ngập, kiểm soát triều, kiểm soát lũ, bảo vệ hành lang thoát lũ, hành lang sông suối, không gian ven biển, khu vực có nguy cơ sạt lở, xói lở bờ biển và các khu vực nhạy cảm về môi trường. Việc phát triển đô thị, khu chức năng, khu công nghiệp, du lịch và hạ tầng kỹ thuật cần gắn với yêu cầu thích ứng biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường, bảo tồn cảnh quan và sử dụng hiệu quả tài nguyên.	- định hướng không gian đô thị, khu chức năng tại khu vực các ga đường sắt làm cơ sở quản lý quy hoạch, định hướng lập quy hoạch cấp thấp hơn có liên quan sẽ được nghiên cứu, xác định cụ thể trong các đồ án quy hoạch chung đô thị, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết và chương trình phát triển đô thị có liên quan theo quy định pháp luật. - Chính sửa Bổ sung, làm rõ khả năng đáp ứng của hệ thống cấp nước đối với các khu vực phát triển đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp, khu du lịch và khu vực đô thị hóa nhanh. Cần đánh giá cụ thể công nghệ xử lý, phạm vi phục vụ, quỹ đất, khoảng cách an toàn môi trường, khả năng đầu tư và phân kỳ thực hiện theo từng giai đoạn tại mục 4.2.4. Đánh giá khả năng đáp ứng của hệ thống cấp nước đối với các khu vực phát triển. - Khả năng đáp ứng của hệ thống thoát nước: tư vấn tiếp thu và đã được bổ sung tại mục 4.3.3.2, giải pháp quy hoạch, mục V - Rà soát giải pháp thoát nước mưa, chống ngập, kiểm soát triều,...: tư vấn tiếp thu và đã được bổ sung tại mục 4.3.3.2, giải pháp quy hoạch, mục V. - Chính sửa bổ sung phần hệ thống nghĩa trang, cơ sở hỏa táng; bổ sung đánh giá cụ thể tỷ lệ chôn lấp, phạm vi phục vụ, quỹ đất, khoảng cách an toàn môi trường, khả năng đầu tư và phân kỳ thực hiện theo từng giai đoạn tại mục 5.2.5. Đánh giá khả năng đáp ứng của hệ thống nghĩa trang, cơ sở hỏa táng và nhà tang lễ đối với các khu vực phát triển;

Phụ lục 12:

Ý KIẾN CỦA BỘ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO
(Văn bản số: 1577/BDTTG-KHTC ngày 08 tháng 6 năm 2026)

STT	Ý KIẾN THAM GIA	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
1	Phần Mở đầu	
	Tại mục II. Căn cứ lập điều chỉnh quy hoạch tỉnh Gia Lai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (trang 2): Đề nghị nghiên cứu, bổ sung Luật tín ngưỡng, tôn giáo	Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu và đã bổ sung tại Mục II - Phần Mở đầu của Báo cáo thuyết minh tổng hợp
2	Phần thứ nhất. Phân tích, đánh giá các yếu tố, điều kiện tự nhiên, nguồn lực đặc thù và hiện trạng phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Gia Lai	
	Tại điểm 3.6 Mục II về các lĩnh vực xã hội khác (từ trang 152-157): Đề nghị nghiên cứu, bổ sung đánh giá về thực trạng công tác dân tộc và tôn giáo do đây là nhiệm vụ quan trọng và mang tính chiến lược. Cụ thể: Bổ sung thông tin, số liệu khái quát về số lượng, cơ cấu dân tộc thiểu số, thực trạng tôn giáo trên địa bàn tỉnh (số lượng tôn giáo trên địa bàn, số lượng chức sắc, chức việc, tín đồ tôn giáo); đánh giá về tình hình và kết quả thực hiện Chiến lược công tác dân tộc, các nhiệm vụ, giải pháp, chương trình, đề án về dân tộc, miền núi, tín ngưỡng, tôn giáo đã triển khai trong thời gian qua trên địa bàn tỉnh. Việc huy động, phát huy nguồn lực dân tộc, tôn giáo như nguồn nhân lực, nguồn lực tinh thần (văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số; văn hóa, đạo đức của các tôn giáo), nguồn lực vật chất (các cơ sở thờ tự, cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo, các trường học, cơ sở y tế của các tôn giáo...); nguồn lực tài chính để đóng góp cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh thời gian qua	CQLQH xin tiếp thu và bổ sung đánh giá về thực trạng công tác dân tộc và tôn giáo tại điểm 3.6 (Mục II) Các lĩnh vực xã hội khác
3	Phần thứ hai. Xây dựng kịch bản phát triển; Quan điểm, mục tiêu phát triển tỉnh Gia Lai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	
	Tại Khoản 2, Mục II về Mục tiêu phát triển (trang 423): Đề nghị nghiên cứu, bổ sung chỉ tiêu “Tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội” để thống nhất với hệ thống chỉ tiêu quốc gia, đồng thời phản ánh chất lượng lao động và sự chuyển dịch cơ cấu lao động theo cơ cấu kinh tế	CQLQH xin tiếp thu và bổ sung chỉ tiêu Tỷ trọng lao động (2.2 tại Khoản 2, Mục II) Các chỉ tiêu xã hội
4	Phần thứ 3. Phương hướng phát triển và tổ chức không gian phát triển tỉnh Gia Lai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	

STT	Ý KIẾN THAM GIA	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Tại điểm 3.5 Mục I về các lĩnh vực xã hội (từ trang 520-568), đề nghị nghiên cứu, bổ sung định hướng về công tác dân tộc, tôn giáo do đây không chỉ là nhiệm vụ quan trọng mà còn là vấn đề mang tính chiến lược. Cụ thể như sau: “Thực hiện hiệu quả, đồng bộ các chính sách dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo, trọng tâm là Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045, Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đến năm 2035, nhằm không ngừng nâng cao đời sống của đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào các tôn giáo; củng cố vững chắc khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Có giải pháp nâng cao số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động là người dân tộc thiểu số; thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em; giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của các dân tộc thiểu số đi đôi với xóa bỏ phong tục tập quán lạc hậu; góp phần củng cố và phát triển khối đại đoàn kết toàn dân tộc Huy động và phát huy nguồn lực của các dân tộc thiểu số, tôn giáo như nguồn nhân lực, nguồn lực tinh thần (văn hóa bản sắc truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số; văn hóa, đạo đức của các tôn giáo), nguồn lực vật chất (các cơ sở thờ tự, cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo, các trường học, cơ sở y tế của các tôn giáo); nguồn lực tài chính, để đóng góp cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của mọi người dân; bảo đảm các tổ chức tôn giáo hoạt động đúng quy định của pháp luật, hiến chương và điều lệ đã được Nhà nước công nhận. Đồng thời, xử lý nghiêm các hành vi lợi dụng tôn giáo của các tổ chức, cá nhân để chống phá Đảng, Nhà nước, chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về đất đai, xây dựng các cơ sở thờ tự, tôn giáo; rà soát, quy hoạch, bố trí đất dành cho tôn giáo, tín ngưỡng đảm bảo đúng quy định của Luật Đất đai, Luật tín ngưỡng, tôn giáo, đúng mục đích sử dụng, phù hợp với quy hoạch chung và có sự hài hòa giữa sinh hoạt tôn giáo và phát triển kinh tế - xã hội”	CQLQH xin tiếp thu và bổ sung định hướng về công tác dân tộc, tôn giáo tại điểm 3.5(Mục I) Các lĩnh vực xã hội
	- Tại Khoản 3 Mục VI về Phương án phát triển hạ tầng giáo dục - đào tạo, giáo dục nghề nghiệp (trang 826-833): Đề nghị nghiên cứu, bổ sung phương hướng phát triển giáo dục nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho đồng bào dân tộc thiểu số, đặc biệt trong lĩnh vực KHCN, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số	CQLQH xin tiếp thu và Bổ sung vào mục 3.1.3 (Mục VI)

Phụ lục 13:

Ý KIẾN THAM GIA CỦA BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
(Văn bản số: /BGDDĐT-KHTC ngày tháng 6 năm 2026)

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung tiếp thu giải trình
1	Về thực trạng phát triển giáo dục và đào tạo (Mục 3.3 trang 118):	
	Đề nghị bổ sung làm rõ các vấn đề trọng tâm, các điểm nghẽn cần ưu tiên giải quyết đối với lĩnh vực giáo dục và đào tạo.	Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu ý kiến của bộ. Nội dung này đã được thể hiện tại phần V - mục 2.3.7. (điểm yếu & thách thức)
	Đối với nội dung giáo dục nghề nghiệp: Đề nghị bổ sung đánh giá kết quả rà soát, sắp xếp cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập, đồng thời bổ sung kết quả thực hiện xã hội hóa giáo dục nghề nghiệp trong thời kỳ quy hoạch	Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu và sẽ nghiên cứu bổ sung, tiếp tục hoàn thiện nội dung trong Báo cáo tổng hợp
	- Đối với giáo dục đại học: Đề nghị rà soát, bổ sung nội dung đánh giá về vai trò của các cơ sở giáo dục đại học trong đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và vùng. Đồng thời, đề nghị bổ sung phân tích, đánh giá về vị trí, vai trò của các cơ sở giáo dục đại học đối với phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, nhất là trong đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo, chuyển giao công nghệ và hỗ trợ khởi nghiệp; gắn kết với nhu cầu phát triển các ngành kinh tế chủ lực của tỉnh.	Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu và sẽ nghiên cứu bổ sung, tiếp tục hoàn thiện nội dung trong Báo cáo tổng hợp
	- Đề nghị bổ sung đánh giá mức độ phù hợp của cơ cấu trình độ đào tạo, ngành nghề đào tạo và chất lượng đào tạo với nhu cầu sử dụng nhân lực của tỉnh và vùng; làm rõ khả năng đáp ứng nguồn nhân lực cho các lĩnh vực ưu tiên, các ngành kinh tế mũi nhọn và nhu cầu lao động có kỹ năng trong bối cảnh chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo và phát triển kinh tế tri thức. Bên cạnh đó, cần bổ sung đánh giá các điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo như: cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo và nghiên cứu, đội ngũ giảng viên, chương trình đào tạo, hoạt động nghiên cứu khoa học, hợp tác doanh nghiệp, công tác kiểm định chất lượng giáo dục, mức độ quốc tế hóa và khả năng thu hút người học. Qua đó, làm rõ hơn thực trạng phát triển giáo dục đại học trên địa bàn tỉnh, xác định những hạn chế, tồn tại và các yêu cầu đặt ra trong giai đoạn tới, làm cơ sở đề xuất định hướng phát triển phù hợp trong thời kỳ quy hoạch.	Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu và sẽ nghiên cứu bổ sung, tiếp tục hoàn thiện nội dung trong Báo cáo tổng hợp
	- Đề nghị bổ sung đánh giá kết quả triển khai Quyết định số 1750/QĐ-TTg ngày 30/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Gia Lai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quyết định số 1619/QĐ-TTg ngày 14/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bình Định thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đối với lĩnh vực giáo dục và đào tạo kể từ khi được phê duyệt đến nay.	Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu và sẽ nghiên cứu bổ sung, tiếp tục hoàn thiện nội dung trong Báo cáo tổng hợp
2	Về phân tích đánh giá hiện trạng sử dụng đất (Mục III trang 157):	
	Đề nghị bổ sung làm rõ tính hợp lý, hiệu quả sử dụng đất và tiềm năng quỹ đất dành cho giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh; đồng thời đánh giá diện tích đất thực tế bố trí xây dựng các cơ sở giáo dục và đào tạo so với nhu cầu sử dụng, yêu cầu phát triển và quy hoạch được phê duyệt.	
3	Về thực trạng khu nghiên cứu - đào tạo (Mục 2.8 trang 215):	
	Đề nghị bổ sung thông tin, số liệu và đánh giá cụ thể về: mạng lưới và phân bố không gian; quy mô, năng lực và mức độ sử dụng đất; chất lượng cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật; nguồn nhân lực và năng lực đào tạo - nghiên cứu; mức độ liên kết với phát triển kinh tế - xã hội; hiệu quả hoạt động và đóng góp thực tiễn. Ngoài ra, đề nghị bổ sung đánh giá đầy đủ các tồn tại, hạn chế và nguyên nhân, đồng thời làm rõ mức độ phù hợp với các chủ trương, định hướng chung, như: quy hoạch vùng, quy hoạch ngành giáo dục và đào tạo, quy hoạch ngành khoa học và công nghệ, cũng như các chủ trương lớn về đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, tự chủ đại học,... để làm cơ sở đề xuất định hướng phát triển trong giai đoạn tới.	Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu và sẽ nghiên cứu bổ sung, tiếp tục hoàn thiện nội dung trong Báo cáo tổng hợp
4	Về hiện trạng hạ tầng giáo dục và đào tạo (Mục 1 trang 383):	

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung tiếp thu giải trình
	- Đề nghị bổ sung nhận định và đánh giá về: mức độ hợp lý của mạng lưới cơ sở giáo dục so với phân bố dân cư, đô thị và khu kinh tế; quy mô tiếp nhận và khả năng tiếp cận của người học (tình trạng quá tải hoặc dư thừa cục bộ); thực trạng cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật và hiệu quả sử dụng đất giáo dục và đào tạo theo quy hoạch được duyệt; mức độ đồng bộ, liên thông với quy hoạch đô thị, quy hoạch sử dụng đất và các quy hoạch ngành liên quan. Ngoài ra, đề nghị rà soát, cập nhật nội dung phân tích và đánh giá, bảo đảm phù hợp với mô hình chính quyền địa phương hai cấp hiện nay	Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu và sẽ nghiên cứu bổ sung, tiếp tục hoàn thiện nội dung trong Báo cáo tổng hợp
	- Về mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học: Đề nghị bổ sung đánh giá cụ thể các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học như: diện tích đất, cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo, đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và năng lực tổ chức đào tạo của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học trên địa bàn; bổ sung đánh giá khả năng gắn kết với khu nghiên cứu, khu công nghiệp, doanh nghiệp và nhu cầu nhân lực địa phương đối với hạ tầng các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học trên địa bàn tỉnh.	Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu và sẽ nghiên cứu bổ sung, tiếp tục hoàn thiện nội dung trong Báo cáo tổng hợp
5	Về các kịch bản phát triển (Mục 3 trang 405):	
	Đề nghị bổ sung, làm rõ yêu cầu về nguồn nhân lực và đào tạo tương ứng với từng kịch bản phát triển; đồng thời bổ sung dự báo nhu cầu nguồn nhân lực và cơ cấu lao động theo trình độ đào tạo đối với từng kịch bản, làm cơ sở xây dựng phương án đào tạo, thu hút và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, bảo đảm tính khả thi và đáp ứng các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội đề ra trong quy hoạch.	Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu ý kiến của bộ. Nội dung này đã được thể hiện Phần thứ 2 Mục I tiểu mục 4.1 "Tính toán nguồn lực vốn và lao động của kịch bản tăng trưởng khả thi tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021–2030"
6	Về quan điểm phát triển (Mục 1 trang 422):	
	Đề nghị nghiên cứu, bổ sung quan điểm về phát triển giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao của tỉnh trong thời kỳ quy hoạch. Trong đó, cần xác định rõ quan điểm phát triển giáo dục và đào tạo gắn với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo, phát triển khoa học và công nghệ, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ các ngành, lĩnh vực trọng điểm của tỉnh và tăng cường liên kết vùng.	Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu và chỉnh sửa tại mục I - tiểu mục 3.5.2.1. quan điểm phát triển
7	Về các nhiệm vụ trọng tâm và khâu đột phá phát triển (Mục III trang 424):	
	Đề nghị rà soát, cập nhật và bổ sung đầy đủ nội dung liên quan đến lĩnh vực giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, bảo đảm phù hợp với các chủ trương, định hướng của Đảng tại Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và Nghị quyết số 71-NQ/TW. Trong đó, đề nghị làm rõ vai trò của giáo dục và đào tạo trong phát triển nguồn nhân lực phục vụ chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo, phát triển khoa học và công nghệ, kinh tế xanh, kinh tế số và các ngành kinh tế chủ lực của tỉnh. Đồng thời, đề nghị xác định đây là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, khâu đột phá của thời kỳ quy hoạch.	CQLQH xin phép được tiếp thu ý kiến, theo ý kiến của Bộ
8	Về phương hướng tổ chức không gian các hoạt động kinh tế - xã hội (Mục I trang 426):	
	Đề nghị rà soát, làm rõ vai trò của không gian hạ tầng giáo dục và đào tạo như một cấu phần chiến lược trong tổ chức không gian phát triển của tỉnh. Định hướng tổ chức không gian kết cấu hạ tầng giáo dục và đào tạo cần được xem xét đi trước một bước, nhằm dẫn dắt phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Đồng thời, việc điều chỉnh quy hoạch cần đặt giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp trong tổng thể cấu trúc phát triển không gian, kinh tế và đô thị; định hướng hình thành các khu giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp gắn với khu công nghiệp, khu công nghệ cao và các hành lang phát triển, tạo tiền đề phát triển các không gian đào tạo - nghiên cứu tập trung, gắn với các cực tăng trưởng của tỉnh.	Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu và tiếp tục rà soát nghiên cứu để hoàn thiện phương án phát triển
9	Về phương hướng phát triển các khu nghiên cứu - đào tạo (Mục 1.7 trang 619):	

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung tiếp thu giải trình
	Đề nghị rà soát nội dung quy hoạch đối với các khu chức năng đào tạo - nghiên cứu, bảo đảm thống nhất với định hướng phát triển giáo dục đại học, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của tỉnh. Đồng thời, cần xác định rõ tiêu chí, điều kiện hình thành các khu chức năng này; cụ thể hóa các nội dung như: quy mô sinh viên, số lượng và loại hình cơ sở đào tạo - nghiên cứu; cơ cấu ngành, lĩnh vực đào tạo; định hướng phân bổ và tổ chức mạng lưới cơ sở đào tạo - nghiên cứu. Bên cạnh đó, cần làm rõ định hướng và phương án tổ chức không gian các khu chức năng đào tạo - nghiên cứu (khu đại học, khu nghiên cứu, khu thực nghiệm, trung tâm đổi mới sáng tạo), bảo đảm sử dụng đất hiệu quả, có khả năng mở rộng dài hạn, hạn chế đầu tư phân tán, manh mún. Nghiên cứu định hướng phát triển theo mô hình cụm, trung tâm đào tạo - nghiên cứu gắn với đô thị đại học, khu công nghiệp, khu công nghệ cao và khu đổi mới sáng tạo.	Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu và bổ sung tại mục 1.7. Khu nghiên cứu, đào tạo - Mục III
	Đề nghị bổ sung xác định rõ các lĩnh vực đào tạo mũi nhọn, các chuỗi giá trị kinh tế phục vụ và mô hình phát triển tổng thể nhằm nâng cao khả năng thu hút đầu tư chiến lược; đồng thời làm rõ mô hình phát triển, định hướng phân khúc đầu tư ưu tiên và cơ chế liên kết giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học với doanh nghiệp và chính quyền địa phương.	Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu và bổ sung tại mục 1.7. Khu nghiên cứu, đào tạo - Mục III
10	Định hướng phát triển giáo dục và đào tạo của tỉnh cần bảo đảm giáo dục và đào tạo thực sự là nền tảng cho phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh, phù hợp định hướng phát triển bền vững của tỉnh Bắc Ninh trong giai đoạn tới và cần lượng hóa bằng các mục tiêu, chỉ tiêu rõ ràng nhằm nâng cao tính khả thi và hiệu quả triển khai (Ví dụ: Cần xác định phát triển giáo dục là nền tảng đối với tỉnh Gia Lai, mục tiêu quy hoạch giáo dục không chỉ dừng ở việc đáp ứng nhu cầu học tập mà còn cần gắn với phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ các ngành chủ lực và tiềm năng của tỉnh; gắn đào tạo với phát triển công nghiệp, khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo; sắp xếp mạng lưới cơ sở giáo dục và đào tạo tinh gọn, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực,...). Ngoài ra, định hướng cần bao hàm các yếu tố về phát triển khoa học kỹ thuật, tiến bộ công nghệ, trí tuệ nhân tạo,...	Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu và tiếp tục rà soát nghiên cứu để hoàn thiện phương án phát triển
11	Về phương án phát triển hạ tầng giáo dục và đào tạo (Mục 3 trang 826):	
	- Đề nghị chỉnh sửa tên Mục “Phương án phát triển hạ tầng giáo dục, đào tạo, giáo dục nghề nghiệp” thành “Phương án phát triển hạ tầng giáo dục và đào tạo”, do giáo dục nghề nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo.	Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu và chỉnh sửa tên mục tại mục III phần VI. phương hướng phát triển hạ tầng xã hội
	- Ngày 08/4/2026, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 105/NQ-CP về Chương trình hành động thực hiện Kết luận số 210-KL/TW ngày 12/11/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII liên quan đến việc tiếp tục xây dựng, hoàn thiện tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị trong thời gian tới. Trong đó có các nội dung về sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập, lĩnh vực giáo dục và đào tạo. Vì vậy, đề nghị rà soát phương án để bảo đảm phù hợp với định hướng tại văn bản nêu trên. Ngoài ra:	Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu và tiếp tục rà soát nghiên cứu để hoàn thiện phương án phát triển
11.1	<i>Đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên:</i>	
	- Đề nghị bổ sung, làm rõ phương án phát triển hạ tầng và mạng lưới giáo dục cho từng địa bàn tỉnh, bao gồm: số lượng, loại hình, quy mô, không gian bố trí và nhu cầu sử dụng đất, bảo đảm phù hợp với phương án sắp xếp đơn vị hành chính, mô hình chính quyền địa phương hai cấp và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Đồng thời, đề nghị bổ sung các tiêu chí, chỉ số và phương pháp đánh giá được sử dụng trong quá trình xây dựng, điều chỉnh quy hoạch lĩnh vực giáo dục nhằm bảo đảm tính minh bạch, khách quan và thuận lợi cho công tác theo dõi, đánh giá trong quá trình triển khai. Ngoài ra, đề nghị bổ sung các dự báo về quy mô, cơ cấu dân số theo độ tuổi, dự báo nhu cầu mạng lưới trường lớp và quỹ đất dành cho trường học làm căn cứ tính toán, xác định nhu cầu phát triển hệ thống hạ tầng giáo dục và đào tạo, nhu cầu sử dụng đất và đề xuất phương án điều chỉnh quy hoạch phù hợp.	Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu và sẽ nghiên cứu bổ sung, tiếp tục hoàn thiện nội dung trong Báo cáo tổng hợp
	- Đề nghị rà soát phương án bảo đảm thực hiện đúng hướng dẫn tại Công văn số 6165/BGDĐT-GDPT ngày 02/10/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn sắp xếp, tổ chức các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên phù hợp với mô hình chính quyền địa phương hai cấp.	Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu và tiếp tục rà soát nghiên cứu để hoàn thiện phương án phát triển
11.2	<i>Đối với giáo dục nghề nghiệp:</i>	

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung tiếp thu giải trình
	- Đề nghị rà soát nội dung phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp, bảo đảm phù hợp với quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp (sửa đổi) năm 2025 và định hướng sắp xếp mạng lưới cơ sở giáo dục, đào tạo theo chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Trung ương về sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập. Theo đó, cơ cấu mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp gồm: trường cao đẳng, trường trung cấp và trường trung học nghề; các trình độ đào tạo gồm: cao đẳng, trung cấp, sơ cấp, trung học nghề và chương trình đào tạo dưới 03 tháng.	Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu và tiếp tục rà soát nghiên cứu để hoàn thiện phương án phát triển
	Phương án phát triển hạ tầng giáo dục nghề nghiệp cần gắn với chiến lược phát triển nguồn nhân lực và hệ sinh thái đổi mới sáng tạo. Theo đó, đề nghị nghiên cứu, bổ sung định hướng tổ chức không gian giáo dục nghề nghiệp gắn với các khu nông nghiệp, khu công nghiệp, khu kinh tế, khu du lịch, trung tâm logistics,... bảo đảm liên kết chặt chẽ với nhu cầu thị trường lao động; định hướng hình thành các cụm, trung tâm đào tạo - thực hành - đổi mới sáng tạo, tăng cường liên kết, liên thông giữa giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp; hạn chế phát triển phân tán các cơ sở nhỏ lẻ, kém hiệu quả đầu tư, phù hợp tinh thần Nghị quyết số 71-NQ/TW và các văn bản liên quan của Đảng và Nhà nước. Ngoài ra, đề nghị bổ sung định hướng đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục nghề nghiệp, khuyến khích phát triển các cơ sở giáo dục nghề nghiệp ngoài công lập và tăng cường sự tham gia của doanh nghiệp trong hoạt động giáo dục nghề nghiệp.	Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu và bổ sung tại tiểu mục 3.1.5. phương án phát triển hạ tầng giáo dục nghề nghiệp - mục VI
	- Đề nghị bổ sung phương án phát triển các trường trung học nghề theo quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp (sửa đổi) năm 2025.	Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu và bổ sung tại tiểu mục 3.1.5. phương án phát triển hạ tầng giáo dục nghề nghiệp - mục VI
11.3	<i>Đổi với giáo dục đại học:</i>	
	- Đề nghị nghiên cứu bổ sung nội dung định hướng phát triển các cơ sở giáo dục đại học, trung tâm đào tạo, nghiên cứu và đổi mới sáng tạo; xác định đây là một cấu phần của hạ tầng kinh tế - xã hội, gắn với định hướng phát triển ngành, lĩnh vực và nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao của tỉnh. Đồng thời, khuyến khích mô hình liên kết giữa cơ sở giáo dục đại học với doanh nghiệp, khu công nghệ cao, trung tâm R&D; thúc đẩy đào tạo gắn với thực hành, đổi mới sáng tạo và nhu cầu sử dụng nhân lực; xác định giáo dục đại học và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao là điều kiện hỗ trợ quan trọng cho phát triển tỉnh, bảo đảm gắn kết chặt chẽ giữa đầu tư, đào tạo và sử dụng nhân lực.	Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu và bổ sung tại tiểu mục 3.1.6. phương án phát triển hạ tầng giáo dục đại học - mục VI
	Ngoài ra, đề nghị làm rõ mức độ gắn kết giữa quy hoạch hạ tầng giáo dục đại học với định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực chủ lực và tiềm năng của tỉnh; tăng cường liên kết giữa cơ sở giáo dục đại học với doanh nghiệp, khu công nghiệp, khu kinh tế trong đào tạo, nghiên cứu, đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp. Quy hoạch cần bám sát các chủ trương về tự chủ đại học, chuyển đổi số, giáo dục mở và học tập suốt đời; nghiên cứu định hướng phát triển mô hình đại học thông minh, hạ tầng số dùng chung, kết hợp hài hòa giữa không gian vật chất và không gian số nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư. Đồng thời, cần bổ sung làm rõ quỹ đất dành cho giáo dục đại học, nguyên tắc bố trí, khả năng mở rộng và hiệu quả sử dụng đất trong dài hạn; xác định rõ các điều kiện thực hiện quy hoạch (nguồn lực đầu tư, cơ chế huy động xã hội hóa, lộ trình triển khai) nhằm bảo đảm tính khả thi của phương án.	Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu ý kiến và tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện phương án
12	Về định hướng sử dụng đất (Mục VII trang 855):	
	Đề nghị bổ sung quan điểm, mục tiêu và định hướng sử dụng đất bảo đảm phù hợp với chủ trương của Đảng tại Nghị quyết số 71-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo, cụ thể ưu tiên dành quỹ đất sạch; cho phép chuyển đổi linh hoạt mục đích sử dụng đất sang đất giáo dục; tập trung giải phóng mặt bằng, giao đất sạch cho các dự án giáo dục, đào tạo; không thu tiền sử dụng đất, giảm tiền thuê đất, tiền thuê đất đối với các cơ sở giáo dục trong nước; ưu tiên sử dụng trụ sở cơ quan nhà nước dôi dư sau sắp xếp cho các cơ sở giáo dục; cho phép áp dụng hình thức cho thuê công trình thuộc sở hữu nhà nước đối với cơ sở giáo dục tư thục (mục 2, phần III Nghị quyết số 71-NQ/TW). Đồng thời, đề nghị bảo đảm tính thống nhất với Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các quy định pháp luật đất đai có liên quan.	Đơn vị tư vấn xin phép được tiếp thu. Kết hợp với các địa phương để xác định nhu cầu sử dụng đất của ngành giáo dục, cũng như đảm bảo

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung tiếp thu giải trình
	Phương án, định hướng bố trí quỹ đất cho giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026-2030 cần bảo đảm phù hợp với tiêu chuẩn cơ sở vật chất theo quy định hiện hành, đồng thời đáp ứng nhu cầu phát triển giáo dục trong bối cảnh gia tăng dân số cơ học và quá trình sáp nhập đơn vị hành chính. Ngoài ra, đề nghị bổ sung thuyết minh làm rõ phương pháp tính toán, xác định nhu cầu quỹ đất bổ sung cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026-2030, bảo đảm phù hợp quy định về tiêu chuẩn cơ sở vật chất theo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất đối với trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học) và các văn bản pháp luật liên quan.	tính thống nhất với QHSDĐ cấp Quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

Phụ lục 14:

Ý KIẾN CỦA BỘ CÔNG AN
(Văn bản số: ANKT-ANTCĐT ngày tháng 6 năm 2026)

STT	Ý KIẾN THAM GIA	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	1. Ý kiến tham gia chung - Đề nghị cơ quan lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Gia Lai: + Quá trình điều chỉnh quy hoạch tỉnh cần đảm bảo sự thống nhất, phù hợp với Quy hoạch tổng thể quốc gia, Quy hoạch vùng Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên và các quy hoạch ngành. + Đề khai thác và phát huy tối đa tiềm năng và lợi thế của tỉnh sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính, việc điều chỉnh quy hoạch tỉnh cần nghiên cứu, xác định đúng mục tiêu, quan điểm, kịch bản phát triển, các trụ cột phát triển, động lực tăng trưởng, không gian phát triển, liên kết vùng và phương án phát triển đô thị, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, hạ tầng phục vụ quốc phòng, an ninh phù hợp với đặc điểm, điều kiện tự nhiên, xã hội của địa phương. Trong đó, đề nghị chú ý một số nội dung sau:	
	(1) Rà soát, bổ sung nội dung phân tích làm rõ chi tiết về những vấn đề cần điều chỉnh quy hoạch, so sánh với các nội dung quy hoạch đã được phê duyệt trước đây trên cơ sở mục tiêu giải quyết, khắc phục được các vấn đề về chồng lấn, trùng lặp quy hoạch; kiến tạo không gian phát triển mới, giảm thiểu rủi ro mất cân đối giữa các khu vực, tối ưu hóa việc phân bổ nguồn lực, khai thác lợi thế của tỉnh mới sau sắp xếp đơn vị hành chính; đồng thời kế thừa tối đa các nội dung quy hoạch của các địa phương đã được phê duyệt và triển khai trước khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính (Quy hoạch tỉnh Gia Lai và Quy hoạch tỉnh Bình Định trước đây).	Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu ý kiến của Bộ
	(2) Việc thực hiện điều chỉnh quy hoạch cần xác định gắn kết chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với đảm bảo quốc phòng, an ninh cả trên đất liền và trên biển. Ưu tiên bố trí, đầu tư hạ tầng phục vụ an ninh và an toàn xã hội, gồm trụ sở, doanh trại, trung tâm chỉ huy, trạm tuần tra, kiểm soát của lực lượng Công an, công trình phòng thủ dân sự, cơ sở chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tại trung tâm tỉnh, khu đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp trọng điểm và khu vực biên giới. Kết hợp đầu tư hạ tầng đa dụng vừa phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vừa đáp ứng yêu cầu tác chiến, phòng thủ, cứu hộ, cứu nạn khẩn cấp trong tình huống thiên tai, thảm họa hoặc an ninh phi truyền thống. Hoàn thiện hệ thống công trình phòng thủ trên địa bàn, tăng cường hợp tác quốc tế và liên vùng về đảm bảo quốc phòng, an ninh, an ninh phi truyền thống, nhất là trong các lĩnh vực an ninh mạng, an ninh năng lượng, an ninh môi trường, biến đổi khí hậu...	Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu ý kiến của Bộ
	(3) Gia Lai là tỉnh thuộc địa bàn chiến lược Tây Nguyên, có đường biên giới với Campuchia và có cửa khẩu Lê Thanh (cửa khẩu quốc tế lớn nhất trên tuyến biên giới Việt Nam – Campuchia tại khu vực Tây Nguyên). Đây là địa bàn trọng điểm các thế lực thù địch, các tổ chức phản động lưu vong lợi dụng làm địa bàn hoạt động; núp dưới danh nghĩa các nhà đầu tư, dưới các hình thức hoạt động giao thương để tiến hành các hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia. Bên cạnh đó, tuyến biên giới Việt Nam – Campuchia qua địa bàn tỉnh Gia Lai còn 02 khu vực chưa tiến hành phân giới cắm mốc (khu vực từ mốc 25/3-25/4 dài 4km và khu vực từ mốc 30-40 dài khoảng 49,2km), vì vậy, việc quy hoạch đối với vùng biên giới thuộc 02 khu vực này cần tránh yếu tố nhạy cảm, tác động ảnh hưởng đến công tác đàm phán ở các khu vực này.	Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu ý kiến của Bộ
	(4) Về an ninh môi trường và quản lý tài nguyên nước: Cần quy hoạch các “vùng lõi bảo vệ nguồn nước” và thiết lập “hành lang xanh” trong quy hoạch đô thị, bảo đảm sự phát triển rừng nguyên sinh; quy hoạch các công trình thủy lợi, hồ chứa đa mục tiêu vừa phục vụ nông nghiệp công nghệ cao, vừa dự trữ nước phòng cháy, chữa cháy và có thể chuyển đổi công năng phục vụ mục đích an ninh quốc phòng khi cần thiết.	

STT	Ý KIẾN THAM GIA	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	(5) Việc quy hoạch các khu công nghiệp, cụm công nghiệp phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế là cần thiết, tuy nhiên, quá trình thực hiện cần có lộ trình cụ thể, không để xảy ra những vấn đề phức tạp về an ninh, trật tự an toàn xã hội như khiếu kiện đền bù đất đai, lợi ích nhóm, tiêu cực, tham nhũng ... tạo cơ hội cho các thế lực thù địch, phản động lợi dụng kích động hoạt động chống phá, gây mất ổn định chính trị, trật tự xã hội, nhất là ở khu vực biên giới tại những địa điểm chưa được phân giới cắm mốc.	Cơ quan soạn thảo tiếp thu ý kiến góp ý. Việc phát triển các khu công nghiệp, cụm công nghiệp được thực hiện theo lộ trình phù hợp, bảo đảm công khai, minh bạch, tuân thủ quy định của pháp luật và gắn với yêu cầu bảo đảm quốc phòng, an ninh. Quá trình triển khai sẽ kiểm soát chặt chẽ công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, phòng ngừa khiếu kiện, tiêu cực, tham nhũng, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, nhất là tại khu vực biên giới và các địa bàn trọng yếu
	2. Một số ý kiến tham gia cụ thể	
	Về văn bản pháp lý: Đề nghị cơ quan lập điều chỉnh kiểm tra, rà soát cập nhật văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, loại bỏ các văn bản đã hết hiệu lực (ví dụ như: Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ số 55/2024/QH15 thay thế cho Luật Phòng cháy và chữa cháy số 27/2001/QH10; Luật Đất đai số 31/2024/QH15 thay thế cho Luật Đất đai số 45/2013/QH13, Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15 có hiệu lực từ ngày 01/3/2026,...).	CQLQH xin phép được tiếp thu ý kiến, tiếp tục rà soát cập nhật các văn bản pháp lý vào hồ sơ theo ý kiến của Bộ
	Đề nghị cơ quan lập điều chỉnh quy hoạch phối hợp Công an tỉnh Gia Lai nghiên cứu, hoàn thiện các nội dung đánh giá kết quả công tác đảm bảo an ninh trật tự trong quá trình thực hiện Quy hoạch tỉnh Gia Lai (bao gồm Quy hoạch tỉnh Gia Lai và Quy hoạch tỉnh Bình Định trước đây) thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.	CQLQH xin phép được tiếp thu ý kiến, theo ý kiến của Bộ
	Ngày 13/6/2025, Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Quyết định số 4255/QĐ-BCA phê duyệt Đề án Quy hoạch tổng thể hệ thống kho Công an nhân dân, trong đó, trên địa bàn tỉnh Gia Lai, Bộ Công an dự kiến nâng cấp, cải tạo Kho Dự trữ, cấp phát tổng hợp, dự trữ quốc gia Tây Nguyên (tại TP Pleiku trước đây); Đồng thời Công an tỉnh Gia Lai (bao gồm Công an tỉnh Gia Lai và Công an tỉnh Bình Định trước đây) dự kiến nâng cấp, cải tạo, sửa chữa, xây dựng mới Kho tổng hợp, Kho vũ khí, đạn, công cụ hỗ trợ trong giai đoạn 2023-2030. Do vậy, trong điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Gia Lai cần nghiên cứu, bổ sung nội dung trên đề Công an tỉnh Gia Lai triển khai nhiệm vụ được giao trong Quyết định số 4255/QĐ-BCA.	
	- Đối với nội dung về quy hoạch sử dụng đất an ninh: + Qua rà soát cho thấy, số liệu về quy hoạch sử dụng đất an ninh được thể hiện trong dự thảo báo cáo tổng hợp điều chỉnh quy hoạch tỉnh Gia Lai chưa thống nhất với số liệu quản lý của Bộ Công an. Do đó, đề nghị cơ quan lập điều chỉnh quy hoạch tỉnh Gia Lai, phối hợp Công an tỉnh Gia Lai và đơn vị chức năng của Bộ Công an rà soát, bổ sung thông tin phản ánh nhu cầu sử dụng đất an ninh và thống nhất số liệu trong báo cáo điều chỉnh quy hoạch tỉnh Gia Lai. + Hiện nay, Bộ Công an đang lập điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất an ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo Luật Quy hoạch năm 2025 để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Sau khi cấp có thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất an ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Bộ Công an sẽ cung cấp thông tin chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất an ninh đến năm 2030 và định hướng sử dụng đất an ninh tầm nhìn đến năm 2050 và đề nghị UBND tỉnh Gia Lai phối hợp, cập nhật điều chỉnh thông tin tại quy hoạch tỉnh Gia Lai theo quy định của pháp luật.	Đơn vị tư vấn xin phép được tiếp thu ý kiến. Tiếp tục làm việc với CAT Gia Lai rà soát lại đất an ninh đến năm 2030 trên địa bàn Tỉnh. Đảm bảo nhu cầu sử dụng đất để triển khai các nhiệm vụ của ngành.

STT	Ý KIẾN THAM GIA	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	- Đối với nội dung về phương án phát triển hạ tầng phòng cháy, chữa cháy: Đề nghị cơ quan lập điều chỉnh quy hoạch tiếp tục nghiên cứu, rà soát đảm bảo các nội dung trong quy hoạch phù hợp với pháp luật chuyên ngành. Cụ thể: + Nội dung quy hoạch phải đảm bảo yêu cầu về phòng cháy, chữa cháy theo các nội dung quy định tại Điều 15 và khoản 6 Điều 55 Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Điều 5 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ; Quy hoạch nguồn nước chữa cháy bảo đảm theo quy định tại Điều 27 Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Điều 19 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ và QCVN 10:2025/BCA. + Nội dung bố trí quỹ đất, triển khai đầu tư xây dựng trụ sở các đội Cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ khu vực cần thực hiện sớm hơn để đáp ứng yêu cầu phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế địa phương. + Các công trình xây dựng trong quy hoạch thuộc diện thẩm định cần thực hiện thủ tục thẩm định thiết kế về phòng cháy, chữa cháy theo pháp luật về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ. + Đề nghị cơ quan lập điều chỉnh quy hoạch phối hợp Công an tỉnh Gia Lai rà soát, cập nhật thông tin liên quan đến quy hoạch hạ tầng phòng cháy và chữa cháy trên địa bàn tỉnh Gia Lai.	Cơ quan lập quy hoạch rà soát và cập nhật trong BCTH
	- Đối với nội dung liên quan đến định hướng phát triển lĩnh vực y tế: Căn cứ Đề án tổng thể phát triển mạng lưới y tế Công an nhân dân, đề nghị cơ quan lập điều chỉnh quy hoạch tỉnh Gia Lai phối hợp Công an tỉnh Gia Lai rà soát, bổ sung các cơ sở y tế trong Công an nhân dân trên địa bàn tỉnh Gia Lai vào quy hoạch mạng lưới y tế của tỉnh Gia Lai, cụ thể: + Bệnh viện số 1 Công an tỉnh Gia Lai. + Bệnh viện số 2 Công an tỉnh Gia Lai. + Bệnh xá Trại tạm giam số 1 Công an tỉnh Gia Lai. + Bệnh xá Trại tạm giam số 2 Công an tỉnh Gia Lai. + Bệnh xá Trại giam Kim Sơn. + Bệnh xá Trại giam Gia Trung.	Cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu và bổ sung tại phần thứ ba, mục VI_2_2.4 trong BCTH
	Ngoài ra, đề nghị cơ quan lập điều chỉnh quy hoạch tỉnh nghiên cứu, bổ sung nội dung quy hoạch các cơ sở cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Gia Lai để đảm bảo các yêu cầu về công tác bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh.	CQLQH xin giải trình như sau. Tại tiểu mục 6.3, mục 6, VI, phần thứ ba trong dự thảo BCTH đã có nội dung về quy hoạch các cơ sở cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Gia Lai

STT	Ý KIẾN THAM GIA	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	- Đối với nội dung quy hoạch liên quan lĩnh vực bảo vệ môi trường: + Về công tác quản lý môi trường: Đổi mới căn bản phương thức quản lý môi trường thông qua chuyển đổi số, khoa học và công nghệ; đổi mới sáng tạo. Chuyển mạnh phương thức quản lý nhà nước từ tiền kiểm, yêu cầu an toàn tuyệt đối sang hậu kiểm, chấp nhận rủi ro có kiểm soát, gắn với xây dựng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật. Chuyển từ quản lý hành chính sang quản lý trị hiện đại dựa trên dữ liệu số và theo thời gian thực; kiểm soát theo vùng, theo khả năng chịu tải và tổng tải lượng phát thải. Theo đó: (1) Bổ sung giải pháp mô hình quản trị dựa trên các tiêu chí sàng lọc rủi ro, cam kết trách nhiệm của chủ dự án trong suốt vòng đời dự án và việc hướng dẫn, đối thoại, đồng hành cùng doanh nghiệp nhằm giảm thiểu sai sót, vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ môi trường; (2) Bổ sung làm rõ phương án xây dựng kho dữ liệu số về môi trường và đa dạng sinh học của tỉnh, tích hợp đồng bộ dữ liệu của cả vùng cao nguyên và vùng biển sau khi hợp nhất đơn vị hành chính cấp tỉnh, cần tích hợp cơ sở dữ liệu GIS môi trường đồng bộ, trong đó gồm các lớp dữ liệu về nguồn thải, mạng lưới quan trắc, sức chịu tải môi trường ... Bổ sung phương án lắp đặt thiết bị quan trắc tự động đối với 100% nguồn xả thải, khí thải lớn trên địa bàn toàn tỉnh và kết nối liên tục về cơ quan chức năng của tỉnh để phục vụ điều hành trực tuyến, đảm bảo với xu thế chuyển đổi số và quản lý thông minh. Bổ sung danh mục dự án ưu tiên về xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu môi trường và biến đổi khí hậu tỉnh Gia Lai cập nhật theo thời gian thực, ứng dụng trí tuệ nhân tạo và viễn thám trong giám sát biến đổi khí hậu, đa dạng sinh học và rừng; (3) Cần bổ sung các số liệu kỹ thuật chứng minh khả năng tiếp nhận chất thải của môi trường tại các khu/cụm công nghiệp, không để xảy ra tình trạng vượt quá sức chịu tải của nguồn nước và đất.	Liên danh tư vấn đã thể hiện nội dung tại phần 3, chương VIII, mục 1, tiểu mục 1.3
	+ Đối với công tác xử lý nước thải, cần chuyển đổi mô hình thoát nước chung sang thoát nước riêng biệt (tách nước mưa và nước thải sinh hoạt), đặc biệt tại khu vực đô thị của Pleiku, Quy Nhơn và các khu vực ven biển mới sáp nhập. Tận dụng tốt địa hình dốc của vùng Tây Nguyên để thiết kế hệ thống thu gom tự chảy, xử lý triệt để nước thải sinh hoạt trước khi xả ra môi trường; nâng chi tiêu thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt các đô thị loại 1, đô thị đặc biệt; nghiên cứu, áp dụng các công nghệ xử lý nước thải tiên tiến, ưu tiên tái sử dụng nước thải sau xử lý cho việc tưới cây, rửa đường đô thị để tiết kiệm nguồn tài nguyên nước; Bổ sung nội dung về định mức xả thải/phát thải và kiểm soát tổng tải lượng xả thải/phát thải nghiêm ngặt hơn trên toàn tỉnh, đặc biệt là đối với các lưu vực sông lớn chảy qua địa bàn tỉnh như: sông Ba, sông Côn, sông Sê San để bảo vệ an ninh nguồn nước cho cả vùng Tây Nguyên và cùng duyên hải hạ du.	CQLQH tiếp thu và các nội dung này đã được trình bày bổ sung tại mục 4.3.3.2, giải pháp quy hoạch, mục V
	Theo hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Gia Lai, định hướng phát triển hệ thống các khu công nghiệp tập trung và cụm công nghiệp quy mô lớn. Tuy nhiên, tỷ lệ các khu/cụm công nghiệp hiện hữu có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn vẫn còn ở mức thấp so với chỉ tiêu đề ra đến năm 2030. Do đó, cần có lộ trình xử lý cụ thể hoặc hỗ trợ nguồn vốn xã hội hóa để các đơn vị hạ tầng hoàn thiện trạm xử lý nước thải tập trung trước năm 2030.	CQLQH xin phép được tiếp thu ý kiến, theo ý kiến của Bộ
	+ Đối với công tác xử lý chất thải rắn: Đề nghị nghiên cứu, thống nhất về công nghệ xử lý chất thải rắn đề xuất áp dụng cho tất cả các khu xử lý chất thải rắn tập trung trên địa bàn tỉnh, ưu tiên việc tái chế, sản xuất phân bón hữu cơ (phục vụ vùng nguyên liệu cây công nghiệp chủ lực của tỉnh như: hồ tiêu, cà phê, sắn), hạn chế tối đa hình thức chôn lấp để bảo vệ tầng nước ngầm; khuyến khích phát triển các mô hình xử lý rác hữu cơ thành phân bón ngay tại vùng nông thôn (đặc biệt tại khu vực vùng sâu, vùng xa) để giảm áp lực vận chuyển và chi phí xử lý; Bổ sung định hướng hình thành các khu liên hợp tái chế chất thải quy mô lớn có tính liên vùng; Đối với các khu vực đô thị (tập trung dân cư), khu/cụm công nghiệp (tập trung sản xuất), đề nghị nghiên cứu, ưu tiên việc phát triển công nghệ xử lý bằng công nghệ điện rác, tập trung phát triển các khu vực trạm trung chuyển rác thải phù hợp để đảm bảo tối ưu hóa cự ly vận chuyển và tập trung đủ khối lượng để duy trì hoạt động của các nhà máy điện rác; Đề nghị nghiên cứu, bổ sung chỉ tiêu định lượng cụ thể về việc giảm nồng độ bụi PM2.5 trung bình hàng năm tại các đô thị lớn sau sáp nhập như Pleiku và Quy Nhơn.	Theo định hướng phát triển tới năm 2030, trong quy hoạch tỉnh, đã phân bổ thành 13 vùng thu gom chất thải rắn sinh hoạt, cũng như các khu vực thu gom CTR nguy hại, công nghiệp trong phương án, có nêu việc ưu tiên các loại công nghệ hỗn hợp nhằm tối ưu việc thu hồi năng lượng (Chất hữu cơ dùng làm phân bón, nuôi thức ăn cho gia cầm, chất vô cơ dùng làm năng lượng....) Với mục tiêu, thu gom 95% tại các khu vực đô thị, 80% tại các khu vực nông thôn và xử lý áp dụng phương pháp chôn lấp (tại các bãi chôn lấp hợp vệ sinh, có bao che và lót đáy) không quá 10%.

STT	Ý KIẾN THAM GIA	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	+ Đề nghị nghiên cứu, bổ sung tiêu chí sàng lọc, lựa chọn dòng vốn đầu tư xanh, công nghệ xanh, kiểm soát phát thải khí nhà kính ngay từ giai đoạn chuẩn bị đầu tư dự án.	Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu ý kiến của Bộ
	+ Nghiên cứu, bổ sung phương án quản lý, trao đổi và tạo tín chỉ carbon, cơ chế tài chính về chi trả dịch vụ hệ sinh thái rừng gắn với thương mại hóa tín chỉ carbon rừng đối với hai thể mạnh của tỉnh Gia Lai đó là: Tín chỉ carbon rừng (nhờ quỹ đất lâm nghiệp có rừng lớn) và tín chỉ carbon từ năng lượng tái tạo (điện gió, điện mặt trời đang phát triển mạnh). Nghiên cứu, bổ sung lộ trình chi tiết về: kiểm kê, phân loại rừng; định danh số hóa quản lý rừng (bản đồ số lâm nghiệp). Đây là cơ sở pháp lý và kỹ thuật quan trọng để tỉnh tham gia thị trường tín chỉ carbon nội địa và quốc tế, tạo nguồn thu tái đầu tư cho công tác quản lý, bảo vệ rừng.	Liên danh tư vấn tiếp thu ý kiến, tiếp tục nghiên cứu để hoàn thiện nội dung trong Báo cáo tổng hợp

Phụ lục 15:

Ý KIẾN CỦA THANH TRA CHÍNH PHỦ
(Văn bản số: 1645/TTCP - C.II ngày 30 tháng 5 năm 2026)

STT	Ý KIẾN THAM GIA	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Để ổn định tình hình an ninh, trật tự, phục vụ phát triển kinh tế xã hội, đề nghị Hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh cần có đánh giá, giải pháp liên quan đến công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trên địa bàn đề tập trung thực hiện, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước tránh phát sinh các vụ việc khiếu nại, tố cáo phức tạp, kéo dài.	Cơ quan soạn thảo xin ghi nhận ý kiến của Thanh tra Chính phủ.

Phụ lục 16:

Ý KIẾN CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

STT	Ý KIẾN THAM GIA	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	1.1. Tại ý b Điểm 2.3.3 Mục I Phần I (trang 103): - Đề nghị sửa đoạn văn thứ ba: "Hệ thống tổ chức tín dụng trên địa bàn hiện tương đối đa dạng, bao gồm các ngân hàng thương mại (quốc doanh và cổ phần), Ngân hàng Chính sách xã hội, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cùng hệ thống quỹ tín dụng nhân dân...." " thành: "Hệ thống tổ chức tín dụng trên địa bàn hiện tương đối đa dạng, phân bố rộng khắp với 96 đầu mối tổ chức tín dụng gồm 63 chi nhánh ngân hàng (ngân hàng thương mại, ngân hàng Hợp tác xã, ngân hàng Phát triển, ngân hàng Chính sách xã hội), trong đó có 252 đơn vị trực thuộc (34 chi nhánh cấp 2 và 218 Phòng giao dịch); cùng với hệ thống 33 quỹ tín dụng nhân dân". - Đề nghị bỏ chỉ tiêu Tỷ lệ thanh toán không dùng tiền mặt tại đoạn văn thứ tư "Hoạt động dịch vụ ngân hàng hiện đại có bước phát triển rõ nét. Tỷ lệ thanh toán không dùng tiền mặt tăng nhanh, đặc biệt tại khu vực đô thị; các dịch vụ ngân hàng số như Internet Banking, Mobile Banking, ví điện tử, QR Payment được mở rộng. Đây là nền tảng quan trọng thúc đẩy tài chính toàn diện và hỗ trợ phát triển thương mại điện tử trên địa bàn."; do chỉ tiêu này không khả thi trong thực hiện đo lường, thống kê; đồng thời sửa đoạn này thành: "Dịch vụ ngân hàng hiện đại có bước phát triển rõ nét, nhiều sản phẩm, dịch vụ thanh toán ứng dụng thành tựu của Cách mạng công nghiệp 4.0 đã phát triển đa dạng trên nền tảng số hóa, đảm bảo an toàn, bảo mật, mang lại thuận tiện cho người sử dụng như: Internet Banking, Mobile Banking, ví điện tử, QR Payment. Đây là nền tảng quan trọng thúc đẩy tài chính toàn diện và hỗ trợ phát triển thương mại điện tử trên địa bàn. "	Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu và đã chỉnh sửa tại Điểm 2.3.3 - Mục I - Phần thứ nhất của Báo cáo thuyết minh tổng hợp
	1.2. Tại ý c điểm 2.1 Mục V Phần I (trang 310): Đề nghị bỏ nội dung "Hệ thống thanh toán điện tử có sự tham gia đầy đủ của các ngân hàng và ví điện tử quốc gia" tại đoạn "Về hạ tầng kỹ thuật nền tảng,... được tiếp tục mở rộng. Hệ thống thanh toán điện tử có sự tham gia đầy đủ của các ngân hàng và ví điện tử quốc gia. Hạ tầng logistic ..., Giao Hàng Tiết Kiệm", do theo quy định hiện hành không có sản phẩm là ví điện tử quốc gia và hệ thống thanh toán điện tử.	Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu và đã chỉnh sửa tại Điểm 2.1 - Mục V - Phần thứ nhất của Báo cáo thuyết minh tổng hợp

STT	Ý KIẾN THAM GIA	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	1.3. Đề nghị sửa các nội dung tại y b điểm 3.3.3 Mục I Phần III (Trang 515-516) liên quan đến ngành ngân hàng như sau: "Phát triển hệ thống ngân hàng theo hướng hiện đại, bảo đảm an ninh, an toàn hệ thống, góp phần hỗ trợ hiệu quả quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển sản xuất kinh doanh, nâng cao đời sống nhân dân, phát triển bền vững. Thường xuyên đảm bảo an ninh an ninh an toàn hệ thống, nâng cao năng lực giám sát, phòng ngừa rủi ro, góp phần bảo đảm ổn định thị trường tiền tệ. Từng bước hoàn thiện và mở rộng mạng lưới tổ chức tín dụng, phát triển đa dạng các kênh cung ứng sản phẩm dịch vụ ngân hàng (gồm kênh truyền thống và kênh ngân hàng số). Thường xuyên mở rộng, phát triển và củng cố, sắp xếp hợp lý mạng lưới các chi nhánh, phòng giao dịch, các điểm giao dịch và hệ thống thanh toán nhằm tăng độ bao phủ và khả năng tiếp cận sản phẩm, dịch vụ ngân hàng của người dân, đặc biệt là ở vùng nông thôn, vùng khó khăn (vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số), tạo điều kiện để người dân và doanh nghiệp có cơ hội tiếp cận thuận tiện các sản phẩm dịch vụ tài chính, ngân hàng hiện đại. Nâng cao chất lượng tín dụng, bảo đảm an toàn hệ thống ngân hàng; hướng tín dụng vào các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên, các động lực tăng trưởng và phát huy được tiềm năng, thế mạnh của tỉnh như công nghệ chiến lược, các dự án xanh, công nghiệp chế biến, thương mại - dịch vụ, logistics và kinh tế số. Tăng cường tài trợ vốn cho doanh nghiệp (trong đó có doanh nghiệp tự nhân), hộ kinh doanh theo chuỗi giá trị, chuỗi cung ứng, chuyển đổi số và tín dụng xuất khẩu. Nâng cao hiệu quả của tín dụng chính sách xã hội thông qua các chương trình ưu đãi cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, hợp tác xã và doanh nghiệp nhỏ và vừa, nhằm thúc đẩy phát triển sản xuất, tạo sinh kế bền vững, giảm nghèo đa chiều và thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng trong tỉnh. Phát triển các dịch vụ ngân hàng theo hướng hiện đại hóa, số hóa toàn diện gắn với đảm bảo an ninh, an toàn hệ thống thanh toán. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ tài chính (Fintech), phát triển ngân hàng số và phổ cập thanh toán không dùng tiền mặt trong toàn xã hội, mở rộng hạ tầng thanh toán số tiện lợi với chi phí thấp, tăng khả năng tiếp cận dịch vụ ngân hàng đến mọi đối tượng dân cư, nhất là vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, vùng miền núi và khu vực khó khăn; triển khai các mô hình ngân hàng lưu động, điểm giao dịch số, ví điện tử, thanh toán qua điện thoại di động và các giải pháp tài chính số đơn giản, dễ tiếp cận, phù hợp với điều kiện thực tiễn của người dân với mục tiêu 1.4. Tại đầu cộng thứ 5 ý f điểm 3.5 Mục I Phần III (trang 562): Đề nghị sửa đoạn "Đẩy mạnh thu hút nguồn lực tài chính ngoài ngân sách cho hoạt động KHCN thông qua chính sách ưu đãi về thuế. , tín dụng, đất đai và hỗ trợ tiếp cận các quỹ đầu tư, quỹ khởi nghiệp sáng tạo" thành ""Đẩy mạnh thu hút nguồn lực tài chính ngoài ngân sách cho hoạt động KHCN thông qua chính sách ưu đãi về thuế, tín dụng đầu tư của nhà nước, đất đai và hỗ trợ tiếp cận các quỹ đầu tư, quỹ khởi nghiệp sáng tạo.	Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu và đã chỉnh sửa tại Điểm 3.3.3 - Mục I - Phần thứ ba của Báo cáo thuyết minh tổng hợp
	1.4. Tại đầu cộng thứ 5 ý f điểm 3.5 Mục I Phần III (trang 562): Đề nghị sửa đoạn "Đẩy mạnh thu hút nguồn lực tài chính ngoài ngân sách cho hoạt động KHCN thông qua chính sách ưu đãi về thuế. , tín dụng, đất đai và hỗ trợ tiếp cận các quỹ đầu tư, quỹ khởi nghiệp sáng tạo" thành ""Đẩy mạnh thu hút nguồn lực tài chính ngoài ngân sách cho hoạt động KHCN thông qua chính sách ưu đãi về thuế, tín dụng đầu tư của nhà nước, đất đai và hỗ trợ tiếp cận các quỹ đầu tư, quỹ khởi nghiệp sáng tạo.	Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu và đã chỉnh sửa tại Điểm 3.5 - Mục I - Phần thứ ba của Báo cáo thuyết minh tổng hợp
	1.5. Tại đoạn văn thứ 2 điểm 6.5 Mục II Phần III (trang 599): Đề nghị sửa thành: "Huy động vốn ngoài ngân sách thông qua doanh nghiệp, ngân hàng, tổ chức tín dụng, quỹ đầu tư phát triển địa phương, quỹ phát triển nhà	Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu và đã chỉnh sửa tại Điểm 6.5 - Mục II - Phần thứ ba của Báo cáo thuyết minh tổng hợp

Phụ lục 17:

Ý KIẾN CỦA SỞ TÀI CHÍNH TỈNH ĐẮK LẮK
(Văn bản số: 5185 /STC-THQLNS ngày 09 tháng 6 năm 2026)

STT	Ý KIẾN THAM GIA	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	2. Đề dự thảo hoàn thiện và có tính khả thi trong quá trình triển khai thực hiện, UBND tỉnh Đắk Lắk có một số nội dung góp ý như sau: - Đề nghị rà soát, thống nhất tên gọi Vùng là “Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên”. - Tại một số nội dung như: Nguyên tắc lập quy hoạch (trang 9) có nêu “...xây dựng Gia Lai trở thành tỉnh phát triển khá của cả nước, giữ vai trò trung tâm vùng Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên”; Quy hoạch ngành Kinh tế biển đề xuất (trang 520): “Phương hướng tới 2050, xây dựng Quy Nhơn thành đô thị trung tâm vùng Duyên hải Nam - Trung Bộ và Tây Nguyên”... là chưa phù hợp và thống nhất với định hướng đô thị trong quy hoạch Vùng. Đề nghị rà soát, cập nhật bảo đảm việc điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Gia Lai phù hợp, đồng bộ, thống nhất với Quy hoạch vùng Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên đã được phê duyệt. - Trong hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Gia Lai vẫn còn ghi tên địa danh trước đây như: “...Quốc lộ 25 ... liên kết Pleiku - Chư Sê - Chư Pưh - Phú Thiện - Ayun Pa - Krông Pa với Phú Yên...”; “giao thông kết nối liên tỉnh Phú Yên thông qua QL19E (từ QL19 kết nối QL19C)...”. Đề nghị rà soát, thay đổi các tên địa danh cũ (như Phú Yên) bằng tên đơn vị hành chính mới là “Đắk Lắk”, nhất là trong các liên kết giao thông. - Phương án phát triển hệ thống cảng biển: Cần rà soát, điều chỉnh cho phù hợp với định hướng vùng Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên (theo Quyết định 614/QĐ-TTg), trọng tâm là thiết lập chuỗi liên kết hoàn với các cụm cảng biển Bình Định - Nam Phú Yên - Vân Phong. Cùng với việc đầu tư hạ tầng kết nối với Hành lang kinh tế biển phía Đông tỉnh sẽ phát huy tối đa vai trò chia sẻ nguồn lực và hạ tầng để phát triển đồng bộ hệ thống logistics cũng như kinh tế biển toàn vùng.	CQLQH xin tiếp thu và sẽ tiếp tục rà soát bổ sung
	- Về liên kết chuỗi giá trị nông sản và công nghiệp chế biến: + Đắk Lắk và Gia Lai có sự tương đồng lớn về cấu trúc vùng nguyên liệu (cà phê, cao su, sầu riêng, hồ tiêu, cây ăn trái). Đề nghị bổ sung cơ chế “Hợp tác vùng” về chia sẻ chuỗi cung ứng công nghiệp; định hướng rõ phân khúc công nghiệp chế biến sâu sản phẩm thế mạnh, tránh đầu tư dàn trải hoặc cạnh tranh gay gắt nguồn nguyên liệu thô cục bộ giữa các cụm công nghiệp khu vực giáp ranh của hai tỉnh (như Ea H’leo - Chư Prăh, Krông Bông - Krông Pa,...). + Đề nghị bố trí các Trạm trung chuyển hàng hóa, kho bãi thông minh kết nối đồng bộ với trung tâm logistics vùng dọc trục Quốc lộ 14 nhằm tối ưu chi phí vận tải cho doanh nghiệp cả hai tỉnh.	- Về mặt pháp lý, thì việc hình thành chuỗi giá trị nông sản và công nghiệp chế biến sẽ được đề xuất trong quy hoạch vùng, quy hoạch quốc gia. Những nội dung này đã được thể hiện trong Điều chỉnh Quy hoạch vùng Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên. - Tuy nhiên, tư vấn tiếp thu, bổ sung mới mục "3.2.5. Thiết lập cơ chế hợp tác vùng giữa tỉnh Gia Lai và Đắk Lắk": Trong đó, thể hiện rõ "Hai tỉnh Gia Lai và tỉnh Đắk Lắk có tiềm năng trong phát triển vùng nguyên liệu nông sản quy mô lớn, nhiều sản phẩm chủ lực có tính tương đồng cao, như cà phê, cao su, hồ tiêu, sầu riêng, chanh dây, cây ăn quả và gỗ rừng trồng. Còn nhiều dư địa để hình thành cơ chế hợp tác vùng, đào sâu phát triển công nghiệp chế biến theo hướng hỗ trợ lẫn nhau, tránh cạnh tranh không cần thiết trong thu hút đầu tư và sử dụng nguồn nguyên liệu. Do đó, sẽ hình thành cơ chế hợp tác vùng giữa tỉnh Gia Lai và tỉnh Đắk Lắk trong phát triển cụm công nghiệp, chế biến nông lâm sản và logistics; xây dựng mạng lưới trung tâm trung chuyển, kho bãi thông minh dọc Quốc lộ 14 và các hành lang kinh tế Đông – Tây; thực hiện phân công, hỗ trợ các phân khúc chế biến sâu đối với cà phê, hồ tiêu, cao su, sầu riêng, trái cây và gỗ rừng trồng nhằm tránh cạnh tranh nguồn nguyên liệu cục bộ, nâng cao hiệu quả sử dụng hạ tầng, giảm chi phí logistics và tăng sức cạnh tranh của chuỗi giá trị nông sản toàn vùng Tây Nguyên"

STT	Ý KIẾN THAM GIA	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	- Về phát triển Năng lượng Tái tạo và Mạng lưới truyền tải điện: Với tiềm năng lợi thế vô cùng to lớn trong việc phát triển năng lượng tái tạo của hai tỉnh và với tốc độ phát triển các dự án này trong thời gian tới thì việc tính toán, bố trí và bổ sung nội dung phương án “Đồng bộ liên tỉnh về hạ tầng truyền tải điện 220kV - 500kV - bổ sung định hướng kết nối các trạm biến áp 220kV, 500kV khu vực giáp ranh” để đảm bảo tăng khả năng truyền tải, giải tỏa công suất có tính liên kết vùng được an toàn, không gây áp lực quá tải cục bộ lên hệ thống lưới điện quốc gia đi qua khu vực Tây Nguyên là cần thiết. Đề nghị UBND tỉnh Gia Lai nghiên cứu, bổ sung vào hồ sơ.-	CQLQH xin tiếp thu và sẽ tiếp tục rà soát bổ sung
	- Về Quy hoạch sử dụng đất và Phát triển Nông nghiệp vùng giáp ranh: + Khu vực Ia Mor là vùng cận kề biên giới và giáp ranh với hệ thống hạ tầng thủy lợi, đất đai phía Bắc tỉnh Đắk Lắk cũ. Đề nghị trong phương án chi tiết quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp tại Ia Mor cần làm rõ ranh giới hành lang cách ly an toàn sinh học, kết nối đồng bộ hệ thống kênh mương thủy lợi liên tỉnh để không làm ảnh hưởng đến nguồn nước tưới và quỹ đất canh tác của người dân Đắk Lắk dọc tuyến ranh giới này. + Đối với vùng giáp ranh mới giữa Phú Yên (nay thuộc Gia Lai) và Bình Định (nay thuộc Gia Lai), Gia Lai đang quy hoạch các vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trồng trọt và thủy sản lớn. Đề nghị bổ sung phương án sử dụng đất biên giới liên tỉnh rõ ràng nhằm tránh chồng lấn khi triển khai các dự án quy mô lớn.	CQLQH xin tiếp thu và sẽ tiếp tục rà soát bổ sung
	- Về Phương án Lâm nghiệp, Bảo tồn Thiên nhiên và Đa dạng sinh học (Khu vực trọng điểm): + Vùng ranh giới giữa Đắk Lắk và Gia Lai (đặc biệt là khu vực giáp ranh giữa Kbang, Vườn quốc gia Kon Ka Kinh, Khu bảo tồn Kon Chư Răng của Gia Lai với các Ban quản lý rừng, các công ty lâm nghiệp, phân khu sinh thái phía Bắc Đắk Lắk và Phú Yên cũ) là một hành lang sinh thái liên tục. Đề nghị Gia Lai làm rõ trong quy hoạch nội dung “Hành lang đa dạng sinh học liên tỉnh”. Phương án quy hoạch sử dụng đất lâm nghiệp phải đảm bảo không phân mảnh các khu rừng đặc dụng giáp ranh, tạo không gian di cư an toàn cho các loài động vật hoang dã dưới tác động của biến đổi khí hậu đúng như mục tiêu báo cáo đã nêu. + Phối hợp đồng bộ quy hoạch đất rừng sản xuất chu kỳ ngắn sang rừng gỗ lớn dọc biên giới hai tỉnh để cùng xây dựng thương hiệu chứng chỉ rừng bền vững và chia sẻ lợi ích từ kinh doanh tín chỉ carbon trong tương lai. + Sơ đồ phương án phân bổ và khoanh vùng các chỉ tiêu sử dụng đất tỉnh Gia Lai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 có xác định khu vực tỉnh Gia Lai và Đắk Lắk chồng lấn 512 ha. Qua đối chiếu bản đồ địa giới đơn vị hành chính các cấp của tỉnh Đắk Lắk (được hoàn thiện, hiện đã hòa theo quy định tại Quyết định số 513/QĐ-TTg ngày 02/5/2012 của Thủ tướng Chính phủ) UBND tỉnh Đắk Lắk đã xác định khu vực nêu trên thuộc xã Xuân Lãnh, tỉnh Đắk Lắk. Do đó, đề nghị UBND tỉnh Gia Lai rà soát bản đồ để lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh, đảm bảo việc thống nhất quản lý sử dụng các khu vực giáp ranh giữa 02 tỉnh phù hợp với quy định và tình hình thực tế hiện nay.	- Liên danh tư vấn đã rà soát các nội dung về Phương án Lâm nghiệp, Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học với Chi cục Kiểm lâm, Chi cục Môi trường, Sở NN&MT tỉnh Gia Lai đảm bảo các nội dung phù hợp với khu rừng đặc dụng giáp ranh, tạo không gian di cư an toàn cho các loài động vật hoang dã dưới tác động của biến đổi khí hậu

STT	Ý KIẾN THAM GIA	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	- Về Quản lý Tài nguyên nước và Công trình Thủy lợi liên tỉnh: Hệ thống sông Ba (trục hành lang phía Tây của Gia Lai) chảy qua Gia Lai và hạ lưu chính là tỉnh Phú Yên (nay đã sáp nhập vào Đắk Lắk). Mọi hoạt động khai thác thủy điện, thủy lợi và gia tăng hệ số sử dụng đất tại vùng sông Ba của Gia Lai đều tác động trực tiếp đến an ninh nguồn nước và hạ du tỉnh Đắk Lắk. Vì vậy đề nghị: + Bổ sung nguyên tắc: Mọi phương án phân bổ tài nguyên nước, xây dựng hồ chứa hoặc công trình điều tiết trên lưu vực sông Ba phải có sự đồng thuận, phối hợp liên tỉnh để đảm bảo dòng chảy tối thiểu cho hạ du (vùng Phú Yên cũ), chủ động phòng chống thiên tai, xả lũ an toàn và khắc phục triệt để tình trạng hạn hán vào mùa khô. + Cần quy hoạch rõ các vị trí quan trắc tự động chất lượng dịch vụ nước tại vùng ranh giới nhằm kiểm soát ô nhiễm nước do dư lượng phân bón và hóa chất bảo vệ thực vật từ các vùng nông nghiệp công nghệ cao của Gia Lai đổ về hạ lưu.	Đơn vị Tư vấn tiếp thu và bổ sung: - Tuân thủ nguyên tắc đồng thuận, phối hợp liên tỉnh: Quyền chủ động quản lý của tỉnh được đặt trong khuôn khổ trách nhiệm chung của toàn lưu vực. Các phương án phân bổ tài nguyên nước hoặc quy hoạch công trình điều tiết mới phải tuân thủ nguyên tắc minh bạch, phối hợp và thống nhất với các địa phương liên quan. Cơ chế này nhằm thiết lập ranh giới vận hành an toàn: vừa bảo đảm an ninh nước nội tỉnh, vừa duy trì liên tục dòng chảy sinh thái và xả lũ an toàn cho vùng hạ du. - Hiện đại hóa giám sát: Lắp đặt hệ thống quan trắc tự động và SCADA tại các đập dâng, hồ chứa lớn và vùng ranh giới lưu vực liên tỉnh để giám sát lưu lượng xả và chất lượng nước (dư lượng phân bón, hóa chất bảo vệ thực vật) đổ về hạ lưu. Dữ liệu được truyền theo thời gian thực về Trung tâm điều hành tỉnh để cơ quan chuyên môn (Sở Nông nghiệp và Môi trường) chủ động điều tiết nguồn nước, kiểm soát chất lượng nước cũng như cảnh báo sớm thiên tai và ô nhiễm hạ du.
	- Về Bảo vệ Môi trường và Kiểm soát ô nhiễm vùng giáp ranh công nghiệp: Bản điều chỉnh Quy hoạch bổ sung rất nhiều Khu công nghiệp (KCN) mới như KCN Hòa Bình (Đắk Đoa), KCN Đắk Pơ, KCN Chư Păh và các KCN dọc trục Đông - Tây; các KCN bổ sung mới này nằm tại các vị trí tương đối gần với trục giao thông và hệ sinh thái tự nhiên kết nối sang Đắk Lắk. Đề nghị tỉnh Gia Lai bổ sung các giải pháp môi trường mang tính liên vùng. Các KCN này bắt buộc phải quy hoạch dải cây xanh cách ly tiêu chuẩn và hệ thống xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn trước khi xả ra môi trường tự nhiên, tránh để ô nhiễm xuyên ranh giới ảnh hưởng đến đời sống nhân dân tỉnh Đắk Lắk.	CQLQH xin tiếp thu và sẽ tiếp tục rà soát bổ sung
	Đề nghị xem xét điều chỉnh nội dung tại Phụ lục số XVI kèm theo dự thảo Tên các “Trung tâm y tế” điều chỉnh thành Tên “Bệnh viện Khu vực” để phù hợp định hướng sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại điểm b, mục 2 phụ lục II của Nghị quyết số 105/NQ-CP ngày 08/4/2026 của Chính phủ.	Cơ quan lập quy hoạch xin tiếp thu ý kiến và đang trao đổi lại với Sở Y tế

Phụ lục 18:

Ý KIẾN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI
(Văn bản số: 5393/UBND-KTTH ngày 09 tháng 6)

STT	Ý KIẾN THAM GIA	NỘI DUNG TIẾP THU, GIAI TRÌNH
	Để nội dung phù hợp với định hướng phát triển chung theo Quy hoạch tổng thể Quốc gia và Quy hoạch vùng duyên hải Nam Trung Bộ và Tây nguyên, cũng như kết nối liên vùng, đồng bộ với định hướng Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi (điều chỉnh) đã được phê duyệt, kính đề nghị Cơ quan soạn thảo Hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Gia Lai quan tâm một số giải pháp sau:	Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu
	a) Ưu tiên đẩy mạnh liên kết với các địa phương trong khu vực duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên nhằm kết nối, khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế trên tất cả các lĩnh vực, đẩy mạnh phát triển cơ sở hạ tầng, phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng an ninh; trong đó, đặc biệt là tập trung liên kết, hợp tác quảng bá du lịch, khai thác tốt tiềm năng phát triển du lịch trên cơ sở thế mạnh của từng địa phương.	Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu
	b) Đẩy mạnh tăng cường liên kết trong phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo; hình thành và phát triển chuỗi liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ đối với các sản phẩm nông, lâm sản có lợi thế của tỉnh Gia Lai gắn với hệ thống công nghiệp chế biến, xuất khẩu và dịch vụ logistics của tỉnh Quảng Ngãi và các địa phương trong khu vực.	Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu
	c) Tiếp tục phối hợp với tỉnh Quảng Ngãi trong việc kiến nghị Chính phủ, Bộ Xây dựng sớm triển khai đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Bắc - Nam phía Tây (CT.02) đoạn Kon Tum - Gia Lai (hiện nay, tỉnh Quảng Ngãi đang triển khai các thủ tục báo cáo cấp thẩm quyền thống nhất chủ trương đầu tư tuyến cao tốc Quảng Ngãi - Kon Tum (CT.42); tuyến cao tốc Đà Nẵng - Thanh Mỹ - Ngọc Hồi - Bờ Y (CT.21, đoạn Ngọc Hồi - Bờ Y) và tuyến cao tốc Bắc - Nam phía Tây (CT.02, đoạn Ngọc Hồi - Kon Tum)).	Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu

BÁO CÁO

**Tổng hợp, tiếp thu và giải trình ý kiến tham gia góp ý Hồ sơ điều chỉnh
Quy hoạch tỉnh Gia Lai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050**

Kính gửi: Hội đồng thẩm định điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Gia Lai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 9 Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025 và trên cơ sở ý kiến góp ý của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, UBND các tỉnh liên kề, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã, các cơ quan, tổ chức liên quan; Sở Tài chính kính báo cáo Hội đồng thẩm định điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Gia Lai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 về hình thức, kết quả lấy ý kiến góp ý, các nội dung tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý và hoàn thiện Hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh, cụ thể như sau:

1. Hình thức lấy ý kiến, kết quả lấy ý kiến góp ý Hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Gia Lai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

a) Lấy ý kiến các Bộ, cơ quan ngang Bộ, UBND các tỉnh liên kề

Thực hiện quy định của Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15, Sở Tài chính đã tham mưu UBND tỉnh ban hành văn bản 6836/UBND-XDCT ngày 27/05/2026 gửi lấy ý kiến các Bộ, cơ quan ngang Bộ, UBND 02 tỉnh liên kề (Đắk Lắk và Quảng Ngãi) đối với Hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Gia Lai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (*sau đây gọi là Hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh*).

Đến nay, Sở Tài chính đã nhận được văn bản tham gia góp ý của 16/17 bộ¹, 02 tỉnh liên kề (Đắk Lắk và Quảng Ngãi) đối với Hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh. Sở Tài chính đã phối hợp với đơn vị tư vấn, các Sở, ngành, địa phương tổ chức rà soát, cập nhập, tiếp thu chỉnh sửa và giải trình các ý kiến tham gia góp ý để hoàn thiện Hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh.

b) Lấy ý kiến của Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, UBND cấp xã và các cơ quan, tổ chức, cộng đồng, cá nhân liên quan

Thực hiện quy định của Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15, Sở Tài chính đã tham mưu UBND tỉnh ban hành các văn bản số 7097/UBND-XDCT ngày 29/5/2026, 7241/UBND-XDCT ngày 01/6/2026 gửi lấy ý kiến Ủy ban

¹ Văn phòng Chính phủ chưa gửi ý kiến tham gia. Có 03 bộ đã gửi dự thảo chưa có văn bản chính thức: Bộ Công an; Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh, các cơ quan Trung ương đóng chân trên địa bàn tỉnh, các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh, UBND các xã, phường, các tổ chức, cộng đồng cá nhân đối với Hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh; đồng thời đăng tải hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh trên trang thông tin điện tử của UBND tỉnh.

Đến nay, Sở Tài chính nhận được ý kiến của Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh (*Văn bản số 603/MTTQ-BTT ngày 08/6/2026*); không nhận được ý kiến cộng đồng cá nhân phản hồi trên cổng thông tin điện tử tỉnh (*Văn bản số 1079/VPUBND-PVHCC ngày 09/6/2026*); nhận được 20 ý kiến sở, ban, ngành, đơn vị liên quan và 60 địa phương². Đối với báo cáo đánh giá môi trường chiến lược (ĐMC) trong điều chỉnh Quy hoạch tỉnh: có 02 Bộ có ý kiến góp ý (*Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch*).

2. Các nội dung tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý

Trên cơ sở ý kiến góp ý của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, UBND các tỉnh liên kết, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã, các cơ quan, tổ chức liên quan; đơn vị tư vấn đã phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan tiếp thu, bổ sung hoàn thiện hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh, đồng thời giải trình các ý kiến theo quy định.

(Có Phụ lục tổng hợp ý kiến tham gia và tiếp thu, giải trình đối với hồ sơ Quy hoạch tỉnh và báo cáo ĐMC kèm theo)

Trên đây là Báo cáo tổng hợp ý kiến góp ý và nội dung tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý đối với Hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Gia Lai, Sở Tài chính kính báo cáo Hội đồng thẩm định điều chỉnh Quy hoạch tỉnh.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Lãnh đạo Sở (báo cáo);
- Lưu: VT, TH, BQL.



**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Trần Vũ Thanh Hùng

² Không tính ý kiến của các địa phương đã tham gia ý kiến lần trước.



UBND TỈNH GIA LAI
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH
ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH TỈNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Gia Lai, ngày **26** tháng **6** năm 2026

Số: **415** /BC-HĐTĐ

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH
Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Gia Lai
thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

Thực hiện Quyết định số 2488/QĐ-UBND ngày 09/6/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về thành lập Hội đồng thẩm định điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Gia Lai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (sau đây gọi tắt là Hội đồng thẩm định);

Thực hiện Quy chế hoạt động của Hội đồng thẩm định ban hành kèm theo Quyết định số 102/QĐ-HĐTĐ ngày 09/6/2026;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 412/TTr-STC ngày 15/6/2026 về việc thẩm định điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Gia Lai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (sau đây gọi tắt là Quy hoạch tỉnh); ngày 19/6/2026, Hội đồng thẩm định đã tổ chức phiên họp thẩm định điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Gia Lai với những nội dung chính như sau:

I. Tiếp nhận và xử lý hồ sơ trình thẩm định

1. Hồ sơ trình thẩm định điều chỉnh Quy hoạch tỉnh

Hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh trình thẩm định đã đầy đủ theo quy định của pháp luật về quy hoạch, gồm:

- Tờ trình số 412/TTr-STC ngày 15/6/2026 của Sở Tài chính về việc thẩm định điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Gia Lai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Báo cáo Quy hoạch tỉnh Gia Lai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (*Báo cáo tổng hợp và báo cáo tóm tắt*);
- Dự thảo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Gia Lai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Hệ thống sơ đồ quy hoạch và cơ sở dữ liệu về quy hoạch.
- Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược (ĐMC).
- Báo cáo tổng hợp và giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cộng đồng, cá nhân về điều chỉnh quy hoạch.

2. Tổng hợp ý kiến tham gia của các thành viên Hội đồng thẩm định

Căn cứ Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025, Sở Tài chính đã tham mưu Hội đồng thẩm định ban hành Giấy mời số 1023/GM-HĐTĐ ngày 12/6/2026 gửi thành viên, Ủy viên phản biện Hội đồng thẩm định, theo đó đề nghị các thành viên Hội đồng thẩm định nghiên cứu, tham gia ý kiến thẩm đối với Hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh gửi về Cơ quan Thường trực Hội

đồng thẩm định trước khi tổ chức phiên họp thẩm định điều chỉnh Quy hoạch tỉnh. Cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định tiếp nhận và tổng hợp ý kiến của các thành viên Hội đồng thẩm định, Ủy viên phản biện, đồng thời chuẩn bị nội dung báo cáo tại phiên họp của Hội đồng thẩm định.

II. Nhận xét, đánh giá của Hội đồng thẩm định

Hội đồng thẩm định đánh giá hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Gia Lai theo quy định tại khoản 1 Điều 35 Luật Quy hoạch năm 2025 như sau:

1. Việc tuân thủ trình tự lập điều chỉnh quy hoạch theo quy định tại Khoản 2 Điều 53 Luật Quy hoạch 2025

Việc lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Gia Lai đã được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật Quy hoạch năm 2025.

Quá trình lập điều chỉnh quy hoạch đã thực hiện đầy đủ các bước khảo sát, đánh giá, lấy ý kiến các Bộ, ngành Trung ương, UBND tỉnh liên kết, địa phương và tổ chức liên quan; có tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến theo quy định.

2. Sự thống nhất, đồng bộ với quy hoạch có liên quan; việc tích hợp các nội dung quy hoạch do Bộ và địa phương liên quan được phân công thực hiện (nếu có);

Đã cơ bản đảm bảo thống nhất với các quy hoạch cấp trên. Tiếp tục rà soát các nội dung tích hợp, xử lý các vấn đề liên ngành để đảm bảo có sự thống nhất giữa quan điểm, mục tiêu, phương án phát triển, bố trí không gian phát triển.

Qua tổng hợp ý kiến góp ý của các Bộ, ngành Trung ương và các Sở, ngành liên quan, đa số ý kiến thống nhất với sự cần thiết điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Gia Lai, đồng thời đánh giá nội dung điều chỉnh đã cơ bản bảo đảm việc tích hợp các nội dung quy hoạch ngành, lĩnh vực và sự thống nhất với các quy hoạch cấp trên.

Tuy nhiên, các Bộ, ngành cũng đề nghị làm rõ và hoàn thiện thêm một số nội dung tích hợp, tập trung vào các nhóm vấn đề chủ yếu sau:

- Về tính thống nhất và tích hợp quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch ngành:

Rà soát, cập nhật nội dung nội dung Quy hoạch tỉnh đảm bảo phù hợp với nội dung điều chỉnh Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Quốc hội thông qua tại Nghị quyết số 252/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025; điều chỉnh Quy hoạch vùng Duyên hải Nam Trung bộ và Tây Nguyên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ ban hành tại Quyết định số 614/QĐ-TTg ngày 04 tháng 4 năm 2026 và nội dung điều chỉnh các quy hoạch ngành có liên quan đã được phê duyệt thuộc phạm vi địa giới hành chính của tỉnh.

- Về tính đồng bộ trong tổ chức không gian phát triển:

Các ý kiến đề nghị lưu ý, làm rõ phương án phân tiêu vùng kinh tế - xã hội; các hành lang và trục phát triển; hoàn thiện việc tích hợp giữa định hướng phát triển kinh tế - xã hội với tổ chức không gian đô thị, nông thôn, khu chức năng và

hệ thống hạ tầng kỹ thuật, bảo đảm tính đồng bộ, khả thi và phù hợp với điều kiện thực tiễn.

Trên cơ sở các ý kiến góp ý nêu trên, cơ quan lập quy hoạch đã có giải trình, tiếp thu và chỉnh sửa, bổ sung các nội dung liên quan trong hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh. Hội đồng thẩm định đề nghị tiếp tục rà soát, hoàn thiện việc tích hợp liên ngành, liên vùng nhằm bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ giữa quan điểm, mục tiêu phát triển, phương án tổ chức không gian và các định hướng phát triển chủ yếu của tỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

3. Sự phù hợp của nội dung điều chỉnh quy hoạch với quy định tại Mục 2 Chương II của Luật Quy hoạch năm 2025

Nội dung của điều chỉnh Quy hoạch cơ bản đáp ứng yêu cầu tại Điều 24, Điều 30 Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15 và phù hợp với Đề cương đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 894/QĐ-UBND ngày 12/3/2026. Tuy nhiên, cần rà soát lại tên một số hạng mục và sắp xếp lại cho sát hơn và phù hợp hơn.

4. Các nội dung chi tiết

4.1. Căn cứ lập quy hoạch

Nội dung điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Gia Lai được xây dựng trên hệ thống căn cứ pháp lý đầy đủ và cập nhật, bao gồm các Luật, Nghị quyết của Trung ương, Chiến lược phát triển kinh tế – xã hội quốc gia; Quy hoạch quốc gia; điều chỉnh Quy hoạch vùng Duyên hải Nam Trung bộ và Tây Nguyên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ ban hành tại Quyết định số 614/QĐ-TTg ngày 04 tháng 4 năm 2026 và nội dung điều chỉnh các quy hoạch ngành có liên quan đã được phê duyệt thuộc phạm vi địa giới hành chính của tỉnh.

Hội đồng thẩm định nhận định hệ thống căn cứ lập quy hoạch về cơ bản đã đầy đủ, phù hợp và tuân thủ Luật Quy hoạch. Tuy nhiên đề nghị cơ quan lập quy hoạch tiếp tục rà soát, cập nhật các văn bản pháp luật ban hành sát thời điểm trình duyệt và loại bỏ những văn bản hết hiệu lực để bảo đảm tính chính xác và thống nhất của hồ sơ.

4.2. Phân tích, đánh giá, dự báo các yếu tố, điều kiện phát triển đặc thù của tỉnh Gia Lai

Nội dung điều chỉnh Quy hoạch đã phân tích, đánh giá và dự báo tương đối đầy đủ các yếu tố, điều kiện phát triển đặc thù của tỉnh Gia Lai, bao gồm vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, kinh tế – xã hội, dân số, lao động, tài nguyên thiên nhiên, môi trường và các yếu tố tác động đến phát triển trong giai đoạn tới.

Qua ý kiến tham gia của các Bộ, Sở, ngành và địa phương, đa số ý kiến thống nhất với cách tiếp cận và nội dung phân tích, đánh giá, dự báo. Đồng thời đề nghị bổ sung phân tích khả năng khai thác sử dụng hợp lý vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên, những lợi thế và bất lợi với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Gia Lai (sau sáp nhập); đồng thời, phân tích các điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức của tỉnh¹; khái quát thêm các bài học kinh nghiệm qua các thời kỳ để có định

¹ Văn bản số: 7727/BTC-QĐQH ngày 08 tháng 6 năm 2026 của Bộ Tài chính

hướng phát huy cái tích cực và khắc phục tiêu cực, điểm nghẽn, nhất là mục tiêu 2 con số là thách thức, đặt ra giải pháp giải quyết

Hội đồng thẩm định đề nghị cơ quan lập quy hoạch tiếp tục tiếp thu ý kiến của các chuyên gia phản biện, các Bộ, Sở, ngành và các địa phương để hoàn thiện nội dung phân tích, đánh giá và dự báo, bảo đảm tính chính xác, thống nhất của số liệu và sự phù hợp giữa kết quả dự báo với các phương án phát triển được đề xuất trong Quy hoạch.

4.3. Về đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội; hiện trạng sử dụng đất; hiện trạng hệ thống đô thị và nông thôn; hiện trạng hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội; hiện trạng môi trường, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên và đa dạng sinh học tỉnh

Nội dung đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội, hiện trạng sử dụng đất, hệ thống đô thị và nông thôn, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, hiện trạng môi trường và bảo vệ tài nguyên trong hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh đã được xây dựng trên cơ sở số liệu, tài liệu hiện có, phản ánh tương đối đầy đủ bức tranh phát triển của tỉnh trong thời gian qua, đồng thời bước đầu chỉ ra các vấn đề cần giải quyết để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong thời kỳ tới.

Qua ý kiến tham gia của các Bộ, ngành và địa phương, đa số ý kiến cơ bản thống nhất với nội dung đánh giá thực trạng, đồng thời đề nghị tiếp tục rà soát, cập nhật và chuẩn hóa số liệu hiện trạng theo số liệu chuyên ngành và theo địa giới hành chính hiện hành (lưu ý thống nhất về số liệu diện tích, dân số cần thống nhất trong các báo cáo, dự thảo Quyết định); làm rõ hơn một số tồn tại, hạn chế chủ yếu và nguyên nhân, nhất là trong quản lý, sử dụng đất; phát triển đô thị, nông thôn và kết cấu hạ tầng, làm cơ sở xác định các nội dung điều chỉnh Quy hoạch tỉnh bảo đảm tính khả thi và phù hợp với thực tiễn.

Hội đồng thẩm định đề nghị cơ quan lập quy hoạch tiếp tục rà soát, cập nhật và chuẩn hóa toàn bộ hệ thống số liệu hiện trạng theo ý kiến của các chuyên gia phản biện, các Bộ, ngành và địa phương. Yêu cầu rà soát lại để nội dung phân tích ngắn gọn, tránh dàn trải; Cần làm rõ nguyên nhân của các tồn tại, hạn chế (nhất là trong quản lý đất đai và phát triển hạ tầng kết nối) để làm căn cứ khoa học vững chắc cho việc xác định các nội dung điều chỉnh quy hoạch, đảm bảo tính khả thi và phù hợp với thực tiễn phát triển mới của tỉnh.

4.4. Quan điểm, mục tiêu và lựa chọn phương án phát triển tỉnh

Quan điểm và mục tiêu phát triển tỉnh trong hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh được xác định phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, quy hoạch vùng, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Gia Lai lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030 và yêu cầu phát triển bền vững của tỉnh trong giai đoạn tới; thể hiện định hướng phát huy vai trò, vị thế của tỉnh trong hệ thống đô thị và mạng lưới kinh tế vùng.

Qua ý kiến tham gia của các chuyên gia, Bộ, ngành và địa phương, đa số ý kiến cơ bản thống nhất với hệ thống quan điểm, mục tiêu phát triển và phương án phát triển được lựa chọn. Tuy nhiên cần đảm bảo thống nhất với quan điểm chỉ đạo của Đảng, Nhà nước tại các Nghị quyết của Bộ chính trị về đột phá phát triển

khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; về hội nhập quốc tế trong tình hình mới; Bổ sung quan điểm về phát triển giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao của tỉnh trong thời kỳ quy hoạch. Trong đó, cần xác định rõ quan điểm phát triển giáo dục và đào tạo gắn với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo, phát triển khoa học và công nghệ, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ các ngành, lĩnh vực trọng điểm của tỉnh và tăng cường liên kết vùng.

Hội đồng thẩm định đề nghị cơ quan lập quy hoạch tiếp tục rà soát, hoàn thiện nội dung quan điểm, mục tiêu và phương án phát triển tỉnh theo hướng rõ ràng, đồng bộ và phù hợp với các nội dung điều chỉnh Quy hoạch.

4.5. Về lựa chọn phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội

Phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội trong hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh được lựa chọn trên cơ sở định hướng phát triển chung của tỉnh, phù hợp với điều kiện thực tiễn sau khi sáp nhập 2 tỉnh Gia Lai (cũ) và Bình Định và yêu cầu phát triển trong giai đoạn tới.

Ý kiến của các chuyên gia, Bộ, ngành cơ bản thống nhất với phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội đã đề xuất. Tuy nhiên cần lưu ý các tiểu vùng phát triển được xác định dựa trên sự khác biệt rõ nét về điều kiện tự nhiên, vị trí địa lý, mức độ đô thị hóa, kết cấu hạ tầng, trình độ phát triển kinh tế - xã hội và vai trò của từng khu vực trong tổng thể không gian phát triển của tỉnh, bảo đảm phát triển bền vững và bao trùm, góp phần thu hẹp chênh lệch phát triển giữa các khu vực trong tỉnh, nâng cao đời sống người dân, đặc biệt tại khu vực miền núi, khu vực khó khăn; đồng thời bảo vệ môi trường, sử dụng hiệu quả tài nguyên và thích ứng với biến đổi khí hậu.

Hội đồng thẩm định đề nghị cơ quan lập quy hoạch tiếp tục rà soát, hoàn thiện phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội theo các ý kiến nêu trên, làm cơ sở cho việc tổ chức thực hiện Quy hoạch tỉnh.

4.6. Phương hướng phát triển các ngành quan trọng trên địa bàn

Phương hướng phát triển các ngành quan trọng trên địa bàn tỉnh được xác định trên cơ sở phát huy lợi thế, tiềm năng của tỉnh, phù hợp với định hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế và các quy hoạch ngành, lĩnh vực có liên quan.

Qua tổng hợp ý kiến tham gia của các chuyên gia, Bộ, ngành và địa phương, đa số ý kiến cơ bản thống nhất với định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực đã đề xuất. Tuy nhiên, để bảo đảm tính khả thi, đồng bộ và phù hợp với thực tiễn phát triển, Hội đồng thẩm định đề nghị cơ quan lập quy hoạch tiếp tục hoàn thiện một số nội dung trọng tâm sau:

- Đối với ngành công nghiệp: Tập trung chuyển dịch mạnh mẽ cơ cấu ngành công nghiệp theo hướng công nghệ cao, hiện đại và thân thiện với môi trường. Ưu tiên phát triển công nghiệp chế biến sâu nông - lâm - thủy sản, công nghiệp sản xuất linh kiện điện tử, bán dẫn và cơ khí chế tạo phục vụ kinh tế biển và cao nguyên. Đẩy mạnh khai thác hiệu quả, bền vững công nghiệp năng lượng tái tạo (điện gió, điện mặt trời, thủy điện) gắn với hạn mức phân bổ công suất. Khuyến khích phát triển các ngành công nghiệp xanh, công nghiệp tuần hoàn tại các khu,

cụm công nghiệp để nâng cao giá trị gia tăng và năng lực cạnh tranh.

- Đối với dịch vụ logistics và cảng biển: Phát triển dịch vụ cảng - logistics, bao gồm cảng biển và cảng hàng không, cảng cạn theo hàng lang Đông - Tây; xây dựng chính sách thu hút đầu tư các khu công nghiệp, cụm công nghiệp tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu.

- Đối với du lịch: Cần định hướng phát triển du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn, liên kết chặt chẽ hệ sinh thái du lịch “Biển Đông - Cao nguyên”. Khai thác tối đa tài nguyên du lịch biển đảo tại dải ven biển phía Đông (vịnh Quy Nhơn, đầm Thị Nại, Nhơn Châu) kết hợp với du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng núi rừng, văn hóa lịch sử đặc sắc tại vùng cao nguyên phía Tây (Kon Ka Kinh, Kon Chư Răng, Biển Hồ). Tập trung đầu tư hạ tầng du lịch đồng bộ, xây dựng thương hiệu du lịch quốc gia và mang tầm quốc tế, đa dạng hóa sản phẩm (du lịch mạo hiểm, du lịch nông nghiệp, y học trị liệu) với chủ đề trọng tâm của Năm Du lịch Quốc gia 2026 do tỉnh Gia Lai đăng cai “Đại ngàn chạm biển xanh”.

- Đối với nông nghiệp và thủy sản: phát triển nền nông nghiệp toàn diện, bền vững, hiện đại và tích hợp đa giá trị trên cơ sở phát huy lợi thế đặc thù của từng tiểu vùng thổ nhưỡng. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao đối với các cây công nghiệp chiến lược (cà phê, cao su, hồ tiêu) và cây ăn quả xuất khẩu tại vùng cao nguyên; tập trung thâm canh lúa chất lượng cao và rau màu hữu cơ tại vùng đồng bằng ven biển.

Hội đồng thẩm định đề nghị cơ quan lập quy hoạch tiếp tục hoàn thiện nội dung phương hướng phát triển các ngành quan trọng theo các ý kiến nêu trên, làm cơ sở cho việc triển khai thực hiện Quy hoạch tỉnh.

4.7. Phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực khác

Phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực khác trong hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh được xác định theo hướng phát triển đồng bộ, gắn với mục tiêu bảo đảm công bằng xã hội, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa, đồng thời giữ vững quốc phòng – an ninh. Qua tổng hợp ý kiến tham gia, Hội đồng thẩm định đề nghị cơ quan lập quy hoạch tiếp tục hoàn thiện một số nội dung sau:

- Đối với lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch, hồ sơ cần tiếp tục chuẩn hóa thuật ngữ và phương pháp xác định chỉ tiêu phát triển theo chuẩn mực thống kê và quy định pháp luật hiện hành. Đồng thời, rà soát, điều chỉnh các khái niệm chưa được định danh rõ trong pháp luật quy hoạch, chuyển sang các định hướng phù hợp hơn về phát triển du lịch văn hóa, lịch sử và di sản. Trong quá trình nghiên cứu, lập điều chỉnh quy hoạch cần đảm bảo nguyên tắc không làm phá vỡ các không gian văn hoá truyền thống trên địa bàn tỉnh; Quan tâm tới đến công tác bảo tồn văn hoá truyền thống, không gian tổ chức lễ hội truyền thống trên địa bàn tỉnh; chú trọng bản sắc văn hóa, cảnh quan kiến trúc. Đề nghị nghiên cứu kỹ các nhiệm vụ, giải pháp phát triển văn hóa Việt Nam được Bộ Chính trị đưa ra trong Nghị quyết số 80-NQ/TW ngày 07/01/2026, các mục tiêu phát triển toàn diện văn hóa Việt Nam trong Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa; định hướng phát triển công nghiệp văn hóa và điều chỉnh Quy hoạch mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Đối với lĩnh vực y tế, giáo dục và an sinh xã hội, hồ sơ cần tiếp tục rà soát, cập nhật chính xác vị trí, quy mô và mạng lưới các công trình hạ tầng xã hội, đặc biệt tại các đơn vị hành chính mới sau sắp xếp. Việc bố trí, mở rộng các cơ sở y tế, giáo dục và trụ sở hành chính cần bảo đảm đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn theo phân loại đô thị và phù hợp với mô hình chính quyền địa phương hai cấp. Phát triển giáo dục cần gắn chặt với yêu cầu chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo; đồng thời bảo đảm cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ trực tiếp cho các ngành, lĩnh vực trọng điểm của tỉnh. Cần tích hợp sâu các chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số vào định hướng không gian.

- Đối với quốc phòng – an ninh, phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực cần được rà soát kỹ lưỡng nhằm bảo đảm không ảnh hưởng đến đất quốc phòng, an ninh và hành lang bảo vệ các công trình trọng yếu; các hoạt động kinh tế, nhất là tại khu vực ven biển và hải đảo, phải gắn chặt với nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền, an ninh quốc gia.

- Đối với bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học, hồ sơ cần rà soát, làm rõ các mục tiêu, giải pháp phương án khai thác, sử dụng tài nguyên gắn với bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học; thể hiện rõ ranh giới các khu bảo tồn, vùng bảo vệ nghiêm ngặt và vùng hạn chế phát thải trên hệ thống sơ đồ, bảo đảm thống nhất với Luật Đa dạng sinh học và các cam kết, quy định về môi trường có liên quan.

Hội đồng thẩm định đề nghị cơ quan lập quy hoạch tiếp tục rà soát, hoàn thiện nội dung phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực khác theo hướng tập trung, tránh trùng lặp với các ngành quan trọng; bảo đảm các định hướng phát triển phù hợp với chức năng, vai trò của tỉnh Gia Lai trong liên kết vùng Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây nguyên và thống nhất với các quy hoạch ngành quốc gia đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4.8. Phương án quy hoạch hệ thống đô thị, nông thôn và các khu chức năng trên địa bàn tỉnh

Phương án quy hoạch hệ thống đô thị, nông thôn và các khu chức năng trong hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch đã thể hiện định hướng phát triển đô thị theo mô hình mạng lưới, đa trung tâm, đa cực, gắn với các hành lang kinh tế - đô thị, các đô thị tiểu vùng và các không gian phát triển đô thị - nông thôn tích hợp. Tuy nhiên, qua tổng hợp ý kiến tham gia của các Bộ, ngành, các chuyên gia và địa phương, Hội đồng thẩm định đề nghị cơ quan lập quy hoạch tiếp tục hoàn thiện một số nội dung trọng tâm sau:

- Về hệ thống đô thị và sắp xếp đơn vị hành chính, cần rà soát, làm rõ định hướng phát triển hệ thống đô thị gắn với lộ trình sắp xếp đơn vị hành cấp xã và mô hình tổ chức chính quyền địa phương hai cấp; chuẩn hóa tên gọi, phân loại đô thị đối với các đơn vị hành chính mới theo Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, bảo đảm thống nhất trong toàn bộ hồ sơ, thuyết minh và hệ thống sơ đồ, bản đồ quy hoạch.

- Về tổ chức không gian và các khu chức năng, cần làm rõ chức năng, ranh giới và định hướng phát triển của các khu kinh tế, khu công nghiệp trọng điểm, đặc biệt là Khu kinh tế Nhơn Hội và Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh bảo

đảm không chồng lấn với đất quốc phòng, an ninh, hành lang bảo vệ đê điều và các khu vực hạn chế phát triển và phù hợp với quy hoạch Vùng và quy hoạch quốc gia; làm rõ lộ trình thực hiện và phân kỳ đầu tư các khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Đồng thời, rà soát việc bố trí các khu chức năng đặc thù như khu xử lý chất thải, nghĩa trang, khu phát triển năng lượng tái tạo, bảo đảm khoảng cách an toàn môi trường và sự phù hợp với các quy hoạch xây dựng liên quan; xác định rõ các vùng chăn nuôi tập trung.

- Về tính đồng bộ và khả năng thích ứng, cần làm rõ mối liên hệ giữa phương án quy hoạch hệ thống đô thị, nông thôn với các kịch bản ứng phó biến đổi khí hậu và nước biển dâng; bảo đảm sự thống nhất giữa phương án tổ chức không gian trong hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh với các đồ án quy hoạch chung đô thị, quy hoạch nông thôn đã được phê duyệt, tránh mâu thuẫn về chỉ tiêu và định hướng phát triển giữa các cấp độ quy hoạch.

Hội đồng thẩm định đề nghị cơ quan lập quy hoạch tiếp tục rà soát tổng thể, sơ đồ hóa rõ ràng các phương án phát triển hệ thống đô thị, nông thôn và các khu chức năng; việc hoàn thiện cần tập trung vào tính khả thi khi triển khai thực hiện, bảo đảm mỗi khu vực chức năng có vị trí, quy mô và định hướng phát triển rõ ràng, làm cơ sở cho công tác quản lý đầu tư và phát triển đô thị bền vững.

4.9. Phương án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật

Phương án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật trong hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh được xây dựng theo hướng đồng bộ, hiện đại, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế – xã hội và yêu cầu phát triển đô thị của tỉnh trong giai đoạn tới.

Qua ý kiến tham gia của các Bộ, ngành, các chuyên gia và địa phương, đa số ý kiến cơ bản thống nhất với phương án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật; đồng thời đề nghị tiếp tục rà soát, làm rõ tính thống nhất giữa định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật với quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng và phương án tổ chức không gian phát triển, bảo đảm tính đồng bộ, khả thi và hiệu quả đầu tư, phù hợp với khả năng cân đối nguồn lực của địa phương; làm rõ khả năng liên kết, phát triển giao thông gắn với vùng, các khu vực xung quanh; khả năng kết nối các phương thức vận tải trên địa bàn tỉnh; Mạng lưới điện phải được rà soát, bảo đảm tuân thủ Quy hoạch điện VIII và Quy hoạch tổng thể năng lượng quốc gia; Rà soát, làm rõ nhiệm vụ của các hệ thống thủy lợi trên địa bàn tỉnh Gia Lai (sau sáp nhập) đảm bảo được nhiệm vụ phục vụ đa mục tiêu cho nông nghiệp, công nghiệp, đô thị và dân sinh, đặc biệt là hạ tầng tiêu, thoát nước.

Hội đồng thẩm định đề nghị cơ quan lập quy hoạch tiếp tục hoàn thiện phương án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật theo các ý kiến nêu trên trước khi trình phê duyệt.

4.10. Phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội

Về hạ tầng xã hội và điểm dân cư nông thôn, cần tiếp tục rà soát, cập nhật chính xác vị trí, quy mô các công trình hạ tầng xã hội thiết yếu như trung tâm hành chính, cơ sở y tế, trường học, các thiết chế văn hóa, thể thao tại các đơn vị hành chính cơ sở; bảo đảm việc khoanh vùng các điểm dân cư nông thôn và khu vực phát triển mới được khớp nối đồng bộ với hệ thống giao thông và hạ tầng kỹ thuật,

tránh phát sinh xung đột trong quản lý và sử dụng đất. Đồng thời, rà soát, cập nhật cơ sở y tế cấp quốc gia, cấp vùng trên địa bàn tỉnh Gia Lai (sau sáp nhập) đã được xác định ở quy hoạch vùng và quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế quốc gia; hạ tầng giáo dục nghề nghiệp cần gắn với chiến lược phát triển nguồn nhân lực và hệ sinh thái đổi mới sáng tạo; các cơ sở trợ giúp xã hội công lập cần được định hướng phát triển theo hướng đa chức năng, cung cấp đồng bộ các dịch vụ chăm sóc, nuôi dưỡng tập trung gắn với hỗ trợ tâm lý, trị liệu, phục hồi chức năng.

Hội đồng thẩm định đề nghị cơ quan lập quy hoạch tiếp tục hoàn thiện phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội theo các ý kiến nêu trên trước khi trình phê duyệt.

4.11. Định hướng sử dụng đất

Định hướng sử dụng đất trong hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh được xây dựng cơ bản phù hợp với định hướng các ngành, lĩnh vực và đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế – xã hội, bảo đảm quốc phòng – an ninh và bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh.

Ý kiến của các Bộ, ngành cơ bản thống nhất với định hướng sử dụng đất đã đề xuất; đồng thời đề nghị bám sát định hướng phân bổ chỉ tiêu điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất quốc gia cho tỉnh Gia Lai và rà soát, làm rõ sự phù hợp giữa định hướng sử dụng đất với phương án tổ chức không gian, phát triển đô thị, nông thôn và hệ thống kết cấu hạ tầng, bảo đảm sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả và phù hợp với điều kiện phát triển thực tế của tỉnh.

Hội đồng thẩm định đề nghị cơ quan lập quy hoạch tiếp tục hoàn thiện định hướng sử dụng đất theo các ý kiến góp ý trước khi trình phê duyệt.

4.12. Phương án bảo vệ môi trường, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên, đa dạng sinh học, phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn

Phương án bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu trong hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch đã được xây dựng theo hướng lồng ghép xuyên suốt vào các nội dung tổ chức không gian và phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật, phù hợp với mục tiêu phát triển bền vững của tỉnh. Qua tổng hợp ý kiến tham gia, Hội đồng thẩm định đề nghị cơ quan lập quy hoạch tiếp tục hoàn thiện một số nội dung sau:

- Về bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học, cần tiếp tục rà soát, cập nhật và thể hiện rõ trên hệ thống sơ đồ, bản đồ ranh giới các khu bảo tồn thiên nhiên, vùng bảo vệ nghiêm ngặt và vùng hạn chế phát thải; làm rõ phương án quản lý, bảo vệ và phát triển rừng đặc dụng, rừng phòng hộ. Đồng thời, làm rõ phương án thăm dò, khai thác và bảo vệ tài nguyên khoáng sản; chuẩn hóa ký hiệu, vị trí các mỏ tránh tình trạng chồng lấn tọa độ, ranh giới với quy hoạch cấp quốc gia.

- Về phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu, cần tiếp tục rà soát phương án quản lý bãi sông, hành lang bảo vệ đê điều và phương án phòng, chống lũ cho các tuyến sông có đê, bảo đảm thống nhất với các quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi cấp quốc gia.

- Về quản lý chất thải và nghĩa trang, cần rà soát phương án phát triển các khu xử lý chất thải tập trung, bảo đảm khoảng cách an toàn môi trường đối với khu dân cư và các khu đô thị mới; cần hạn chế tối đa việc bố trí các khu xử lý chất

thải tại khu vực nhạy cảm về môi trường, khu vực gần nguồn nước cấp sinh hoạt, khu dân cư tập trung, khu bảo tồn thiên nhiên, rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, vùng có nguy cơ sạt lở, ngập úng, xâm nhập mặn hoặc khu vực có điều kiện địa chất, thủy văn không phù hợp; đồng bộ hóa phương án hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường với định hướng phát triển đô thị, bảo đảm tính khả thi trong quá trình đầu tư xây dựng.

- Về tính đồng bộ và cơ sở dữ liệu, đề nghị tiếp tục hoàn thiện hệ thống sơ đồ, bản đồ phương án bảo vệ môi trường và phòng, chống thiên tai trên nền dữ liệu địa lý quốc gia đã được chuẩn hóa; bảo đảm sự thống nhất giữa thuyết minh và các lớp dữ liệu số hóa, nhất là tại các khu vực giáp ranh liên tỉnh và vùng ven biển.

Hội đồng thẩm định đề nghị cơ quan lập quy hoạch tiếp tục hoàn thiện phương án bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu theo hướng chi tiết, có tính dự báo và khả thi cao, làm cơ sở để tỉnh Gia Lai chủ động bảo vệ môi trường, nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu, hướng tới mục tiêu phát triển đô thị xanh, thông minh và an toàn.

4.13. Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch

Các giải pháp và nguồn lực thực hiện quy hoạch trong hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh đã được xác định tương đối đầy đủ, bao gồm các giải pháp về cơ chế, chính sách, tổ chức thực hiện và huy động nguồn lực.

Ý kiến của các Bộ, ngành cơ bản thống nhất với hệ thống giải pháp và nguồn lực thực hiện quy hoạch; đồng thời đề nghị tiếp tục rà soát, bổ sung, làm rõ tính khả thi của một số giải pháp, đặc biệt là các giải pháp ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số; giải pháp về đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao.

Hội đồng thẩm định đề nghị cơ quan lập quy hoạch tiếp tục hoàn thiện nội dung giải pháp và nguồn lực thực hiện quy hoạch theo các ý kiến nêu trên.

4.14. Về hệ thống sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu quy hoạch

Hệ thống sơ đồ, bản đồ và cơ sở dữ liệu quy hoạch trong hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh đã được lập theo quy định của pháp luật về quy hoạch, cơ bản đáp ứng yêu cầu phục vụ công tác quản lý, theo dõi và tổ chức thực hiện Quy hoạch.

Qua ý kiến tham gia của các Bộ, ngành, Chuyên gia và địa phương, đa số ý kiến cơ bản thống nhất với hệ thống sơ đồ, bản đồ và cơ sở dữ liệu quy hoạch đã xây dựng, đồng thời đề nghị tiếp tục rà soát, bổ sung và hoàn thiện nhằm bảo đảm đầy đủ thành phần, thống nhất nội dung giữa thuyết minh và các sơ đồ, bản đồ theo quy định tại Điều 8, Điều 26 và phụ lục IV Nghị định số 70/2026/NĐ-CP và Thông tư số 22/2026/TT-BTC.

Các Bộ, ngành cũng đề nghị bảo đảm việc xây dựng, quản lý và kết nối cơ sở dữ liệu quy hoạch phù hợp với quy định về cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia, đo đạc và bản đồ, đáp ứng yêu cầu kết nối, chia sẻ và khai thác sử dụng chung với các hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia và chuyên ngành có liên quan.

Hội đồng thẩm định đề nghị cơ quan lập quy hoạch tiếp tục hoàn thiện hệ thống sơ đồ, bản đồ và cơ sở dữ liệu quy hoạch theo các ý kiến nêu trên trước khi trình phê duyệt, bảo đảm tính đầy đủ, thống nhất và khả thi trong quá trình triển

khai thực hiện Quy hoạch tỉnh.

4.15. Về dự thảo Quyết định phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tỉnh

Dự thảo Quyết định phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh được xây dựng phù hợp với nội dung hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh và các quy định của pháp luật về quy hoạch; cơ bản đáp ứng yêu cầu làm căn cứ pháp lý cho việc tổ chức thực hiện quy hoạch sau khi được phê duyệt.

Qua ý kiến tham gia của các Bộ, ngành và địa phương, đa số ý kiến thống nhất với nội dung dự thảo Quyết định; đồng thời đề nghị tiếp tục rà soát bảo đảm nội dung dự thảo Quyết định phê duyệt thống nhất, đồng bộ với nội dung Báo cáo tổng hợp. Hiện nay, tại phụ lục kèm theo dự thảo Quyết định phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tỉnh Gia Lai đang đề cập đến danh mục chi tiết, cụ thể các dự án; do đó, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo rà soát nội dung và các Phụ lục kèm theo dự thảo Quyết định phê duyệt theo quy định tại Điều 30 Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15 (không quy định về danh mục dự án ưu tiên đầu tư trong nội dung quy hoạch tỉnh).

Hội đồng thẩm định đề nghị cơ quan lập quy hoạch tiếp tục hoàn thiện dự thảo Quyết định phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh theo các ý kiến góp ý nêu trên trước khi trình cấp có thẩm quyền xem xét, ban hành.

III. Về báo cáo đánh giá môi trường chiến lược

Rà soát, hoàn thiện các nội dung liên quan theo ý kiến thẩm định của các chuyên gia phản biện, các Bộ và ý kiến tham gia của các thành viên Hội đồng thẩm định tại phiên họp.

IV. Kết luận

Qua diễn biến kết quả, biên bản phiên họp thẩm định, Hội đồng thẩm định thống nhất kết luận:

1. Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Gia Lai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được xây dựng phù hợp với bối cảnh, yêu cầu phát triển thực tiễn; phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội theo Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIV và Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Gia Lai lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030. Báo cáo điều chỉnh Quy hoạch tỉnh được nghiên cứu, thực hiện nghiêm túc, tuân thủ quy định của pháp luật về quy hoạch; quy hoạch đã phân tích, xây dựng dựa trên một hệ thống số liệu khá đầy đủ, tin cậy, nhận diện tiềm năng lợi thế, khả năng phát triển và bảo đảm tính khả thi.

2. Hội đồng thẩm định kết luận hồ sơ trình thẩm định điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Gia Lai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đủ điều kiện trình cấp có thẩm quyền phê duyệt với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung.

3. Giao Sở Tài chính - Cơ quan lập điều chỉnh quy hoạch tỉnh, chỉ đạo đơn vị tư vấn khẩn trương rà soát, tiếp thu đầy đủ ý kiến thẩm định của các Chuyên gia phản biện, các Bộ, ngành Trung ương và các thành viên Hội đồng thẩm định tại phiên họp, khẩn trương hoàn thiện hồ sơ để trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua, trước khi trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định.

4. Các Sở, ban, ngành chịu trách nhiệm toàn diện trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh về các nội dung liên quan thuộc phạm vi quản lý. Nghiên cứu, rà soát kỹ lưỡng hồ sơ, kịp thời phối hợp với Sở Tài chính và đơn vị tư vấn để hoàn thiện hồ sơ để trình cấp có thẩm quyền xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- CT UBND tỉnh;
- CT, PCT HĐTĐ;
- Thành viên HĐTĐ;
- Sở Tài chính;
- Tư vấn lập quy hoạch;
- Lưu: HĐ.

[Handwritten signature]

**TM. HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**



**CHỦ TỊCH UBND TỈNH
Phạm Anh Tuấn**

BÁO CÁO

**Tổng hợp tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của Hội đồng thẩm định
đối với Hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Gia Lai
thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050**

Kính gửi: Hội đồng thẩm định điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Gia Lai
thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 10/12/2025;

Căn cứ Nghị định số 70/2026/NĐ-CP ngày 09/3/2026 của Chính phủ quy
định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Quyết định số 2488/QĐ-UBND ngày 09/6/2026 của Ủy ban nhân dân
tỉnh Gia Lai về thành lập Hội đồng thẩm định điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Gia Lai
thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 102/QĐ-HĐTĐ ngày
09/6/2026 của Chủ tịch Hội đồng thẩm định ban hành Quy chế hoạt động của Hội
đồng thẩm định điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Gia Lai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn
đến năm 2050;

Ngày 19 tháng 6 năm 2026, tại Trụ sở UBND tỉnh Gia Lai, Hội đồng thẩm
định tổ chức phiên họp thẩm định điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Gia Lai thời kỳ
2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Sở Tài chính - cơ quan thường trực Hội
đồng thẩm định kính báo cáo Hội đồng thẩm định điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Gia
Lai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 về tổng hợp tiếp thu, giải trình
các ý kiến góp ý của thành viên Hội đồng thẩm định điều chỉnh Quy hoạch tỉnh,
cụ thể như sau:

1. Kết quả phiên họp thẩm định điều chỉnh Quy hoạch tỉnh

Căn cứ lấy phiếu đánh giá của thành viên Hội đồng thẩm định, như sau:
46/46 phiếu (đạt 100%) nhất trí thông qua nội dung Quy hoạch tỉnh Gia Lai;
trong đó có 18/46 phiếu (đạt 39%) nhất trí thông qua không cần chỉnh sửa, bổ
sung, 28/46 phiếu (đạt 61%) nhất trí thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ
sung và hoàn thiện.

Như vậy, căn cứ Điều 9 Quy chế hoạt động của Hội đồng thẩm định tại
Quyết định số 102/QĐ-HĐTĐ ngày 09/6/2026, Hội đồng thẩm định nhất trí
thông qua dự thảo Báo cáo thẩm định điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Gia Lai với điều
kiện phải chỉnh sửa và hoàn thiện.

**2. Các nội dung tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của Hội đồng thẩm
định**

Trên cơ sở ý kiến tham gia của các Chuyên gia phản biện, thành viên

Hội đồng thẩm định, kết luận của Chủ tịch Hội đồng thẩm định tại Báo cáo thẩm định điều chỉnh Quy hoạch tỉnh; đơn vị tư vấn đã phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan rà soát tổng hợp, hoàn thiện Hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh. Sở Tài chính báo cáo kết quả giải trình, tiếp thu các ý kiến của thành viên Hội đồng thẩm định, chuyên gia phản biện, kết luận của Chủ tịch Hội đồng thẩm định Quy hoạch tỉnh tại Hội nghị thẩm định điều chỉnh Quy hoạch tỉnh tỉnh Gia Lai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, cụ thể: Tổng số thành viên tham gia thẩm định là 46 thành viên, trong đó: đã tổ chức tiếp thu, bổ sung, chỉnh sửa ý kiến của 28 thành viên.

Các ý kiến tham gia của các Chuyên gia phản biện, thành viên Hội đồng thẩm định tập trung góp ý vào các nhóm vấn đề chính như: (1) Cơ sở pháp lý, sự phù hợp với quy hoạch cấp trên và liên kết vùng; (2) Phân tích, đánh giá, dự báo các yếu tố, điều kiện phát triển đặc thù của tỉnh Gia Lai; (3) Đánh giá thực trạng (thống nhất số liệu về diện tích, dân số trong các báo cáo, dự thảo Quyết định); (4) Quan điểm, mục tiêu và lựa chọn phương án phát triển tỉnh; (5) Lựa chọn phương hướng tổ chức không gian kinh tế - xã hội; (6) Phương hướng phát triển các ngành quan trọng trên địa bàn tỉnh; (7) Phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực khác; (8) Phương hướng quy hoạch hệ thống đô thị, nông thôn và các khu chức năng trên địa bàn tỉnh; (9) Phương hướng phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật; (10) Phương án phát triển kết cấu hạ xã hội; (11) Định hướng sử dụng đất; (12) Phương án bảo vệ môi trường, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên, đa dạng sinh học, phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn; (13) Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch; (14) Hoàn thiện hệ thống sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu quy hoạch; (15) Hoàn thiện dự thảo Quyết định phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tỉnh. Đồng thời, rà soát, hoàn thiện các nội dung liên quan đối với báo cáo đánh giá môi trường chiến lược (ĐMC).

(Chi tiết tại Phụ lục tiếp thu, giải trình ý kiến của Thành viên, Ủy viên phản biện của Hội đồng thẩm định kèm theo)

Trên đây là Báo cáo Tổng hợp tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của Hội đồng thẩm định đối với Hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Gia Lai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Sở Tài chính kính báo cáo Hội đồng thẩm định điều chỉnh Quy hoạch tỉnh.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Lãnh đạo Sở (báo cáo);
- Lưu: VT, TH, BQL.



**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Trần Vũ Thanh Hùng

Phụ lục 01:

Ý KIẾN THAM GIA CỦA ĐC PHẠM ANH TUẤN - CHỦ TỊCH UBND TỈNH GIA LAI, CHỦ TỊCH HĐQT

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung tiếp thu giải trình
	Nhất trí thông qua với điều kiện cần chỉnh sửa; Tập trung hoàn thiện và tiếp thu các ý kiến của chuyên gia phản biện và các bộ ngành	Tiếp thu ý kiến

Phụ lục 2:

Ý KIẾN CỦA CHUYÊN GIA TS. TRẦN DU LỊCH		
STT	NỘI DUNG Ý KIẾN	NỘI DUNG TẾP THU, GIẢI TRÌNH
1	Xét về hình thức, bộ hồ sơ lập điều chỉnh quy hoạch đáp ứng yêu cầu theo quy định, nhưng về nội dung cần phải hoàn thiện thêm	
	Nếu nhìn về hình thức độ dài từng phần của Báo cáo, thì 2 phần I và III chiếm 93,5%,; còn 2 phần II và IV chỉ chiếm 5,3%. Như vậy Báo cáo thuyết minh tổng hợp chủ yếu tập trung cho phần phân tích hiện trạng và phân phương hướng phát triển, tổ chức không gian phát triển. Tuy nhiên, có lẽ do yếu tố thời gian, nên khi đọc Báo cáo thuyết minh, có cảm tưởng mới ghép các phần nghiên cứu độc lập lại với nhau, chưa có thời gian để rà soát tổng thể nối kết về logistics các phần và nhất là rà soát tính thống nhất về số liệu ở các phần khác nhau. Ví dụ ở trang 12 ghi: diện tích khoảng 2100 km2, dân số 2,4-2,5 triệu người; đến trang 170 ghi 21.576,53 km2 (con số đúng), dân số 3.182.652 người (giống con số ghi trong phụ lục số 1 về tổng hợp chỉ tiêu dân số của Báo cáo này); nhưng con số chính thức theo quyết định của tỉnh Gia lai là 3.583.693 người (ghi trong đề cương lập điều chỉnh quy hoạch) và nhiều số liệu khác mâu thuẫn nhau ở các phần. Tôi cho rằng cần phải biên tập kỹ Báo cáo thuyết minh tổng hợp..; chỉnh lại cơ cấu, tạo sự logistics giữa các phần, điều chỉnh số liệu thống nhất; đầu tư thêm phần II (tôi sẽ đề cập dưới đây). Riêng các phương án về dân số phân tích từ trang 401-404 cần xác định rõ dân số chính thức của Gia lai năm 2025 là bao nhiêu, để làm điểm xuất phát tính cho giai đoạn sau (3,183 triệu người hay 3.583.652 triệu người).	Nhóm soạn thảo xin tiếp thu ý kiến của Chuyên gia như sau: - Về dung lượng (số trang) của Phần II: Trong Báo cáo Tổng hợp (phiên bản V3 ngày 13.6.2026) in để gửi Hội đồng thẩm định đã có chỉnh sửa, bổ sung; phần này được đánh số từ trang 380 – 438: 58 trang. - Về cơ cấu của Báo cáo thuyết minh tổng hợp, nhóm soạn thảo đã cơ cấu các nội dung theo hướng dẫn tại Điều 26 của Nghị định số 70/NĐ-CP. - Về việc rà soát tính thống nhất, logic về mặt số liệu giữa các phần trong báo cáo thuyết minh tổng hợp và các tài liệu kèm theo, cơ quan soạn thảo đã phối hợp với các sở ngành, sở Tài chính để rà soát. Trong quá trình hoàn thiện hồ sơ nhóm soạn thảo sẽ tiếp tục rà soát toàn bộ thông tin số liệu đảm bảo thống nhất trong Quyết định, Báo cáo và hệ thống sơ, đồ, bản đồ kèm theo. - Về nội dung xác định rõ số liệu về dân số và diện tích tự nhiên năm 2025 để làm điểm xuất phát tính cho giai đoạn sau, nhóm soạn thảo đã rà soát và thống nhất số liệu trong toàn bộ hồ sơ điều chỉnh quy hoạch tỉnh như sau: diện tích tự nhiên của tỉnh là 21.576,53 km²; dân số hiện trạng năm 2025 là dân số 3.182.652 người (Theo nguồn Thống kê tỉnh).
2	Cần đổi mới tư duy lập quy hoạch	
	Để làm cơ sở lý luận cho việc đóng góp ý kiến ở các phần sau, tôi cho rằng trước hết cần đổi mới tư duy lập quy hoạch (dù điều chỉnh lại 2 bản quy hoạch của 2 tỉnh cũ đã được Thủ tướng phê duyệt, nhưng thực tế là phải lập một bản quy hoạch mới trên không gian của tỉnh Gia lai mới, với tầm nhìn 25 năm đến năm 2050). Do đó, với diện tích khoảng 21.576,53 km2, tỉnh Gia lai mới sở hữu một không gian phát triển rất khác trước: vừa có Tây nguyên, vừa có duyên hải Nam trung bộ; vừa có cửa ngõ ra đại dương, vừa có hành lang kết nối Tây nguyên-Nam Lào- Đông bắc Campuchia. Vì vậy điều chỉnh quy hoạch không phải “cộng 2 bản quy hoạch cũ” lại với nhau, mà cần đổi mới tư duy phát triển từ gốc: từ đơn vị hành chính sang không gian kinh tế;từ nội tỉnh sang tỉnh trung tâm của Vùng;từ phát triển phân tán sang phát triển theo hành lang động lực.Điều chỉnh quy hoạch không gian phát triển mới theo công thức : 1+1>2 (có thể là 3, 4..). Nếu quy hoạch trước đây thường phải trả lời câu hỏi “đất này làm gì”, thì tư duy quy hoạch mới phải trả lời câu hỏi: Ngành kinh tế nào sẽ tạo ra giá trị giá tăng cao nhất, phải chuyển đổi mô hình tăng trưởng thế nào; con người sẽ sống và làm việc như thế nào; hệ thống hạ tầng nào giúp tăng năng suất mang tính đột phá và những nhân tố nào bảo đảm phát triển bền vững, bao trùm, thích ứng với biến đổi khí hậu. Do đó, cần xây dựng một “khung chiến lược cho tăng trưởng kinh tế và tổ chức không gian phát triển của Gia lai đến năm 2050” để làm cơ sở điều chỉnh các quy hoạch đã có (tỉnh cũ).	Tư vấn sẽ tiếp tục nghiên cứu để chỉnh sửa, hoàn thiện và cụ thể hơn nội dung này trong Báo cáo tổng hợp.
3	Tầm nhìn đến năm 2050 cần “liếc” qua những mốc thời gian quan trọng 2035; 2045.	

STT	NỘI DUNG Ý KIẾN	NỘI DUNG TẾP THU, GIẢI TRÌNH
	(1) Về tầm nhìn đến năm 2050, theo dự thảo quyết định phê duyệt điều chỉnh quy hoạch cũng như Báo cáo thuyết minh tổng hợp nêu quá đơn giản, mơ hồ vụn vụn trong 4 dòng. Dù biết rằng, điều chỉnh quy hoạch đến năm 2030, cần phải bám theo quy định về quy hoạch đến năm 2030, nhưng theo tôi, dù điều chỉnh lại 2 bản quy hoạch của 2 tỉnh cũ đã được Thủ tướng phê duyệt theo không gian tỉnh Gia lai mới, cũng cần phải có sự sáng tạo, linh hoạt nhằm làm rõ hơn một số chỉ báo phát triển vào các năm 2035; 2045. Để ít ra, khi phê duyệt bản quy hoạch này, thấy rõ trong 10 năm và 20 năm tới Gia lai sẽ phát triển thế nào và cần làm gì. Vì khi đọc những nội dung quy hoạch thể hiện ở phần III và trong 24 bản phụ lục đính kèm đều có ghi “tầm nhìn đến năm 2050”, nhưng không biết sẽ thực hiện những gì trong các nội dung định hướng đến năm 2050 theo các mốc thời gian, gắn liền với những mốc phát triển quan trọng của đất nước. Với cách đặt vấn đề như vậy, tôi thử đề nghị về tầm nhìn đến năm 2050 để tham khảo như sau: <i>"Duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế hằng năm từ 10-11% trong giai đoạn 2026-2045 và 8-9% những năm sau đó; đến năm 2035 Gia lai trở thành tỉnh phát triển khá của cả nước, là trung tâm kinh tế quan trọng của khu vực Tây nguyên và duyên hải Nam trung bộ. Hệ thống hạ tầng chiến lược được đầu tư đồng bộ, bao gồm hạ tầng giao thông, hạ tầng logistics, cảng biển, năng lượng và hạ tầng số. Nông nghiệp phát triển theo hướng hiện đại, ứng dụng công nghệ cao, gắn với công nghiệp chế biến và chuỗi giá trị toàn cầu. Các đô thị động lực từng bước hình thành, chất lượng nguồn nhân lực và đời sống của nhân dân được nâng cao, GRDP bình quân đầu người tiệm cận với trung bình của cả nước. Đến năm 2045, Gia lai khẳng định vị trí, vai trò là cực tăng trưởng quan trọng nhất của miền Trung- Tây nguyên, là trung tâm logistics chế biến nông sản, năng lượng tái tạo và du lịch sinh thái đặc sắc của Việt nam. Không gian phát triển được tổ chức theo mô hình “ cao nguyên-đồng bằng-ven biển” gắn kết chặt chẽ, phát huy hiệu quả lợi thế biển, rừng, đất đai và vị trí địa kinh tế chiến lược. Hệ thống đô thị phát triển hiện đại, thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu; kinh tế số, kinh tế xanh và kinh tế tuần hoàn trở thành động lực tăng trưởng chủ đạo. GRDP bình quân đầu người đạt mức cao hơn bình quân của cả nước, chất lượng sống của người thuộc nhóm khá của cả nước. Đến năm 2050, Gia lai trở thành tỉnh phát triển toàn diện, giàu bản sắc, có nền kinh tế xanh, hiện đại và hội nhập quốc tế sâu rộng; là trung tâm kinh tế biển gắn với Tây nguyên của Việt Nam, có năng lực cạnh tranh cao trong khu vực Đông –Nam Á; tỷ lệ đô thị hóa và chất lượng hạ tầng thuộc nhóm khá của cả nước. Chỉ số phát triển con người (HDI), thu nhập và chất lượng sống của người dân đạt mức cao, bảo đảm phát triển hài hòa giữa kinh tế, xã hội, môi trường và văn hóa; quốc phòng an ninh được bảo đảm."</i>	- Nguyên tắc trình bày phần “Mục tiêu tổng quát đến 2030” và “Tầm nhìn đến năm 2050” là nêu rõ “đích đến” của tỉnh vào 2 thời điểm trên là như thế nào? Nói cách khác, phần này cần nêu: đến thời điểm năm 2030 và năm 2050, tỉnh Gia Lai đạt đến trình độ phát triển nào? Trong đó, thời điểm 2030 cần rõ ràng, cụ thể hơn; còn đến 2050 (tầm nhìn), thể hiện khát vọng và trình bày cô đọng hơn. Như vậy, nội dung về “tiến trình” đến 2030 và 2050 sẽ được trình bày ở các mục khác. - Báo cáo Tổng hợp (phiên bản V3 ngày 13.6.2026) in để gửi Hội đồng thẩm định đã có chỉnh sửa, bổ sung theo góp ý “Gợi ý về: Tầm nhìn đến năm 2050” của TS Trần Du Lịch. Trong Báo cáo này, phần “Tầm nhìn đến năm 2050” có đề 2 Phương án. Phương án 1 là Tư vấn đã tiếp thu, chỉnh sửa. Phương án 2 là giữ nguyên ý kiến của Anh Lịch để trình xin ý kiến Hội nghị. Cụ thể như sau: “- Phương án 1: Đến năm 2050, Gia Lai là một tỉnh giàu có và đáng sống của vùng Duyên hai Nam Trung bộ và Tây Nguyên, có các đô thị hiện đại, thông minh, giàu bản sắc; nông thôn sinh thái với vùng nguyên liệu lớn; là một trong những trung tâm kinh tế biển lớn của cả nước và “Cao nguyên Sinh thái, Thể thao và Sức khỏe”, hiệu quả và năng suất cao; trở thành trung tâm khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, nơi ứng dụng trí tuệ nhân tạo quan trọng của Việt Nam; trung tâm du lịch lớn của cả nước, trung tâm kết nối vùng Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên với các nước Tiểu vùng sông Mekong trên hành lang kinh tế Đông - Tây. Tỉnh có hệ thống kết cấu hạ tầng và logistics đồng bộ, hiện đại, thông minh. Các giá trị văn hóa truyền thống được bảo tồn, gìn giữ, phát huy hiệu quả, đóng góp đáng kể vào phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; đời sống mọi mặt của nhân dân được nâng cao, người dân được tiếp cận đầy đủ các dịch vụ, tiện ích xã hội. Quốc phòng, an ninh, bao gồm cả trên biển và vùng biên giới đất liền được đảm bảo vững chắc. -Phương án 2: Duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế hằng năm từ 10-11% trong giai đoạn 2026-2045 và 8-9% những năm sau đó; đến năm 2035 Gia lai trở thành tỉnh phát triển khá của cả nước, là trung tâm kinh tế quan trọng của khu vực Tây nguyên và duyên hải Nam trung bộ. Hệ thống hạ tầng chiến lược được đầu tư đồng bộ, bao gồm hạ tầng giao thông, hạ tầng logistics, cảng biển, năng lượng và hạ tầng số. Nông nghiệp phát triển theo hướng hiện đại, ứng dụng công nghệ cao, gắn với công nghiệp chế biến và chuỗi giá trị toàn cầu. Các đô thị động lực từng bước hình thành, chất lượng nguồn nhân lực và đời sống của nhân dân được nâng cao, GRDP bình quân đầu người tiệm cận với trung bình của cả nước. Đến năm 2045, Gia lai khẳng định vị trí, vai trò là cực tăng trưởng quan trọng nhất của miền Trung- Tây nguyên, là trung tâm logistics chế biến nông sản, năng lượng tái tạo và du lịch sinh thái đặc sắc của Việt nam. Không gian phát triển được tổ chức theo mô hình “cao nguyên-đồng bằng-ven biển” gắn kết chặt chẽ, phát huy hiệu quả lợi thế biển, rừng, đất đai và vị trí địa kinh tế chiến lược. Hệ thống đô thị phát triển hiện đại, thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu; kinh tế số, kinh tế xanh và kinh tế tuần hoàn trở thành động lực tăng trưởng chủ đạo. GRDP bình quân đầu người đạt mức cao hơn bình quân của cả nước, chất lượng sống của người thuộc nhóm khá của cả nước. Đến năm 2050, Gia lai trở thành tỉnh phát triển toàn diện, giàu bản sắc, có nền kinh tế xanh, hiện đại và hội nhập quốc tế sâu rộng; là trung tâm kinh tế biển gắn với Tây nguyên của Việt Nam, có năng lực cạnh tranh cao trong khu vực Đông –Nam Á; tỷ lệ đô thị hóa và chất lượng hạ tầng thuộc nhóm khá của cả nước. Chỉ số phát triển con người (HDI), thu nhập và chất lượng sống của người dân đạt mức cao, bảo đảm phát triển hài hòa giữa kinh tế, xã hội, môi trường và văn hóa; quốc phòng an ninh được bảo đảm”. -Trong Dự thảo Quyết định, Tư vấn đề xuất dùng Phương án 1 (tr. 4&5). - Việc xác định tốc độ tăng trưởng kinh tế hằng năm và sự phát triển của Gia Lai ở các mốc thời gian 2035 và 2045, Tư vấn cho rằng nội dung này không có trong yêu cầu của bản điều chỉnh Quy hoạch này cũng như các tỉnh/thành phố khác cũng không trình bày (Trừ Hà Nội có “Quy hoạch tổng thể Tầm nhìn 100 năm”). Tuy nhiên, Tư vấn xin tiếp thu và sẽ nghiên cứu đưa vào Báo cáo thuyết minh tổng hợp ở mục hợp lý.

STT	NỘI DUNG Ý KIẾN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH																
	(2) Theo số liệu thống kê năm 2025, GRDP bình quân đầu người của Gia lai chỉ đạt mức 68% so với mức bình quân của cả nước (85 triệu VND/ 125 triệu VND hay 3400 UDS/5026 USD). Nếu GRDP tăng bình quân 10,6%/ năm, thì sau 5 năm số tuyệt đối tăng gấp đôi và sau 10 năm tăng gấp 4 lần. Để Gia lai đạt mức GRDP/ người vào năm 2035 bằng mức bình quân của cả nước, thì trong 10 năm tới phải tăng bình quân 11-12%/ năm. Nếu đặt mục tiêu có GRDP/người đạt mức bình quân của cả nước vào năm 2035, thì phải xây dựng kịch bản tăng trưởng của Gia lai trong 10 năm 2026-2035. Tôi đề nghị tính toán và bổ sung, phân tích trong phần II của Báo cáo thuyết minh và thể hiện phần định tính trong Quyết định phê duyệt của UBND Tỉnh	Theo nội dung Quyết định số 894/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt đề cương lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Gia Lai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; và Quyết định số 121/QĐ-STC ngày 27/3/2026 của Sở Tài chính tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Gia Lai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, thì không có đề cập đến mốc thời gian 2035. Cho nên, trong Báo cáo cũng không “đặt mục tiêu có GRDP/người đạt mức bình quân của cả nước vào năm 2035”, đồng thời cũng không “phải xây dựng kịch bản tăng trưởng của Gia lai trong 10 năm 2026-2035”. Và lại, cả nước hiện đang nỗ lực phấn đấu tăng trưởng 2 con số, trong đó 11/34 tỉnh/thành phố đặt mục tiêu tăng trưởng trên 11%, có nghĩa là: Gia Lai tăng trưởng 2 con số thì cả nước cũng tăng trưởng 2 con số. Nếu tắt cả kéo dài đến 2035 thì GRDP/người của Gia Lai cũng chỉ giữ ở ngưỡng khoảng 70% GDP cả nước như hiện nay.																
4	Về mục tiêu phát triển đến năm 2030 cần phân tích kỹ hơn trong Báo cáo thuyết minh																	
	Dĩ nhiên, khi nêu mục tiêu tổng quát và các chỉ tiêu cụ thể đến năm 2030 phải tuân thủ theo Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ Tỉnh. Tuy nhiên, ở góc độ nghiên cứu cần phân tích định lượng các nội dung... “trở thành trung tâm công nghiệp chế biến, chế tạo, năng lượng tái tạo, nông nghiệp công nghệ cao, dịch vụ, du lịch biển-cao nguyên độc đáo và hấp dẫn, chip bán dẫn, trí tuệ nhân tạo (AI) của vùng và cả nước...”. Cần định lượng hóa các nội hàm trung tâm này trong Báo cáo thuyết minh để thấy Gia Lai đang ở đâu hiện nay và điều kiện gì để trở thành trung tâm của Vùng và cả nước. Tôi không đề nghị thay nội dung đã ghi vào Văn kiện Đại hội Đảng bộ Tỉnh, nhưng phải phân tích định lượng các nội dung đó, thấy được những thách thức, những bất cập và qua đó gắn với những nội dung của phần III và IV (các đột phá chiến lược...)	Tiếp thu, bổ sung: Mục tiêu cụ thể đến năm 2030: Công nghiệp chế biến, chế tạo và năng lượng chiếm trên 70% giá trị sản xuất công nghiệp, trong đó sản phẩm chế biến sâu chiếm trên 60% giá trị sản phẩm công nghiệp chế biến; hình thành 3–5 trung tâm chế biến nông – lâm sản quy mô lớn, nâng tỷ lệ nông sản qua chế biến lên trên 70%. Thu hút 3–5 nhà đầu tư chiến lược trong các lĩnh vực công nghệ cao; xây dựng 1 – 2 khu nông nghiệp công nghệ cao, 19 vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, đưa giá trị sản xuất nông nghiệp công nghệ cao đạt trên 40% tổng giá trị sản xuất nông nghiệp. Đồng thời hình thành trung tâm logistics cấp vùng tại Pleiku – Lệ Thanh và Quy Nhơn, cùng hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, trung tâm nghiên cứu và ứng dụng AI, Big Data, tự động hóa và chuyển đổi số, tạo nền tảng cho chuỗi liên kết nông nghiệp – công nghiệp – logistics – đô thị – dịch vụ hiện đại và bền vững... Những nội dung cụ thể này Tư vấn xin được tiếp thu, trình bày vào mục phát triển của từng lĩnh vực cụ thể. Tư vấn cũng sẽ bổ sung chỉ tiêu HDI của tỉnh năm 2030 đạt 0,8 (bằng mức phấn đấu của cả nước và của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên).																
5	Về phương hướng phát triển đô thị và nông thôn																	
	(1) Đối với Pleiku và Quy nhơn không nên dùng khái niệm “mở rộng”, mà nên: phát triển Quy nhơn, Pleiku và phụ cận thành vùng đô thị. (Lưu ý: hiện nay gọi Quy nhơn hay Pleiku, với tư cách địa danh, chứ không phải đơn vị hành chính để mở rộng) Tức xây dựng một không gian kinh tế-xã hội thống nhất gồm một đô thị trung tâm và các đô thị vệ tinh ở vùng phụ cận có quan hệ chặt chẽ với nhau.	Nhóm soạn thảo xin tiếp thu ý kiến của Chuyên gia và đã chỉnh sửa phù hợp với Quyết định 836/QĐ-BXD ngày 1 tháng 6 năm 2026 của Bộ xây dựng về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050 như sau: - Quy mô, diện tích, ranh giới các đô thị sẽ xác định theo các quy hoạch chung đô thị được cấp có thẩm quyền phê duyệt. <table><tr><td>72</td><td>Quy Nhơn (mở rộng gồm An Nhơn)</td><td>Gia Lai</td><td>Trung tâm tỉnh, chức năng tổng hợp: đô thị động lực cấp lưu vực của vùng; gần cảng biển;</td></tr><tr><td>73</td><td>Pleiku</td><td>Gia Lai</td><td>Trung tâm phía Tây của tỉnh; đô thị động lực cấp lưu vực của vùng</td></tr><tr><td>74</td><td>Hoài Nhơn</td><td>Gia Lai</td><td>Cực tăng trưởng của tỉnh</td></tr><tr><td>75</td><td>An Khê</td><td>Gia Lai</td><td>Cực tăng trưởng của tỉnh</td></tr></table> - Trong quá trình triển khai thực hiện, ngoài các đô thị dự kiến trong các giai đoạn nêu trên, căn cứ vào các quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị được cấp có thẩm quyền phê duyệt và tình hình phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh Gia Lai có thể điều chỉnh bổ sung các đô thị mới; mở rộng phạm vi đô thị, nâng loại các đô thị hiện có, bổ sung các đô thị khác, điều chỉnh giai đoạn nâng loại đô thị khu đô thị để đáp ứng đủ tiêu chí của đô thị tương ứng và trình cấp có thẩm quyền công nhận.	72	Quy Nhơn (mở rộng gồm An Nhơn)	Gia Lai	Trung tâm tỉnh, chức năng tổng hợp: đô thị động lực cấp lưu vực của vùng; gần cảng biển;	73	Pleiku	Gia Lai	Trung tâm phía Tây của tỉnh; đô thị động lực cấp lưu vực của vùng	74	Hoài Nhơn	Gia Lai	Cực tăng trưởng của tỉnh	75	An Khê	Gia Lai	Cực tăng trưởng của tỉnh
72	Quy Nhơn (mở rộng gồm An Nhơn)	Gia Lai	Trung tâm tỉnh, chức năng tổng hợp: đô thị động lực cấp lưu vực của vùng; gần cảng biển;															
73	Pleiku	Gia Lai	Trung tâm phía Tây của tỉnh; đô thị động lực cấp lưu vực của vùng															
74	Hoài Nhơn	Gia Lai	Cực tăng trưởng của tỉnh															
75	An Khê	Gia Lai	Cực tăng trưởng của tỉnh															
	(2). Xây dựng các chuỗi đô thị ven biển, gắn kết các đô thị du lịch độc lập theo hàng lang kinh tế ven biển. Ví dụ chuỗi đô thị Nhơn hội-Đề gi	Nhóm soạn thảo xin tiếp thu ý kiến của Chuyên gia và trong thuyết minh đã làm rõ các Nhóm đô thị tiểu vùng, đô thị độc lập loại III; Nhóm đô thị thành phần trong chuỗi đô thị phía Đông; Nhóm đô thị cửa khẩu, nông nghiệp công nghệ cao, du lịch sinh thái và vùng chuyển tiếp.																

STT	NỘI DUNG Ý KIẾN	NỘI DUNG TẾP THU, GIẢI TRÌNH
	(3). Về nông thôn, nên định hướng xây dựng “phố trong làng”, để thu hẹp khoảng cách về phúc lợi và điều kiện sống của người dân giữa đô thị và nông thôn trong quá trình triển; tạo không gian cho phát triển nông nghiệp công nghệ cao, hiện đại.	Nhóm soạn thảo xin tiếp thu ý kiến của Chuyên gia, trong Báo cáo thuyết minh đã làm rõ các phương hướng • Tổ chức hệ thống điểm dân cư nông thôn theo mạng lưới hợp lý, gắn với trung tâm xã, trung tâm cụm xã và các trục giao thông chính; từng bước sắp xếp dân cư tập trung hơn ở các khu vực có điều kiện hạ tầng, hạn chế phát triển phân tán, manh mún. • Phát triển các điểm dân cư gắn với vùng sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, vùng nguyên liệu, khu vực du lịch cộng đồng, làng nghề và các điểm dịch vụ nông thôn; bảo đảm khoảng cách tiếp cận hợp lý tới trường học, trạm y tế, chợ, trung tâm hành chính, văn hóa và dịch vụ thiết yếu. • Không bố trí, mở rộng điểm dân cư tại khu vực có nguy cơ lũ quét, sạt lở, ngập sâu, xâm nhập mặn, thiếu nước nghiêm trọng, khu vực bảo tồn nghiêm ngặt, hành lang bảo vệ nguồn nước, khu vực khai thác khoáng sản hoặc khu vực ô nhiễm môi trường. • Đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi và biên giới, tổ chức dân cư phù hợp tập quán, tôn trọng cấu trúc làng truyền thống, gắn với sinh kế bền vững, bảo tồn bản sắc văn hóa, hạ tầng thiết yếu và nhiệm vụ quốc phòng - an ninh. • Đối với vùng ven biển, bố trí dân cư tại cao trình an toàn, tăng khả năng chống chịu bão, triều cường và thiên tai cực đoan; gắn điểm dân cư với hậu cần nghề cá, du lịch cộng đồng, bảo vệ cảnh quan đầm phá, rừng phòng hộ ven biển và không gian sinh thái biển. • Xây dựng các khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, nông thôn mới hiện đại, làng sinh thái, làng nghề - du lịch, làng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và mô hình “làng đô thị xanh” tại các địa bàn có điều kiện.
6	Về khu kinh tế- khu công nghiệp-cụm công nghiệp	
	(1) Khu kinh tế: Tội đồng tình với quy hoạch 2 khu kinh tế Nhơn hội và Lệ thanh. Tuy nhiên, với diện tích quy hoạch khu kinh tế Lệ thanh đến 41.515 ha (gấp hơn 3 lần khu kinh tế Nhơn hội), cần phân tích tính hợp lý về quy mô. Trong Báo cáo Thuyết minh trang 601-602, tại Biểu 74 có dự kiến triển khai thu hút đầu tư 03 khu chức năng với diện tích 578 ha, bằng 11,5% diện tích quy hoạch. Nên trong phần này, cần dự báo khả năng triển khai, điều kiện để thực hiện, tính khả thi.	Khu Kinh tế Cửa khẩu Quốc tế Lệ Thanh được thành lập từ năm 2001, nằm trong tam giác phát triển Campuchia–Lào–Việt Nam, đóng vai trò chiến lược trong giao thương, công nghiệp, dịch vụ và du lịch vùng Tây Nguyên. Với quyết tâm thúc đẩy phát triển vùng biên giới phía Tây, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1074/QĐ-TTg ngày 4/6/2025, phê duyệt Đồ án Quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế này đến năm 2045. Khu kinh tế Cửa khẩu Quốc tế Lệ Thanh có quy mô 415,15km2, quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh, tỉnh Gia Lai đến năm 2045 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1074/QĐ-TTg ngày 04/6/2025

STT	NỘI DUNG Ý KIẾN	NỘI DUNG TẾP THU, GIẢI TRÌNH
	(2). Về Khu công nghiệp và Cụm công nghiệp - Khu công nghiệp: Tổng diện tích quy hoạch khu công nghiệp đến năm 2050 là 9835,82 ha, (phụ lục số II), bao gồm các khu công nghiệp đã quy hoạch, các khu CN bổ sung mới và số khu CN trong các khu kinh tế. Trong Báo cáo thuyết minh trình bày từ trang 602-607, không thấy phân tích cho đến nay đã có bao nhiêu khu CN, với diện tích bao nhiêu đã triển khai, tỷ lệ lấp đầy và lộ trình thực hiện đến năm 2030 và các năm tiếp theo. - Cụm công nghiệp: Theo Phụ lục số IV về danh mục các cụm công nghiệp tỉnh Gia lai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 có 174 cụm, với tổng diện tích là 10.267,53 ha, gồm: 95 cụm, với diện tích 5514,5 ha đã có trong quy hoạch và 79 cụm, với diện tích 4753,03 ha được bổ sung thêm. Trong đó trên 50% số cụm CN có diện tích 75ha (trên 80 cụm) và có 01 cụm CN nhỏ nhất chỉ có 4,6ha (cụm CN Thanh liêm). Tôi đề nghị rà soát kỹ hơn về số lượng cụm CN và quy mô diện tích theo quan điểm nêu dưới đây: Trong Báo cáo thuyết minh từ trang 625-635 có định hướng các loại cụm CN, trong đó có Cụm CN đa ngành, chuyên ngành, công nghiệp sinh thái, tuần hoàn; cứ điểm công-nông nghiệp...và nêu lộ trình thực hiện cho giai đoạn 2026-2030, phân kỳ đầu tư sau năm 2030... Tuy nhiên, theo tôi cần làm rõ sự tồn tại hiện nay về cụm công nghiệp: xem cụm CN là không gian phát triển CN ở quy mô nhỏ, không đủ quy mô để xây dựng khu CN (nói nôm na, xem khu CN như bộ đội chính quy và Cụm CN như bộ đội địa phương). Quan điểm này cần đánh giá mặt tích cực và hạn chế của nó. Khái niệm cụm CN nên hiểu đó là các “ tổ hợp công nghiệp” (industrial cluster). Khu CN là tập trung công nghiệp về không gian, còn cụm CN là tập trung theo chuỗi giá trị. Đó là nơi, một doanh nghiệp đầu đàn, được Nhà nước tạo điều kiện để xây dựng nhà máy sản xuất với hệ sinh thái thu hút các doanh nghiệp vệ tinh tạo nên chuỗi cung ứng khép kín, mà Gia lai hiện nay có lợi thế xây dựng các “cứ điểm nông-công nghiệp “(Agro-industrial Cluster); các cluster về chế biến gỗ;chế biến hải sản; các cluster về năng lượng tái tạo; kinh tế tuần hoàn... Tôi không rõ quy hoạch đến 80/ 174 cụm CN có quy mô giống nhau là 75ha, có định vụ, là đã xem xét chức năng từng cụm, trùng hợp diện tích ngẫu nhiên hay chỉ án chừng?	Theo Nghị định số 32/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp, tại Điều 1 quy định về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng như sau: Cụm công nghiệp là nơi sản xuất công nghiệp, thực hiện các dịch vụ phục vụ sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; có ranh giới địa lý xác định, không có dân cư sinh sống; được đầu tư xây dựng chủ yếu nhằm thu hút, di dời các doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác vào đầu tư sản xuất, kinh doanh. Cụm công nghiệp có quy mô diện tích không vượt quá 75 ha và không dưới 10 ha. Riêng đối với cụm công nghiệp ở các huyện miền núi và cụm công nghiệp làng nghề, quy mô diện tích không vượt quá 75 ha và không dưới 05 ha. Đồng thời, theo Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, tại Điều 12 quy định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong quản lý nhà nước về quản lý, phát triển cụm công nghiệp. Theo đó, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thực hiện các quy định liên quan đến địa bàn cấp huyện, liên huyện trong lĩnh vực quản lý, phát triển cụm công nghiệp quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP. Theo Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế, tại Điều 2 về giải thích từ ngữ quy định: Khu công nghiệp là khu vực có ranh giới địa lý xác định, chuyên sản xuất hàng công nghiệp và cung ứng dịch vụ cho sản xuất công nghiệp. Ngoài ra, Nghị định cũng xác định khu chế xuất là khu công nghiệp chuyên sản xuất hàng xuất khẩu, cung ứng dịch vụ cho sản xuất hàng xuất khẩu và hoạt động xuất khẩu; phần khu công nghiệp là một phần diện tích của khu công nghiệp, có ranh giới địa lý xác định, chuyên sản xuất và cung ứng dịch vụ cho sản xuất công nghiệp, được xác định trong quy hoạch xây dựng khu công nghiệp do cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt Như vậy, khu công nghiệp theo Nghị định số 35/2022/NĐ-CP được hiểu là không gian sản xuất công nghiệp tập trung, có ranh giới địa lý rõ ràng, được tổ chức để thu hút các hoạt động sản xuất công nghiệp và các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho sản xuất công nghiệp. Trong nội dung báo cáo đã có đánh giá về KCN Phát triển hệ thống khu công nghiệp tỉnh Gia Lai theo hướng đồng bộ, hiện đại, xanh, thông minh, có khả năng cạnh tranh cao và gắn kết với các cực tăng trưởng của tỉnh. Các khu công nghiệp không chỉ là không gian sản xuất tập trung mà còn là hạt nhân tổ chức hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, nhà ở công nhân, dịch vụ logistics.
7	Về mạng lưới cấp điện và hạ tầng năng lượng	

STT	NỘI DUNG Ý KIẾN	NỘI DUNG TẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Theo Phụ lục số X: + Dự kiến vận hành giai đoạn 2026-2030, với tổng công suất là 7.620 MW; + Dự án nguồn điện dự kiến vận hành giai đoạn 2031-2035 : tổng công suất 2890 MW. + Dự án nguồn điện tiềm năng đến năm 2035 : 29.200 MW Qua các số liệu trên đây tôi có một vài nhận xét sau đây : -Danh mục mạng lưới cấp điện theo phụ lục số X, ngoại trừ danh mục số 3, các danh mục 1,2 chỉ chép lại các danh mục trong các quyết định của Thủ tướng hoặc của UBND tỉnh Bình định, UBND tỉnh Gia lai (cũ), mà thiếu phân tích hiện trạng và khả năng thực hiện. -Gia lai có tiềm năng và hướng tới trở thành trung tâm năng lượng tái tạo quốc gia, nhưng nếu quy hoạch đến năm 2035 các dự án nguồn điện của Gia lai lên đến 39.350 MW, cần phân tích kỹ hơn, nhất là gắn với chiến lược năng lượng quốc gia (lưu ý tổng công suất phát điện của cả nước năm 2025 cũng chỉ đạt mức 86.000 MW). -Tôi đề nghị, nghiên cứu quy hoạch thêm về thủy điện tích năng, để gắn với cơ cấu điện gió và điện mặt trời, tạo nên nguồn cung cấp điện ổn định, bền vững	(1) Về hiện trạng - Về số lượng: tính đến thời điểm này, trên địa bàn Gia Lai có 89 nhà máy điện đang hoạt động, trong đó có 59 nhà máy thủy điện với tổng 02 nhà máy nhiệt điện và 8 nhà máy ĐMT và 20 nhà máy điện gió. - Về công suất: Tổng công suất các loại nguồn điện trên địa bàn Gia Lai khoảng 4.404 MW, trong đó: - Phát lên lưới 500-220kV (lưới điện quốc gia): 3.153,7MW (chiếm khoảng 3,6% tổng công suất HTĐ Việt Nam) - Phát lên lưới phân phối: 1.250,3MW (2) Về phương hướng phát triển nguồn, lưới điện Gia Lai - Theo Quyết định 768/QĐ-TTg ngày 15/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (sau đây gọi tắt là Quyết định 768/QĐ-TTg) - Đến năm 2030: Tổng công suất các nhà máy điện phục vụ nhu cầu trong nước (không bao gồm xuất khẩu) là 183.291 - 236.363 MW. (Điểm c-I, Mục 1, Khoản III, Điều 1 Quyết định 768/QĐ-TTg) - Tại Phụ lục II Phân bổ công suất các nguồn điện năng lượng tái tạo theo địa phương cho tỉnh Bình Định và Gia Lai ở Bảng 1 đến Bảng 4 - Quyết định 768/QĐ-TTg trên địa bàn Gia Lai sẽ có thêm 5.147,4 MW, cụ thể: -Xây dựng 64 nhà máy điện với tổng công suất 4.645MW, chủ yếu phát lên HTĐ quốc gia -Phân bổ thêm cho Tỉnh 502,4 MW NLTT - Về xây dựng các danh mục nguồn điện Việc tính toán bổ sung các loại nguồn điện trên địa bàn Tỉnh Gia Lai được dựa trên các cơ sở sau: - Dự báo nhu cầu công suất của Gia Lai; - Kết quả cân bằng công suất ở các cấp điện áp 500kV, 220 kV và 110kV; - Tiêu chí vận hành N-1, thậm chí N-2 đối với các phụ tải quan trọng; - Đánh giá khả năng liên kết lưới điện của Gia Lai với các tỉnh lân cận; - Danh mục nguồn điện đã được TTg phê duyệt trong TSD và trong các Quyết định phê duyệt của TTg đối với 2 tỉnh Gia Lai (cũ) và Bình Định (cũ); - Khả năng vào vận hành của các nguồn điện trên địa bàn Tỉnh - Đề xuất danh mục các nguồn điện mới trong hạn mức cho phép của Quyết định 768/QĐ-TTg 3. Đánh giá tiềm năng Theo Điểm b-I, Mục 1, Khoản III, Điều 1 Quyết định 768/QĐ-TTg + Tổng tiềm năng kỹ thuật điện gió trên bờ và gần bờ khoảng 221.000 MW. + <u>Tiềm năng kỹ thuật điện gió ngoài khơi khoảng 600.000 MW.</u>
8	Về thủy lợi (phụ lục số XI)	
	(1) Trong danh mục chỉ có tên dự án và địa điểm. Đề nghị bổ sung thêm mục dự kiến thời gian triển khai và có danh mục ưu tiên cho cả giai đoạn 2026-2035.	Nhóm soạn thảo hoàn toàn tiếp thu ý kiến của đại biểu. Hồ sơ Quy hoạch đã được thiết kế thành 02 hệ thống danh mục bổ trợ chặt chẽ cho nhau, đảm bảo vừa có tầm nhìn chiến lược, vừa rõ ràng về tiến độ thực hiện: □ Thứ nhất (Danh mục định hướng - Phụ lục XI): Đây là bảng Lộ trình chiến lược, phân chia các cụm công trình/dự án/chương trình thành 02 giai đoạn: Đến năm 2030 (tập trung công trình tạo nguồn, xử lý cấp bách) và Sau năm 2030 (cùng cổ tiểu vùng, khép kín mạng lưới). Danh mục này là khung pháp lý linh hoạt để địa phương căn cứ triển khai theo nhu cầu thực tế và khả năng huy động vốn. Thứ hai (Danh mục chi tiết – Phụ lục 24 - BCTH): Ngoài danh mục định hướng, báo cáo lập Phụ lục Danh mục chi tiết tại Thuyết minh tổng hợp của Quy hoạch, được tích hợp dựa trên Kế hoạch phát triển thủy lợi của tỉnh (Quyết định 2453/QĐ-UBND, ngày 05/06/2026). Tại đây, các dự án đã được xác định rõ thời điểm hiện nay với tiến độ triển khai cụ thể: Nhóm 10 dự án ưu tiên khởi công ngay trong năm 2026 (kinh phí 1.406 tỷ đồng) và nhóm 14 dự án trọng điểm phân kỳ đầu tư rõ ràng cho giai đoạn 2027 - 2030 (kinh phí 14.463 tỷ đồng).

STT	NỘI DUNG Ý KIẾN	NỘI DUNG TẾP THU, GIẢI TRÌNH
	(2) Tôi đề nghị ưu tiên đầu tư các công trình thủy lợi phục vụ cho chuyên canh nông nghiệp ở Gia Lai Tây, nhất là phục vụ cho việc khai thác có hiệu quả cao nhất gần 01 triệu ha đất đỏ Bazan. Có lộ trình chấm dứt khai thác nước ngầm cho tưới tiêu, ngăn chặn nguy cơ “sa mạc hóa”, mà nhiều nhà khoa học đã cảnh báo từ hàng chục năm trước	Nhóm soạn thảo hoàn toàn nhất trí với ý kiến của Chuyên gia. Đây chính là quan điểm phát triển thủy lợi xuyên suốt trong Báo cáo. Quy hoạch đã nhận diện rất rõ: Khu vực phía Tây là vùng chuyên canh nông nghiệp chủ lực (cà phê, hồ tiêu, trái cây) nhưng tỷ lệ đáp ứng tưới hiện chỉ đạt khoảng 12,5%, khiến 85% diện tích phải phụ thuộc nước mưa và nước ngầm. ☐ Quy hoạch đã xác định khu vực phía Tây là vùng ưu tiên "Đầu tư công trình tạo nguồn, phát triển đồng bộ theo 06 tiểu vùng trọng điểm" với định hướng đầu tư: xây mới 206 công trình và nâng cấp 92 công trình. Mục tiêu trực tiếp là nâng diện tích được tưới chủ động tại phía Tây tăng thêm 41.174 ha ngay trong giai đoạn 2026-2030. ☐ Danh mục định hướng ưu tiên giai đoạn 2026 – 2030 gồm các hồ chứa liên vùng, liên xã để giải quyết các "rốn hạn" phía Tây như: Hồ Ia Thul, Hệ thống Kbang - An Khê, Hồ Đăk Pờ Tó... Đây chính là nền tảng hạ tầng vững chắc để khai thác hiệu quả bền vững vùng đất đỏ bazan. ☐ Song song với tạo nguồn, quy hoạch ưu tiên hoàn thiện hệ thống kênh dẫn nội đồng (ví dụ: hoàn thiện đồng bộ 10 tuyến kênh nhánh hồ Ia Mor) để đưa nước mặt trực tiếp đến các vùng chuyên canh nông nghiệp công nghệ cao, giải quyết dứt điểm tình trạng "có hồ nhưng thiếu kênh", đảm bảo phát huy tối đa năng lực thiết kế của các công trình đầu mối đã đầu tư. Tình trạng sụt giảm mực nước ngầm đang đe dọa trực tiếp an ninh nguồn nước (nhiều nơi như Đức Cơ mực nước tụt sâu tới -19,40m). Để ngăn chặn nguy cơ sa mạc hóa, Quy hoạch đã thiết lập lộ trình như sau: ☐ Khoanh vùng cấm (Vùng Đỏ): Thiết lập "Vùng Đỏ" tại các địa bàn suy kiệt (Ia Grai, Pleiku, Chư Pưh, Phú Thiện, Ia Pa, Ayun Pa, Chư Prông), yêu cầu ngừng cấp phép mới cho mục đích tưới tiêu nông nghiệp, chỉ duy trì khai thác trong ngưỡng an toàn để cấp nước sinh hoạt. ☐ Chuyển dịch sang nước mặt: Các dự án hồ chứa lớn tại phía Tây (như ưu tiên xây dựng mạng lưới 39 hồ chứa tại Ia Mor - Ia Lốp) mang mục tiêu kép: vừa cung cấp nước tưới thay thế nước ngầm, vừa tạo nguồn bổ cập tự nhiên cho tầng chứa nước ngầm. Sử dụng nước thông minh: Đặt chỉ tiêu bắt buộc đến năm 2030 phải có ít nhất 30.000 ha cà phê, hồ tiêu ứng dụng công nghệ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (nhỏ giọt/phun mưa) để giảm tối đa lượng khai thác nước ngầm. Đồng thời, áp dụng lộ trình chuyển đổi khoảng 26.710 ha các loại cây tiêu tốn nước sang các loại cây trồng chịu hạn.
9	Về chỉ tiêu sử dụng đất (phụ lục số XIX)	
	Các chỉ tiêu sử dụng đất tỉnh Gia lai đến năm 2030 như sau : + Nhóm đất nông nghiệp : 1.859.493 ha. + Nhóm đất phi nông nghiệp : 265.055 ha. + Nhóm đất chưa sử dụng : 33.559 ha. Tổng 3 nhóm đất gần chính xác 100 % diện tích đất tự nhiên. Vậy sau năm 2030 phân bổ sử dụng đất thế nào? Tại sao quy hoạch sử dụng đất chỉ đến năm 2030?	- Về tổng diện tích tự nhiên của tỉnh Gia Lai Tổng cộng 3 loại đất nông nghiệp; phi nông nghiệp và chưa sử dụng là 2.158.107 ha. Đúng bằng tổng diện tích tự nhiên của tỉnh Gia Lai theo dữ liệu đầu vào và kỳ Kiểm kê đất đai năm 2024 (theo báo cáo số 60/BC-UBND ngày 27/3/2026 của UBND tỉnh Gia Lai). - Về việc PAPBSDĐ chỉ tính đến năm 2030: + Điều chỉnh QHT tỉnh Gia Lai được thực hiện trên cơ sở của 02 QHT Gia Lai và Bình Định (cũ) gộp lại. Trong đó, PAPBSDĐ đã được xác định tính đến năm 2030. + PAPBSDĐ trong QHT phải phù hợp với QH SDD cấp Quốc gia. Hiện nay, QHSDD cấp Quốc gia cũng đang lập đến năm 2030. + Theo quy định tại Khoản 1. Điều 7 (Thời kỳ, tầm nhìn quy hoạch) Luật quy hoạch số 112/2025/QH15 có nêu rõ: “Thời kỳ quy hoạch là 10 năm tính từ ngày 01 tháng 01 của năm có chữ số cuối là 1 đến hết ngày 31 tháng 12 của năm có chữ số cuối là 0” Do vậy, PAPBSDĐ trong QHT chỉ tính đến năm. Sau năm 2030, tiếp tục lập kỳ QH mới
10	Hoàn thiện dự thảo QĐ phê duyệt của UBND Tỉnh	

STT	NỘI DUNG Ý KIẾN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Tôi cho rằng, các Báo cáo thuyết minh tổng hợp và phụ lục... cần phải có thời gian biên tập lại nhiều nội dung, rà soát tính thống nhất số liệu, phân tích, đánh giá các phương án tăng trưởng kinh tế... , nhưng quỹ thời gian theo yêu cầu quá gấp, nên có thể thực hiện theo “ quy trình ngược” : tập trung hoàn thiện phần nội dung và 24 bản phụ lục để UBND tỉnh phê duyệt; trên cơ sở đó hoàn thiện Báo cáo thuyết minh tổng hợp và các báo cáo khác có liên quan. Đặc biệt rà soát kỹ 24 phụ lục đính kèm quyết định quy hoạch... Riêng Mục XV về giải pháp và nguồn lực thực hiện quy hoạch, với 7 nội dung, trong quyết định phê duyệt quy hoạch, cần được làm rõ và cụ thể trong Báo cáo thuyết minh, nhất là mô hình và lộ trình chuyển đổi mô hình tăng trưởng. Tại mục VII.1.d về đường sắt, làm rõ hơn về đường sắt đô thị (kể cả trong phụ lục số VII). Quy Nhơn và phụ cận gắn với chuỗi đô thị ven biển phải phát triển theo triết lý “ giao thông công cộng là chủ đạo”, nên định hướng về loại hình đường sắt thị và ga trung tâm. Đề nghị làm rõ hơn nội dung này trong quyết định phê duyệt quy hoạch và phụ lục. Tóm lại, theo tôi do áp lực về thời gian, nên trên cơ sở bộ hồ sơ quy hoạch đã chuẩn bị có thể hoàn thiện sớm để UBND Tỉnh ban hành; đồng thời hoàn thiện nội dung Báo cáo thuyết minh và các báo khác phù hợp với nội dung của Quyết định phê duyệt	- Nhóm soạn thảo hoàn toàn đồng ý và thống nhất với ý kiến góp ý của Chuyên gia về cách thức thực hiện và nội dung căn bổ sung, làm rõ đối với hồ sơ điều chỉnh quy hoạch tỉnh Gia Lai. Nhóm soạn thảo sẽ nghiêm túc tiếp thu và rà soát các ý kiến Chuyên gia đã nêu trên. -Về nội dung đường sắt trong dự thảo Quyết định Tiếp thu ý kiến về định hướng phát triển Gia Lai và vùng phụ cận theo mô hình đô thị ven biển gắn với giao thông công cộng là chủ đạo. Đây là quan điểm phù hợp với yêu cầu tái cấu trúc không gian đô thị, giảm phụ thuộc vào phương tiện cá nhân, nâng cao năng lực kết nối giữa trung tâm đô thị trung tâm phía Đông Gia Lai, các khu đô thị ven biển, khu công nghiệp, cảng biển, nhà ga, sân bay và các cực phát triển mới. Tuy nhiên, không nên cụ thể hóa trong Quyết định phê duyệt quy hoạch tỉnh và Phụ lục VII các nội dung chi tiết về loại hình đường sắt đô thị, hướng tuyến, vị trí ga trung tâm, mô hình tổ chức tuyến, quy mô nhà ga, Depot và hành lang kỹ thuật. Đây là các nội dung có tính chất kỹ thuật chuyên ngành, phụ thuộc đồng thời vào quy hoạch chung đô thị Quy Nhơn và vùng phụ cận, quy hoạch sử dụng đất, mô hình phát triển đô thị ven biển, dự báo nhu cầu vận tải, khả năng giải phóng mặt bằng, điều kiện địa hình – thủy văn, tổ chức không gian TOD, phương án tài chính và công nghệ vận tải được lựa chọn. Trường hợp đưa cụ thể loại hình đường sắt đô thị hoặc vị trí ga trung tâm vào Quyết định phê duyệt quy hoạch tỉnh khi chưa có đủ cơ sở nghiên cứu chuyên sâu sẽ làm cứng hóa định hướng, hạn chế khả năng lựa chọn phương án tối ưu ở các bước quy hoạch đô thị, quy hoạch chuyên ngành và lập dự án đầu tư sau này. Nội dung này có thể phát sinh vướng mắc trong quá trình triển khai nếu hướng tuyến, vị trí ga hoặc loại hình công nghệ không còn phù hợp với cấu trúc phát triển đô thị, quỹ đất, nhu cầu vận tải và điều kiện huy động nguồn lực trong giai đoạn tiếp theo. Do đó, quy hoạch tỉnh chỉ nên xác định ở cấp độ định hướng chiến lược: phát triển hệ thống vận tải hành khách công cộng khối lượng lớn, từng bước nghiên cứu đường sắt đô thị hoặc các loại hình vận tải công cộng sức chở lớn phù hợp để kết nối Quy Nhơn với chuỗi đô thị ven biển, các trung tâm dịch vụ, công nghiệp, logistics, cảng biển, sân bay và các khu đô thị mới. Loại hình cụ thể, hướng tuyến, vị trí ga trung tâm, điểm trung chuyển và quy mô đầu tư sẽ được nghiên cứu, lựa chọn trong quy hoạch chung đô thị, quy hoạch chuyên ngành giao thông vận tải, quy hoạch phân khu và các bước lập dự án theo quy định pháp luật. Trên đây là các nội dung tiếp thu, giải trình của Liên danh tư vấn đối với góp ý của TS. Trần Du Lịch vào hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Gia Lai.

Ý KIẾN CỦA CHUYÊN GIA TRẦN ĐÌNH THIÊN

STT	Ý KIẾN THAM GIA	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	2.1. Cần nhấn mạnh hơn giá trị - tiềm năng to lớn và trực tiếp của “lợi thế về quy mô” có được nhờ sáp nhập đối với sự phát triển của Gia Lai trong giai đoạn tới. Sáp nhập tinh tạo lợi thế về quy mô, không chỉ ở khía cạnh định lượng thuần túy mà đặc biệt là quy mô về cấu trúc (cơ cấu không gian - lợi thế, nguồn lực, cơ cấu ngành, cơ cấu xã hội, ...). Đây là yếu tố đặc biệt quan trọng đối với Gia Lai có quy mô kinh tế nhỏ, phân tán, manh mún, thực lực phát triển chưa mạnh, các lợi thế chưa được phát huy đầy đủ - đến tằm, còn thiếu năng lực hội tụ phát triển. Lợi thế - tiền đề này làm cơ sở xác định - xác lập lại các định hướng phát triển chiến lược của Tỉnh (định vị lại các tọa độ ưu tiên, cách phân bổ nguồn lực ưu tiên một cách hiệu quả), từ đó, đưa ra những gợi ý sát sườn, thiết thực cho việc quy hoạch phát triển tỉnh trong giai đoạn mới.	Cơ quan soạn thảo tiếp thu ý kiến của Chuyên gia
	2.2. Bổ sung tổng kết thực tiễn, khái quát bài học kinh nghiệm mới, nhận diện các cơ sở và điều kiện thực tế bảo đảm tăng trưởng và phát triển cho Gia Lai trong giai đoạn phát triển mới.	
	Báo cáo cần đánh giá lại các điều kiện thực tế hiện có (thực trạng, thực lực) của Gia Lai sâu hơn trên quan điểm “đáp ứng yêu cầu các nhiệm vụ tương lai” [tiếp cận “tự tương lai”], trên cơ sở đó, gợi một số bài học đặc thù, chỉ ra những điều kiện, yếu tố “làm khó” quá trình tăng trưởng và phát triển của cách làm “truyền thống”; qua đó giúp nhận diện đúng “thế” và “lực” xuất phát của tỉnh hợp nhất, xác định các trở ngại cần vượt qua, đưa ra những nhận định khách quan về khả năng - triển vọng đạt các mục tiêu của tỉnh trong giai đoạn tới.	Cơ quan soạn thảo tiếp thu ý kiến của Chuyên gia
	Thực trạng “đi sau, nhiều tiềm năng nhưng khó phát triển” của hai tỉnh cũ cho thấy cần làm rõ hơn và rút ra bài học mới đối với một số vấn đề sau: + Định hướng và hệ giải pháp “tiền vượt” của Bình Định i) Xây dựng Quy Nhơn thành một trung tâm đổi mới sáng tạo – trí tuệ nhân tạo hàng đầu cả nước; ii) phát triển Khu Kinh tế Nhơn Hội, tạo động lực thúc đẩy quá trình đô thị hóa (nói chung) và hiện đại hóa Thành phố Quy Nhơn nói riêng; trong đó, đặc biệt nhấn mạnh đến giải pháp thu hút “doanh nghiệp - đại bàng” và sự hỗ trợ quốc gia + Cách khai thác, phát huy thế mạnh để phát triển Pleiku thành Trung tâm Du lịch - Thể thao – chăm sóc sức khỏe tâm cơ quốc gia, đẳng cấp quốc tế. + Với cách tiếp cận “tự tương lai”, việc tổng kết thành tích phát triển kinh tế giai đoạn trước đây của hai tỉnh Gia Lai - Phú Yên trong Báo cáo tuy được thực hiện kỹ càng, bài bản, với các nhận định đánh giá cơ bản khách quan, xác đáng, song cần định hướng tập trung hơn cho việc trả lời câu hỏi: Cơ sở nào - nguồn vốn, công nghệ, sức hấp dẫn đầu tư, lực lượng doanh nghiệp, ... Gia Lai đang thực có (thực lực) để thực sự tạo nhẩy vọt về tốc độ tăng trưởng, thực hiện hiện đại hóa cơ cấu kinh tế - đô thị để đạt các mục tiêu đầy tham vọng đặt ra cho giai đoạn tới? Để đáp ứng yêu cầu này, Báo cáo cần tiếp tục triệt để cách tiếp cận “tự tương lai”, luận chứng sâu sắc, nhất quán và rõ hơn các luận điểm, luận cứ về mục tiêu tăng trưởng (bình quân 10,5%/năm, cao gấp gần 1,7 lần giai đoạn trước - 6,3%/năm), nguồn vốn huy động (38% GRDP giai đoạn trước lên 41%) và ICOR giảm mạnh, mang tính đột biến (từ 10,55 giai đoạn 2021-2025 xuống 5,5), trong khi trên thực tế khu vực doanh nghiệp tư nhân Việt Nam của Gia Lai còn yếu và thu hút vốn FDI của tỉnh chưa mạnh.	Cơ quan soạn thảo tiếp thu ý kiến của Chuyên gia
	2.3. SWOT:	

STT	Ý KIẾN THAM GIA	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Thứ nhất, bổ sung – nhấn mạnh hơn một số “điểm mạnh” đặc thù của Gia Lai: i) tiềm năng trí tuệ và khát vọng xây dựng trung tâm Trí tuệ nhân tạo tầm cỡ quốc gia – quốc tế [ở Quy Nhơn]; ii) Trung tâm chăm sóc sức khỏe – chữa bệnh – thể thao đẳng cấp cao; iii) chuỗi du lịch tích hợp đẳng cấp cao. Thứ hai, về điểm yếu: nhấn mạnh thực lực chưa mạnh, nguồn lực phân tán, liên kết phát triển cả nội lẫn ngoại tỉnh còn yếu, trình độ phát triển, xét trên một số chỉ số - điều kiện cơ bản (hạ tầng kết nối, nguồn nhân lực, hệ thống khởi nghiệp – đổi mới – sáng tạo, ...), còn khá thấp, “đi sau” nhiều địa phương. Điểm yếu này dẫn tới một điểm yếu căn bản khác: sức hấp dẫn đầu tư yếu. Đây là vấn đề “sinh từ” đang đặt ra. Nếu được nhận diện tổng thể và sâu hơn, có thể sẽ mở ra những gợi ý có giá trị. Thứ ba: nhận định về “Cơ hội”: cần nhấn mạnh thêm xu hướng dịch chuyển và mở rộng cơ hội [mang tính toàn cầu] gắn với các không gian phát triển [không gian biển // cảng biển, không gian Tây Nguyên lâu nay vẫn bị hạn chế tiếp cận, không gian văn hóa, ...] là những tiềm năng – lợi thế mang tính đặc hữu của Gia Lai. Thứ tư, về Thách thức, xuất phát từ thực trạng thể chế và các áp lực cạnh tranh – phát triển Gia Lai đang đối mặt, cần phân tích sâu và luận chứng kỹ hơn bước chuyển “từ quy trình hợp nhất tỉnh đến đồng bộ hóa quản lý” với tư cách là một thách thức lớn đang đặt ra cho Gia Lai. Điều này sẽ gợi mở thêm định hướng và giải pháp quan trọng cho tỉnh. Thứ năm, cần phân tích SWOT trên quan điểm “tầm nhìn toàn cầu – thời đại” [hoặc “cạnh tranh quốc tế - hướng tới tương lai”], trên cơ sở đó, đưa ra các nhận định cụ thể về điểm mạnh - điểm yếu, cơ hội - thách thức mang tính dự báo - động. Về nguyên tắc, mạnh hay yếu, cơ hội hay thách thức không hề là “tự thân” mà luôn được đặt trong quan hệ so sánh. Chúng cần được nhận diện theo tiêu chuẩn cạnh tranh quốc tế, với tầm nhìn thời đại, trong những bối cảnh và xu hướng cụ thể. Theo cách tiếp cận này, có những bất lợi thể (hoặc điểm yếu) hiện tại của Gia Lai có thể biến thành lợi thế trong tương lai - và ngược lại. Đây là điểm đặc biệt quan trọng, cần được quán triệt trong quy hoạch để định vị đúng xu thế “mở rộng không gian phát triển”, lựa chọn chính xác tọa độ ưu tiên đột phá - có sức hấp dẫn đầu tư lớn, đặc biệt là đầu tư quốc tế. Từ bài học của một số địa phương “đi trước” (như Ninh Thuận, Quảng Bình, Sơn La, ...), có thể thấy việc lựa chọn ưu tiên phát triển Cảng biển Phù Mỹ, gắn với Khu Kinh tế biển hay Đô thị Cảng biển (mới), Sân bay Pleiku (gắn với mục tiêu phát triển Pleiku Đô thị Xanh - Trung tâm nghỉ dưỡng – chăm sóc sức khỏe – Thể thao đẳng cấp cao, ...) trong điều kiện dịch chuyển cơ cấu đầu tư, phân bổ lại các chuỗi sản xuất và du lịch đẳng cấp cao là mang tính khả thi – chiến lược.	Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu và đã rà soát, cập nhật tại Mục IX - Phần thứ nhất của báo cáo thuyết minh tổng hợp
	2.4. Phân tích bối cảnh Quốc tế - Thời đại // Quốc gia, Vùng:	
	Báo cáo dành cho việc phân tích bối cảnh quốc tế - quốc gia – vùng dung lượng khá ít - chỉ 5 trang – là không thỏa đáng (ít hơn dự báo bối cảnh thiên tai được dành 6 trang). Ngoài ra, trong nội dung này, ngoài những vấn đề chung được đề cập, có một số điểm cần bổ sung để nhấn mạnh các xu thế, vấn đề lớn, có khả năng tác động trực tiếp và mạnh đến lựa chọn quy hoạch của Gia Lai: - Xu thế dịch chuyển (hướng biển) các dòng đầu tư - thương mại trên thế giới, đặc biệt là trong khu vực châu Á – Thái Bình Dương, Đông Á. - Xu thế bảo hộ mậu dịch [Mỹ] “đôi đầu” xu thế tự do hóa thương mại [Trung Quốc]. - Xu thế tăng trưởng thương mại điện tử [đặc biệt ở Trung Quốc] trong bối cảnh kinh tế Trung Quốc và thế giới đang bất ổn và khó khăn; đánh giá tác động của nó đến triển vọng phát triển kinh tế Việt Nam (công – thương, dịch vụ và doanh nghiệp), đến lựa chọn định hướng và giải pháp thúc đẩy phát triển kinh tế của Gia Lai. - Xu thế phát triển Trí tuệ Nhân tạo và tác động đến chiến lược phát triển nguồn nhân lực. - Ưu tiên phát triển xanh, cần biến thành lựa chọn ưu tiên hàng đầu, mang tính đặc sắc – bản sắc, lợi thế phát triển nền tảng của Gia Lai.	Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu và giải trình như sau: - Về dung lượng, báo cáo dành 5 trang nhưng vẫn bảo đảm viết khái quát, cô đọng, không bỏ sót các nét chính về bối cảnh, xu hướng lớn của quốc tế, khu vực, vùng, quốc gia. Dung lượng dài hay ngắn không phản ánh chất lượng phân đánh giá bối cảnh của Báo cáo. Đối với các lĩnh vực chuyên ngành như nông nghiệp, công nghiệp, du lịch, thương mại, năng lượng... đã có các nội dung đánh giá bối cảnh riêng - Về việc đề nghị bổ sung trong đánh giá bối cảnh quốc tế (như thương mại điện tử, chiến tranh thương mại, AI...) Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu và đã được nêu trong các xu hướng lớn như cạnh tranh nước lớn (trong đó có chiến tranh thương mại), xu hướng chuyển đổi số, chuyển đổi xanh... Ngoài ra, các xu hướng cụ thể về thương mại điện tử, AI cũng đã được đánh giá trong các báo cáo chuyên đề phụ vụ xây dựng quy hoạch. Riêng đối với xu hướng phát triển "dịch chuyển về phía biển" không còn là xu hướng mới cũ đã diễn ra từ nhiều kỳ quy hoạch trước cả trên thế giới và Việt Nam.
	2.5. Lựa chọn kịch bản tăng trưởng và phát triển	

STT	Ý KIẾN THAM GIA	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Các kịch bản phát triển được xây dựng công phu, kỹ lưỡng, với nhiều luận cứ có sức thuyết phục, các tiêu chí, các tuyến mục tiêu được luận chứng chặt chẽ về mặt logic, theo cách tiếp cận so sánh, trên cơ sở đó, lựa chọn kịch bản “tối ưu”, căn bản phù hợp với các nhiệm vụ tăng trưởng quốc gia và góp phần khả thi hóa chúng. Tuy nhiên, vẫn cần sự giải thích – giải trình kỹ hơn căn cứ thực tiễn, tính nhất quán và tính khả thi của hệ mục tiêu (kinh tế) được chọn: tốc độ tăng trưởng GRDP (10,5-11,0%), mục tiêu GRDP/người so với mức chung của cả nước cơ bản duy trì ở mức 68-70% GDP/người cả nước), vốn đầu tư (tăng mạnh) và hiệu quả sử dụng vốn (giảm đột biến).	Báo cáo phân tích Kịch bản tăng trưởng kinh tế đã chỉ rõ: việc lựa chọn kịch bản tăng trưởng GRDP 10,5-11,0% dựa trên dự địa tăng trưởng của tỉnh và phù hợp với Nghị quyết Đại hội I của tỉnh Đảng bộ. Báo cáo nhấn mạnh, nếu phát triển như những năm trước đây, GRDP của Gia Lai chỉ có thể đạt 7,5-8,6%/năm (2026-2030), nên dự địa tăng trưởng vừa phải dựa vào việc gia tăng các nguồn đầu vào, nhưng quan trọng hơn là phải nâng cao chất lượng tăng trưởng. Về nguồn vốn đầu tư tăng thêm, Báo cáo Tổng hợp đã trình bày như sau: “Tổng vốn đầu tư xã hội theo giá so sánh tăng từ khoảng 48 nghìn tỷ đồng năm 2025 lên khoảng 83,7 nghìn tỷ đồng vào năm 2030, tương ứng tốc độ tăng bình quân khoảng 11,7%/năm. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội theo giá hiện hành toàn giai đoạn 2026-2030 khoảng 610-650 nghìn tỷ đồng, bình quân khoảng 122-130 nghìn tỷ đồng/năm. Tuy nhiên, điểm quan trọng là tỷ lệ INV/GRDP chỉ tăng nhẹ từ khoảng 39,15% lên khoảng 41,0%, trong khi ICOR giảm dần từ 5,83 xuống khoảng 5,0.” (tr 429). Tỷ lệ huy động thêm vốn đầu tư và hiệu quả sử dụng vốn như vậy là thấp hơn bình quân cả nước và nhiều tỉnh/thành phố khác, chứ không phải “vốn đầu tư (tăng mạnh) và hiệu quả sử dụng vốn (giảm đột biến)”.
	Tương quan số liệu này có thể và cần được giải trình kỹ hơn với các luận điểm cơ bản về sự thay đổi trong i) mô hình tăng trưởng – do thay đổi cấu trúc ưu tiên (nhấn mạnh hiệu quả sử dụng vốn hay tăng số lượng vốn huy động) và ii) năng lực huy động vốn (lưu ý tương quan thực lực, xu thế và năng lực thu hút vốn của khu vực bản địa và khu vực FDI). - Cần chỉ rõ tính hiện thực khả thi của các dự án lớn có khả năng tạo đột biến tăng trưởng của tỉnh trong 2-3 năm đầu của giai đoạn 2026-2030. - Thế mạnh của Gia Lai là Du lịch, được cộng hưởng bằng sự hợp nhất hai tỉnh có tiềm năng lớn và tính đặc thù – đặc sắc cao. Liệu có thể tập trung nỗ lực tạo đột biến cho ngành du lịch tỉnh, phù hợp với xu thế chung và cơ hội đang mở ra cho cả nước. Mục tiêu năm 2030 Gia Lai thu hút 18,5 triệu lượt khách du lịch, trong đó, 1,1 triệu lượt khách quốc tế (tỷ lệ 15,8/1) thấp xa tỷ lệ chung của cả nước (ít nhất 25/1) và chưa thể hiện đúng năng lực và nỗ lực thực tế của Gia Lai.	- Để đạt mức tăng trưởng 2 con số, rất cần phải có “các dự án lớn có khả năng tạo đột biến tăng trưởng” trên địa bàn tỉnh. Phần lớn danh mục các dự án lớn đã được xác định trong Chương trình hành động số 01-CTr/TU ngày 23/10/2025 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 – 2030, trong đó có một số Dự án đã có kế hoạch triển khai cụ thể. Từ trang 429 – 443, Báo cáo đã tính toán, luận giải nguồn lực vốn và lao động cho Kịch bản tăng trưởng khả thi tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026 – 2030. Trong đó, đã xác định 5 nhóm động lực đầu tư chiến lược giữ vai trò dẫn dắt tăng trưởng của tỉnh Gia Lai. - Ngoài ra, nhóm Tư vấn sau khi nghiên cứu, dự kiến sẽ bổ sung thêm vào Báo cáo một số dự án lớn có ý rất quan trọng đối với tăng trưởng 2 con số sau: + Phát triển tổng thể Đầm Thị Nại + Phát triển Đô thị Pleiku mở rộng + Tín chỉ carbon (kết hợp với vùng nguyên liệu lớn trên cao nguyên Pleiku) + Phát triển các khu kinh tế và/hoặc khu công nghiệp kinh tế - quốc phòng - Còn “năng lực huy động vốn” thì phụ thuộc trước hết vào kết quả cải cách thủ tục hành chính và mức độ thuận lợi, hấp dẫn của môi trường đầu tư kinh doanh do tỉnh tạo lập; bởi hiện nay, phần lớn vốn đầu tư phát triển là từ khu vực tư nhân trong và ngoài nước. Các tỉnh và thành phố phải cạnh tranh nhau để thu hút đầu tư; tỉnh nào có môi trường đầu tư tốt và khả năng đem lại cơ hội kinh doanh có lãi thì các nhà đầu tư sẽ đến.
	2.6. Các nhiệm vụ trọng tâm – đột phá: Cần làm rõ và nhấn mạnh hơn một số tọa độ ưu tiên phát triển: - Khu Đô thị - Công nghiệp - cảng biển Phù Mỹ: - Trung tâm Du lịch nghỉ dưỡng, chăm sóc sức khỏe và Trung tâm Thể thao Pleiku gắn với Đô thị Sinh thái Pleiku. Trong hành lang (tuyến) phát triển Quy Nhơn – Đắk Đoa - Pleiku	Những nội dung cụ thể này Tư vấn xin được tiếp thu, trình bày vào mục phát triển của từng lĩnh vực cụ thể

Ý KIẾN CỦA CHUYÊN GIA TRẦN TRỌNG HANH

STT	Ý KIẾN THAM GIA	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	2.1.2. Một số góp ý để bổ sung và hoàn thiện báo cáo quy hoạch	
	1. Bổ sung thêm phần “Kết luận và kiến nghị”.	
	2. Sắp xếp, điều chỉnh bố cục báo cáo theo quy định của Nghị định số 70/2026/ND-CP và phù hợp với logic, trình tự phương pháp luận nghiên cứu lập quy hoạch, cụ thể:	Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu và đã sắp xếp bố cục báo cáo theo quy định tại Điều 26, Nghị định 70
	a) Phần Mở đầu: (II) Về căn cứ lập điều chỉnh quy hoạch cần bám sát quy định tại Điều 19 Luật số 112/2026/QH15 gồm: (i) Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực cùng giai đoạn phát triển; (ii) Cơ sở quy hoạch, gồm: Quy hoạch thời kỳ trước, quy hoạch có liên quan (cấp quốc gia, vùng ...); quy hoạch chi tiết ngành, quy hoạch đô thị và nông thôn; (iii) Căn cứ pháp lý gồm: Các văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hành chính đặc biệt có liên quan; (III) Chủ yếu tập trung xác định “phạm vi, ranh giới điều chỉnh quy hoạch”, quan điểm, mục tiêu lập quy hoạch và các yêu cầu về nội dung điều chỉnh quy hoạch, phù hợp với Đề cương lập điều chỉnh quy hoạch Tỉnh.	Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu ý kiến của CHuyên gia và sẽ rà soát, sắp xếp các căn cứ pháp lý lập điều chỉnh theo đúng quy định của Luật quy hoạch
	b) Phần thứ nhất: Căn cứ Điều 26 Nghị định số 70/2026/ND-CP: (i) mục I: Làm chính xác lại là “Phân tích, đánh giá vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, xã hội. (ii) Mục (IX): Bổ sung nội dung “Xác định những tồn tại, hạn chế cần giải quyết và nguyên nhân, trước khi phân tích SWOT, để làm cơ sở xác định chiến lược phát triển tỉnh trong thời kỳ quy hoạch.	Cơ quan soạn thảo đã tiếp thu và cập nhật tại Mục II và Mục IX của Phần thứ nhất trong Báo cáo thuyết minh tổng hợp
	c) Phần thứ hai: (i) Mục I. Khoản 1 “Đánh giá cấu trúc phát triển kinh tế tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021 - 2025” nên được thay bằng “Các cơ sở xây dựng kịch bản phát triển kinh tế của tỉnh Gia Lai”. (ii) Điều chỉnh lại mục III “Tầm nhìn đến năm 2050” đưa lên mục II “Quan điểm, tầm nhìn, mục tiêu phát triển”, cho phù hợp với Nghị định số 70/2026/ND-CP và nội dung biên tập tại trang 442. Như vậy, mục III (trang 425) “Tầm nhìn” là trùng lặp, cần phải sắp xếp lại.	Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu và đã sắp xếp các tiểu mục theo quy định tại Nghị định 70/2026/NĐ-CP

STT	Ý KIẾN THAM GIA	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	d) Phần thứ ba: (i) Khoản 3 Mục I: Bổ sung thêm 1 số ngành kinh tế tổng hợp khác ngoài “kinh tế biển”, ví dụ: Kinh tế số, kinh tế đô thị, kinh tế tuần hoàn, một số ngành kinh tế khác có khả năng tạo ra sự phát triển đột phá, nhờ vào năng suất và hiệu quả; (II) Mục II, nên chia mục này thành 02 khoản, theo quy định tại Khoản 6 Điều 26 Nghị định số 70/2026/ND-CP; (III) Có thể gộp mục III và mục IV thành một mục như quy định tại khoản 7 Điều 26 Nghị định số 70/2026/ND-CP; (IV) Bổ sung thêm mục “Phương hướng phát triển không gian ngầm”. Đây là một hợp phần rất cần thiết và quan trọng đối với vị thế và vai trò của tỉnh Gia Lai; (V) Mục VII “Định hướng sử dụng đất trên địa bàn toàn tỉnh”. Nội hàm của mục này chưa phù hợp với quy định tại Khoản 18 Nghị định số 70/2026/ND-CP, gồm: (1) Định hướng sử dụng đất theo không gian, chức năng và nhu cầu sử dụng đất của các ngành và lĩnh vực; (2) Phân bổ các chỉ tiêu đến từng đơn vị hành chính cấp xã. Nội hàm mục VII vẫn nghiên cứu theo Nghị định số 37/2019/ND-CP cũ.	Theo quy định của Luật Quy hoạch và Nghị định số 70/2026/NĐ-CP, nội dung phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực trong quy hoạch tỉnh tập trung vào các ngành kinh tế chủ yếu, các lĩnh vực phát triển và tổ chức không gian phát triển trên địa bàn tỉnh. Trong hệ thống ngành kinh tế Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, các nội dung như kinh tế số, kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, kinh tế đô thị không được xác định là các ngành kinh tế độc lập mà là các mô hình, phương thức hoặc định hướng phát triển mang tính liên ngành, được triển khai trong nhiều ngành, lĩnh vực khác nhau. Trên cơ sở đó, Báo cáo không bố trí thành các mục riêng tương đương với các ngành kinh tế chủ yếu như công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ hoặc kinh tế biển nhằm bảo đảm thống nhất với cấu trúc nội dung quy hoạch tỉnh và tránh trùng lặp trong quá trình xây dựng phương hướng phát triển ngành, lĩnh vực. Tuy nhiên, tiếp thu ý kiến của chuyên gia, Nhóm nghiên cứu đã rà soát và bổ sung các nội dung liên quan đến phát triển kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và các mô hình kinh tế mới trong các phần phương hướng phát triển ngành công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ, đô thị, hạ tầng và khoa học công nghệ; đồng thời làm rõ hơn vai trò của các mô hình kinh tế này như các động lực quan trọng nâng cao năng suất, hiệu quả và chất lượng tăng trưởng của tỉnh Gia Lai trong giai đoạn tới.
	2.2. Về kịch bản phát triển kinh tế và các điều kiện, nguồn lực hiện thực hóa kịch bản lựa chọn.	
	1. Phần thứ hai về “Xây dựng kịch bản phát triển” và “Quan điểm, tầm nhìn, mục tiêu phát triển” đã được nghiên cứu rất công phu, bài bản và nghiêm túc. Kịch bản phát triển được lựa chọn có luận chứng kỹ và thuyết phục với tốc độ tăng trưởng là 10,5% trung bình năm. Tuy nhiên, kịch bản này cũng phải đối mặt với thách thức lớn từ tốc độ tăng trưởng trung bình là 6,36% trung bình năm đã diễn ra suốt 15 năm, trong 02 giai đoạn từ 2011 - 2020 và 2021 - 2025 (được đánh giá là thấp hơn tốc độ trung bình của cả nước). Theo đó, quy mô dân số của Tỉnh 2025 sẽ là 3.183.000 người (theo Báo cáo QH, trang 403) tăng lên 3.320.000 người (Kịch bản c). Như vậy, tốc độ tăng dân số trung bình năm sẽ là: 8,46%. Về đô thị hóa, theo dự báo (trang 570, bảng 1), tỷ lệ đô thị hóa năm 2030 sẽ đạt 52,5%, tương ứng với 1.743.000 người sẽ sống trong đô thị; so với năm 2025 là 1.153.000 người, tương ứng tỷ lệ đô thị hóa là 36,5%. Như vậy, tốc độ tăng dân số đô thị hàng năm sẽ là 8,62%. Tương tự, GRDP/người năm 2030 sẽ tăng gấp 02 lần so với năm 2025, đạt tốc độ tăng trưởng khoảng 14 - 15% trung bình năm... Với tốc độ tăng trưởng phi mã về kinh tế, dân số, đô thị hóa và thu nhập bình quân GRDP/người như trên, đương nhiên sẽ kéo theo nhu cầu sử dụng đất, đặc biệt là đất xây dựng đô thị gia tăng, đòi hỏi Tỉnh không chỉ có quyết tâm chính trị cao mà phải có những giải pháp đặc biệt để có thể hoàn thành được các mục tiêu và nhiệm vụ đặt ra.	Cơ quan lập quy hoạch xin tiếp thu.
	2.3. Về phương hướng tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội.	
	- Ngoài 02 khu kinh tế Nhơn Hội và Lê Thanh, đề nghị cân nhắc bổ sung “không gian biển”, như một khu vực phát triển kinh tế biển quan trọng của Tỉnh	Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu. Trong đồ án quy hoạch tỉnh đã có phương án sử dụng không gian biển và được trình bày tại Điểm 1.9 - Mục III - Phần III của Báo cáo thuyết minh tổng hợp
	2.4. Về phương hướng phát triển đô thị và nông thôn	

STT	Ý KIẾN THAM GIA	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	1. Báo cáo nên sắp xếp thành 02 mục lớn: (i) Phương hướng phát triển đô thị; (ii) Phương hướng phát triển nông thôn.	Tư vấn xin tiếp thu ý kiến góp ý. Nội dung này đã được sắp xếp riêng biệt tại mục II. Phương hướng phát triển đô thị nông thôn
	2. Đối với phương hướng phát triển đô thị, nội dung nghiên cứu bao gồm: (i) Cơ sở xác định phương hướng phát triển đô thị và các chỉ tiêu phát triển đô thị; (ii) Phương hướng phát triển đô thị gồm: Hệ thống đô thị được xác định trong quy hoạch quốc gia, quy hoạch vùng (gồm 04 đô thị) và hệ thống các đô thị loại III thuộc tỉnh (gồm 24 đô thị). Các đô thị mới gắn với phương hướng phát triển đô thị hướng giao thông công cộng trên địa bàn tỉnh Gia Lai (TOD). Làm rõ phương án kết nối giữa các đô thị để hình thành các “Chùm đô thị” hoặc các “Vùng đô thị” của tỉnh (Urban agglomeration), làm cơ sở quy hoạch hệ thống kết cấu hạ tầng liên phường. Lưu ý, xác định các chỉ tiêu phát triển cho từng đô thị làm cơ sở cho việc lập quy hoạch đô thị sau khi điều chỉnh QHT được duyệt.	Tư vấn xin tiếp thu ý kiến góp ý và giải trình như sau: Về nội dung góp ý đối với phương hướng phát triển đô thị, hồ sơ đã được rà soát, tiếp thu và chỉnh sửa theo đúng tính chất, cấp độ và phạm vi của quy hoạch tỉnh theo quy định pháp luật hiện hành về quy hoạch. Theo đó, đối với quy hoạch tỉnh, nội dung nghiên cứu về phát triển đô thị tập trung vào việc xác định định hướng hệ thống đô thị trên địa bàn; xác lập vai trò, vị trí, chức năng của các đô thị trong mối quan hệ với quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch ngành quốc gia và quy hoạch vùng; đồng thời định hướng các trục phát triển, hành lang liên kết, không gian phát triển đô thị và mối quan hệ đô thị – nông thôn trên phạm vi toàn tỉnh. Quy hoạch tỉnh không đi vào xác định đầy đủ, chi tiết toàn bộ các chỉ tiêu phát triển cho từng đô thị như một đồ án quy hoạch đô thị riêng biệt. Trên cơ sở đó, hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh đã xác định hệ thống đô thị của tỉnh phù hợp với định hướng phát triển hệ thống đô thị quốc gia, trong đó các đô thị loại II của tỉnh đã được rà soát, cập nhật và tuân thủ theo Quyết định số 836/QĐ-BXD ngày 01/6/2026 của Bộ Xây dựng về điều chỉnh Quy hoạch tổng thể hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021–2030, tầm nhìn đến năm 2050. Đồng thời, hồ sơ cũng xác định hệ thống các đô thị loại III thuộc tỉnh, định hướng các khu vực phát triển đô thị mới gắn với các hành lang động lực, các đầu mối giao thông và định hướng phát triển đô thị theo mô hình TOD trên địa bàn.

STT	Ý KIẾN THAM GIA	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		Đối với nội dung hình thành các “chùm đô thị”, “vùng đô thị” hay mô hình urban agglomeration, hồ sơ đã tiếp thu theo hướng làm rõ hơn mối liên kết giữa các đô thị thông qua các hành lang phát triển chủ đạo, các trục giao thông chiến lược, hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội cấp vùng, qua đó làm cơ sở cho việc tổ chức không gian phát triển đô thị theo mạng lưới, tăng cường liên kết giữa các khu vực động lực, các trung tâm tổng hợp, trung tâm chuyên ngành và các tiểu vùng trong tỉnh. Tuy nhiên, việc xác định ranh giới, quy mô, cấu trúc không gian cụ thể và hệ thống hạ tầng liên phường, liên khu vực của từng chùm đô thị hoặc vùng đô thị sẽ được tiếp tục nghiên cứu, cụ thể hóa trong các cấp độ quy hoạch và chương trình phát triển tiếp theo. Đối với yêu cầu xác định các chỉ tiêu phát triển cho từng đô thị, hồ sơ xin được giải trình rằng tại cấp quy hoạch tỉnh, các chỉ tiêu được xác định theo hướng khung định hướng, phục vụ phân bổ không gian phát triển và tổ chức hệ thống đô thị toàn tỉnh. Các chỉ tiêu kinh tế – kỹ thuật, quy mô dân số, đất đai, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và chỉ tiêu phân loại của từng đô thị sẽ được tiếp tục nghiên cứu, tính toán và làm rõ trong Chương trình phát triển đô thị của tỉnh, Chương trình phát triển từng đô thị và các đồ án quy hoạch chung đô thị, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết theo đúng trình tự, thẩm quyền và yêu cầu của pháp luật về quy hoạch và phát triển đô thị. Vì vậy, hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh đề nghị giữ cách tiếp cận theo đúng cấp độ quy hoạch tỉnh: xác định hệ thống đô thị, vai trò chức năng, định hướng tổ chức không gian và liên kết phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh; đồng thời làm cơ sở để triển khai các bước nghiên cứu sâu hơn ở cấp chương trình phát triển đô thị và quy hoạch đô thị sau khi Quy hoạch tỉnh được phê duyệt
	3. Đối với phương hướng phát triển khu vực nông thôn: - Căn cứ Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg ngày 29/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ, nên nghiên cứu phân loại và xác định 03 nhóm xã để xây dựng phương hướng quy hoạch và phát triển các xã nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030. - Tổng số xã của tỉnh Gia Lai là 110 xã, cần được sắp xếp và phân thành các khu vực nông thôn, để làm cơ sở nghiên cứu quy hoạch, kết nối các xã nông thôn và xây dựng kết cấu hạ tầng liên xã.	Tư vấn xin tiếp thu ý kiến góp ý. Nội dung phương hướng phát triển khu vực nông thôn đã căn cứ trên các quy định của pháp luật hiện hành, các chỉ tiêu về nông thôn mới, phân loại và định hướng tổ chức không gian nông thôn tại mục 5. Xác định khu vực nông thôn, phương hướng phát triển khu vực nông thôn
	2.5. Về giải pháp và nguồn lực thực hiện điều chỉnh Quy hoạch Tỉnh.	
	- Về nhu cầu vốn đầu tư theo tư vấn dự kiến 610 - 650 nghìn tỷ đồng, khoảng 24,5 tỷ USD (con số này cần kiểm tra lại, tôi tính là 38,5 tỷ USD). với giả thuyết hệ số I COR sẽ giảm dần từ 5,5 (2025) xuống 5,0 (2030) (so với 10,55 hiện nay). Theo cách tính này, tổng nhu cầu huy động vốn đầu tư sẽ gia tăng từ 1,5 - 2,0 lần so với giai đoạn 2021 - 2025. Tuy nhiên, nếu I COR không thể giảm được như kỳ vọng thì nhu cầu vốn đầu tư có thể sẽ tăng lên 3 - 4 lần so với giai đoạn 2021 - 2025. Thực tế này đòi hỏi phải có biện pháp huy động vốn và giải ngân quyết liệt.	Những nội dung này Tư vấn xin tiếp thu và sẽ trình bày rõ hơn ở phần Giải pháp thực hiện.
	- Về lao động, nhu cầu gia tăng lao động từ 1,75 triệu người (2025) lên 1,825 triệu người là không lớn. Tuy nhiên, điểm nghẽn lớn nhất đối với việc phát triển lực lượng lao động là phải có tay nghề cao, đáp ứng yêu cầu thị trường lao động.	Đơn vị tư vấn xin được phép tiếp thu và giải trình như sau: Nội dung đã được đề cập "Tại Phần thứ tư mục 2 Điều chỉnh, bổ sung giải pháp về phát triển nguồn nhân lực"

STT	Ý KIẾN THAM GIA	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	- Về kết cấu hạ tầng, Tỉnh nên ưu tiên tập trung đầu tư cho hành lang Đông - Tây, kết nối lưỡng cực là Pleycu và Quy Nhơn. Đây là trục chiến lược quyết định tính thống nhất tương lai của Tỉnh.	Tư vấn xin tiếp thu ý kiến góp ý. Hành lang Đông Tây được xác định là trục hành lang động lực quan trọng của tỉnh, đây là xương sống chiến lược và được xếp hàng đầu trong định hướng phát triển của Tỉnh Gia lai
	- Ngoài ra, việc xử lý các vấn đề về bảo vệ môi trường theo báo cáo đánh giá môi trường chiến lược cũng là vấn đề rất đáng quan tâm, cần được xử lý tích hợp trong Báo cáo quy hoạch.	
	2.6. Về dự thảo Quyết định phê duyệt.	
	Trên cơ sở hoàn chỉnh Báo cáo quy hoạch theo văn bản thẩm định của Hội nghị thẩm định này, cơ quan tổ chức lập điều chỉnh quy hoạch chỉ đạo cơ quan lập quy hoạch và Tư vấn hoàn chỉnh, sửa, bổ sung Quyết định phê duyệt theo quy định tại Điều 40 Luật Quy hoạch (Luật số 112/2025/QH15), đặc biệt phải rà soát, làm chính xác lại các số liệu trong Quyết định phê duyệt điều chỉnh QHT hiện đang chưa khớp với các số liệu trong thuyết minh Báo cáo quy hoạch	Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu và sẽ rà soát đồng bộ số liệu giữa Báo cáo thuyết minh và Dự thảo quyết định phê duyệt

Ý KIẾN CỦA TS. NGUYỄN ĐẮC NHÂN

STT	Ý KIẾN THAM GIA	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	1. Rà soát, bổ sung đầy đủ cơ sở chính trị và căn cứ pháp lý lập Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Gia Lai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Về cơ sở chính trị căn bổ sung Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh; Nghị quyết số 1664/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Gia Lai năm 2025; Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng; Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng (ngày 23/01/2026). Về căn cứ pháp lý căn bổ sung Nghị định số 70/2026/NĐ-CP ngày 09/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch; Thông tư số 22/2026/TT-BTC ngày 17/3/2026 của Bộ Tài chính Hướng dẫn nội dung và yêu cầu kỹ thuật của cơ sở dữ liệu về quy hoạch và sơ đồ quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh... và một số văn bản quy phạm pháp luật có liên quan có hiệu lực sau khi chính quyền địa phương 2 cấp đi vào hoạt động (sau ngày 01/7/2025).	Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu và đã cập nhật các căn cứ pháp lý lập điều chỉnh quy hoạch tại Mục II - Phần Mở đầu của Báo cáo thuyết minh tổng hợp
	2. Về Xây dựng kịch bản phát triển; quan điểm, mục tiêu phát triển tỉnh Gia Lai thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Phần thứ hai). Tại Mục III - TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050 (trang 425) Báo cáo nêu rất ngắn gọn “Đến năm 2050, Gia Lai là một tỉnh giàu có và đáng sống của vùng Nam Trung bộ và Tây Nguyên, có các đô thị hiện đại, thông minh, giàu bản sắc; có kinh tế biển xanh và kinh tế cao nguyên xanh, hiệu quả và năng suất cao; đời sống mọi mặt của nhân dân được nâng cao; quốc phòng, an ninh được đảm bảo”. Đề nghị nghiên cứu bổ sung theo hướng trình bày kịch bản phát triển; quan điểm và mục tiêu phát triển tỉnh Gia Lai tầm nhìn đến năm 2050 có cơ sở khoa học hơn, có đầy đủ cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn; trên cơ sở đó đưa ra mục tiêu phát triển tỉnh Gia Lai tầm nhìn đến năm 2050 rõ nét hơn (có thể vừa định tính, vừa định lượng hoặc chỉ là định tính) để bảo đảm tầm nhìn đến năm 2050 có tính thuyết phục hơn.	Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu và đã rà soát, cập nhật, bổ sung đối với nội dung về phương pháp, cơ sở xây dựng kịch bản, Mục tiêu; Tầm nhìn đến năm 2050 tại Phần thứ hai của Báo cáo thuyết minh tổng hợp
	3. Báo cáo đã trình bày định hướng sử dụng đất, bao gồm: (i) Định hướng phát triển theo ba trục hành lang động lực và (ii) Định hướng theo 04 vùng chức năng sử dụng đất. Đây là cơ sở để bảo đảm tính khả thi của phương hướng phát triển và tổ chức không gian phát triển tỉnh Gia Lai thời kỳ 2021 – 2030. Tuy nhiên, nếu báo cáo bổ sung định hướng diện tích đất (có thể là dãy số động) và cơ cấu diện tích các loại đất theo quy định của pháp luật đất đai trong các vùng chức năng sử dụng đất thì sẽ nâng cao vai trò, vị thế của việc định hướng sử dụng đất trong phương hướng phát triển và tổ chức không gian phát triển tỉnh Gia Lai thời kỳ 2021 – 2030.	Đơn vị tư vấn xin được phép tiếp thu ý kiến đóng góp và sẽ nghiên cứu, bổ sung theo quy định của pháp luật đất đai
	4. Báo cáo đã xác định 03 chỉ tiêu sử dụng đất cấp quốc gia. Tuy nhiên, theo quy định của Luật Quy hoạch 2025, chỉ tiêu sử dụng đất cấp quốc gia bao gồm 08 chỉ tiêu (Nhóm đất nông nghiệp; Đất trồng lúa; Đất rừng đặc dụng; Đất rừng phòng hộ; Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên; Nhóm đất phi nông nghiệp; Đất an ninh). Do đó, cần rà soát, cân đối, xác định đầy đủ 08 chỉ tiêu sử dụng đất cấp quốc gia trên địa bàn tỉnh Gia Lai theo đúng quy định.	Đơn vị tư vấn xin được phép tiếp thu và giải trình như sau: Tại bảng số 112 (trang 859-860): "Chỉ tiêu sử dụng đất được phân bổ từ quy hoạch sử dụng đất quốc gia đến năm 2030" đã thể hiện đầy đủ các chỉ tiêu sử dụng đất cấp quốc gia phân bổ theo quyết định số 326/QĐ/TTg của Thủ tướng chính phủ.

STT	Ý KIẾN THAM GIA	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	5. Đối với chỉ tiêu sử dụng đất theo nhu cầu của tỉnh: cân tính toán, cân đối lại và trình bày đầy đủ hơn về nguồn lực và các giải pháp cụ thể để đảm bảo tính khả thi đối với các chỉ tiêu sử dụng đất tăng mạnh, như: - Đất xây dựng trụ sở cơ quan tăng 510 ha và đất xây dựng công trình sự nghiệp tăng 3.748 ha so với hiện trạng năm 2024 trong khi việc sắp nhập các cơ quan nhà nước các cấp vừa qua đã đòi dư nhiều cơ sở nhà đất. Do vậy Tỉnh cần rà soát đưa vào sử dụng các cơ sở nhà đất này cho các mục đích, bao gồm cả làm trụ sở cơ quan và xây dựng công trình sự nghiệp, hạn chế quy hoạch, bố trí quỹ đất mới, bảo đảm sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả nguồn lực đất đai. - Đất khu công nghiệp tăng 6.634 ha (gấp trên 02 lần) so với năm 2024 (diện tích đăng ký ưu tiên đất nông nghiệp); tương tự, đất cụm công nghiệp tăng 8.689 ha (gấp trên 05 lần) so với năm 2024 (diện tích tăng chủ yếu từ đất nông nghiệp); đất thương mại, dịch vụ tăng 7.969 ha (gấp trên 04 lần) so với năm 2024 (diện tích tăng chủ yếu từ đất nông nghiệp). - Đất sử dụng vào mục đích công cộng tăng 25.345 ha so với năm 2024. Trong đó: Đất giao thông tăng 9.274 ha; đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng tăng 10.127 ha; đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng tăng 2.183 ha so với năm 2024.	Đơn vị tư vấn xin được phép tiếp thu ý kiến và giải trình như sau: - Đối với đất xây dựng trụ sở cơ quan và công trình sự nghiệp: Hiện nay, trên đại bàn tỉnh Gia Lai, hầu hết các xã đã hoàn thành xong quy hoạch đô thị và nông thôn. Diện tích phân bổ các loại đất trên ngoài các công trình lớn đã được định hướng của Tỉnh, còn lại là nhu cầu sử dụng đất của cấp xã. - Đối với đất khu, cụm công nghiệp và thương mại dịch vụ: Phương án phân bổ sử dụng đất đã cập nhật theo phương án phát triển khu, cụm CN trên địa bàn tỉnh do các chuyên gia phụ trách lĩnh vực đã làm việc với Ban quản lý KKT và sở Công thương. - Đối với đất công cộng: Trong ĐCQH tỉnh Gia Lai đã xác định, Gia Lai nằm trong 03 hành lang kinh tế quan trọng của Vùng như: Hành lang kinh tế Bắc - Nam ven biển (Đà Nẵng - Quy Nhơn - Phan Thiết); Hành lang kinh tế Bắc - Nam Tây Nguyên (Kon Tum - Pleiku - Buôn Ma Thuột - Gia Nghĩa); Hành lang kinh tế Bờ Y - Pleiku - Quy Nhơn. Do vậy, nhu cầu đất giao thông để thực hiện các đường cao tốc, nâng cấp, mở rộng các đường quốc lộ, tỉnh lộ, bến cảng tàu thuyền, cảng cạn ICD,... là cần thiết. Ngoài ra, nhu cầu sử dụng đất giao thông của các đơn vị cấp xã thuộc tỉnh cũng tăng cao do thực hiện các tiêu chí về nông thôn mới (trong đó có phát triển mạng lưới gia thông) Đến năm 2030, nhu cầu đất năng lượng của tỉnh tăng cao để thực hiện các công trình về điện gió, điện mặt trời. Đảm bảo mục tiêu đến năm 2030, điện năng thương phẩm đạt khoảng 8,5-9%/năm
	6. Về giải pháp thực hiện quy hoạch cần trình bày cụ thể hơn nội dung các giải pháp cho từng ngành, lĩnh vực để nâng cao tính khả thi của phương án quy hoạch tỉnh.	Những nội dung này Tư vấn xin tiếp thu và sẽ trình bày rõ hơn ở phần Giải pháp thực hiện.
	7. Bộ bản đồ, sơ đồ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Gia Lai thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 cần kiểm tra, rà soát lại để thể hiện lời bình đồ trên hệ tọa độ quốc gia VN2000 theo đúng quy định; các yếu tố bản đồ nền cần phải thể hiện giống nhau trên tất cả các sơ đồ, bản đồ; rà soát bổ sung đầy đủ chú giải các đối tượng trên sơ đồ còn thiếu; tất cả các địa danh cần rà soát, cập nhật đúng thực tế theo chính quyền địa phương 2 cấp.	Về hệ tọa độ và lời bình đồ: Đã thực hiện kiểm tra, hiệu chỉnh toàn bộ các tấm bản đồ, sơ đồ đảm bảo thể hiện lời bình đồ chính xác trên nền Hệ tọa độ quốc gia VN-2000 (kinh tuyến trục 108°30', múi chiếu 3° hoặc 6° theo đúng quy định kỹ thuật cho tỉnh Gia Lai). Về tính đồng bộ của bản đồ nền: Đã chuẩn hóa và thống nhất một dữ liệu nền địa hình (base map) duy nhất cho toàn bộ bộ hồ sơ. Đảm bảo các yếu tố nền (ranh giới hành chính, hệ thống giao thông chính, thủy hệ, địa hình...) thể hiện hoàn toàn đồng nhất, không có sự sai lệch giữa các sơ đồ chuyên ngành khác nhau. Về hệ thống chú giải: Đã rà soát chi tiết từng bản vẽ, bổ sung đầy đủ chú giải cho tất cả các đối tượng địa lý, ký hiệu phân màu, ký hiệu chuyên ngành còn thiếu hoặc chưa rõ ràng, đảm bảo tính dễ đọc và đúng quy chuẩn kỹ thuật đồ họa quy hoạch. Về địa danh hành chính: Đã phối hợp với các cơ quan chức năng địa phương để cập nhật, đối chiếu hệ thống địa danh (tên xã, các khu vực đặc thù) chính xác theo đúng thực tế quản lý hiện hành của chính quyền địa phương 2 cấp tính đến thời điểm hiện tại.

Phụ lục 6:**Ý KIẾN THAM GIA CỦA ĐC NGUYỄN TỰ CÔNG HOÀNG PHÓ CHỦ TỊCH UBND TỈNH GIA LAI -**

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung tiếp thu giải trình
1	Rà soát lại tên các khu CN, cụm CN cho chính xác	Tư vấn tiếp thu và đã bổ sung rà soát
2	Xác định vùng chăn nuôi cho rõ	Đã xác định rõ 7 vùng, với quy mô, địa điểm và đối tượng
3	Đánh giá tiềm năng và đề xuất quy mô đầu tư năng lượng tái tạo cho phù hợp	Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu. Việc đề xuất quy mô đầu tư năng lượng tái tạo trên địa bàn tỉnh đã được nghiên cứu trên cơ sở đánh giá tiềm năng năng lượng tái tạo của tỉnh và chỉ thực hiện các dự án khi được cấp có thẩm quyền cho phép và phù hợp quy hoạch ngành quốc gia.
4	Rà soát kỹ tại từng trang trong thuyết minh để phù hợp với sơ đồ, phụ lục kèm theo	Tư vấn tiếp thu và đã rà soát thống nhất thông tin, số liệu giữa báo cáo, quyết định, hệ thống sơ đồ, bản đồ

Phụ lục 7:

Ý KIẾN THAM GIA CỦA ĐỒNG CHÍ NGUYỄN THỊ THANH LỊCH - PHÓ CHỦ TỊCH UBND TỈNH GIA LAI

STT	Ý KIẾN THAM GIA	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Tích hợp quy hoạch của các bộ, ngành: Y tế, VHTT và Du lịch, Giáo dục và đào tạo	Tư vấn xin tiếp thu ý kiến
	Bổ sung yếu tố đặc thù dân tộc, tôn giáo, biên giới	Tư vấn xin tiếp thu ý kiến và đã bổ sung các yếu tố đặc thù của tỉnh trong Báo cáo thuyết minh tổng hợp
	Quy hoạch chú trọng bản sắc văn hóa - cảnh quan kiến trúc	QCLQH xin tiếp thu. Nội dung về bản sắc văn hóa đã được tích hợp xuyên suốt quan điểm và định hướng phát triển của tỉnh trong thời kỳ tới
	Phát triển du lịch bằng ngành kinh tế tích hợp: kinh tế văn hóa, kinh tế di sản, kinh tế thể thao, công nghiệp văn hóa	CQLQH đã tiếp thu, bổ sung tại tiểu mục b. Định hướng phát triển thuộc mục 3.3.2. Du lịch

Ý KIẾN THAM GIA CỦA ĐỒNG CHÍ PHAN LÊ THU HẰNG - PHÓ VỤ TRƯỞNG VỤ KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH BỘ Y TẾ

STT	Ý KIẾN THAM GIA	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
1	Gia Lai là tỉnh sáp nhập giữa Bình Định cũ và Gia Lai cũ có đặc điểm: Hệ thống y tế tỉnh Bình Định cũ mạnh hơn trong khi lực lượng y tế Gia Lai cũ còn không lớn. Khi kết hợp 2 tỉnh hệ thống y tế Gia Lai gặp rất nhiều khó khăn thách thức bởi diện tích tự nhiên lớn hơn, quy mô dân số cao, nhiều đặc thù bất lợi cho chăm sóc sức khỏe người dân đặc biệt khu vực phía Tây... Định hướng phát triển hệ thống y tế của Tỉnh tương đối phù hợp. Tuy nhiên một số điểm cần lưu ý thêm:	
	Thứ nhất: Định hướng đến năm 2030 đặt ra mục tiêu 36,4 giường bệnh/ 1 vạn dân và 10,5 bác sĩ/1 vạn dân, có thể thấy hiện nay tỷ lệ bác sĩ/vạn dân của Gia Lai là 9,1 bác sĩ/vạn dân, trong khi mục tiêu đến 2030 là 10,5 bác sĩ/vạn dân. nếu đặt mục tiêu như vậy đến năm 2030 số giường bệnh cao hơn bình quân toàn quốc. Tuy nhiên bác sỹ mới đạt 10,5 bác sĩ/ vạn dân bằng khoảng 2/3 bình quân toàn quốc hiện nay. Qua đây thấy nhân lực y tế của Gia Lai rất mỏng đặc biệt càng mỏng hơn so với số giường bệnh. Đây là điểm hạn chế của Gia Lai về nhân lực chất lượng cao, điều này đặt ra một rủi ro: Khi mở rộng quy mô bệnh viện tỉnh sẽ thu hút trên số lượng lớn bác sỹ làm việc tại đó sẽ tạo thêm khoảng trống về nhân lực cho y tế cơ sở. Đề nghị tỉnh cần nhắc: bên cạnh việc mở rộng quy mô các bệnh viện tuyến tỉnh phải có giải pháp gia tăng nhanh nhân lực chất lượng cao kèm theo.	Cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu bổ sung giải pháp về phát triển nhân lực y tế chất lượng cao tại phần thứ ba, mục I, điểm 3.5_3.5.1_3.5.1.8 trong BCTH
	Thứ 2: Trong định hướng phát triển của tỉnh về lĩnh vực y tế chưa có một kế hoạch phát triển mạng lưới y tế cơ sở trong giai đoạn đến năm 2030 và giai đoạn tiếp theo. Gia Lai vẫn duy trì 28 trung tâm y tế đa chức năng (gồm trung tâm y tế khu vực). Mạng lưới trạm y tế xã cơ bản vẫn duy trì như trước đây (chưa có định hướng phát triển mạng lưới y tế cơ sở một cách rõ ràng. Nếu giữ nguyên thực trạng rõ ràng sẽ không phù hợp với nghị quyết, thực trạng chính quyền địa phương 2 cấp. Phải có giải pháp tối ưu vì bối cảnh hiện nay đã thay đổi nhiều. Xu hướng chung phát triển mạnh y tế xã để nó đảm nhận tối ưu công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu. Các trung tâm y tế huyện sẽ chuyển đổi thành các bệnh viện đa khoa khu vực để tập trung vào khám chữa bệnh và có sự kết nối chặt chẽ với nhau trong đó chăm sóc khúc khỏe ban đầu.	Cơ quan lập quy hoạch đã trao đổi nội dung này với Sở y tế tỉnh Gia Lai và giải trình nội dung này như sau: Theo Nghị quyết 105/NQ-CP tại phụ lục II. Định hướng sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập của Bộ, ngành, địa phương; trong đó đối với lĩnh vực y tế có nêu: "<i>Trên cơ sở rà soát, đánh giá về phạm vi và hiệu quả hoạt động của các Trung tâm Y tế khu vực hiện có, căn cứ theo nhu cầu chăm sóc sức khỏe của nhân dân tại địa phương, Giám đốc Sở Y tế tỉnh, thành phố tham mưu, xây dựng Đề án, trình Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố quyết định duy trì tất cả Trung tâm Y tế khu vực hiện có trên địa bàn tỉnh, thành phố hoặc tổ chức lại, sáp nhập, giải thể một số Trung tâm Y tế khu vực hoạt động không hiệu quả, chuyển các chức năng, nhiệm vụ về lĩnh vực phòng bệnh, dân số, truyền thông giáo dục sức khỏe về Trạm Y tế xã, phường, đặc khu để thực hiện, chuyển chức năng khám chữa bệnh cho các bệnh viện đa khoa khu vực hiện có hoặc tổ chức lại thành bệnh viện đa khoa khu vực để thực hiện dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh cấp cơ bản cho nhân dân theo khu vực liên xã, phường.</i>" Xét thấy các trung tâm y tế khu vực trên địa bàn tỉnh đều đang hoạt động hiệu quả, cơ bản đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe của nhân dân do vậy đến năm 2030 tỉnh định hướng phát triển các trung tâm y tế khu vực theo hướng đa chức năng và mở rộng, nâng cấp các cơ sở hạ tầng y tế để phục vụ tốt nhu cầu chăm sóc sức khỏe của người dân, không tổ chức lại thành bệnh viện đa khoa khu vực.

Phụ lục 09:

Ý KIẾN THAM GIA CỦA ĐỒNG CHÍ LÊ VĂN THỤY - BỘ TÀI CHÍNH

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung tiếp thu giải trình
	Nhất trí thông qua với điều kiện cần chỉnh sửa; bổ sung. Nghiên cứu tiếp thu ý kiến của Bộ Tài Chính tại văn bản số 8342/BTC- QLQH ngày 18/6/2026	Tiếp thu ý kiến
	I. Ý KIẾN ĐỐI VỚI BÁO CÁO ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH	
1	Về thực trạng phát triển	
	Quan điểm và mục tiêu phát triển của tỉnh là tăng trưởng kinh tế gắn với phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, coi khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là động lực phát triển chủ yếu. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung đánh giá đầy đủ thực trạng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, cũng như tiềm lực và nguồn lực đầu tư cho ngành khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, làm cơ sở để xác định phương hướng phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo phù hợp với quan điểm đề ra.	
2	Về mục tiêu, tầm nhìn quy hoạch	
	a) Về mục tiêu	
	Đề nghị bổ sung bảng biểu để so sánh về các chỉ tiêu dự kiến điều chỉnh so với các chỉ tiêu tại Quyết định số 1750/QĐ-TTg ngày 30/12/2023 và Quyết định số 1619/QĐ-TTg ngày 14/12/2023, trong đó đề nghị làm rõ cơ sở tính toán về tỷ lệ độ che phủ rừng duy trì trên 46,5%, trong khi theo Quyết định số 1750/QĐ-TTg là trên 49,2% và Quyết định số 1619/QĐ-TTg là 58%.	(1) Do thay đổi phạm vi địa giới hành chính sau sắp xếp, việc hợp nhất tỉnh Gia Lai và Bình Định dẫn đến sự thay đổi về quy mô diện tích tự nhiên và cơ cấu sử dụng đất, từ đó phát sinh sai số nhất định trong quá trình tổng hợp và tính toán các chỉ tiêu lâm nghiệp. (2) Điều chỉnh diện tích đất lâm nghiệp theo Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia. Qua rà soát cho thấy còn có sự khác biệt về số liệu và ranh giới quy hoạch giữa Quy hoạch tỉnh Gia Lai (Quyết định số 1750/QĐ-TTg ngày 30/12/2023), Quy hoạch tỉnh Bình Định (Quyết định số 1619/QĐ-TTg ngày 14/12/2023) và Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia (Quyết định số 895/QĐ-TTg ngày 24/8/2024). Đối với tỉnh Gia Lai, diện tích đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên theo Quy hoạch tỉnh là 352.034 ha, trong khi theo Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia là 337.174 ha, chênh lệch 14.860 ha. Kết quả đối chiếu bản đồ quy hoạch lâm nghiệp theo Quyết định số 895/QĐ-TTg với chỉ tiêu phân bổ đất lâm nghiệp theo Quyết định số 444/QĐ-UBND ngày 25/9/2024 cho thấy tổng diện tích đất lâm nghiệp giảm 5,8 ha, đồng thời có chênh lệch đáng kể giữa một số địa phương như Chư Prông, Krông Pa, Mang Yang, Kông Chro,... Đối với tỉnh Bình Định, tổng diện tích quy hoạch lâm nghiệp theo cơ cấu 03 loại rừng trong Quy hoạch tỉnh là 361.780 ha, thấp hơn 9.790 ha so với diện tích theo Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia (371.570 ha). Sự chênh lệch này làm thay đổi cơ sở tính toán các chỉ tiêu phát triển lâm nghiệp, trong đó có tỷ lệ che phủ rừng. Do đó, sau khi sắp xếp đơn vị hành chính và hợp nhất hai tỉnh, cần rà soát, chuẩn hóa và đồng bộ cơ sở dữ liệu không gian, bản đồ quy hoạch và số liệu hiện trạng rừng theo cùng hệ quy chiếu, phương pháp thống kê và thống nhất với Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia. (3) Chuẩn hóa số liệu kiểm kê rừng và hiện trạng sử dụng đất, khắc phục các sai số phát sinh do khác biệt về thời điểm, phương pháp điều tra, đo đạc và cập nhật số liệu giữa các địa phương. (4) Loại bỏ diện tích rừng trồng chưa đạt tiêu chí thành rừng hoặc diện tích không còn đủ điều kiện tính vào độ che phủ rừng theo quy định hiện hành, dẫn đến diện tích được tính vào tỷ lệ che phủ rừng giảm so với số liệu thống kê trước đây.

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung tiếp thu giải trình
	Đề nghị rà soát bảo đảm thống nhất chỉ tiêu về tỷ lệ đô thị hóa trong Báo cáo: Tại mục chỉ tiêu cụ thể (trang 424) tỷ lệ đô thị hóa đạt trên 45%; tuy nhiên, tại Bảng 1 (trang 603) tỷ lệ đô thị hóa của tỉnh Gia Lai đạt 52,5% đến năm 2030.	Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu ý kiến và rà soát thống nhất chỉ tiêu Tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2030 đạt trên 45%
	b) Tầm nhìn quy hoạch Tại Báo cáo thuyết minh (trang 437) đang đưa ra 02 phương án đối với tầm nhìn quy hoạch tỉnh Gia Lai đến năm 2050; tuy nhiên, tại dự thảo Quyết định lựa chọn tầm nhìn của tỉnh đến năm 2050 theo phương án 1 của Báo cáo thuyết minh; do đó, đề nghị bỏ phương án 2 tại Báo cáo thuyết minh để bảo đảm thống nhất với nội dung dự thảo Quyết định phê duyệt.	
3	Về phương hướng phát triển khu chức năng	
	Khu công nghiệp: Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh làm rõ cơ sở đề xuất tăng số lượng khu công nghiệp, tổng diện tích khu công nghiệp từ khoảng 8.800 ha (từ 02 quy hoạch tỉnh trước sáp nhập) lên 9.835 ha (bổ sung mới 07 khu công nghiệp so với Quyết định số 1750/QĐ-TTg và Quyết định số 1619/QĐ-TTg và việc bổ sung KCN Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh với diện tích dự kiến 217 ha vào danh mục các KCN trong khu kinh tế).	Tư vấn tiếp thu và giải trình như sau : - Các nội dung đánh giá Thực trạng khu kinh tế, Khu công nghiệp được thể hiện tại mục 2. Thực trạng phát triển các khu chức năng, tiêu mục 2.1 Khu kinh tế, Khu công nghiệp, trong đó đã thể hiện đầy đủ các nội dung liên quan đến thu hút đầu tư, tỷ lệ lấp đầy và các khó khăn thách thức đặt ra. - Các nội dung liên quan đến phương hướng phát triển KKT, KCN đã được thể hiện tại III. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC KHU CHỨC NĂNG, PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CỤM CÔNG NGHIỆP, CÁC VÙNG SẢN XUẤT TẬP TRUNG, mục Phương hướng phát triển các khu chức năng trong đó các KCN hình thành được phân bổ gắn kết với các không gian tiểu vùng kinh tế. Đối với phát triển hạ tầng xã hội gắn kết với phát triển các KCN đã được rà soát phù hợp với Phương hướng phát triển nhà ở tỉnh Gia Lai được xác định trên cơ sở Điều chỉnh Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021 - 2030 được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 317/NQ-HĐND ngày 24/4/2026; đồng thời bảo đảm phù hợp với Luật Nhà ở năm 2023, Luật Đất đai năm 2024, Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và định hướng tổ chức không gian đô thị - nông thôn của tỉnh sau sắp xếp đơn vị hành chính, nội dung này đã được thể hiện tại . Định hướng phát triển nhà ở 6.1. Phương hướng phát triển nhà ở.
	Cụm công nghiệp: Đề nghị UBND tỉnh làm rõ cơ sở đề xuất bổ sung mới 79 Cụm công nghiệp so với Quyết định số 1750/QĐ-TTg và Quyết định số 1619/QĐ-TTg.	
	Đối với định hướng điều chỉnh KKT Nhơn Hội: Theo Báo cáo tổng hợp (trang 601), tỉnh đề xuất “không thực hiện mở rộng KKT Nhơn Hội về phía Tây khoảng 1.500 ha như định hướng trước đây; đồng thời điều chỉnh hệ thống KCN trong KKT theo hướng giảm diện tích đất công nghiệp không còn phù hợp và chuyển một phần sang chức năng đô thị, dịch vụ, du lịch”. Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo rà soát đảm bảo quy mô diện tích và vị trí quy hoạch các KCN trong KKT phù hợp với hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch chung KKT Nhơn Hội hiện đang trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định để đảm bảo tính thống nhất trong quá trình thực hiện các dự án; đồng thời rà soát việc đề xuất chuyển đổi khu công nghiệp trong khu kinh tế sang phát triển khu đô thị - dịch vụ phải đảm bảo đáp ứng các điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế.	-Về cơ sở kinh tế, việc bổ sung hệ thống cụm công nghiệp nhằm cụ thể hóa định hướng phát triển công nghiệp theo hướng phân bổ hợp lý trên địa bàn tỉnh, tạo thêm không gian sản xuất tập trung cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, cơ sở tiểu thủ công nghiệp, làng nghề, công nghiệp hỗ trợ, chế biến nông - lâm sản, logistics và các ngành kinh tế địa phương có lợi thế. Các cụm công nghiệp được đề xuất trên cơ sở đáp ứng yêu cầu tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo việc làm phi nông nghiệp, tăng thu ngân sách và khai thác lợi thế theo vùng, theo hành lang phát triển. Đồng thời, hệ thống cụm công nghiệp đóng vai trò mạng lưới sản xuất vệ tinh, hỗ trợ các khu công nghiệp, khu kinh tế, đô thị động lực và các trung tâm sản xuất lớn của tỉnh. Việc bổ sung các cụm công nghiệp là cần thiết và phù hợp với các tiêu chí về nhu cầu phát triển kinh tế, khả năng thu hút đầu tư, liên kết ngành, tạo việc làm, phù hợp quỹ đất, hạ tầng giao thông - kỹ thuật, điều kiện môi trường
4	Về phương hướng phát triển hạ tầng	

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung tiếp thu giải trình
	a) Về hạ tầng giao thông Tại Quyết định số 657/QĐ-BXD ngày 06/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch hệ thống cảng hàng không toàn quốc thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 xác định Cảng hàng không Phù Cát đến năm 2030 có quy mô, cấp sân bay 4C; tuy nhiên, tại phương án phát triển cảng hàng không (trang 670 Báo cáo tổng hợp) có nội dung “Giai đoạn đến năm 2030...” (phần còn lại bị cắt khỏi ảnh). Cảng hàng không Phù Cát là Cảng hàng không cấp 4E”. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, bảo đảm phù hợp với Quy hoạch hệ thống cảng hàng không toàn quốc thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.	Giải trình: Giữ nguyên nội dung quy hoạch CHK Phù Cát theo Quyết định số 1619/QĐ-TTg ngày 14/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tỉnh Bình Định (trước đây): “Đầu tư mới nhà ga, mở rộng sân đỗ, xây dựng thêm đường cất hạ cánh thứ hai và các đường lăn phù hợp với quy hoạch. Nghiên cứu khả năng phát triển Cảng hàng không Phù Cát đến năm 2030 là Cảng hàng không cấp 4E (công suất 5,0 triệu hành khách/năm, 12.000 tấn hàng hóa/năm) và chuyển thành cảng hàng không quốc tế khi đảm bảo các điều kiện theo quy định; giai đoạn đến năm 2050 là Cảng hàng không cấp 4E (công suất 7,0 triệu hành khách/năm, 27.000 tấn hàng hóa/năm) khi đảm bảo các điều kiện theo quy định.”
	b) Về mạng lưới cấp điện Đề nghị tiếp tục rà soát, bổ sung nội dung đánh giá về việc phát triển mạng lưới trên địa bàn tỉnh đảm bảo phù hợp với Điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 15/4/2025; trong đó, tập trung rà soát, cập nhật đầy đủ các dự án nguồn điện, lưới điện trên địa bàn tỉnh và phù hợp với Nghị quyết 70-NQ/TW ngày 20/8/2025 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Đối với các dự án, phương án đề xuất điều chỉnh so với Quyết định số 768/QĐ-TTg, trong trường hợp cần thiết, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Công Thương xem xét, trình cấp có thẩm quyền bổ sung vào điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia.	Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu và đã rà soát cập nhật phương án phát triển hạ tầng năng lượng điện Điểm 2 - Mục V - Phần thứ ba của Báo cáo thuyết minh tổng hợp; Đối với những dự án có đề xuất điều chỉnh so với QĐ 768, UBND tỉnh sẽ có văn bản xin ý kiến Bộ Công Thương và chỉ thực hiện khi được cấp có thẩm quyền cho phép
5	Về sơ đồ, cơ sở dữ liệu quy hoạch	
	Hiện nay, đa số các sơ đồ được đặt tên chưa chính xác với quy định tại mục VI phụ lục IV Nghị định số 70/2026/NĐ-CP và còn thiếu một số sơ đồ như: Sơ đồ phương hướng bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học; Sơ đồ phương hướng phòng, chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu... Do đó, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai chỉ đạo rà soát, chỉnh sửa, bổ sung các sơ đồ bảo đảm tuân thủ theo quy định tại Điều 8, Điều 26 và phụ lục IV Nghị định số 70/2026/NĐ-CP và Thông tư số 22/2026/TT-BTC, đảm bảo thể hiện đúng, đầy đủ hiện trạng và các phương hướng quy hoạch; đồng thời, cập nhật các nội dung quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng đã được quyết định, phê duyệt trên địa bàn, bảo đảm thống nhất đồng bộ về mối quan hệ không gian giữa các nội dung quy hoạch trong hệ thống quy hoạch.	Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu và đã rà soát tên các sơ đồ theo đúng quy định tại mục VI phụ lục IV Nghị định số 70/2026/NĐ-CP; đã bổ sung sơ đồ Sơ đồ phương hướng bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, phòng, chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung tiếp thu giải trình
	b) Về cơ sở dữ liệu quy hoạch Hiện nay, cơ sở dữ liệu điều chỉnh quy hoạch tỉnh Gia Lai chưa tuân thủ về thành phần cơ sở dữ liệu theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Nghị định số 70/2026/NĐ-CP, thiếu dữ liệu số của văn bản pháp lý, sơ đồ, bản đồ trong hồ sơ quy hoạch. Đồng thời, đối với cơ sở dữ liệu quy hoạch chưa tuân thủ danh mục đối tượng địa lý và cấu trúc dữ liệu theo quy định tại Thông tư số 22/2026/TT-BTC (ví dụ: thiếu các nhóm lớp tài chính, nhóm lớp xây dựng,...). Do đó, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai chỉ đạo rà soát bảo đảm thành phần và nội dung cơ sở dữ liệu điều chỉnh quy hoạch tỉnh theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Nghị định số 70/2026/NĐ-CP và quy định tại Thông tư số 22/2026/TT-BTC. Đồng thời, cập nhật thông tin và cơ sở dữ liệu về điều chỉnh quy hoạch sau khi điều chỉnh quy hoạch được phê duyệt vào Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch theo quy định tại khoản 4 Điều 47 Nghị định số 70/2026/NĐ-CP.	Về thành phần cơ sở dữ liệu (theo Khoản 1 Điều 51 Nghị định số 70/2026/NĐ-CP): Đã bổ sung đầy đủ dữ liệu số hóa của các văn bản pháp lý liên quan (dịnh dạng PDF có ký số hợp lệ), báo cáo thuyết minh và toàn bộ hệ thống sơ đồ, bản đồ số hóa của hồ sơ quy hoạch, đảm bảo không còn tình trạng thiếu sót thành phần hồ sơ. Về danh mục đối tượng địa lý và cấu trúc dữ liệu (theo Thông tư số 22/2026/TT-BTC): Đã tiến hành tái cấu trúc Geodatabase, thiết lập bổ sung đầy đủ các nhóm lớp đối tượng địa lý chuyên ngành còn thiếu theo quy định (bao gồm nhóm lớp tài chính, nhóm lớp xây dựng...); chuẩn hóa lại toàn bộ bảng thuộc tính, kiểu dữ liệu và mã hóa đối tượng đảm bảo tính tương thích của hệ thống. Về nghĩa vụ cập nhật hệ thống: Cơ quan soạn thảo cam kết sẽ phối hợp chặt chẽ với UBND tỉnh Gia Lai để cập nhật, tích hợp toàn bộ cơ sở dữ liệu điều chỉnh quy hoạch đã chuẩn hóa này vào Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch ngay sau khi phương án điều chỉnh được phê duyệt chính thức theo quy định tại khoản 4 Điều 47 Nghị định số 70/2026/NĐ-CP."
	II. VỀ DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH QUY HOẠCH	
	Ý kiến cụ thể	
	Về phụ lục: Đề nghị, rà soát đối với các Phụ lục kèm theo Dự thảo Quyết định phê duyệt điều chỉnh quy hoạch, hạn chế đưa các thông tin quá chi tiết, cụ thể; địa điểm, quy mô, công suất của các công trình hạ tầng trong trường hợp cần thiết phải xác định tại Phụ lục chỉ ghi "dự kiến" để không gây các khó khăn, vướng mắc khi tổ chức thực hiện quy hoạch, đặc biệt là trong quá trình đánh giá sự phù hợp của chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư dự án đối với quy hoạch.	Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu và đã rà soát các phụ lục trong Dự thảo quyết định theo ý kiến của chuyên gia
	Rà soát tiêu đề của phần chính của Quyết định và tên của các Phụ lục để bảo đảm sử dụng chính xác các khái niệm, thuật ngữ theo quy định tại Điều 30 Luật Quy hoạch và Điều 26 Nghị định số 70/2026/NĐ-CP để bảo đảm đúng quy định về nội dung quyết định phê duyệt quy hoạch tại Điều 40 Luật Quy hoạch và tránh có cách hiểu khác nhau, gây khó khăn trong quá trình tổ chức thực hiện.	Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu và đã rà soát tên và các phụ lục đảm bảo theo thuật ngữ tại Điều 30 Luật Quy hoạch và Điều 26 Nghị định số 70/2026/NĐ-CP
	Về phụ lục XX: Phụ lục đề cập đến việc phân thành 02 vùng (vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải); tuy nhiên, tại Báo cáo thuyết minh quy hoạch (trang 930) đề cập đến 03 phân vùng (vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải và vùng khác). Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, bảo đảm thống nhất nội dung tại phụ lục XX với nội dung Báo cáo thuyết minh quy hoạch.	Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu ý kiến và đã cập nhật chỉnh sửa tại Phụ lục XX của dự thảo Quyết định
	Về phụ lục XXII: Đề nghị bỏ nội dung: "Trong quá trình thực hiện quy hoạch, Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai rà soát, xác định và điều chỉnh theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, xác định, điều chỉnh số lượng, ranh giới, công suất, lộ trình khai thác, mục tiêu sử dụng (nếu cần) bảo đảm phù hợp với thực tiễn của địa phương và các quy định pháp luật hiện hành."	Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu và đã bỏ ghi chú tại Phụ lục XXII

Phụ lục 10:

Ý KIẾN THAM GIA CỦA ĐỒNG CHÍ TRẦN CHÍ THÀNH - PHÓ VỤ TRƯỞNG VỤ NGOẠI GIAO KINH TẾ (BỘ NGOẠI GIAO)

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung tiếp thu giải trình
1	Tiếp thu, giải trình ý kiến các thành viên Hội đồng thẩm định tại cuộc họp ngày 19/06/2026	Tiếp thu ý kiến

Phụ lục 11:

Ý KIẾN CỦA ĐỒNG CHÍ PHẠM CÔNG CHÚC - BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

STT	Ý KIẾN THAM GIA	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Đề nghị nghiên cứu, rà soát, tiếp thu toàn bộ nội dung góp ý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại công văn số 3367/BVHTTDL-KHTC ngày 10/06/2026 gửi UBND tỉnh Gia Lai góp ý đối với điều chỉnh quy hoạch	Cơ quan soạn thảo đã tiếp thu ý kiến của bộ tại Văn bản số 3367/BVHTTDL-KHTC ngày 10/06/2026 vào hồ sơ vào đã có báo cáo giải trình số 569/BC-STC ngày 15/6/2026 về việc tiếp thu và giải trình ý kiến của các bộ ngành
	Tiếp thu các ý kiến góp ý tại cuộc họp để hoàn thiện hồ sơ	Tiếp thu ý kiến
	Đề nghị nghiên cứu bố trí quỹ đất phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa, tổ hợp sáng tạo văn hóa nhằm thực hiện mục tiêu tăng trưởng bình quân ngành công nghiệp văn hóa theo kết luận số 18 -KL/TW của Trung ương	Đơn vị tư vấn xin được phép tiếp thu ý kiến đóng góp. Tiếp tục rà soát và bổ sung quỹ đất văn hóa. Đảm bảo đáp ứng mục tiêu tăng trưởng ngành văn hóa

Phụ lục 12:

Ý KIẾN CỦA ĐỒNG CHÍ NGUYỄN CHÍ NGỌC - PVT VỤ QUY HOẠCH KIẾN TRÚC - BỘ XÂY DỰNG

STT	Ý KIẾN THAM GIA	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Bổ sung các cơ sở chính trị như: Nghị quyết số 06-NQ/TW năm 2022 về Quy hoạch, phát triển đô thị Việt Nam Bền vững; Kết luận 224/KL-TW năm 2025 tiếp tục thực hiện Nghị quyết 06-NQ/TW của BCH Trung ương. Bổ sung cơ sở pháp lý: Quyết định 836/QĐ-BXD ngày 01.6.2026 của BT BXD phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể hệ thống đô thị và nông thôn 21 ÷ 30.	Xin tiếp thu và đã bổ sung trong báo cáo tổng hợp
	Về phương án phát triển hàng không: Nên sửa từ Cảng HK Phù Cát "Đến năm 2030 đạt cấp 4E" thành "đến 2030 đạt cấp 4C" để phù hợp với 657/QĐ-BXD ngày 05.5.2026 của BT BXD về phê duyệt ĐC QHTT hệ thống cảng HK toàn quốc 21 ÷ 30.	Tư vấn tiếp thu và giải trình như sau : Nội dung quy hoạch CHK Phù Cát theo Quyết định số 1619/QĐ-TTg ngày 14/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tỉnh Bình Định (trước đây): “Đầu tư mới nhà ga, mở rộng sân đỗ, xây dựng thêm đường cất hạ cánh thứ hai và các đường lăn phù hợp với quy hoạch. Nghiên cứu khả năng phát triển Cảng hàng không Phù Cát đến năm 2030 là Cảng hàng không cấp 4E (công suất 5,0 triệu hành khách/năm, 12.000 tấn hàng hóa/năm) và chuyển thành cảng hàng không quốc tế khi đảm bảo các điều kiện theo quy định; giai đoạn đến năm 2050 là Cảng hàng không cấp 4E (công suất 7,0 triệu hành khách/năm, 27.000 tấn hàng hóa/năm) khi đảm bảo các điều kiện theo quy định.”

Phụ lục 13:

Ý KIẾN THAM GIA CỦA ĐỒNG CHÍ NGUYỄN TUẤN ANH - BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung tiếp thu giải trình
	Đề nghị rà soát, chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện, tiếp thu đầy đủ ý kiến góp ý của bộ GDĐT, các chuyên gia phân biện, thành viên HĐTD trước khi trình cấp thẩm quyền xem xét quyết định	Cơ quan soạn thảo đã tiếp thu ý kiến của bộ vào hồ sơ vào đã có báo cáo giải trình số 569/BC-STC ngày 15/6/2026 về việc tiếp thu và giải trình ý kiến của các bộ ngành

Phụ lục 14:

Ý KIẾN CỦA ĐỒNG CHÍ PHẠM TRUNG TUYẾN - PHÓ TRƯỞNG PHÒNG CỤC AN NINH KINH TẾ -BỘ CÔNG AN

STT	Ý KIẾN THAM GIA	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Đề nghị tiếp thu, chỉnh sửa, bổ sung những nội dung góp ý của Bộ Công an, ý kiến đóng góp của các thành viên hội đồng thẩm định, ý kiến đóng góp của các cơ quan, tổ chức, nhà khoa học và nhân dân để hoàn thiện hồ sơ điều chỉnh quy hoạch tỉnh. Trong đó lưu ý đến nội dung liên quan đến quốc phòng an ninh kết hợp giữa an ninh với kinh tế - xã hội, kinh tế - xã hội với an ninh, vấn đề quy hoạch sử dụng đất an ninh....	Tiếp thu ý kiến

Phụ lục 15:

Ý KIẾN CỦA ĐỒNG CHÍ PHẠM TRUNG KIÊN - BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

STT	Ý KIẾN THAM GIA	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Về quan điểm phát triển: Đề nghị bổ sung tăng cường “liên kết ngành” trong tổ chức thực hiện quy hoạch.	Đã thể hiện tại mục liên kết các địa phương và liên kết ngành trong giải pháp của hợp phần nông nghiệp
	Về mục tiêu: Đề nghị sửa mục tiêu “nông nghiệp công nghệ cao” thành “nông nghiệp hiệu quả cao”.	Nghi nhận ý kiến. Hiện nay toàn ngành nông nghiệp, doanh nghiệp và người dân đang đẩy mạnh sản xuất theo hướng ứng dụng công nghệ cao. Bên cạnh đó, trong quy hoạch có 01 vùng Nông nghiệp công nghệ cao và 19 vùng ứng dụng công nghệ cao.
	Về tỷ trọng khu vực NLN trg GRDP của tỉnh là 19,2% đến 2030: Cần nghiên cứu, đảm bảo tính khả thi (vì hiện nay là 28,84%). Định hướng phát triển nông nghiệp bám sát Chiến lược PT NN quốc gia.	Tư vấn tiếp thu ý kiến. Định hướng phát triển ngành nông nghiệp trong Quy hoạch tỉnh đã được bám sát Chiến lược phát triển nông nghiệp quốc gia; Về tỷ trọng các ngành trong tổng quy mô nền kinh tế đã được tư vấn nghiên cứu xây dựng các kịch bản để lựa chọn ra kịch bản đảm bảo phù hợp nhất với điều kiện tiềm năng và lợi thế của Gia Lai
	Về định hướng sử dụng đất: Đề nghị bám sát định hướng phân bổ chỉ tiêu điều chỉnh quy hoạch sd đất quốc gia cho tỉnh Gia Lai. Về định hướng phát triển các ngành thuộc lĩnh vực NNMT cần cụ thể hơn, bảo đảm phát huy tương ứng lợi thế, ứng phó với biến đổi khí hậu. Đề nghị bổ sung 1 số sơ đồ phát triển 1 số ngành trọng điểm; bổ sung danh mục Đề án phát triển 1 số ngành.	Tư vấn xin tiếp thu ý kiến và nghiên cứu bổ sung

Phụ lục 16:

Ý KIẾN THAM GIA CỦA ĐỒNG CHÍ NGUYỄN THỊ TÚ THANH - PHÓ VỤ TRƯỞNG VỤ CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG - BỘ NỘI VỤ

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung tiếp thu giải trình
	Đề nghị Bổ sung định hướng chung về thành lập các phường trong kỳ Quy hoạch	Tiếp thu ý kiến và giải trình như sau : Nội dung định hướng chung về thành lập các phường trong kỳ quy hoạch đã được thể hiện trong mục 4. Lộ trình các xã lên phường theo tiêu chuẩn đơn vị hành chính phường

Phụ lục 17:

Ý KIẾN CỦA ĐỒNG CHÍ MAI THU HIỀN - BỘ CÔNG THƯƠNG

STT	Ý KIẾN THAM GIA	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
1	Rà soát kỹ đảm bảo đã tiếp thu ý kiến của Bộ Công Thương tại văn bản số 4200/BCT-KHĐT ngày 9/6/2026. Đồng thời thống nhất nội dung Báo cáo tổng hợp, dự thảo quyết định và Báo cáo tiếp thu, giải trình.	Cơ quan soạn thảo đã tiếp thu ý kiến của bộ tại Văn bản số 4200/BCT-KHĐT ngày 9/6/2026 vào hồ sơ vào đã có báo cáo giải trình số 569/BC-STC ngày 15/6/2026 về việc tiếp thu và giải trình ý kiến của các bộ ngành
2	Rà soát các nội dung đảm bảo đúng thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh.	Tiếp thu ý kiến
3	Nghiên cứu cụ thể phương án phát triển hạ tầng thương mại để đảm bảo đồng bộ với hạ tầng khác và đảm bảo có cơ sở bố trí quỹ đất, không gian phát triển.	Tiếp thu ý kiến, các nội dung về hạ tầng thương mại được trình bày tại phần VI. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG XÃ HỘI; mục 1. Phương án phát triển hạ tầng thương mại

Phụ lục 18:

Ý KIẾN THAM GIA CỦA ĐC LÊ HUY AN - BỘ QUỐC PHÒNG

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung tiếp thu giải trình
	Nhất trí thông qua với điều kiện cần chỉnh sửa; bổ sung. Tiếp thu ý kiến của thành viên hội đồng và kết luận chủ tịch. Hội đồng hoàn chỉnh hồ sơ	Tư vấn tiếp thu ý kiến

Phụ lục 19:

Ý KIẾN THAM GIA CỦA ĐỒNG CHÍ NGUYỄN HỮU QUẾ - UBND TỈNH

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung tiếp thu giải trình
	Thông qua với điều kiện cần chỉnh sửa; bổ sung. Đối với hồ sơ trình thẩm định điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Gia Lai	Tiếp thu ý kiến

Phụ lục 20:**Ý KIẾN THAM GIA CỦA ĐỒNG CHÍ NGUYỄN BÁ THẠCH - THANH TRA TỈNH**

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung tiếp thu giải trình
	Thông qua với điều kiện cần chỉnh sửa; bổ sung. Đối với hồ sơ trình thẩm định điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Gia Lai. Nội dung yêu cầu chỉnh sửa: Tại mục 1.3 Định hướng không gian đô thị : Chỉnh sửa thuyết minh:"...tổng cộng 34 đô thị các cấp..." Là mâu thuẫn và không khớp với danh mục quy hoạch đô thị theo phụ lục I	Tiếp thu và rà soát chỉnh sửa phù hợp nội dung

Phụ lục 21:

Ý KIẾN THAM GIA CỦA ĐỒNG CHÍ TRẦN VŨ THANH HÙNG - PHÓ GIÁM ĐỐC SỞ TÀI CHÍNH

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung tiếp thu giải trình
	Thông qua với điều kiện cần chỉnh sửa; bổ sung. Đối với hồ sơ trình thẩm định điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Gia Lai.	Tiếp thu ý kiến

Phụ lục 22:

Ý KIẾN THAM GIA CỦA ĐỒNG CHÍ CAO THANH THƯƠNG - SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung tiếp thu giải trình
	Thông qua với điều kiện cần chỉnh sửa; bổ sung. Đối với hồ sơ trình thẩm định điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Gia Lai. - Bổ sung làm rõ các biện pháp bảo vệ tài nguyên rừng, bảo tồn đa dạng sinh học - Rà soát cập nhật số liệu hiện trạng rừng	- Đối với nội dung biện pháp Bảo tồn đa dạng sinh học, liên danh tư vấn đã thể hiện tại phần ba, chương VIII, mục 2, tiểu mục 2.2 - Đối với nội dung biện pháp bảo vệ tài nguyên rừng, liên danh tư vấn đã thể hiện tại phần ba, chương IX - Số liệu hiện trạng rừng đảm bảo cập nhật theo QĐ 773/QĐ-UBND ngày 27/2/2026 của UBND tỉnh Gia Lai
	- Giải pháp cân bằng nguồn nước giữa các vùng bảo đảm an ninh nguồn nước phục vụ phát triển sản xuất nông nghiệp trong điều kiện biến đổi khí hậu	Nội dung về “giải pháp cân bằng nguồn nước giữa các vùng, bảo đảm an ninh nguồn nước phục vụ sản xuất nông nghiệp trong điều kiện biến đổi khí hậu” đã được nghiên cứu và thể hiện trong báo cáo, cụ thể tại: Chương XI (các mục XI.1, XI.1.5, XI.2, XI.3, XI.4) về phân vùng chức năng nguồn nước, điều hòa – phân phối, chuyển nước liên lưu vực, bảo vệ và phòng chống tác hại do nước; Phần V – Hạ tầng kỹ thuật (mục phát triển thủy lợi) về đầu tư, nâng cấp hệ thống công trình điều tiết và phân phối nước; Phần III – Phương hướng phát triển nông nghiệp về chuyển đổi cơ cấu cây trồng, áp dụng tưới tiết kiệm, nâng cao hiệu quả sử dụng nước; Phần XII – Ứng phó biến đổi khí hậu về các giải pháp phòng chống hạn hán, xâm nhập mặn và thích ứng biến đổi khí hậu. Các nội dung trên đã làm rõ giải pháp tổng thể từ quản lý, điều tiết liên vùng, phát triển hạ tầng thủy lợi, chuyển nước, đến giải pháp phi công trình và thích ứng biến đổi khí hậu nhằm bảo đảm an ninh nguồn nước phục vụ sản xuất nông nghiệp.
	- Bổ sung vùng nông nghiệp nước dạng công nghệ cao bền vững tại xã Ia Mơ với quy mô khoảng 10.000ha	Đã bổ sung vùng Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại xã Ia Mơ quy mô 12.000 ha vào Báo cáo thuyết minh tổng hợp
	Nghiên cứu thêm + Xác định các nhiệm vụ trọng tâm, đột phá phát triển trong thời kỳ quy hoạch + Xác định các khu vực động lực phát triển + Xác định các nhiệm vụ ưu tiên và các khu vực động lực phát triển, sẽ quyết định hoặc có tác động ảnh hưởng đến cơ chế quá trình triển khai, nguồn lực thực hiện	

Phụ lục 23:

Ý KIẾN THAM GIA CỦA ĐỒNG CHÍ TRẦN QUANG THÁI - BQLKKT TỈNH

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung tiếp thu giải trình
	Thông qua với điều kiện cần chỉnh sửa; bổ sung. Đối với hồ sơ trình thẩm định điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Gia Lai. - Đề nghị rà soát , cập nhật số liệu hệ thống các khu công nghiệp về quy mô diện tích , vị trí đảm bảo tính chính xác và nội dung góp ý theo văn bản 2036/BQL-QHXD ngày 6/6/2026 của BQLKKT gửi sở tài chính	Tư vấn xin tiếp thu và đã cập nhật thông tin các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh đến năm 2030 theo ý kiến góp ý tại văn bản 2036/BQL-QHXD ngày 6/6/2026 của BQLKKT; theo đó tổng số KCN đến năm 2030 là 30 KCN; tổng diện tích là 9999,12 ha
	Đề nghị hoàn thiện các chỉ tiêu môi trường, bảo vệ môi trường, quản lý tài nguyên và thích ứng biến đổi khí hậu để đảm bảo phát triển bền vững trong giai đoạn thực hiện quy hoạch	Tiếp thu ý kiến

Phụ lục 24:

Ý KIẾN THAM GIA CỦA ĐỒNG CHÍ LÝ MINH THÁI - PGĐ SỞ Y TẾ GIA LAI

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung tiếp thu giải trình
	Thông qua với điều kiện cần chỉnh sửa; bổ sung: Cần tiếp thực nghiên cứu tiếp thu hoàn thiện một số nội dung theo ý kiến của Bộ y tế tại công văn số 4292/BYT ngày 11/6/2026 Bộ Y Tế	Cơ quan soạn thảo đã tiếp thu ý kiến của Bộ y tế tại công văn số 4292/BYT ngày 11/6/2026 vào hồ sơ vào đã có báo cáo giải trình số 569/BC-STC ngày 15/6/2026 về việc tiếp thu và giải trình ý kiến của các bộ ngành

Phụ lục 25:**Ý KIẾN THAM GIA CỦA ĐỒNG CHÍ NGUYỄN THANH VŨ - PGĐ SỞ NỘI VỤ**

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung tiếp thu giải trình
	- Rà soát các số liệu đảm bảo thống nhất, chính xác - Tổng hợp, tiếp thu các ý kiến góp ý của chuyên gia và các bộ ngành Trung ương	Tiếp thu ý kiến
	- "Theo Quyết định số 1754/QĐ-BYT ngày 16/6/2026 của Bộ Y tế. Nội dung tại Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 8/6/2026 về phê duyệt Quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế thời kỳ 2021 - 2030 tầm nhìn đến 2050 sẽ thành lập Bệnh viện Lão khoa khu vực miền Trung. Trong hồ sơ điều chỉnh quy hoạch, căn cứ các văn bản liên quan của Trung ương, tên gọi xác định là: Bệnh viện Đa khoa - chuyên sâu Lão khoa, phục hồi chức năng - dưỡng lão và chăm sóc sức khỏe người cao tuổi."	Cơ quan lập quy hoạch xin tiếp thu và giải trình ý kiến như sau: Bệnh viện đa khoa - Chuyên sâu lão khoa - Phục hồi chức năng - Dưỡng lão và Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi được thành lập trên cơ sở sáp nhập Bệnh viện Phong Da liễu Quy Hòa với Bệnh viện Chính hình và Phục hồi chức năng Quy Nhơn. Cơ sở chính dự kiến di dời từ phường Quy Nhơn Nam sang xã Tuy Phước. Đến năm 2030 định hướng trở thành Bệnh viện tuyến cuối Khu vực Nam Trung Bộ với quy mô là 400 giường, giai đoạn tiếp theo nâng quy mô lên 1000 giường.

Phụ lục 26:

Ý KIẾN THAM GIA CỦA ĐỒNG CHÍ TRẦN CANG - SỞ TÀI CHÍNH

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung tiếp thu giải trình
	Thông qua với điều kiện cần chỉnh sửa; bổ sung ý kiến của HĐQT	Tiếp thu ý kiến

Phụ lục 27:

Ý KIẾN THAM GIA CỦA ĐỒNG CHÍ TRẦN THỨC KHAM - SỞ CÔNG THƯƠNG

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung tiếp thu giải trình
	Thông qua với điều kiện cần chỉnh sửa; bổ sung: Bổ sung sơ đồ lưới điện hiện trạng và các nguồn điện đã có trong quy hoạch và hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Gia Lai thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050	Về sơ đồ lưới điện hiện trạng: Đã rà soát, bổ sung bản đồ/sơ đồ thể hiện chi tiết hệ thống lưới điện hiện trạng trên địa bàn tỉnh (bao gồm các tuyến đường dây truyền tải, phân phối và hệ thống trạm biến áp trung áp, cao áp hiện hữu). Về nguồn điện: Đã thống kê, cập nhật đầy đủ danh mục và vị trí các nguồn điện đã có trong quy hoạch (bao gồm thủy điện, điện mặt trời, điện gió, sinh khối...) vào cấu phần thuyết minh và hệ thống bản đồ số hóa.

Phụ lục 28:**Ý KIẾN THAM GIA CỦA ĐỒNG CHÍ HÀ THỊ THANH HƯƠNG - SỞ CÔNG THƯƠNG**

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung tiếp thu giải trình
	Thông qua với điều kiện cần chỉnh sửa; bổ sung: phần phân vùng môi trường cần rà soát và khoanh vùng lại, nhất là vùng "bảo vệ nghiêm ngặt" quá lớn, mâu thuẫn với định hướng phát triển của các ngành khác, nhất là định hướng hình thành khu - CCN..... (Đề xuất: khu vực đòi thông cần bảo vệ là nơi thuộc vùng lõi của đô thị, không phải toàn bộ 35 đô thị. Tương tự cho các khu vực khác).....	Liên danh tư vấn xin tiếp thu và chỉnh sửa tại phần ba, chương VIII, mục 1, tiểu mục 1.3, điểm 1.3.1 của BCTH

Phụ lục 29:

Ý KIẾN THAM GIA CỦA ĐỒNG CHÍ LÂM HẢI GIANG - UBND TỈNH

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung tiếp thu giải trình
	Nhất trí thông qua không cần chỉnh sửa, bổ sung	

Phụ lục 30:

Ý KIẾN THAM GIA CỦA ĐỒNG CHÍ LÊ THỊ HOÀNG THANH - CỤC PHÁP LUẬT DÂN SỰ KINH TẾ - BỘ TƯ PHÁP

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung tiếp thu giải trình
	I. Nội dung yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung đối với hồ sơ điều chỉnh quy hoạch	
	1. Về sự cần thiết, cơ sở lập quy hoạch 1.1. Về cơ sở chính trị Đề nghị cập nhật, bổ sung đầy đủ đường lối, chủ trương của Đảng được nêu tại các Văn kiện của Đại hội Đảng lần thứ XIV, các Nghị quyết, Kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và chỉ đạo của các cấp có thẩm quyền trong thời gian gần đây để đảm bảo thể chế hóa đầy đủ, toàn diện các đường lối, chủ trương của Đảng. 1.2. Về căn cứ pháp lý Đề nghị cập nhật, bổ sung những văn bản quy phạm pháp luật quan trọng điều chỉnh trực tiếp và đã có hiệu lực đến thời điểm phê duyệt quy hoạch¹.	Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu và đã rà soát loại bỏ các căn cứ pháp lý hết hiệu lực tại Mục II - Phần Mở đầu của Báo cáo thuyết minh tổng hợp
	2. Việc tuân thủ trình tự lập điều chỉnh quy hoạch 2.1. Đề nghị nghiên cứu ý kiến của Bộ Tư pháp², các bộ, ngành quản lý nhà nước có liên quan và các địa phương có liên quan trực tiếp đến nội dung quy hoạch để hoàn thiện; bảo đảm việc điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Gia Lai phù hợp, đồng bộ, thống nhất, kế thừa, ổn định trong hệ thống quy hoạch; phù hợp với quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng và các quy hoạch khác có liên quan, Luật Quy hoạch năm 2025, các văn bản quy định chi tiết các Luật này và pháp luật có liên quan; bảo đảm thực hiện đầy đủ các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước liên quan đến phát triển kinh tế - xã hội vùng và địa phương. Cơ quan đề nghị lập điều chỉnh Quy hoạch cần có ý kiến của các tỉnh, thành phố liền kề của Gia Lai gồm tỉnh Đắk Lắk, tỉnh Quảng Ngãi cập nhật, bổ sung đầy đủ ý kiến góp ý, tiếp thu, giải trình trước khi phê duyệt chính thức. 2.2. Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 23 Luật Quy hoạch năm 2025 thì hồ sơ điều chỉnh quy hoạch phải được đăng tải trên trang thông tin điện tử của cơ quan tổ chức lập quy hoạch hoặc cơ quan lập quy hoạch và hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch. Đề nghị rà soát, và thực hiện để bảo đảm thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định nêu trên.	Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ. Đến nay QH tỉnh đã thực hiện lấy ý kiến đầy đủ các Bộ, ngành, địa phương lân cận, UBMT tổ quốc Việt Nam tỉnh Gia Lai; Đoàn ĐB Quốc hội tỉnh Gia Lai và đăng tải trên công thông tin điện tử theo quy định của Luật Quy hoạch 2025
	3. Việc tích hợp các nội dung quy hoạch do Bộ và địa phương liên quan được phân công thực hiện (nếu có); sự thống nhất, đồng bộ với quy hoạch có liên quan Việc điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Gia Lai được xây dựng trong bối cảnh Chính phủ, đã phê duyệt Quy hoạch tổng thể quốc gia tại Nghị quyết số 306/NQ-CP ngày 05/10/2025, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch vùng duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 614/QĐ-TTg ngày 04/4/2026, quy hoạch một số tỉnh thuộc vùng duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên vừa mới hoặc đang được lập, điều chỉnh cho phù hợp với yêu cầu mới của đất nước (như TP Đà Nẵng, tỉnh Quảng Ngãi, tỉnh Đắk Lắk, tỉnh Lâm Đồng...). Đề nghị rà soát để bảo đảm cụ thể hóa và có sự thống nhất giữa Quy hoạch tỉnh với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, quy hoạch quốc gia, quy hoạch vùng đã được phê duyệt; các quy hoạch ngành, lĩnh vực, vùng lãnh thổ và địa phương theo yêu cầu tại mục 2 Chương II Luật Quy hoạch năm 2025. Đối với nội dung điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Gia Lai có điều chỉnh khác các quy hoạch liên quan thì cần báo cáo rõ và cập nhật để kịp thời điều chỉnh bảo đảm yêu cầu về mối quan hệ giữa các loại quy hoạch theo quy định tại khoản 3 Điều 5 và nguyên tắc xác định quy hoạch phải điều chỉnh và quy hoạch được thực hiện khi có mâu thuẫn giữa các quy hoạch theo quy định tại Điều 6 Luật Quy hoạch năm 2025³.	Tiếp thu ý kiến

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung tiếp thu giải trình
	4. Về giải pháp thực hiện quy hoạch 4.1. Đề nghị nghiên cứu bổ sung các giải pháp về hoàn thiện thể chế, chính sách tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, điểm nghẽn của pháp luật nhằm tạo cơ chế, chính sách thuận lợi cho việc phát huy lợi thế của tỉnh trong thực hiện Quy hoạch; đồng thời, chú trọng các giải pháp tạo đột phá trong công tác thi hành pháp luật, bảo đảm pháp luật được thực hiện công bằng, nghiêm minh, nhất quán, kịp thời, Hiệu lực và hiệu quả; gắn kết chặt chẽ giữa xây dựng và thi hành pháp luật theo yêu cầu của Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới, Nghị quyết số 306/NQ-CP.	Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu và rà soát các giải pháp về cơ chế chính sách tại Điểm 5 - Phần thứ tư của Báo cáo thuyết minh tổng hợp
	4.2. Tại mục XV dự thảo Quyết định nêu ra giải pháp và nguồn lực thực hiện quy hoạch nhưng còn chung chung, hầu hết là giải pháp tổ chức thực hiện, các giải pháp cứng chưa rõ kết quả đầu ra, thời hạn hoàn thành, cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, nguồn lực thực hiện. Đề nghị hoàn thiện thêm về các nội dung này; đồng thời cần làm rõ hơn nội dung giải pháp, kế hoạch thực hiện hoặc lược các nội dung đã được các văn bản QPPL mới được ban hành điều chỉnh, chẳng hạn: Về giải pháp về vốn đầu tư (Mục XV.1 trang 31 dự thảo Quyết định) nêu: “...Khu vực kinh tế tư nhân tiếp tục là động lực quan trọng đối với tăng trưởng kinh tế của tỉnh trong giai đoạn 2026-2030, tập trung vào các lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo, năng lượng tái tạo, logistics và cảng biển, nông nghiệp công nghệ cao, du lịch và phát triển đô thị...” cần rõ nội dung giải pháp, cơ chế ưu đãi, khuyến khích là gì? Kế hoạch thực hiện như thế nào.	
	Về giải pháp về phát triển nguồn nhân lực (Mục XIV.2 trang 32 dự thảo Quyết định) nêu về việc “Đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, nhân lực số và năng lực thích ứng với chuyển đổi số; chú trọng đào tạo kỹ năng số, AI, dữ liệu, tự động hóa, thương mại điện tử, quản trị nền tảng số, an toàn thông tin và an ninh mạng. Đồng thời đổi mới căn bản hệ thống giáo dục nghề nghiệp và đào tạo kỹ thuật theo hướng hiện đại, linh hoạt, gắn chặt với doanh nghiệp và thị trường lao động”, đề nghị xác định rõ hơn các giải pháp, kế hoạch cụ thể, nội dung.	
	Về giải pháp về khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số (Mục XIV.3 trang 33 dự thảo Quyết định) nêu về việc “Ưu tiên bồi dưỡng nhân tài, kỹ thuật viên và công nhân lành nghề cho các lĩnh vực KHCN và các ngành thuộc ưu tiên phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh”, cần rõ nội dung giải pháp, cơ chế, chính sách ưu tiên là gì? Kế hoạch thực hiện như thế nào.	
	Về giải pháp về môi trường (Mục XIV.4 trang 34 dự thảo Quyết định) nêu về việc: “Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến pháp luật và xây dựng lối sống thân thiện với môi trường; phát động các phong trào phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn, hạn chế sử dụng nhựa dùng một lần, thúc đẩy tiêu dùng bền vững, hình thành xã hội ít chất thải, phát thải các-bon thấp và thân thiện với môi trường, cần rõ nội dung giải pháp, cơ chế, chính sách ưu tiên là gì? Kế hoạch thực hiện như thế nào.	
	Về giải pháp về cơ chế, chính sách liên kết phát triển (Mục XV.5 trang 35 dự thảo Quyết định) nêu về việc “Tạo điều kiện cho các doanh nghiệp trong việc tiếp cận thông tin, thâm nhập và mở rộng thị trường. Xúc tiến thiết lập quan hệ hợp tác lâu dài với các đối tác, địa phương trong nước, trước hết là quan hệ hợp tác hữu nghị ở cấp địa phương với một số địa phương của Nhật Bản và Hàn Quốc”, đề nghị xác định rõ hơn các giải pháp, kế hoạch cụ thể, nội dung.	
	II. Nội dung đề nghị rà soát đối với dự thảo báo cáo thẩm định	

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung tiếp thu giải trình
	1. Đề nghị tiếp tục rà soát, chỉnh lý bố cục dự thảo Báo cáo thẩm định cho phù hợp với quy định tại điểm d khoản 2 Điều 53 Luật Quy hoạch năm 2025, theo đó, nội dung thẩm định điều chỉnh quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh thực hiện theo quy định tại Điều 35 của Luật này; khoản 1 Điều 35 Luật Quy hoạch năm 2025 quy định cụ thể về nội dung thẩm định quy hoạch tỉnh.	Tiếp thu ý kiến
	2. Về việc tuân thủ trình tự lập điều chỉnh quy hoạch, theo thông tin tại dự thảo Báo cáo thẩm định, việc triển khai lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Gia Lai thực hiện theo quy định của việc tuân thủ trình tự lập điều chỉnh quy hoạch theo quy định tại Điều 9, Điều 53 của Luật Quy hoạch năm 2025 và Nghị quyết số 66.2/2025/NQ-CP ngày 28/8/2025. Tuy nhiên, khoản 5 Điều 57 Luật Quy hoạch năm 2025 quy định: “Nghị quyết số 66.2/2025/NQ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định xử lý khó khăn, vướng mắc về việc điều chỉnh quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh khi triển khai sắp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp trong thời gian chưa ban hành Luật Quy hoạch (sửa đổi) hết hiệu lực kể từ ngày Luật này được thông qua (ngày 10/12/2025)”. Do vậy, việc đề nghị hoàn thiện nội dung liên quan đến trình tự lập điều chỉnh quy hoạch cần bám sát, tuân thủ trình tự lập điều chỉnh quy hoạch được quy định tại các quy định của Luật Quy hoạch năm 2025 về điều chỉnh quy hoạch tỉnh (như Điều 52, 53...) và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Quy hoạch năm 2025.	Tiếp thu ý kiến
	3. Nội dung nêu tại dự thảo Kết luận mới chỉ nêu đầu mục đề cương điều chỉnh quy hoạch. Đề nghị cơ quan chủ trì lập Quy hoạch tỉnh Gia Lai tiếp tục hoàn thiện nội dung này trên cơ sở tổng hợp ý kiến của các Bộ, ngành, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và ý kiến thẩm định của các Thành viên Hội đồng thẩm định, bảo đảm phù hợp với yêu cầu tại điểm c khoản 1 Điều 35 Luật Quy hoạch năm 2025.	Tiếp thu ý kiến
	III. NỘI DUNG KHÁC Kiến nghị đối với Cơ quan tổ chức lập quy hoạch, Cơ quan lập quy hoạch, Cơ quan Thường trực Hội đồng thẩm định và Cơ quan phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch (nếu có). (1) Đề nghị hoàn thiện dự thảo hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Luật Quy hoạch năm 2025, Điều 43 Nghị định số 70/2025/NĐ-CP. (2) Các giải pháp giải quyết được các vướng mắc, bất cập, góp phần phát huy tối đa thế mạnh, đặc thù của tỉnh Gia Lai. Đặc biệt, cần đề xuất giải pháp rõ ràng hơn về xây dựng, hoàn thiện thể chế pháp luật như: + (i) cần đề xuất Trung ương ban hành văn bản nào; + (ii) chủ động ban hành những văn bản gì theo thẩm quyền của địa phương theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025. (3) Các giải pháp, nhiệm vụ cần xác định rõ tên nhiệm vụ, giải pháp gắn với kết quả đầu ra, có thời hạn hoàn thành, cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, nguồn lực thực hiện.	Tiếp thu ý kiến

HỘI BẢO VỆ THIÊN NHIÊN
VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG (ENTECH)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 96.../CV-ET2026.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 6 năm 2026

V/v tiếp thu, chỉnh sửa Báo cáo
đánh giá môi trường chiến lược
của "Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh
Gia Lai thời kỳ 2021 – 2030, tầm
nhìn đến năm 2050"

Kính gửi: Sở Tài chính tỉnh Gia Lai

Căn cứ các ý kiến góp ý của Văn phòng Chính phủ, các Bộ và cơ quan ngang Bộ, UBND tỉnh Quảng Ngãi, UBND tỉnh Đắk Lắk tham vấn ý kiến đối với nội dung đánh giá môi trường chiến lược của điều chỉnh quy hoạch tỉnh Gia Lai thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo công văn số 6836/UBND-XDCT ngày 27/5/2026 của UBND tỉnh Gia Lai;

Trung tâm Công nghệ Môi trường (ENTECH) đã rà soát, chỉnh sửa bổ sung và giải trình theo góp ý của Bộ và cơ quan ngang Bộ (*chi tiết tại Phụ lục đính kèm*).

Căn cứ tiến độ của thực hiện Lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Gia Lai, đơn vị tư vấn sẽ tiếp tục triển khai thực hiện, hoàn thành các nội dung công việc tiếp theo đảm bảo tiến độ của hợp đồng đã ký.

Trong quá trình triển khai thực hiện, Trung tâm Công nghệ Môi trường (ENTECH) sẽ phối hợp chặt chẽ với Chủ đầu tư để hoàn thành Gói thầu, kịp thời báo cáo Chủ đầu tư để giải quyết các khó khăn, vướng mắc (nếu có).

Trân trọng cảm ơn và kính chào./.

Nơi nhận: Như trên

Lưu VT.



PGS.TS. PHÙNG CHÍ SỸ

PHỤ LỤC

Tổng hợp giải trình, tiếp thu ý kiến đóng góp các Bộ và cơ quan ngang Bộ tham vấn ý kiến đối với nội dung đánh giá môi trường chiến lược của “Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Gia Lai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050”

TT	Ý kiến góp ý	Nội dung tiếp thu, hoàn thiện hoặc giải trình	Đối tượng được tham vấn
1.	Về hiện trạng môi trường: Bổ sung số liệu phát sinh chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Gia Lai (cũ); số liệu thu gom, xử lý nước thải đô thị	- Số liệu chất thải rắn sinh hoạt đô thị phát sinh trên địa bàn tỉnh Gia Lai năm 2025 là 867 tấn/ngày (bao gồm 2 tỉnh Bình Định và Gia Lai trước sáp nhập). Đây là báo cáo đánh giá môi trường chiến lược của điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Gia Lai (sau khi sáp nhập), vì vậy số liệu thống kê sẽ được tổng hợp dựa trên 2 tỉnh Bình Định và Gia Lai (cũ). - Đối với số liệu, thu gom, xử lý nước thải đô thị: Báo cáo đã bổ sung tại mục 2.2.3.1 – (3) – 9)	Cục Môi trường – Bộ Nông nghiệp và Môi trường
2.	Đối với đánh giá về ô nhiễm môi trường không khí: Cần bổ sung vấn đề ô nhiễm môi trường không khí (mùi) phát sinh từ hoạt động chăn nuôi	Báo cáo đã bổ sung đánh giá mùi phát sinh từ hoạt động chăn nuôi tại mục 3.4.1.2 – (2) – 4)	
3.	Đối với đa dạng sinh học, tài nguyên rừng và cảnh quan thiên nhiên, đề nghị đánh giá rõ hơn tác động của phương án phát triển hạ tầng, đô thị, công nghiệp, khai khoáng, du lịch và nông nghiệp đến rừng tự nhiên, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, khu bảo tồn thiên nhiên, vườn quốc gia, khu dự trữ sinh quyển, hành lang đa dạng sinh học và các hệ sinh thái nhạy cảm trong đó cần lưu ý đối với trường hợp có nguy cơ chồng lấn hoặc tác động đến khu vực nhạy cảm về môi trường	Báo cáo đã bổ sung, làm rõ đánh giá tác động của các phương án phát triển đô thị, công nghiệp, khai khoáng, du lịch lên đa dạng sinh học tại mục 3.4.1.2 – (5).	

TT	Ý kiến góp ý	Nội dung tiếp thu, hoàn thiện hoặc giải trình	Đối tượng được tham vấn
4.	Đối với giải pháp giảm thiểu tác động do chất thải rắn: theo báo cáo ĐMC, toàn tỉnh hiện có 21 bãi chôn lấp không hợp vệ sinh và 43 bãi rác tạm cấp xã, thôn đang hoạt động (phổ biến tỉnh Gia Lai cũ), phần lớn là bãi lộ thiên, không có lớp lót chống thấm và hệ thống thu gom, xử lý nước rỉ rác. Do đó, đề nghị có giải pháp xử lý (đóng cửa hoàn toàn, đóng của một phần, cải tạo để tiếp tục sử dụng) toàn bộ các bãi chôn lấp không hợp vệ sinh trên địa bàn tỉnh	Đối với giải pháp giảm thiểu tác động do chất thải rắn: Báo cáo đã đề xuất biện pháp đầu tư nâng cấp, cải tạo và thực hiện đóng bãi các bãi chôn lấp không hợp vệ sinh theo từng giai đoạn, bãi chôn lấp sau khi đóng bãi thực hiện cải tạo cảnh quan, phục hồi môi trường theo đúng quy định. Chi tiết tại mục 4.1.2.1 – (4)	
5.	Đối với định hướng các khu xử lý chất thải trên địa bàn tỉnh Gia Lai cần bảo đảm đáp ứng tiêu chí được nêu tại Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 611/QĐ-TTg ngày 08/7/2024, như: Vị trí các khu xử lý chất thải tập trung bảo đảm thuận lợi cho đầu tư hạ tầng kỹ thuật và công nghệ xử lý hiện đại, giảm nhu cầu chiếm dụng đất và giảm ô nhiễm môi trường; bảo đảm khoảng cách an toàn về môi trường theo quy định của pháp luật; khuyến khích áp dụng các công nghệ tái chế tiên tiến, hiện đại để thu hồi giá trị tài nguyên từ chất thải, công nghệ xử lý chất thải kết hợp thu hồi năng lượng, kỹ thuật hiện có tốt nhất nhằm giảm thiểu và kiểm soát chất thải thứ cấp phát sinh, hạn chế tối đa lượng chất thải chôn lấp trực tiếp và các nội dung khác có liên quan	Các khu xử lý chất thải trên địa bàn tỉnh đảm bảo đáp ứng tiêu chí về vị trí, công nghệ xử lý, khoảng cách an toàn về môi trường theo quy định tại Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 611/QĐ-TTg ngày 08/7/2024. Đồng thời ĐMC cũng đề xuất công nghệ áp dụng tại các bãi rác như phương pháp Wetlands kết hợp với các chế phẩm sinh học để xử lý nước rỉ rác, công nghệ tích hợp hóa lý - vi sinh - sinh thái để xử lý nguồn nước rỉ rác (công nghệ AAOOAMBBR). Chi tiết tại mục 4.1.2.1 – (4)	
6.	Về danh mục các khu xử lý chất thải tập trung trong hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch, đề nghị làm rõ vị trí, quy mô, công suất, phạm vi phục vụ, loại chất thải tiếp nhận,	Nội dung này không thuộc phạm vi trong báo cáo ĐMC. Đơn vị tư vấn ĐMC sẽ phối hợp với đơn vị tư vấn điều chỉnh Quy hoạch	

TT	Ý kiến góp ý	Nội dung tiếp thu, hoàn thiện hoặc giải trình	Đối tượng được tham vấn
	công nghệ xử lý, nhu cầu sử dụng đất, khoảng cách an toàn về môi trường, khả năng kết nối giao thông, khả năng kết nối với mạng lưới thu gom - vận chuyển và khả năng đáp ứng nhu cầu xử lý chất thải theo từng giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Việc bố trí các khu xử lý chất thải cần bảo đảm nguyên tắc thuận lợi cho công tác thu gom, vận chuyển; phù hợp với phân bố dân cư, đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu du lịch, vùng sản xuất nông nghiệp và các khu vực phát sinh chất thải lớn. Đồng thời, cần hạn chế tối đa việc bố trí các khu xử lý chất thải tại khu vực nhạy cảm về môi trường, khu vực gần nguồn nước cấp sinh hoạt, khu dân cư tập trung, khu bảo tồn thiên nhiên, rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, vùng có nguy cơ sạt lở, ngập úng, xâm nhập mặn hoặc khu vực có điều kiện địa chất, thủy văn không phù hợp	bổ sung làm rõ vị trí, quy mô, công suất, phạm vi phục vụ, loại chất thải tiếp nhận, công nghệ xử lý, nhu cầu sử dụng đất, khoảng cách an toàn về môi trường, khả năng kết nối giao thông, khả năng kết nối với mạng lưới thu gom - vận chuyển của các khu xử lý chất thải trong báo cáo điều chỉnh Quy hoạch tỉnh.	
7.	Đề nghị bổ sung định hướng liên kết vùng trong xử lý chất thải sau sáp nhập, nhất là đối với các khu vực có khoảng cách vận chuyển xa, địa bàn rộng, dân cư phân tán hoặc phát sinh lượng chất thải lớn theo mùa du lịch. Cần xác định rõ mô hình xử lý theo cụm liên xã, liên đô thị, liên vùng hoặc cấp tỉnh; đồng thời làm rõ vai trò của từng khu xử lý chất thải trong mạng lưới hạ tầng môi trường của toàn tỉnh	Báo cáo đã bổ sung định hướng liên kết vùng trong xử lý chất thải tại mục 4.1.2.1 – (4).	
8.	Đề nghị nghiên cứu, bổ sung yêu cầu về phát triển kinh tế tuần hoàn, giảm phát thải trong các hoạt động kinh tế, xã hội trên địa bàn tỉnh Gia Lai để làm căn cứ đưa ra các giải pháp thực hiện hiệu quả. Trong đó cần bao gồm	Báo cáo đã bổ sung các giải pháp áp dụng kinh tế tuần hoàn trong sản xuất công nghiệp, từ đó thúc đẩy tái chế, tái sử dụng chất thải nhằm giảm thiểu khối lượng chất	

TT	Ý kiến góp ý	Nội dung tiếp thu, hoàn thiện hoặc giải trình	Đối tượng được tham vấn
	các nội dung nghiên cứu để thực hiện giảm phát thải chất thải, thúc đẩy tái sử dụng, tái chế chất thải, góp phần giảm thiểu vấn đề môi trường chính đã được xác định liên quan đến áp lực do gia tăng chất thải rắn trên địa bàn tỉnh Gia Lai	thải phát sinh ra ngoài môi trường tại mục 4.1.2.1 – (4).	
9.	Các số liệu về chất thải rắn, nước thải, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, đô thị, du lịch, nông nghiệp, rừng, đa dạng sinh học, tài nguyên nước và biến đổi khí hậu cần được trích dẫn rõ nguồn, năm số liệu và phạm vi không gian	Báo cáo đã bổ sung nguồn trích dẫn số liệu về chất thải rắn, nước thải, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, đô thị, du lịch, nông nghiệp, rừng, đa dạng sinh học, tài nguyên nước và biến đổi khí hậu trong toàn bộ báo cáo, phạm vi của báo cáo là đánh giá toàn bộ tỉnh Gia Lai sau sáp nhập, do đó các số liệu sẽ bao gồm tỉnh Gia Lai (cũ) và Bình Định (cũ).	
10.	Đề nghị tiếp tục hoàn thiện Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược theo hướng làm rõ hơn mối quan hệ giữa phương án phát triển của Quy hoạch với các vấn đề môi trường chính; bổ sung cơ sở dự báo, đánh giá tính khả thi của các giải pháp bảo vệ môi trường; đồng thời cập nhật đầy đủ các khuyến nghị của đánh giá môi trường chiến lược vào Báo cáo điều chỉnh Quy hoạch trước khi trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt	Đơn vị tư vấn tiếp thu ý kiến, tiếp tục hoàn thiện báo cáo đánh giá môi trường theo các góp ý của các Bộ, ngành.	
11.	Chương II. Đề nghị bổ sung đánh giá hiện trạng môi trường đối với các khu vực có giá trị đặc biệt về văn hóa, cảnh quan và du lịch; làm rõ các sức ép môi trường hiện hữu đối với các khu vực có giá trị cảnh quan, các làng văn hóa truyền thống và không gian sinh hoạt văn	Báo cáo đã bổ sung đánh giá hiện trạng môi trường đối với các khu vực có giá trị đặc biệt về văn hóa, cảnh quan và du lịch và sức ép môi trường đối với các khu vực có giá trị cảnh quan, các làng văn hóa truyền thống và	Bộ Văn hóa, thể thao và du lịch

TT	Ý kiến góp ý	Nội dung tiếp thu, hoàn thiện hoặc giải trình	Đối tượng được tham vấn
	hóa cộng đồng. Việc đánh giá hiện trạng đa dạng sinh học còn tập trung chủ yếu vào tài nguyên sinh học mà chưa làm rõ mối liên hệ với bảo tồn cảnh quan và phát triển du lịch sinh thái	không gian sinh hoạt văn hóa cộng đồng tại mục 2.2.2.2	
12.	Bổ sung làm rõ hiện trạng bảo tồn cảnh quan tự nhiên tại các khu vực như Biển Hồ - Chư Đăng Ya, Kon Hà Nừng, Kon Ka Kinh, Kon Chư Răng, các không gian văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số và các khu vực có tiềm năng phát triển du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng	Báo cáo đã bổ sung hiện trạng bảo tồn cảnh quan tự nhiên và các khu vực có tiềm năng phát triển du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng tại mục 2.2.2.2 – (2), (3)	
13.	Chương III: đối với lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch, đề nghị bổ sung: Bổ sung đánh giá sự phù hợp với các chủ trương, chính sách về bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa. Đánh giá sự phù hợp với các định hướng phát triển du lịch bền vững và bảo vệ tài nguyên du lịch	Tại chương 3, nội dung đánh giá từng ngành, lĩnh vực phát triển là đánh giá tác động của các dự án phát triển ngành ảnh hưởng tới môi trường, nội dung đánh giá sự phù hợp với các chủ trương, chính sách, định hướng phát triển không thuộc phạm vi báo cáo ĐMC.	
14.	Làm rõ mức độ lồng ghép các yêu cầu bảo vệ cảnh quan thiên nhiên, không gian văn hóa truyền thống và di sản văn hóa trong các mục tiêu phát triển của Quy hoạch	Nội dung này không thuộc phạm vi báo cáo ĐMC, báo cáo ĐMC chỉ dựa trên các nội dung phát triển đã được nêu trong quy hoạch để đánh giá. Đơn vị tư vấn sẽ tổng hợp ý kiến chuyển cho đơn vị tư vấn lập điều chỉnh quy hoạch bổ sung mức độ lồng ghép các yêu cầu bảo vệ cảnh quan thiên nhiên, không gian văn hóa truyền thống trong các mục tiêu phát triển du lịch.	

TT	Ý kiến góp ý	Nội dung tiếp thu, hoàn thiện hoặc giải trình	Đối tượng được tham vấn
15.	Cần đánh giá sâu hơn tác động tích lũy và tác động cộng hưởng của các dự án năng lượng, giao thông, công nghiệp và khai thác khoáng sản đến: Di tích lịch sử - văn hóa; danh lam thắng cảnh; không gian văn hóa Cồng chiêng Tây Nguyên; các làng truyền thống dân tộc thiểu số; tài nguyên du lịch tự nhiên và văn hóa	Các tác động liên quan tới di tích lịch sử - văn hóa; danh lam thắng cảnh... nằm trong các khía cạnh văn hóa – xã hội đã được đánh giá tác động tại mục 3.4.1.1 – (2) – (3).	
16.	Chương 4: Chương trình quản lý và giám sát môi trường: Theo hồ sơ Báo cáo ĐMC, mạng lưới quan trắc môi trường trên địa bàn tỉnh hiện chủ yếu tập trung vào các thành phần môi trường tự nhiên như nước, không khí và đất; chưa bố trí các điểm quan trắc đa dạng sinh học cũng như các điểm quan trắc tại khu vực di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh và các khu vực có giá trị cảnh quan, du lịch quan trọng. Điều này có thể làm hạn chế khả năng theo dõi, đánh giá các tác động môi trường đến các đối tượng nhạy cảm cần được bảo vệ trong quá trình triển khai Quy hoạch. Đề nghị nghiên cứu bổ sung phương án phát triển mạng lưới quan trắc môi trường theo hướng lồng ghép các điểm quan trắc tại các khu di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, khu du lịch trọng điểm, khu vực có giá trị cảnh quan đặc thù, các hệ sinh thái tự nhiên quan trọng và các khu vực nhạy cảm về môi trường trên địa bàn tỉnh. Đồng thời, cần bổ sung các nội dung quan trắc, giám sát về đa dạng sinh học, chất lượng cảnh quan, mức độ tác động đến tài nguyên du lịch, không gian văn hóa cộng đồng và các yếu tố môi trường có khả năng ảnh hưởng đến giá trị di sản văn hóa, danh lam thắng cảnh	Tại nội dung quản lý và giám sát môi trường, báo cáo đã đề cập tới vị trí quan trắc đa dạng sinh học tại mục 4.3.1.3.	

TT	Ý kiến góp ý	Nội dung tiếp thu, hoàn thiện hoặc giải trình	Đối tượng được tham vấn
17.	Chương V. Tham vấn trong quá trình thực hiện đánh giá môi trường chiến lược: Báo cáo đã thực hiện hoạt động tham vấn các cơ quan, tổ chức có liên quan trong quá trình lập ĐMC theo quy định. Tuy nhiên, nội dung tham vấn và kết quả tiếp thu, giải trình đối với các vấn đề liên quan đến văn hóa, du lịch, cảnh quan và đa dạng sinh học còn chưa được thể hiện đầy đủ. Đề nghị rà soát, làm rõ việc tham vấn các cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa, thể thao và du lịch đối với các nội dung có khả năng tác động đến di sản văn hóa, danh lam thắng cảnh, cảnh quan thiên nhiên, tài nguyên du lịch và không gian văn hóa cộng đồng trong phạm vi Quy hoạch. Trường hợp đã thực hiện tham vấn, cần bổ sung thông tin về nội dung tham vấn, các ý kiến góp ý chính và kết quả tiếp thu, giải trình trong Báo cáo ĐMC. Đồng thời, đề nghị bổ sung, làm rõ nội dung tiếp thu, giải trình đối với các ý kiến liên quan đến bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa, bảo vệ danh lam thắng cảnh, cảnh quan thiên nhiên, tài nguyên du lịch, đa dạng sinh học và bản sắc văn hóa cộng đồng; làm rõ các giải pháp đã được tích hợp vào Quy hoạch nhằm hạn chế các tác động tiêu cực và nâng cao hiệu quả bảo tồn các giá trị văn hóa, thiên nhiên trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương	Ngày 14/05/2026, Sở Tài chính đã gửi công văn số 4535/STC-QLN tới các Sở, ngành, đơn vị trên địa bàn tỉnh về việc tham gia ý kiến dự thảo các nội dung chính của báo cáo ĐMC. Ngày 16/05/2026, Sở Văn hóa, thể thao và du lịch đã gửi Công văn số 1967/SVHTTDL-VPS tới Sở Tài chính về việc ý kiến dự thảo báo cáo ĐMC với nội dung thống nhất. Chi tiết văn bản được đính kèm phụ lục 1.	
18.	Về quy chuẩn áp dụng, bổ sung các quy chuẩn sau: - QCVN 19:2024/BTNMT về khí thải công nghiệp - Quy chuẩn liên quan đến lò đốt chất thải, cơ sở xử lý CTR, CTNH	Báo cáo đã bổ sung các quy chuẩn mới được phê duyệt theo quy định hiện hành tại mục 2.2.2 (Mở đầu)	GS.TS. Nguyễn Văn Phước – Hội Nước và Môi trường TP. HCM

TT	Ý kiến góp ý	Nội dung tiếp thu, hoàn thiện hoặc giải trình	Đối tượng được tham vấn
	- Các quy chuẩn hiện hành về CTNH, bùn thải, trầm tích và chất thải sau xử lý cần được rà soát theo hiệu lực pháp lý mới nhất		
19.	Về phương pháp thực hiện ĐMC, bổ sung các phương pháp sau: - Phương pháp tham vấn cơ quan, tổ chức, cộng đồng và chuyên gia. - Phương pháp đánh giá rủi ro biến đổi khí hậu, nước biển dâng, thiên tai, hạn hán, xâm nhập mặn, xói lở bờ biển. - Phương pháp GIS/chồng ghép bản đồ đối với vùng nhạy cảm, vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải, vùng nguy cơ ngập, hạn, sạt lở, xâm nhập mặn - Phương pháp cân bằng vật chất, cân bằng nước, cân bằng tải lượng ô nhiễm để tạo tính logic với các bảng tính toán ở Chương 3. - Phương pháp đánh giá sức chịu tải, khả năng tự làm sạch hoặc mức độ quá tải của các nguồn nước trọng điểm - Phương pháp đánh giá tác động tích lũy theo lưu vực, theo vùng phát triển và theo chuỗi nguồn thải.	Phương pháp bản đồ và hệ thống thông tin địa lý (GIS) được sử dụng để xây dựng bản đồ chất lượng nước, không khí, phân vùng bảo vệ môi trường khi thực hiện Quy hoạch. Trong báo cáo ĐMC các bản đồ sẽ được kế thừa từ quy hoạch, phương pháp bản đồ và hệ thống thông tin địa lý (GIS) không được sử dụng trực tiếp trong quá trình đánh giá ĐMC, do đó phương pháp này không liệt kê trong danh mục phương pháp thực hiện. Ngoài ra các phương pháp thực hiện như đánh giá rủi ro biến đổi khí hậu, nước biển dâng, thiên tai, hạn hán, xâm nhập mặn, xói lở bờ biển; phương pháp cân bằng vật chất, cân bằng nước, cân bằng tải lượng ô nhiễm; phương pháp đánh giá sức chịu tải... không nằm trong danh mục các phương pháp luận được sử dụng để đánh giá môi trường chiến lược. Các phương pháp sử dụng trong báo cáo được thực hiện theo hướng dẫn của GS.TSKH. Phạm Ngọc Đăng, PGS.TS. Nguyễn Việt Anh, TS. Nguyễn Khắc Kinh, GVC. Trần Đông Phong, TS. Trần Văn Ý, “Đánh giá môi trường chiến lược – phương	

TT	Ý kiến góp ý	Nội dung tiếp thu, hoàn thiện hoặc giải trình	Đối tượng được tham vấn
		pháp luận và thử nghiệm ở Việt Nam:, NXB Xây dựng, năm 2010.	
20.	Về danh sách chuyên gia tham gia lập ĐMC: Đề nghị bổ sung đại diện hoặc chuyên gia của Sở Nông nghiệp và Môi trường, các sở ngành liên quan, Ban Quản lý KKT/KCN, cơ quan phòng chống thiên tai, cơ quan tài nguyên nước, lâm nghiệp, thủy lợi, xây dựng, giao thông, công thương, y tế, du lịch; đồng thời bổ sung chuyên gia chuyên sâu về biến đổi khí hậu, tài nguyên nước, biển ven bờ, đầm phá, đa dạng sinh học, rừng, CTR/CTNH, công nghiệp, đô thị, giao thông, GIS và kinh tế môi trường. Nếu các chuyên gia này chỉ tham gia dưới dạng cung cấp thông tin hoặc góp ý, báo cáo cần nêu rõ vai trò, phạm vi tham gia, biên bản làm việc hoặc tài liệu tham vấn kèm theo.	Về danh sách chuyên gia lập ĐMC điều chỉnh quy hoạch tỉnh được thực hiện theo đúng gói thầu Sở Tài chính Gia Lai ký kết với đơn vị tư vấn.	
21.	Chương 2: Hiện trạng môi trường, đề nghị bổ sung: - Bảng số liệu chi tiết theo nhóm vị trí, nhóm đất, từng năm và từng thông số. - Bản đồ vị trí quan trắc đất và phân loại vùng nguy cơ - Đánh giá xu thế tích lũy ô nhiễm đất, đặc biệt là kim loại nặng, dầu mỡ khoáng, hóa chất BVTN, dư lượng phân bón và ô nhiễm từ chất thải - Rà soát đất chưa sử dụng, đất dốc, đất đá ong, đất bạc màu, đất cát ven biển, đất nhiễm mặn, đất thoái hóa, đất có nguy cơ không phù hợp hoặc chỉ phù hợp hạn chế cho sản xuất nông nghiệp - Rà soát lưu vực có nguy cơ ô nhiễm/tồn lưu lịch sử, đặc biệt là sân bay Phù Cát và các khu vực quân sự có	Trong báo cáo ĐMC đã sử dụng và tổng hợp các kết quả quan trắc môi trường đất giai đoạn 2021 – 2024 của tỉnh Gia Lai (bao gồm Bình Định và Gia Lai cũ) để đánh giá hiện trạng chất lượng môi trường đất theo đúng hướng dẫn tại mẫu 01b mục 2 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/2/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ tài nguyên và môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi	

TT	Ý kiến góp ý	Nội dung tiếp thu, hoàn thiện hoặc giải trình	Đối tượng được tham vấn
	nguy cơ tồn lưu dioxin, chất độc hóa học sau chiến tranh, bom mìn, vật liệu nổ hoặc hóa chất đặc thù Mặc dù môi trường đất chưa phải là vấn đề môi trường chính nổi trội về ô nhiễm hiện trạng, đất vẫn là thành phần nhạy cảm có nguy cơ chịu tác động tích lũy trong kỳ quy hoạch, cần tiếp tục được theo dõi và lồng ghép trong phân vùng môi trường.	trường. Kết quả tổng hợp cho thấy chất lượng môi trường đất tại các vị trí quan trắc nhìn chung còn nằm trong giới hạn cho phép của các quy chuẩn hiện hành; chưa ghi nhận các khu vực ô nhiễm đất diện rộng hoặc các điểm nóng môi trường đất có tính chất nổi trội trên phạm vi toàn tỉnh. Hệ thống số liệu quan trắc hiện có chủ yếu phục vụ mục tiêu theo dõi chất lượng môi trường định kỳ, chưa đủ cơ sở dữ liệu để xây dựng các bảng tổng hợp chi tiết theo từng nhóm đất, từng loại hình sử dụng đất, từng thông số ô nhiễm và từng năm quan trắc toàn bộ tỉnh Gia Lai. - Báo cáo đã bổ sung nội dung đánh giá xu thế tích lũy ô nhiễm đất, rà soát các loại đất và khu vực có nguy cơ ô nhiễm/tồn lưu lịch sử tại mục 2.2.1.1.	
22.	Về hiện trạng và diễn biến chất lượng nước mặt, nước dưới đất, nước biển ven bờ: Đề nghị bổ sung một mục riêng: “Nhận diện và đánh giá các nguồn gây ô nhiễm chính đối với môi trường nước mặt hiện nay”. Trong đó cần làm rõ: - Nguồn thải điểm: KCN, CCN, nhà máy chế biến nông sản, chế biến thủy sản, bệnh viện, khu đô thị, khu dân cư tập trung, cơ sở du lịch, cảng cá, cảng biển, cơ sở xử lý chất thải.	Báo cáo đã bổ sung các nội dung liên quan tại mục 2.2.1.2 – (1) – 9)	

TT	Ý kiến góp ý	Nội dung tiếp thu, hoàn thiện hoặc giải trình	Đối tượng được tham vấn
	- Nguồn thải phân tán: chăn nuôi hộ gia đình/trang trại, rửa trôi phân bón và thuốc bảo vệ thực vật từ đất nông nghiệp, nước mưa chảy tràn đô thị, làng nghề, khu dân cư phân tán - Áp lực từ vùng thượng lưu xuống hạ lưu, đặc biệt đối với hệ thống sông Ba, sông Côn, Hà Thanh, Lại Giang, La Tinh, các hồ chứa và đầm phá ven biển - Môi liên hệ giữa suy giảm chất lượng nước mặt với nước dưới đất, nước biển ven bờ, trầm tích và đa dạng sinh học thủy sinh.		
23.	Đối với hiện trạng nước biển ven bờ, báo cáo cần phân tích sâu hơn các vùng nhạy cảm như Quy Nhơn, Nhơn Hội, đầm Thị Nại, đầm Đề Gi, đầm Trà Ổ, cửa sông, cảng cá, vùng nuôi trồng thủy sản, khu du lịch ven biển và khu vực có nguy cơ rác thải nhựa, dầu mỡ, dinh dưỡng, vi sinh, kim loại nặng.	Các vị trí lấy mẫu phân tích đánh giá hiện trạng nước biển ven bờ được trích dẫn từ báo cáo hiện trạng môi trường 5 năm 2021 – 2025 của tỉnh Gia Lai, phạm vi ĐMC không thực hiện lấy mẫu bổ sung do đó không có số liệu đánh giá tại các vị trí này.	
24.	Đề nghị bổ sung quan trắc và đánh giá trầm tích đối với sông, hồ, đầm phá, cửa sông và vùng ven biển. Trầm tích là nơi tích lũy lâu dài kim loại nặng, dầu mỡ, hóa chất bảo vệ thực vật, dinh dưỡng, PAHs, vi nhựa và các chất ô nhiễm khó phân hủy. Nếu chỉ đánh giá nước mà bỏ qua trầm tích thì chưa đủ cơ sở đánh giá xu thế ô nhiễm và rủi ro sinh thái.	Đơn vị tư vấn thống nhất với ý kiến góp ý về vai trò quan trọng của môi trường trầm tích trong việc đánh giá hiện trạng và xu thế ô nhiễm môi trường nước. Trầm tích đáy là môi trường tiếp nhận và tích lũy lâu dài nhiều chất ô nhiễm khó phân hủy như kim loại nặng, dầu mỡ khoáng, hóa chất bảo vệ thực vật, các hợp chất hữu cơ bền vững, PAHs, dinh dưỡng, vi nhựa và các chất ô nhiễm khác. Do đó, việc đánh giá chất lượng trầm tích có ý nghĩa quan trọng trong việc nhận diện xu thế tích lũy ô nhiễm dài hạn và	

TT	Ý kiến góp ý	Nội dung tiếp thu, hoàn thiện hoặc giải trình	Đối tượng được tham vấn
		các nguy cơ rủi ro sinh thái đối với hệ sinh thái thủy vực. Trong quá trình xây dựng ĐMC, đơn vị tư vấn đã sử dụng các số liệu quan trắc môi trường nước mặt, nước biển ven bờ và các tài liệu hiện trạng môi trường hiện có của tỉnh Gia Lai và tỉnh Bình Định trước khi sáp nhập. Tuy nhiên, cơ sở dữ liệu về chất lượng trầm tích hiện nay còn hạn chế, chưa được thực hiện đồng bộ trên phạm vi toàn tỉnh và chưa có chuỗi số liệu đủ dài để đánh giá xu thế tích lũy ô nhiễm theo thời gian đối với các lưu vực sông, hồ chứa, đầm phá, cửa sông và vùng biển ven bờ. Mặt khác, ĐMC quy hoạch tỉnh là công cụ đánh giá môi trường ở cấp độ chiến lược, tập trung vào nhận diện các vấn đề môi trường chính, xu hướng biến đổi môi trường và các nguy cơ phát sinh trong quá trình thực hiện quy hoạch. Việc điều tra, quan trắc và đánh giá chuyên sâu chất lượng trầm tích, đặc biệt đối với các thông số đặc thù như kim loại nặng, PAHs, hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu, vi nhựa và các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy, thuộc phạm vi của các chương trình điều tra môi trường chuyên đề và mạng lưới quan trắc môi trường định kỳ. Đơn vị tư vấn sẽ kiến nghị trong giai đoạn thực hiện điều chỉnh quy hoạch cần từng bước hoàn thiện	

TT	Ý kiến góp ý	Nội dung tiếp thu, hoàn thiện hoặc giải trình	Đối tượng được tham vấn
		cơ sở dữ liệu môi trường trầm tích, bổ sung các chương trình quan trắc chuyên đề đối với các thủy vực nhạy cảm và khu vực có nguy cơ tích lũy chất ô nhiễm cao; kết hợp đánh giá chất lượng nước, trầm tích và sinh vật chỉ thị nhằm theo dõi đầy đủ xu thế ô nhiễm, khả năng tích lũy sinh học và rủi ro sinh thái trên địa bàn tỉnh Gia Lai	
25.	Đặc biệt, báo cáo cần bổ sung đánh giá chất lượng nước tại các nguồn cấp nước hiện tại và dự kiến của tỉnh để làm cơ sở đánh giá an ninh nguồn nước. Nội dung này phải làm rõ nguồn nào đang bảo đảm, nguồn nào có nguy cơ suy giảm do ô nhiễm hữu cơ, dinh dưỡng, vi sinh, kim loại, thuốc bảo vệ thực vật, nhiễm mặn, hạn hán hoặc xâm nhập mặn. Đây là cơ sở để đề xuất vùng bảo hộ nguồn nước, kiểm soát xả thải vào thượng nguồn, nâng cấp xử lý nước sạch, bổ sung nguồn dự phòng và ưu tiên quan trắc tự động tại các hồ/sông cấp nước quan trọng.	Phạm vi báo cáo ĐMC là đánh giá ở mức độ chiến lược, việc đánh giá chi tiết chất lượng nước đối với từng công trình khai thác nước, từng hồ chứa hoặc từng nguồn cấp nước cụ thể được thực hiện chi tiết ở các dự án cụ thể hoặc các quy hoạch chuyên ngành tài nguyên nước, cấp nước.	
26.	Về khả năng tự làm sạch, sức chịu tải và mức độ quá tải của nguồn nước Báo cáo chưa đánh giá khả năng tự làm sạch hoặc sức chịu tải của các sông, hồ, đầm phá và vùng nước ven bờ trọng điểm. Trong điều kiện nhiều thông số như COD, BOD₅, TSS, DO đã có dấu hiệu vượt quy chuẩn tại một số thủy vực, báo cáo không nên chỉ đánh giá theo hướng nguồn nước còn có thể tiếp nhận thêm bao nhiêu tải lượng. Trường hợp nguồn nước đã vượt quy chuẩn, cần	Đối với nội dung đánh giá khả năng tự làm sạch, sức chịu tải và mức độ quá tải của nguồn nước không nằm trong phạm vi của báo cáo ĐMC. Việc đánh giá khả năng chịu tải sẽ được thực hiện ở một dự án, một nhiệm vụ cụ thể khi triển khai thực hiện.	

TT	Ý kiến góp ý	Nội dung tiếp thu, hoàn thiện hoặc giải trình	Đối tượng được tham vấn
	chuyển cách tiếp cận sang đánh giá mức độ quá tải và tải lượng cần cắt giảm để đưa nguồn nước trở lại trạng thái đạt chuẩn. Đề nghị bổ sung đánh giá sơ bộ theo các nhóm: - Nguồn nước còn khả năng tiếp nhận. - Nguồn nước tiếp nhận có điều kiện. - Nguồn nước gần quá tải - Nguồn nước đã quá tải, không nên tiếp nhận thêm nguồn thải hữu cơ, dinh dưỡng hoặc vi sinh nếu chưa có biện pháp giảm tải. Các thủy vực cần ưu tiên gồm: sông Ba, Sê San, Kôn, Hà Thanh, Lại Giang, La Tinh, Biên Hồ, Ayun Hạ, Ia Ly, đầm Thị Nại, đầm Đề Gi, đầm Trà Ổ, vùng ven biển Quy Nhơn – Nhơn Hội, cửa sông, cảng cá và vùng nuôi trồng thủy sản		
27.	Về hiện trạng chất lượng không khí: Báo cáo cho thấy chất lượng không khí giai đoạn 2021–2025 nhìn chung còn tốt, các thông số bụi, SO₂, NO₂, CO và độ ồn phần lớn nằm trong giới hạn quy chuẩn; một số vị trí có tiếng ồn vượt nhẹ nhưng không kéo dài. Tuy nhiên, phần đánh giá còn khái quát, chưa phân tích đầy đủ các thông số có ý nghĩa chiến lược đối với quy hoạch như PM_{2.5}, PM₁₀, VOC, O₃, NH₃, H₂S, mùi là các khí đặc thù từ chăn nuôi tập trung, bãi chôn lấp, khu xử lý chất thải, trạm xử lý nước thải, cảng cá, cảng biển, logistics, khai thác khoáng sản và công nghiệp chế biến. Đề nghị bổ sung phân tích riêng các vùng nhạy cảm: Quy Nhơn – Nhơn Hội – đầm Thị Nại, Pleiku, An Khê,	Đơn vị tư vấn thống nhất với ý kiến góp ý về tầm quan trọng của các thông số môi trường không khí như PM_{2.5}, PM₁₀, VOC, O₃, NH₃, H₂S và mùi trong việc đánh giá các vấn đề môi trường chiến lược của tỉnh Gia Lai thời kỳ quy hoạch. Trong quá trình lập ĐMC, việc đánh giá hiện trạng chất lượng môi trường không khí chủ yếu được thực hiện trên cơ sở các kết quả quan trắc môi trường định kỳ của tỉnh Gia Lai. Các chương trình quan trắc hiện có tập trung chủ yếu vào các thông số môi trường không khí thông thường như bụi tổng (TSP), SO₂, NO₂, CO	

TT	Ý kiến góp ý	Nội dung tiếp thu, hoàn thiện hoặc giải trình	Đối tượng được tham vấn
	Ayun Pa, Hoài Nhơn, các KCN/CCN, cảng biển, tuyến giao thông chính, khu xử lý CTR, khu chăn nuôi tập trung và vùng khai thác khoáng sản. Cần làm rõ xu thế theo vùng phát triển và nguồn phát thải để phục vụ kiểm soát ô nhiễm không khí trong kỳ quy hoạch.	và tiếng ồn nhằm phục vụ đánh giá hiện trạng môi trường chung. Đối với các thông số đặc thù như PM2.5, PM10, VOC, O3, NH3, H2S và mùi, số liệu quan trắc hiện còn hạn chế về tần suất, phạm vi không gian và tính liên tục, chưa đủ cơ sở để thực hiện đánh giá xu thế biến động hoặc phân vùng ô nhiễm trên phạm vi toàn tỉnh. Mặt khác, ĐMC quy hoạch tỉnh được thực hiện ở cấp độ chiến lược, tập trung vào nhận diện các nguồn áp lực môi trường chính và nguy cơ môi trường có thể phát sinh trong quá trình thực hiện quy hoạch. Việc đánh giá định lượng chi tiết các thông số đặc thù nêu trên thường đòi hỏi các chương trình quan trắc chuyên đề, mô hình hóa phát tán khí thải hoặc hệ thống quan trắc tự động liên tục tại các khu vực nguồn thải trọng điểm.	
28.	Về hiện trạng tài nguyên rừng Báo cáo đã trình bày diễn biến diện tích rừng giai đoạn 2021–2025 và cho thấy xu hướng suy giảm đáng kể diện tích có rừng, đặc biệt là biến động lớn trong năm 2025. Tuy nhiên, báo cáo chưa phân tích rõ nguyên nhân của sự suy giảm này. Đây là thiếu sót cần khắc phục, vì không thể đề xuất giải pháp bảo vệ rừng bền vững cho giai đoạn 2026–2030 nếu chưa hiểu rõ các tác nhân làm suy giảm rừng trong giai đoạn trước. Cần làm rõ sự suy giảm diện tích rừng là do mất rừng thực tế, chuyển mục	Báo cáo đã bổ sung nguyên nhân dẫn tới suy giảm diện tích rừng tại mục 2.2.2.1 – (1) – 1). Đối với các nội dung về hiện trạng và tác động của suy giảm rừng: báo cáo đã sử dụng các số liệu hiện trạng rừng hiện có để đánh giá xu hướng biến động tài nguyên rừng, nhận diện nguy cơ suy giảm rừng và các tác động môi trường chiến lược liên quan đến đa dạng sinh học, tài nguyên nước, xói mòn đất,	

TT	Ý kiến góp ý	Nội dung tiếp thu, hoàn thiện hoặc giải trình	Đối tượng được tham vấn
	đích sử dụng đất, khai thác rừng trồng, cháy rừng, phá rừng, suy thoái rừng, dự án hạ tầng, thủy điện, năng lượng tái tạo, mở rộng nông nghiệp, hay do thay đổi phương pháp thống kê, rà soát hiện trạng rừng hoặc tác động của sáp nhập địa giới hành chính. Đề nghị bổ sung: - Bảng biến động rừng theo rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất - Bảng biến động rừng tự nhiên, rừng trồng, đất chưa có rừng trong quy hoạch lâm nghiệp - Phân tích theo vùng sinh thái và địa bàn trọng điểm: Kon Ka Kinh, Kon Chư Răng, Kon Hà Nừng, An Toàn, Núi Bà, vùng rừng đầu nguồn sông Ba – sông Kôn, vùng miền núi Bình Định cũ. - Đánh giá tác động của suy giảm rừng đến đa dạng sinh học, an ninh nguồn nước, xói mòn đất, lũ quét, sạt lở, hạn hán, bồi lắng hồ chứa và mục tiêu thích ứng biến đổi khí hậu	thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu. Các nội dung đánh giá chi tiết theo từng khu vực bảo tồn, lưu vực đầu nguồn và từng loại rừng sẽ được tiếp tục cập nhật, hoàn thiện trong quá trình xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành lâm nghiệp và triển khai các quy hoạch, chương trình quản lý bảo vệ rừng có liên quan. Do vậy, Báo cáo ĐMC giữ nguyên nội dung đánh giá hiện trạng tài nguyên rừng ở mức độ phù hợp với phạm vi, tính chất và yêu cầu của quy hoạch cấp tỉnh.	
29.	Về đa dạng sinh học: Đề nghị cập nhật, bổ sung dữ liệu gần đây hơn đối với: - Hệ sinh thái rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng tự nhiên. - Khu dự trữ sinh quyển Kon Hà Nừng. - Vườn quốc gia Kon Ka Kinh. - Khu bảo tồn thiên nhiên Kon Chư Răng, An Toàn, Núi Bà. - Đất ngập nước nội địa, hồ chứa, Biển Hồ, Ayun Hạ. - Đàm Thị Nại, đầm Đề Gi, đầm Trà Ổ	Báo cáo đã cập nhật dữ liệu về đa dạng sinh học đối với các khu vực hệ sinh thái, vườn quốc gia, khu dự trữ thiên nhiên, khu bảo tồn loài – sinh cảnh tại mục 2.2.2.1 và 2.2.2.3.	

TT	Ý kiến góp ý	Nội dung tiếp thu, hoàn thiện hoặc giải trình	Đối tượng được tham vấn
	- Rừng ngập mặn, rạn san hô, thảm cỏ biển, vùng biển ven bờ Quy Nhơn – Nhơn Hội - Loài nguy cấp, quý hiếm, loài đặc hữu, hành lang sinh thái và sinh cảnh bị chia cắt Báo cáo cần nêu rõ độ tin cậy, thời điểm, phạm vi không gian, phương pháp điều tra và nguồn dữ liệu của từng nhóm thông tin đa dạng sinh học		
30.	Về quản lý CTR công nghiệp và CTNH: đề nghị bổ sung: - Hiện trạng cơ sở xử lý CTRCN thông thường và CTNH trên địa bàn - Công suất xử lý, công nghệ xử lý, tỷ lệ sử dụng công suất, khả năng mở rộng - Lượng CTR công nghiệp, CTNH phải chuyển giao cho đơn vị ngoài tỉnh - Khả năng thu gom – vận chuyển CTNH, trạm trung chuyển/lưu giữ CTNH - Khoảng cách giữa năng lực xử lý hiện có và nhu cầu phát sinh đến năm 2030 - Định hướng đầu tư hạ tầng xử lý CTR công nghiệp và CTNH, liên kết vùng xử lý CTNH, KCN sinh thái, tái chế, tái sử dụng, kinh tế tuần hoàn Cần nhận định rõ: năng lực xử lý CTR công nghiệp thông thường và CTNH hiện nay còn hạn chế, chưa tương xứng với định hướng phát triển công nghiệp, KKT/KCN/CCN, logistics, cảng biển và chế biến nông – lâm – thủy sản trong kỳ quy hoạch	Theo hướng dẫn tại mẫu 01b mục 2 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/2/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ tài nguyên và môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường, tại mục này nêu khái quát về hiện trạng hoạt động của các ngành kinh tế có khả năng chịu tác động bởi quy hoạch. Trong báo cáo đã mô tả khối lượng thu gom, khả năng xử lý của các loại chất thải rắn phát sinh trên địa bàn tỉnh. Các nội dung về hiện trạng cơ sở xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại, công suất xử lý, tỷ lệ sử dụng công suất, nhu cầu xử lý đến năm 2030, liên kết vùng xử lý và định hướng đầu tư hạ tầng xử lý chất thải không thuộc phạm vi báo cáo ĐMC, nội dung này sẽ được mô tả chi tiết trong báo cáo quy	

TT	Ý kiến góp ý	Nội dung tiếp thu, hoàn thiện hoặc giải trình	Đối tượng được tham vấn
		hoạch tỉnh hoặc quy hoạch ngành quản lý chất thải.	
31.	Về lựa chọn các vấn đề môi trường chính: việc xếp ô nhiễm không khí và môi trường đất ở thứ tự ưu tiên cao hơn chất thải rắn, đa dạng sinh học/rừng và rủi ro thiên tai – BĐKH là chưa phù hợp với hiện trạng, mức độ cấp bách và đặc thù không gian tỉnh mới. Đề nghị điều chỉnh thứ tự ưu tiên theo hướng: - Ưu tiên 1: Suy giảm chất lượng và số lượng nước mặt lục địa, nước dưới đất, nước biển ven bờ và an ninh nguồn nước. - Ưu tiên 2: Suy giảm rừng, hệ sinh thái tự nhiên và đa dạng sinh học - Ưu tiên 3: Gia tăng chất thải rắn, CTR công nghiệp thông thường, CTNH, CTR y tế và chất thải nông nghiệp. - Ưu tiên 4: Rủi ro thiên tai, biến đổi khí hậu, hạn hán, lũ quét, sạt lở, nước biển dâng, xâm nhập mặn, xói lở bờ biển. - Ưu tiên 5: Ô nhiễm không khí, bụi, tiếng ồn, mùi tại đô thị, KCN/KKT, giao thông, cảng, chăn nuôi, xử lý chất thải. - Ưu tiên 6: Ô nhiễm và suy thoái đất. Riêng nhóm nước nên được tách thành các vấn đề cụ thể hơn: - MT1.1: Ô nhiễm chất lượng nước mặt và xung đột nguồn nước hệ thống sông, hồ lục địa.	Việc lựa chọn thứ tự ưu tiên trong báo cáo được đánh giá dựa trên phương pháp xác định ưu tiên theo thang điểm cơ bản (BPRS: Basic Priority Rating System), theo các tiêu chí sau: – Yếu tố A = Phạm vi của vấn đề (Size of the Problem). – Yếu tố B = Tính nghiêm trọng của vấn đề (Seriousness of the problem). – Yếu tố C = Ước lượng hiệu quả của giải pháp can thiệp (Estimated effectiveness of the problem). Từ đó đưa ra các thang điểm cho các vấn đề môi trường chính. Dựa trên điểm tổng hợp, báo cáo đưa ra thứ tự xếp hạng của các vấn đề môi trường chính. - MT1: Suy giảm chất lượng nước biển ven bờ, nước mặt lục địa, nước dưới đất - MT2: Ô nhiễm, suy giảm chất lượng không khí - MT3: Ô nhiễm và suy thoái chất lượng đất - MT4: Áp lực môi trường do gia tăng chất thải rắn. - MT5: Suy giảm đa dạng sinh học	

TT	Ý kiến góp ý	Nội dung tiếp thu, hoàn thiện hoặc giải trình	Đối tượng được tham vấn
	- MT1.2: Suy thoái chất lượng nước và hệ sinh thái đầm phá, cửa sông, vùng ven biển do tác động tích lũy liên vùng. - MT1.3: Suy giảm trữ lượng và nguy cơ ô nhiễm, nhiễm mặn nước dưới đất. Việc tách nhóm này sẽ giúp Chương 4 đề xuất giải pháp phân vùng cụ thể hơn: vùng cao nguyên tập trung kiểm soát nước thải chăn nuôi, chế biến nông sản và hành lang bảo vệ hồ cấp nước; vùng hạ lưu – ven biển tập trung xử lý nước thải đô thị, kiểm soát nước mưa chảy tràn, bảo vệ đầm phá, rừng ngập mặn và cửa sông.	Đối với vấn đề Rủi ro thiên tai, biến đổi khí hậu, hạn hán, lũ quét, sạt lở, nước biển dâng, xâm nhập mặn, xói lở bờ biển đã được đánh giá riêng tại mục tác động của quy hoạch đến biến đổi khí hậu và ngược lại.	
32.	Về phương án 0 Đối với nước thải sinh hoạt, báo cáo cần xem xét lại nhận định nước thải sinh hoạt xả trực tiếp ra sông suối. Theo quy định hiện hành về xây dựng và hạ tầng kỹ thuật, nhà ở đô thị, công trình công cộng, cơ quan, trường học, chung cư, cơ sở dịch vụ thường có bể tự hoại hoặc công trình xử lý sơ bộ trước khi đầu nối/xả thải. Ngoài ra, trên địa bàn đã có một số công trình xử lý nước thải đô thị, nước thải khu dân cư, cơ sở sản xuất, y tế, dịch vụ. Vì vậy, nếu tính toàn bộ tải lượng nước thải sinh hoạt như xả thô thì sẽ làm phóng đại tải lượng ô nhiễm trong phương án 0.	Báo cáo đã chỉnh sửa hiện trạng xả nước thải sinh hoạt trong trường hợp phương án 0 tại mục 3.3.1.1 – (2) – 2) – (a)	
33.	Đối với nước thải chăn nuôi, cần đánh giá hiệu quả thực tế của hầm biogas, ao sinh học, thu gom phân, tái sử dụng chất thải chăn nuôi và các mô hình xử lý hiện có, thay vì giả định toàn bộ tải lượng ô nhiễm đi vào môi trường.	Báo cáo đã bổ sung đánh giá hiệu quả thực tế nước thải từ hoạt động chăn nuôi sau khi xử lý qua các hầm biogas rồi thải ra môi trường tại mục 3.3.1.1 – (2) – 2) – (b)	

TT	Ý kiến góp ý	Nội dung tiếp thu, hoàn thiện hoặc giải trình	Đối tượng được tham vấn
34.	Đối với KCN/CCN, phần lớn các cơ sở sản xuất, KCN và nhiều CCN thuộc diện phải có giấy phép môi trường, hệ thống thu gom, xử lý nước thải hoặc hợp đồng xử lý theo quy định. Do đó, tải lượng ô nhiễm từ KCN/CCN trong phương án 0 cần tính theo mức độ kiểm soát thực tế, không nên giả định toàn bộ nước thải không xử lý.	Trong báo cáo đã nhận định nước thải phát sinh tại các KCN/CCN sẽ được thu gom, xử lý tại các trạm xử lý nước thải của KCN/CCN trước khi thải ra ngoài môi trường tại mục 3.3.1.1 – (2) – 2) – (c)	
35.	Đối với nước thải y tế, các bệnh viện, trung tâm y tế và cơ sở khám chữa bệnh thuộc diện phải thu gom, xử lý nước thải y tế theo quy định. Vì vậy, cần rà soát lại tải lượng ô nhiễm trong phương án 0 để phản ánh đúng hiện trạng xử lý.	Trong báo cáo đã nhận định nước thải phát sinh tại các cơ sở y tế sẽ được thu gom, xử lý tại các trạm xử lý nước thải của cơ sở trước khi thải ra ngoài môi trường tại mục 3.3.1.1 – (2) – 2) – (d)	
36.	Đối với khí thải, phương án 0 còn thiếu định lượng tải lượng bụi, SO ₂ , NO _x , CO, VOC, mùi, NH ₃ , H ₂ S từ giao thông, công nghiệp, chăn nuôi, xử lý chất thải, khai thác khoáng sản và cảng biển.	Báo cáo đã bổ sung nội dung đánh giá ô nhiễm chất lượng không khí trong trường hợp phương án 0 tại mục 3.3.1.2.	
37.	Đối với CTR chăn nuôi và CTR nông nghiệp, báo cáo cần bổ sung hiện trạng thu gom, tái sử dụng, ủ phân, làm phân hữu cơ, sử dụng làm chất đốt, làm thức ăn hoặc xử lý tại hộ/trang trại để tránh đánh giá sai mức thải bỏ ra môi trường.	Hiện nay, trên địa bàn tỉnh chưa có số liệu thống kê về khối lượng chất thải rắn chăn nuôi và nông nghiệp thu gom, tái sử dụng, ủ phân, làm phân hữu cơ, sử dụng làm chất đốt, làm thức ăn hoặc xử lý tại hộ/trang trại. Do đó, báo cáo không thể đánh giá theo tỷ lệ này.	
38.	Tại mục 3.3. Về dự báo khi thực hiện điều chỉnh quy hoạch 3.3.1. Đối với môi trường nước Báo cáo cần làm rõ cơ sở dự báo xu hướng cải thiện chất lượng nước khi thực hiện quy hoạch so với phương án	Tiếp thu ý kiến, Báo cáo đã điều chỉnh lại các kịch bản dự báo tương ứng đối với từng đối tượng phát sinh nước thải phù hợp với thực tế và định hướng phát triển theo điều	

TT	Ý kiến góp ý	Nội dung tiếp thu, hoàn thiện hoặc giải trình	Đối tượng được tham vấn
	0. Nội dung này không nhất thiết phải mô hình hóa chi tiết toàn bộ hệ thống sông, hồ, đầm phá, nhưng cần có bảng so sánh tải lượng ô nhiễm chính từ nước thải sinh hoạt, công nghiệp, chăn nuôi, y tế, du lịch giữa phương án 0 và phương án thực hiện điều chỉnh quy hoạch. Cần làm rõ mức giảm tải dự kiến, điều kiện tuân thủ xử lý nước thải và nhận định nguồn tiếp nhận nào có khả năng cải thiện, nguồn nào vẫn còn nguy cơ quá tải. Kịch bản xử 50% nước thải là chưa phù hợp nếu dùng làm kịch bản chính cho phương án thực hiện quy hoạch, vì không phản ánh đúng hiện trạng quản lý. Hiện nay nhiều nguồn nước thải đã được kiểm soát ở mức nhất định: nước thải sinh hoạt qua bể tự hoại; KCN, cơ sở sản xuất, y tế, dịch vụ có yêu cầu xử lý theo giấy phép môi trường; KCN/CCN chịu kiểm tra của cơ quan quản lý địa phương. Không nên gộp mọi loại nước thải vào cùng một tỷ lệ xử lý 50%, vì mức độ quản lý của nước thải sinh hoạt đô thị, sinh hoạt nông thôn, KCN, CCN, chăn nuôi, y tế, du lịch rất khác nhau. Đề nghị xây dựng các kịch bản hợp lý hơn:: - Hiện trạng: theo tỷ lệ thu gom/xử lý thực tế từng nguồn - Phương án 0: không đầu tư thêm hoặc cải thiện chậm, nhưng vẫn tính các công trình xử lý hiện có - Phương án quy hoạch: đạt các chỉ tiêu quy hoạch đến năm 2030	chỉnh Quy hoạch tỉnh. Chi tiết tại mục 3.4.1.2 – (1) – 2)	
39.	3.3.3. Đối với chất thải rắn Phân dự báo CTR giữa phương án 0 và phương án thực hiện điều chỉnh quy hoạch chưa thống nhất về giả định,	Tiếp thu ý kiến, báo cáo đã chỉnh sửa lại các kịch bản theo hướng hiện trạng và định hướng phát triển của quy hoạch, đồng thời	

TT	Ý kiến góp ý	Nội dung tiếp thu, hoàn thiện hoặc giải trình	Đối tượng được tham vấn
	đơn vị tính và tỷ lệ thu gom/xử lý, dẫn đến một số kết quả chưa hợp lý. Đề nghị rà soát lại số liệu phát sinh CTRSH, CTR công nghiệp, CTR nông nghiệp, CTR y tế, CTR du lịch và CTNH; thống nhất cách tính giữa phương án 0 và phương án quy hoạch. Cần làm rõ rằng quy hoạch có thể làm tăng tổng lượng CTR do phát triển kinh tế, dân số, công nghiệp, dịch vụ và du lịch, nhưng phải làm giảm lượng CTR thải ra môi trường nhờ tăng tỷ lệ phân loại, thu gom, tái chế, tái sử dụng, xử lý và giảm chôn lấp. Kịch bản thu gom, xử lý 50% CTR là chưa thỏa đáng cho kỳ quy hoạch, nhất là khi hiện nay CTRSH đô thị đã đạt tỷ lệ thu gom trên 90%, CTR công nghiệp thông thường tại KCN được quản lý khá chặt và rác thải y tế tại bệnh viện thuộc diện xử lý bắt buộc. Cần dùng kịch bản sát thực tế hơn.	thống nhất đơn vị tính, cách tính giữa phương án 0 và phương án thực hiện quy hoạch. Chi tiết tại mục 3.4.1.2 – (4)	
40.	3.3.4. Đối với đất rừng và đa dạng sinh học Đề nghị bổ sung bảng so sánh biến động đất rừng giữa hiện trạng, phương án 0 và phương án thực hiện điều chỉnh quy hoạch theo cùng hệ chỉ tiêu: rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất, rừng tự nhiên, rừng trồng, đất chưa có rừng trong quy hoạch lâm nghiệp và diện tích chuyển mục đích sử dụng rừng. Hiện nay số liệu giữa phương án 0 và phương án quy hoạch chưa cùng hệ quy chiếu, nên chưa đủ cơ sở đánh giá xu hướng tăng/giảm rừng. Báo cáo cần làm rõ tác động kéo theo đến đa dạng sinh học, nhất là rừng tự nhiên, rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, hành lang sinh	Báo cáo đã bổ sung bảng so sánh biến động đất rừng giữa các phương án thực hiện tại mục 3.4.1.2 – (5)	

TT	Ý kiến góp ý	Nội dung tiếp thu, hoàn thiện hoặc giải trình	Đối tượng được tham vấn
	thái và sinh cảnh của các loài nguy cấp, quý hiếm. Không nên kết luận tác động tích cực đến đa dạng sinh học nếu chưa chứng minh được diện tích và chất lượng sinh cảnh được bảo vệ, phục hồi hoặc kết nối tốt hơn.		
41.	3.4. Về tác động tích lũy Báo cáo có ma trận tác động tích lũy nhưng còn định tính, chưa lượng hóa được tác động cộng hưởng của KKT, KCN, đô thị, giao thông, thủy điện, năng lượng tái tạo, chăn nuôi, du lịch, cảng biển và logistics. Đề nghị bổ sung: - Đánh giá tải lượng ô nhiễm tích lũy theo lưu vực - Đánh giá phát thải tích lũy theo không gian. - Đánh giá cộng hưởng nguồn phát thải liên vùng. - Đánh giá tác động tích lũy lên sông Ba, sông Kôn, Hà Thanh, Lại Giang, đầm Thị Nại, đầm Đề Gi, vùng ven biển Quy Nhơn – Nhơn Hội. - Đánh giá tác động cộng hưởng giữa suy giảm rừng, lũ lụt, bồi lắng, ô nhiễm nước và suy giảm hệ sinh thái đầm phá – ven biển.	Trong quá trình thực hiện, báo cáo đã sử dụng phương pháp ma trận và phân tích xu hướng để nhận diện các tác động tích lũy, cộng hưởng có khả năng phát sinh từ các hoạt động phát triển theo định hướng quy hoạch. Tuy nhiên, việc lượng hóa tải lượng ô nhiễm tích lũy theo từng lưu vực, đánh giá phát thải tích lũy theo không gian, mô phỏng sự cộng hưởng của các nguồn phát thải liên vùng và đánh giá định lượng tác động tổng hợp đối với từng lưu vực sông, đầm phá, vùng ven biển đòi hỏi hệ thống cơ sở dữ liệu đồng bộ, đầy đủ về nguồn thải, hiện trạng môi trường, đặc điểm thủy văn, khí tượng, sử dụng đất và các mô hình chuyên ngành. ĐMC quy hoạch tỉnh là công cụ đánh giá ở cấp độ chiến lược, tập trung nhận diện các xu hướng và nguy cơ môi trường chính thay vì thực hiện các mô hình tính toán chi tiết như đối với quy hoạch chuyên ngành hoặc dự án đầu tư cụ thể. Do đó, Báo cáo ĐMC giữ nguyên phương pháp đánh giá tác động tích lũy ở mức độ phù hợp với phạm vi quy hoạch cấp tỉnh, đồng thời đã nhận diện các	

TT	Ý kiến góp ý	Nội dung tiếp thu, hoàn thiện hoặc giải trình	Đối tượng được tham vấn
		khu vực nhạy cảm và các nguy cơ môi trường trọng điểm liên quan đến phát triển công nghiệp, đô thị, giao thông, năng lượng, nông nghiệp, du lịch, cảng biển và logistics để làm cơ sở đề xuất các giải pháp quản lý môi trường trong quá trình thực hiện quy hoạch.	
42.	3.5. Về an ninh nguồn nước Báo cáo hiện tập trung nhiều vào quản lý ô nhiễm nước thải nhưng chưa phân tích đầy đủ bài toán chiến lược về an ninh nguồn nước. Trong ĐMC cấp tỉnh, nhất là đối với tỉnh Gia Lai mới sau sáp nhập, cần phân biệt rõ giữa “kiểm soát ô nhiễm nước” và “an ninh nguồn nước”. An ninh nguồn nước bao gồm số lượng nước, chất lượng nước, phân phối dòng chảy, dòng chảy môi trường, khả năng cấp nước cho sinh hoạt – nông nghiệp – công nghiệp – du lịch, xung đột thượng lưu – hạ lưu, vận hành hồ chứa, hạn hán, xâm nhập mặn, nước dưới đất, nguồn nước dự phòng và rủi ro khí hậu. Báo cáo cần bổ sung các nội dung sau: - Cân bằng nước toàn tỉnh theo lưu vực. - Nhu cầu nước giữa Gia Lai cũ và Bình Định cũ. - Nguy cơ cạnh tranh nguồn nước giữa sinh hoạt, nông nghiệp, công nghiệp, chăn nuôi, thủy sản, du lịch, thủy điện. - Tác động của hệ thống hồ chứa, thủy điện, thủy lợi đến dòng chảy tối thiểu vùng hạ du.	Trong phạm vi nghiên cứu, báo cáo đã đánh giá hiện trạng tài nguyên nước, chất lượng môi trường nước và nhận diện các nguy cơ gây suy giảm nguồn nước trong quá trình thực hiện quy hoạch. Tuy nhiên, các nội dung như cân bằng nước chi tiết theo từng lưu vực, đánh giá nhu cầu và phân bổ nguồn nước giữa các ngành, phân tích vận hành liên hồ chứa, dòng chảy môi trường, xung đột khai thác sử dụng nước giữa các vùng, đánh giá tác động liên tỉnh, xuyên biên giới, cũng như xây dựng các kịch bản hạn hán, xâm nhập mặn, suy giảm nước dưới đất và biến đổi khí hậu đến năm 2030–2050 là các nội dung chuyên sâu thuộc phạm vi quy hoạch tài nguyên nước, quy hoạch thủy lợi hoặc các nghiên cứu chuyên ngành về an ninh nguồn nước. ĐMC quy hoạch tỉnh là công cụ đánh giá ở cấp độ chiến lược, tập trung nhận diện các nguy cơ môi trường chính và định hướng các giải pháp quản lý,	

TT	Ý kiến góp ý	Nội dung tiếp thu, hoàn thiện hoặc giải trình	Đối tượng được tham vấn
	- Nguy cơ thiếu nước cho vùng ven biển, đô thị, KKT/KCN, vùng hạn. - Xâm nhập mặn ở hạ lưu sông Kôn, Hà Thanh, Lại Giang và vùng cửa sông ven biển. - Tác động liên tỉnh, liên vùng và xuyên biên giới, đặc biệt liên quan hệ thống sông Sê San. - Kịch bản hạn hán, El Nino cực đoan, giảm dòng chảy mùa kiệt, suy giảm nước dưới đất, nước biển dâng và xâm nhập mặn đến năm 2030–2050. Đề nghị bổ sung riêng một mục trong Chương 3: “Đánh giá tác động của quy hoạch đến an ninh nguồn nước và an toàn sinh thái liên vùng”. Mục này cần làm rõ: dòng chảy tối thiểu bắt buộc, vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước, bản đồ phân vùng an ninh nguồn nước và kịch bản điều hành khi xảy ra hạn hán cực đoan.	bảo vệ tài nguyên nước. Báo cáo đã lồng ghép các vấn đề liên quan đến nguy cơ suy giảm nguồn nước, ô nhiễm nguồn nước, hạn hán, xâm nhập mặn, tác động của biến đổi khí hậu và nhu cầu bảo vệ các nguồn nước quan trọng trên địa bàn tỉnh trong quá trình thực hiện quy hoạch.	
43.	3.6. Về phát thải khí nhà kính Báo cáo đã có nội dung tính phát thải khí nhà kính, nhưng phương pháp tính cần rà soát kỹ để tránh làm sai lệch bản chất phát thải của tỉnh có tiềm năng năng lượng tái tạo lớn. Đối với ngành năng lượng, cần phân biệt điện sản xuất từ năng lượng tái tạo, thủy điện, điện gió, điện mặt trời, điện sinh khối, điện rác, LNG và điện tiêu thụ từ lưới. Không nên tính phát thải cao cho sản lượng điện tái tạo tại chỗ theo cùng cách với điện từ nhiên liệu hóa thạch. Cần làm rõ phần phát thải trực tiếp, phát thải gián tiếp và phần giảm phát thải tránh được do thay thế điện hóa thạch.	Báo cáo đã chỉnh sửa nội dung tính toán phát thải khí nhà kính theo các góp ý tại mục 3.4.2.1.	

TT	Ý kiến góp ý	Nội dung tiếp thu, hoàn thiện hoặc giải trình	Đối tượng được tham vấn
	- Đối với ngành chất thải, cần tính đến hiệu quả giảm phát thải của các công nghệ xử lý. Xử lý nước thải hiếu khí tập trung, thu gom và đốt khí bãi rác, đốt rác phát điện, thu hồi năng lượng, tái chế và giảm chôn lấp đều làm giảm phát thải CH₄ so với kịch bản xả thải thô hoặc chôn lấp không kiểm soát. Báo cáo cần có bảng cân bằng carbon hoặc ít nhất là bảng phát thải ròng, có tính đến phần giảm phát thải nhờ công nghệ xanh. - Việc tính phát thải khí nhà kính cần thống nhất với định hướng tăng trưởng xanh, kinh tế tuần hoàn, năng lượng tái tạo và mục tiêu Net Zero 2050. Nếu chỉ tính phát thải thô mà không tính phần giảm phát thải tránh được thì kết quả sẽ không phản ánh đúng tác động tích cực của quy hoạch.		
44.	3.7. Về tác động của biến đổi khí hậu Bảng 3.78 đã bước đầu nhận diện các loại hình tác động chính của biến đổi khí hậu như mưa lớn, ngập úng, lũ quét, sạt lở đất, hạn hán, nắng nóng, bão và áp thấp nhiệt đới. Tuy nhiên, bảng này chưa phản ánh đầy đủ không gian tỉnh Gia Lai sau sáp nhập, đặc biệt là vùng ven biển, đầm phá, cửa sông, KKT, cảng biển, đô thị ven biển và hành lang logistics thuộc khu vực Bình Định cũ. Đề nghị bổ sung rủi ro nước biển dâng, nước dâng do bão, xâm nhập mặn, xói lở bờ biển, ngập đô thị ven biển, suy giảm nước dưới đất, cháy rừng, thiếu nước, lũ quét, sạt lở vùng núi, bồi lắng lòng hồ, suy giảm hệ sinh thái đầm phá – ven biển. Cần lượng hóa mức độ rủi ro theo	Báo cáo đã bổ sung các loại hình tác động của BĐKH đối với khu vực Bình Định cũ tại mục 3.4.2.2 – (5) -4)	

TT	Ý kiến góp ý	Nội dung tiếp thu, hoàn thiện hoặc giải trình	Đối tượng được tham vấn
	kịch bản đến năm 2030 và 2050, gắn với các vùng phát triển và hạ tầng trọng yếu.		
45.	Chương 4. Mục 4.1. Về phân vùng môi trường Nội dung phân vùng môi trường đã bước đầu xác định vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải và một số khu vực nhạy cảm về bảo tồn thiên nhiên, nguồn nước, đô thị xanh, đất ngập nước và ven biển. Tuy nhiên, nội dung còn mang tính định hướng, chưa làm rõ ranh giới, diện tích, tiêu chí phân vùng, cơ sở pháp lý, sức chịu tải môi trường và yêu cầu quản lý cụ thể đối với từng vùng. Đề nghị bổ sung bản đồ phân vùng môi trường có ranh giới rõ, cập nhật đầy đủ cho không gian Gia Lai sau sáp nhập. Phân vùng cần gắn với các vấn đề môi trường chính, sức chịu tải nguồn nước, hành lang bảo vệ nguồn nước, khu bảo tồn, vùng ven biển – đầm phá, KKT/KCN/CCN, khu xử lý chất thải và vùng cần phục hồi môi trường. Cần quy định rõ: - Vùng bảo vệ nghiêm ngặt - Vùng hạn chế phát thải. - Vùng kiểm soát ô nhiễm tập trung - Vùng cần phục hồi môi trường. Phân vùng môi trường phải là công cụ quản lý quy hoạch, không chỉ là danh mục khu vực nhạy cảm.	Báo cáo đã rà soát, bổ sung các đối tượng trong phân vùng môi trường (bao gồm vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải, vùng khác) theo quy định. Chi tiết tại mục 4.2.2.	
46.	4.2. Về chương trình quan trắc môi trường Bảng 4.4 đã đề xuất chương trình giám sát đối với không khí, nước mặt, nước dưới đất, đất, nước biển ven bờ và đa dạng sinh học. Tuy nhiên, bảng còn khái quát,	Nội dung chương trình quan trắc được thực hiện theo nội dung đề xuất của dự thảo điều chỉnh quy hoạch tỉnh Gia Lai thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn 2050, đơn vị tư vấn ĐMC sẽ	

TT	Ý kiến góp ý	Nội dung tiếp thu, hoàn thiện hoặc giải trình	Đối tượng được tham vấn
	chủ yếu nêu tổng số điểm quan trắc và tần suất, chưa xác định cụ thể vị trí, tọa độ, khu vực đại diện, mục tiêu giám sát, nguồn tác động cần theo dõi và cơ sở lựa chọn điểm quan trắc. Một số nội dung chưa thống nhất giữa thuyết minh và bảng, như số điểm quan trắc không khí, nước mặt, nước biển ven bờ và đa dạng sinh học. Cột tổ chức thực hiện có lỗi sao chép khi nhiều thành phần môi trường đều ghi là giám sát môi trường không khí. Đặc biệt, bảng chưa có nội dung quan trắc trầm tích sông, hồ, đầm phá, cửa sông và vùng biển ven bờ. Đây là thành phần rất quan trọng để đánh giá tích lũy ô nhiễm tại các thủy vực nhạy cảm như sông Ba, sông Côn, Hà Thanh, Lại Giang, Biển Hồ, hồ Ayun Hạ, đầm Thị Nại, đầm Đề Gi, đầm Trà Ổ và khu vực ven biển Quy Nhơn – Nhơn Hội. Đề nghị chỉnh sửa Bảng 4.4 theo hướng bổ sung các cột: mục tiêu giám sát, vị trí/khu vực đại diện, số điểm, thông số, tần suất, cơ quan chủ trì, đơn vị thực hiện, nguồn kinh phí, sản phẩm đầu ra và mối liên hệ với vấn đề môi trường chính. Về tổ chức và nguồn lực thực hiện, không nên ghi cứng là Trung tâm Quan trắc tỉnh thực hiện và kinh phí ngân sách tỉnh. Nên sửa theo hướng: Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì; Trung tâm Quan trắc môi trường tỉnh và các đơn vị đủ điều kiện thực hiện quan trắc, phân tích; phối hợp với viện, trường, ban quản lý khu bảo tồn, địa phương và cộng đồng đối với nội dung đa dạng sinh học, biển ven bờ, trầm tích. Kinh phí thực hiện từ ngân	kiến nghị tới đơn vị lập điều chỉnh quy hoạch bổ sung các vị trí quan trắc chất lượng trầm tích. Đồng thời báo cáo đã chỉnh sửa tổ chức và nguồn lực thực hiện tại mục 4.3.1.3	

TT	Ý kiến góp ý	Nội dung tiếp thu, hoàn thiện hoặc giải trình	Đối tượng được tham vấn
	sách sự nghiệp bảo vệ môi trường của tỉnh, ngân sách nhà nước cấp có thẩm quyền, nguồn xã hội hóa và các nguồn hợp pháp khác; lập dự toán hằng năm theo định mức, đơn giá và quy định tài chính hiện hành.		
47.	Chương 5. Tham vấn Báo cáo chủ yếu tham vấn các sở, ngành bằng văn bản. Cách làm này chưa đủ tính đại diện đối với ĐMC cấp tỉnh. Theo tinh thần Mẫu số 01b, báo cáo cần chứng minh việc lựa chọn đối tượng tham vấn là có căn cứ, bao phủ các bên chịu tác động bởi quy hoạch và các bên có chuyên môn/quản lý liên quan. Thực tế chỉ có một số cơ quan có ý kiến là chưa đủ để đại diện cho các nhóm chịu tác động. Đề nghị bổ sung tham vấn: - UBND cấp xã/phường tại các vùng chịu tác động. - Cộng đồng dân cư vùng cao nguyên, ven biển, vùng đầm phá, vùng hạn, vùng ngập, vùng sạt lở, vùng dân tộc thiểu số. - Mặt trận Tổ quốc, Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Hội nghề cá, hiệp hội doanh nghiệp, hợp tác xã. - Doanh nghiệp KCN/KKT, doanh nghiệp du lịch, logistics, cảng biển, cấp nước, xử lý chất thải. - Chuyên gia độc lập về môi trường, BDKH, tài nguyên nước, đa dạng sinh học, biển ven bờ, quy hoạch đô thị, công nghiệp, giao thông, CTR, kinh tế môi trường.	Ngày 14/05/2026, Sở Tài chính đã gửi công văn số 4535/STC-QLN tới các Sở, ngành, đơn vị trên địa bàn tỉnh về việc tham gia ý kiến dự thảo các nội dung chính của báo cáo ĐMC. Tính đến ngày 16/5, có 12/20 đơn vị có ý kiến gửi về, các văn bản góp ý được đính kèm tại phụ lục 1.	
48.	Về kết luận – kiến nghị – cam kết Báo cáo cần kết luận rõ hơn:	Tại nội dung này, báo cáo thực hiện theo các đề mục hướng dẫn tại mẫu 01b mục 2 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số	

TT	Ý kiến góp ý	Nội dung tiếp thu, hoàn thiện hoặc giải trình	Đối tượng được tham vấn
	- Quy hoạch có phù hợp về môi trường hay không, với điều kiện nào. - Những nội dung quy hoạch nào cần điều chỉnh, bổ sung hoặc kiểm soát chặt. - Khu vực nào là trọng điểm rủi ro. - Vấn đề môi trường nào là ưu tiên. - Điều kiện môi trường bắt buộc khi triển khai quy hoạch. Kết luận phải phản ánh đầy đủ không gian Gia Lai sau sáp nhập: vùng cao nguyên – rừng đầu nguồn; vùng hạn; lưu vực sông Ba – sông Sê San – sông Kôn – Hà Thanh – Lại Giang; KKT Nhơn Hội; Quy Nhơn; đầm Thị Nại; vùng ven biển; cảng biển; khu du lịch; vùng nông nghiệp; vùng KCN/CCN; vùng bảo tồn thiên nhiên.	07/2025/TT-BTNMT ngày 28/2/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ tài nguyên và môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.	
49.	Đề nghị bổ sung kết luận theo hướng: quy hoạch chỉ phù hợp về môi trường khi thực hiện đầy đủ các điều kiện về bảo vệ tài nguyên nước, kiểm soát nước thải, chất thải rắn, khí thải, bảo vệ rừng và đa dạng sinh học, kiểm soát rủi ro BĐKH, nước biển dâng, xâm nhập mặn, xói lở bờ biển, sạt lở, hạn hán, hoàn thiện chương trình giám sát môi trường và bổ sung quan trắc trầm tích.	Báo cáo đã bổ sung ý kiến tại mục kết luận về kết quả thực hiện (mục 2.2 phần kết luận).	